

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Dương Nghiễm Mậu

#### Tiểu sử

Tên thật: Phí Ích Nghiễm.

Sinh ngày: 19-11-1936 tại huyện Đan Phượng, Hà Đông.

#### Tác phẩm

Đêm tóc rối (1965), Cũng đành, Gia tài người mẹ, Tuổi nước độc, Đôi mắt trên trời  
Sợi tóc tìm thấy, Phấn đấu (1966), Kinh cầu nguyện (1967), Ngày lạ mặt (1968)  
Nhan sắc, Địa ngục có thật (1969), Quê người (1970), Cái chết của...(1971)



#### Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Tuổi nước độc – 4

Sài Gòn ngày lạ mặt – Trần Vũ – 6

Cũng đành - 9

Vũ Hạnh và con đường thứ ba.... – Trần Nghi Hoàng – 15

#### Phụ đính I:

Nhân nghĩ Về Khái Hưng – Đọc lại Dương Nghiễm Mậu. nghĩ về văn chương và thời thế  
Truyện ngắn Dương Nghiễm Mậu - Sáng mùa xuân - Dương Nghiễm Mậu tuổi trẻ cô đơn  
Thủ đao lan – Dương Nghiễm Mậu - Buồn vàng – Trong cõi u minh – Tiếng nói

#### Phụ đính II:

Dương Nghiễm Mậu: cuộc đời tình cờ - Nguyễn Vy Khanh

Dương Nghiễm Mậu, người đặt vấn đề - Phí Ích Bành

Quảng Trị, đất đơi về

Dương Nghiễm Mậu, con người nội soi trong...Thụy Khuê

Con đường Dương Nghiễm Mậu – Mai Thảo

Dương Nghiễm Mậu: Thử xét ba lối viết trong ba thời kỳ - Trần Văn Nam

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài hàng về tác giả



Chúng ta vừa đề ý đến một thay đổi: từ tích cực dần thân chính trị sang một thái độ hư vô tiêu cực. Đó chỉ là một. Các biến chuyển sâu xa trong tình hình Miền Nam sau 1963 đã có những tác động khác nhau trên tinh thần các lớp người, các thành phần khác nhau, và đưa tới nhiều thái độ khác nhau. Trong khi lớp người từng phản đối chối bỏ cộng sản, thấy Miền Nam ổn định thì mừng thấy hỗn loạn thì mất tin tưởng, trong khi ấy một lớp khác, thuộc thế hệ trẻ tuổi hơn, thế hệ văn nghệ chủ động vào chặng 1960-63 như đã nói trước đây, lúc bấy giờ (sau 1963) một số tác giả thuộc thế hệ ấy lại chuyển sang thái độ dần thân chính trị. Lớp sau này — như Nhật Tiến, Dương Nghiễm Mậu, Lê Tất Điều, Nhã Ca v.v... — hồi 1954 hoặc họ còn nhỏ hoặc họ lớn lên trong thành, chưa từng biết đến cộng sản là gì, nên không hề quan tâm đến chuyện chính trị: họ chỉ viết về các đề tài xã hội, tình yêu v.v... Sau 1963, chiến tranh nổ lớn, hoặc họ bị động viên vào quân ngũ, trực tiếp nhìn rõ đối phương, hoặc ít ra họ chứng kiến “thành tích” hoạt động cộng sản đó đây quanh mình. Và đến lúc này họ có ý kiến về cộng sản. Họ lên tiếng. Nhã Ca thuở mới làm thơ viết văn là một cô gái hiền lành không từng có lời nào đề cập đến chính trị chính triếc gì cả, sang giai đoạn sau 1963 bà dần dần mỗi lúc mỗi lớn tiếng tố cáo cộng sản (*Đêm nghe tiếng đại bác, Tình ca cho Huế đổ nát, Giải khăn xô cho Huế v.v...*).

Dương Nghiễm Mậu của *Cũng đành, Con sâu, Gia tài của người mẹ v.v...* là một Dương Nghiễm Mậu của triết lý xa vời; sau 1963 ông vào lính mang máy ký âm đi các chiến trường, tai nghe mắt thấy máy ghi những chuyện đau thương man dã, lúc bấy giờ ông viết về đại lộ Kinh hoàng ở Quảng Trị, về vụ chôn sống tập thể ở Huế, về những “địa ngục có thật” trên trần gian; ông bốt than phiền về nỗi cuộc đời vắng bóng Thượng Đế, vì mãi lo kêu trời về nỗi đời đầy giặc dữ. Lê Tất Điều trong giai đoạn đầu chăm dỗi theo những đứa trẻ ngộ nghĩnh, sau này trong *Đêm dài một đời*, trong *Ngưng bắn ngày thứ 492* ông viết về mình về bom đạn cộng sản. Nhật Tiến hồi 1957, 58 cho đến 1961, 62, cũng loay hoay với những đứa trẻ mồ côi, những bà con lao động trong các xóm nghèo ở đô thành (*Những người áo trắng, Những vì sao lạc, Mây hoàng hôn, Ánh sáng công viên, Chuyện bé Phụng v.v...*); sau này trong *Giấc ngủ chập chờn* (1969) ông quay sang số phận những thằng Há, thằng Đực, thằng Hoành, lão Đối, lão Năm Diếc v.v... những kẻ lẫn lộn trong chém giết triền miên lẫn nhau ở một làng quê. Còn Phan Nhật Nam, ông là một cơn phẫn nộ, một trận lôi đình âm ỉ trước những bạo tàn ngoài tiền tuyến, những xáo trộn vô trách nhiệm ở hậu phương. Ông lăn xả vào thời cuộc chính trị, vào chiến trận quân sự, ông vắng tục xỉ vả tưng bừng. Trái ngược với lớp trẻ mười năm trước, ông dần thân hết mình, bám sát thời thế. Ông nổi cáu, mạt sát những người cầm bút lè phè ở thành phố, không biết đến cuộc chiến trên quê hương, những Mai Thảo, Viên Linh (*Đọc đường số 1*).

Cũng nên ghi nhận một điều: là giận dữ, chống báng cộng sản, không có nghĩa hài lòng đối với chế độ ở Miền Nam, xã hội Miền Nam. Nói cho đúng, hầu hết giới cầm bút nam vĩ tuyến 17 sau

1963 không nhiều thì ít đều có lời phàn nàn nhà cầm quyền. Tờ *Thái Độ* do Thế Uyên chủ trương (ra đời từ tháng 7-1969), tờ *Đời* do Chu Tử chủ trương (xuất bản từ tháng 9-1969) là những tạp chí vừa chống cộng vừa chủ trích chính quyền mạnh mẽ, hô hào cải cách xã hội, xóa bỏ bất công. (Trong hai vị vừa nói, Chu Tử không phải là một người trẻ tuổi, nhưng lại là một tác giả của giai đoạn sau, không từng có tác phẩm xuất bản trước 1963.) Và ngay Lê Tất Điều, Nhật Tiến, Phan Nhật Nam, Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu v.v... cũng không ngớt chỉ trích chính quyền và xã hội rất mạnh mẽ.

Ông đã cộng tác với: Sáng Tạo, Thế Kỷ 20, Văn, Văn Nghệ (Chí) và Tin Sáng (báo) v.v...

*(...trích Văn Học Tổng Quan Miền Nam – Võ Phiến)*

Việc một số tác phẩm của hai nhà văn miền Nam trước 1975, Dương Nghiễm Mậu và Lê Xuyên, vừa được Công ti văn hoá Phương Nam và Nxb Văn nghệ TPHCM tái bản đang gây nhiều dư luận. Sớm nhất có lẽ là bài viết "*Độc sách Dương Nghiễm Mậu – Thú vật hoá con người và lưu manh hoá hình tượng văn học cổ điển của dân tộc*" của Lê Ánh Đào trên tuần báo *Văn nghệ TPHCM*, tiếp đến là bài trả lời phỏng vấn "*Góp phần khơi thông một dòng văn học vẫn âm thầm chảy*" của bà Phan Thị Lệ, Giám đốc Công ti Phương Nam trên báo *Tuổi trẻ* và bài phản hồi "*Có phải là 'Khơi thông dòng văn học'?*" của Bích Châu trên báo *Sài Gòn Giải phóng* và bài "*Lịch sử không thể lập lờ*" của Trương Sinh trên báo *Công an Nhân dân*. Gần đây nhất, trong bài "*Đâu là tiêu chí của người xuất bản*", trên *Sài Gòn Giải phóng*, nhà văn Vũ Hạnh đưa ra các nhận định: "những quyển sách này không chỉ là các sản phẩm văn hóa mà vốn là những vũ khí độc hại về mặt tinh thần", "... nhiều quyển sách của Dương Nghiễm Mậu nổi bật là tính phản động", và việc tái bản "những vũ khí độc hại" này "là một xúc phạm nặng nề đối với danh dự đất nước." Ông cũng cho biết, "rất nhiều người đã thực sự giật mình" khi đọc ý kiến của nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên về Dương Nghiễm Mậu trên tờ *Thế thao-Văn hoá* ngày 13.4.2007.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu bản đầy đủ bài viết của Phạm Xuân Nguyên.

*(Xem trang 29...trích Talawas)*

## Tuổi nước độc

Tôi vừa lên thang gác vừa nghe, tôi lười biếng để nguyên cả quần áo nằm lên giường, đầu óc nóng bừng bừng như phát sốt, hơi thở ngọt ngọt. Bóng tối bao phủ chung quanh. Tôi tưởng nếu tôi nằm im một hai phút là lịm chết đi không thể cựa quậy được. Tiếng những người đến trả tiền góp hàng ngày đang eo sèo nói ở dưới nhà cùng với tiếng ồm ồm của ông tôi cằn nhằn chửi bới như một mục đàn bà. Những đứa em con ông chú tôi - đang đánh nhau, cãi nhau ồn ào ở dưới phía sân. Đứa nhỏ lại đang khóc và tiếng thím tôi dỗ dành. Nó bị sưng phổi từ hai tháng nay. Tôi đã gửi cho chú tôi hai cái điện tín xuống Cảng vẫn không có hồi âm. Tôi cầm cái chổi phát trần đi nhẹ chân xuống sân quát cho năm đứa nhỏ mỗi đứa ba cái vào mông quần đít ngồi run rẩy ngậm cằm nhìn tôi. Cứ trông thấy mặt, nghe thấy tiếng là tôi lại muốn cầm lấy một thanh củi, một cái gậy to hay nhỏ bất kể cái gì nện cho chúng đến tê cả tay. Sau đó tôi lại thương hại chúng. Tôi bực bội đi vào nhà, ông tôi vẫn ngồi vuốt những tờ giấy bạc bỏ vào chiếc hộp bích-quỳ:

- Con mẹ Nhiều Hai còn thiếu hai ngày. Mục Khán một ngày. Cái Thêm thấy trốn mặt... tiền lãi nhẹ là vậy, nó thấy mình nhân đức nên chỉ định quýt, thật đồ bất nhân...

Thấy tôi vào ông tôi ngừng một chút rồi nói tiếp.

- Mày đi đâu mấy ngày? Đi thì thôi, về đến nhà là gậy đủ chuyện - thế nghĩa là làm sao?

- Đánh cho chúng nó chết bớt đi, hoặc khóc cho vui nhà, át bớt những câu chửi bới sẽ nhập tâm chúng nó, sợ mai sau chúng lại bắt chước. Thật không thể chịu được nữa...

- Lại giờ cái giọng thằng bố mày ra.

- Tôi biết lắm. Bố tôi còn không chịu được nữa là tôi, bởi nó bản quá nên bố tôi cũng bỏ đi cho khuất mắt rồi.

- Sao mày không đi? Bản! Bản thì mày cũng dút vào miệng ấy chứ gì. Tao ăn một mình à. Đồ bất nhân. Tao chỉ muốn vật chết hết...

- A ha... ! A ha... !

Tôi đứng dang chân ở cầu thang mà cười lớn.

- Hình như xưa kia ông đã vật người ta chết, bố tôi trông thấy mới phát điên đấy thôi...

- Mày câm mồm đi.

Tôi mặc ông tôi cái giặc mà đi sang phía buồng. Thím tôi đang bế đứa em tôi lật áo đứa nhỏ để tay vào ngực, nó thờ mệp nhọc, làn da mỏng bó sát lấy thân gầy khô của nó. Tôi nhìn thấy xương sườn nhỏ cong. Tôi hỏi thím tôi:

- Em thế nào?

- Vẫn thế.

- Có lẽ mai được tin của chú.

Tôi đau đớn vút bỏ cái chổi lông gà ở tay rồi chạy lên gác vùi đầu vào giữa đồng chăn màn bừa bộn. Tôi vào một giấc ngủ chập chờn. Khi đứa ở gọi xuống ăn cơm, tôi khô cổ không thể trả lời được ngay, mãi mới nói được cho nó biết là tôi không ăn. Tôi nhờ nó bật giúp chiếc đèn ở bàn, rồi nó đi xuống phía thang. Tôi tự thấy tôi vô lý - tự giam mình vào một nơi mình chán, mình phát mửa lên. Nhưng chính sống ở căn nhà này tôi mới hiểu vì sao bố tôi đã phát điên. Với một người đàn ông bo bõm, keo kiệt, thủ đoạn, tàn nhẫn làm nghề cho vay lãi, cầm cố, làm cái họ với những người nghèo ở ngõ Gặm-cầu và chợ Bắc-qua. Công việc duy nhất của ông tôi từ nhiều năm nay chỉ là chửi bới, buổi chiều ngồi vuốt những tờ giấy bạc. Về bà tôi thì không ai nói gì cho tôi nghe. Chú tôi chán cảnh này nên dù muốn ở nhà cũng bỏ xuống tàu làm cho một hãng buôn người Pháp ở Cảng.

Bố tôi điên rồi đi biệt tích. Chỉ nghe nói lại rằng hồi ấy ông tôi đã hăm hiếp một đứa ở - nó đòi đi báo cảnh sát nên ông tôi thất cổ cho chết. Bố tôi bỏ nhà đi. Ít lâu sau trở về có bé theo một đứa nhỏ bồng đưa cho ông tôi mà bảo:

- Cháu ông đấy, ông nuôi giúp tôi.

- Mày cưới vợ nữa bao giờ? Tao nuôi thằng Ngạc chưa đủ sao?

- Nhưng tôi hiếp cho người ta đẻ ra thì ông phải nuôi: nó là cháu ông.

- Vứt nó ra ngoài đường kia. Tao không biết. Tao không biết.

- Ông có biết là ông đã hiếp con ở không?

- Đồ con trời đánh.

- Và ông đã thất cổ nó thế nào cho chết ông có nhớ không? Để tôi nhắc lại cho ông nghe. A ha! nhiều công việc quá khiến ông quên cả những chuyện mà con ông nó nhớ. Ông buộc một đầu dây vào cột, rồi ông thắt một vòng vào cái cổ nhỏ và trắng ngần. Cái đứa con gái ấy đi ở chỉ tại có chút nhan sắc mà bị cha mẹ ép cho một lão già vì nợ nần. Thế mà ông lại cuộn nó vào cái thắt lưng rồi ông dang chân cầm một đầu mà kéo - kéo cho nó dầy dụa - rồi lười nó lè ra, bọt mép nó sùi ra và cái thân ông ôm ấp ấy rũ ra - mềm ra như bún. Rồi ông để thế treo lên xà buồng tri hô lên: con ở nó tự tử... Chả ai tố cáo, ông lo lót với tụi lính. Cái xác thì không thể cất được tiếng nói. Mà có oan hồn thì tiếng nghẹn ngào uất ức cũng chẳng thể cất được từ địa ngục mà lên. Nhưng tôi biết. Tôi có thể làm chứng cho người ta bỏ tù ông ngay đó. Ông nuôi thêm một đứa nhỏ mà chuộc tội. Nó không có giấy tờ gì đâu, ông có thể nhận luôn nó là con cũng được.

Thế rồi ông tôi im, mượn người nuôi đứa nhỏ. Năm sau bố tôi lại bế về đặt ở giường một đứa bé nữa. Bố tôi cầm một con dao ở tay và bảo ông tôi:

- Ông nuôi thêm cho tôi một đứa nữa.

Ông tôi nhìn đứa bé, nhìn mắt bố tôi đỏ ngầu và con dao cầm chắc ở tay không nói gì. Hôm sau bố tôi về đập phá đồ đạc, cầm lấy vai tôi nhìn vào mặt rồi cười phá lên. Từ đó không có tin gì nữa. Tôi chỉ được kể như thế. Hai đứa nhỏ về sau lớn lên ông tôi mang gửi vào một trại hướng nghiệp, nó rủ nhau về nhà, ông tôi lại gửi vào một tu viện ở Thái-hà-áp. Một đứa tên Hùng ngổ ngáo, nhiều lời. Còn đứa kia tên Thân mặt lúc nào cũng như uất ức chuyện gì. Tôi vốn thù thằng Hùng - vì theo tôi thì chính mẹ nó đã định giết tôi. Tôi ngồi dậy khỏi giường, những câu chuyện cũ trở về như những tấn bi kịch tiếp nối. Tiếng dọn bát đĩa ở dưới nhà báo bữa cơm xong. Ông tôi đang gọi thằng Tùng, đứa con thứ ba của chú tôi lên giường giặt lưng cho ông tôi ngủ. Chỉ nằm im đấy một lát tôi sẽ thấy tiếng ông tôi ngáp.

- Tại sao?

Đã nhiều lần trở về đây và tự hỏi điều ấy, tôi tìm mãi không ra lý do tại sao tôi sống mãi ở một gian nhà như thế này. Tôi ở đây nhưng giấu không cho bạn bè, người yêu biết. Tôi nghĩ: Nếu trông thấy cảnh này mọi người sẽ khinh tôi. Nghĩ mãi thì tôi chỉ cho là: điều duy nhất khiến tôi ở đây là những điều thuộc về mẹ tôi - người chết từ năm tôi hai tuổi. Những kỷ niệm ấy hồi bố tôi chưa điên kể lại cho thím tôi nghe.

Mẹ tôi đã chết ngày bố tôi còn ở nhà, mỗi lần giỗ, bố tôi lại khóc, mẹ tôi là người tôi kính trọng, yêu mến duy nhất khiến tôi ở lại căn nhà này và không muốn tôi rời đi.

Tôi thương bố tôi - nhưng tôi oán ông đã không lo cho tương lai tôi. Vứt tôi ra giữa những sinh hoạt tưởng có thể làm bản cả con người. Tôi ghét và muốn cho ông tôi chết đi - dù ông đã nuôi cho tôi ăn học. Từ ngày hiểu biết tôi không ăn nói ngọt ngào nữa. Tôi xưng tôi với ông nội như một thằng du đãng, vô giáo dục, không chút ngưỡng mộ. Tôi oán có lẽ tại đời sống ông tôi bản thủ đã làm tôi hỏng người và lớn lên thiếu tất cả tình thương, lòng âu yếm vuốt ve tuổi trẻ, đời sống ấy làm cho tôi nhiều lần đau đớn và nhớ về mẹ tôi như một bà tiên sống thoát hẳn ra ngoài những điều bản thủ, như nhớp tôi thường gặp hàng ngày. Thím tôi vụng về nuôi đàn em nhỏ. Chú tôi là một người khí khái, hiểu biết. Chú là người cứu tôi khỏi bị mẹ thằng Hùng giết chết. Nếu tôi chết thì thằng Hùng sẽ được hưởng gia tài này. Nó có khai sinh là con bố tôi, lần tôi bị hãm hại xảy ra vào một buổi chiều khi đi học về đến đầu ngõ, tôi bị một người đàn bà đứng tuổi cầm một cái chậu sành đập vào mặt. Tôi ngất đi, chỉ kêu được vài tiếng. May chú tôi gặp túm được người đàn bà mang ra cảnh sát, nó khai là vợ hai bố tôi. Tôi bị một vết sẹo dài nơi má - dấu vết làm tôi thù thằng Hùng. Mẹ hắn bị tù, sau được phóng thích và lấy một người đầu trên mạn ngược.

Tôi chưa bao giờ nghĩ về cái gia tài của ông tôi - mồ hôi nước mắt của những người nghèo khổ, bán buôn gom góp lại, cũng như khó mà tôi quên được tiếng chửi bới của ông tôi mỗi buổi chiều.

Tôi ngồi vào bàn xếp lại sách vở cho ngay ngắn. Lá thư của Hiền làm tôi nhớ về nàng cùng một lúc nghĩ Thịnh còn sống.

Tiếng còi xe lửa thét ngoài đầu cầu tiến vào thành phố. Chuyến tàu buổi chiều về chậm như thế này chắc lại gặp mình hay những quãng đường sắt bị bóc; chuyến tàu dài nối nhiều toa kín và phía sau là quân đội chạy mau lên cầu. Khói đen hôi theo gió toả vào cửa sổ làm tôi muốn ho. Bóng người lính gác trên cầu vẫn đi đi lại lại. Đã lâu lắm tôi không còn được nghe tiếng kèn trầm và buồn. Những toa tàu màu xám và vẻ chiến tranh của nó càng làm tối cho sinh hoạt này. Đêm đêm vẫn có làn đèn thành phố cùng tắt một lúc với tiếng nổ vang dội, hay tiếng súng ám sát đủ cho một người nghe thấy. Những lần ấy dưới chân cầu xe lửa lại dầm dập tiếng giày đinh chạy, cùng cả đêm tiếng xe thiết giáp nghiêng trên mặt đường nhựa. Những khối sắt kín bưng ngó mũi súng vào các ống gạch vụn, những căn nhà đổ đầy bóng tối. Hà-nội, những cơn hốt hoảng trong những đêm tối khiến tôi càng cảm thấy sự bất trắc của đời sống, sự có mặt của từng người. Mỗi ngày chiến sự một ác liệt thêm.

Chính giữa lúc đó chúng tôi lớn lên với cuộc sống, với yêu đương, đam mê và những lo nghĩ về tương lai, về quá khứ.

Tôi vẫn lừa dối khi ai hỏi tôi về quê quán, gia đình, họ hàng... Tôi bảo là gia đình tôi đã bị chết hết vì súng đạn và quê hương tôi thì chiến tranh vây phủ ở mãi tận Thạch-thất, Sơn-tây, ba

bốn năm nay tôi không về đến. Tôi tự nhận là một thứ nạn nhân của chiến tranh. Nhưng sự thực tôi là người đứng ngắm chiến tranh, đam mê lý thuyết cùng nhiều tư tưởng sáo trộn trong thời kỳ chiến tranh. Phải chăng chiến tranh như một cuộc phiêu du khi người ta quá an nhàn.

Trong cuộc, ở giữa hai khối tranh dành tôi muốn là người tham gia vào cuộc, có lý do đánh đuổi một thứ quân xâm lăng. Đồng thời tôi chán ghét tị ở thành thị làm giàu trên xương máu đồng loại.

Tôi muốn là một tuổi trẻ phiêu lưu trên đường tìm kiếm những cảm giác. Tôi lên giường tắt đèn đi ngủ còn nghe thấy tiếng ru của thím tôi và những tiếng keng cầm canh ở trạm gác ngoài đầu cầu. [...]

## Sàigòn, ngày lạ mặt Trần Vũ



Tôi trở lại đường Trương Minh Giảng bây giờ mang tên Lê Văn Sĩ. Thận Nhiên chạy xe Dawoo phía trước, tôi lái chiếc Cub phía sau. Nắng loang loáng trên mái tóc Nhiên hấn thín. Nắng loá con đường giữa trưa sáng bóng các biển hiệu. Nhà may Thủy Tiên, hiệu sơn Tát Thành, Karaoke Thời Mới... Một giờ trưa, nắng toé lửa. Chúng tôi hứng trận nắng như hứng những mảnh mặt trời nguyên vẹn rớt ụp xuống mặt. Tôi muốn dừng xe uống nước, nhưng Nhiên vẫn lầm lũi chạy tiếp, thỉnh thoảng quay lại kêu: “Nhà anh Mậu khó kiếm lắm”. Tôi nghĩ Nhiên lạc, vì chúng tôi quần tới quần lui khúc giữa Sư Vạn Hạnh và nhà thờ Ba Chuông. Trận nắng nhảy múa trước giỏ xe cub như một ảo ảnh. Tôi trông thấy lại cảnh gia đình hốt hoảng chạy ra phi trường Tân Sơn Nhất. Tôi trông thấy lại cảnh chen lấn giữa tiếng súng Quân Cảnh cố vãn hồi trật tự. Thầy căng thẳng cực độ lái xe Toyota chở chúng tôi im thin thít tìm cách rời khỏi Sài Gòn hỗn loạn. Cũng con đường này, qua khỏi đường rầy xe lửa, nhà thờ Ba Chuông đâm lên Lăng Cha Cả, tôi bó gối sợ hãi trông thấy một thanh niên bê bê máu phóng xe Honda lao ngược chiều la lớn “tụi nó chiếm Tân Sơn Nhất rồi” và gương mặt Thầy nhăn nhúm tuyệt vọng. Thầy quành xe lao về hướng Khánh Hội tìm một đường sống khác. Vô ích, Thầy không biết Thầy sẽ chết 13 ngày sau đó khi lá cờ Quyết Chiến Quyết Thắng bay trên nóc hầm De Castrie tại Điện Biên Phủ một lần nữa phát lên ngạo nghễ “hãnh tiến” trên đường phố Sài Gòn của tháng 5 im lặng. Thầy không biết, Thầy sẽ vĩnh viễn yên nghỉ tại đây, trên mảnh đất này, nơi Thầy di cư tìm đường sống tháng 9-1954.

Bà gọi tôi đi vượt biên thực hiện một hoài bão đã có từ những ngày Hà Nội sau tản cư. Bà gọi tôi đi, nhưng tôi trở về để chứng kiến lại một lần nữa, nỗi tuyệt vọng của gia đình buổi

sáng 30 tháng 4 trên con đường này. Những tuyệt vọng hãy còn loang loáng ẩn hiện trên các mặt tiền những ngôi nhà đường Trương Minh Giảng. Những lớp cửa sắt im phắc. Những cánh cổng của những ngôi nhà ban trưa đóng kín, im ỉm. Tất cả giống câm điếc, giống những mặt người không thốt thành lời, chỉ có những dấu hỏi ngằm giữa tròng mắt: “Tìm gì? muện rồi.”

Tôi nhìn mặt đường. Tôi nhìn hai hàng cây. Tôi nhớ rõ, chỗ này bánh bao Ông Cả Càn, chỗ kia bò nhúng dấm, Thầy vẫn đưa gia đình đến ăn những tối thứ bảy. Tôi còn nhận ra hàng hiên lớp hội họa truyền thần bà ghi tên cho tôi học vẽ bây giờ là tiệm mát xa chân với đèn ông sao xanh đỏ. Vẫn con đường này, như không thể có con đường nào khác, vẫn là những thước nhựa tôi đã dẫm lên thời bé, nhưng đã là lớp nhựa tráng tên người khác.

Lê Văn Sỹ, tôi không biết là ai, nhưng tôi biết Trương Minh Giảng đánh Trấn Tây Thành, chiếm Kampuchea. Sao Trương Minh Giảng cũng thi hành nghĩa vụ quân sự quốc tế, giải phóng nhân dân Khmer mà tên ông bị bại đi trên các cột đèn này? Còn sống chắc ông nổi cơn thịnh nộ. Còn sống, tôi với Nhiên không dám nổi cơn thịnh nộ. Thế hệ tôi thiếu dũng, kiên, cường. Thế hệ tôi sợ hãi ở mỗi ngã tư đèn xanh đèn đỏ bị công an kêu lại xử lý.

Nhiên đỗ xe. Chúng tôi đi tìm một nhà văn miền Nam.

Miền Nam? Một quốc gia biến mất. Văn chương miền Nam? cũng biến mất. Còn Dương Nghiễm Mậu? một gương mặt bí hiểm. Thế hệ tôi chưa kịp đọc ông. Chúng tôi hãy còn quá nhỏ, dù miền Nam tràn ngập sách báo, dù chúng tôi đi thuê truyện mỗi chiều, ngón ngấu Duyên Anh, Đinh Tiến Luyện, Từ Kế Tường, Nguyễn Đình Toàn... Chúng tôi chưa ai đọc Gào Thét, Buồn Vàng, Ngày Lạ Mặt, Cũng Đành,... Dương Nghiễm Mậu ở một thế giới nào đó vô cùng xa xôi mà chúng tôi không thể mừng tượng. Tháng 4-75 đến quá sớm để tuổi trẻ kịp tận hưởng.

Dương Nghiễm Mậu tiếp tôi với Nhiên trong ngôi nhà lát đá mát lạnh. Không khác mấy khí hậu trong truyện ông, khô, lạnh lẽo. Mỗi tiếng động đều hàm chứa một nội dung rõ rệt, tựa như những điều muốn nói phải qua một phiên lọc khác dành riêng cho những ai có khả năng hiểu ra. Dẫm bực sơn mài Dương Nghiễm Mậu làm lầy treo trên vách. Một gói thuốc Con Mèo gần cạn. Tủ sách để tượng trưng trống rỗng.

Tủ sách của một nhà văn miền Nam sau ngày “giải phóng” trống rỗng. Tôi nhìn tủ sách kỳ lạ. Thầy cũng có một tủ sách và tủ sách ấy ăn vào tuổi thơ tôi không hề biến mất. Tôi không thể nhớ tủ sách đem về khi nào, chỉ biết, từ lúc có trí khôn, tủ sách đã ở đó, chễm chệ và sừng sững. Thầy buôn bán theo truyền thống Trung Hoa, nhưng tủ sách chiếm nửa bức tường. Chiếc bóng của chúng tôi, của kẻ ăn người ở trong nhà luôn chao lượn lên khung kính phản chiếu những hình ảnh lạng lờ. Những khi tôi ngủ quên trên ghế đệm, tủ sách ngả chiếc bóng đen đè lên mình. Khi tôi thức giấc, chiếc bóng hoá trở lại thành tên khổng lồ mặt gỗ chứa thật nhiều sách rình rập canh chừng. Nhưng tôi lớn lên và nỗi sợ hãi biến mất, chỉ còn những tò mò thấp thoáng trên các tựa sách ở tầng cao khóa kín. Chính trong những năm đầu trung học đệ nhất cấp, khi chiều cao cho phép với lên phần có ổ khoá, tôi khám phá Dương Nghiễm Mậu. Sách của ông xếp cạnh sách Mai Thảo, Nguyễn Thị Hoàng. Tuổi Nước Độc, Con Sâu, Trong Hoang Vu, Ngày Lạ Mặt, Ngã Đạn xếp cạnh Mười Đêm Ngà Ngọc, Sống Chỉ Một Lần, Viên Đạn Đồng Chữ Nổi, Hạnh Phúc Đến Về Đêm, Vòng Tay Học Trò, Dưới Vùng Hoa Trắng, Tiếng Chuông Gọi Người Tình Trở Về...

Tôi không bao giờ được phép xem. Với tôi là một khiêu khích. Tôi vẫn đi thuê truyện, say mê với Hitler và Những Tên Ác Quỷ Y Khoa, Hitler và Mặt Trận Miền Đông, Moshe Dayan Bức Tường Thành Do Thái, Tora Tora Tora Bay Về Trân Châu Cảng, Kamikaze Những Trận Không Chiến Dữ Dội Nhất Lịch Sử Thái Bình Dương, Về Miền Đất Hứa ...nhưng Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Mai Thảo vẫn là một kích thích. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu vì sao mình đã ngoan ngoãn nghe lời Thầy đến như vậy, tôi thuê truyện, nhưng

chỉ thuê những cuốn sách Thầy cho phép đọc. Những cuốn sách nhà cấm, tôi nhìn tò mò, nhưng không cầm đến. Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Mai Thảo, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Thế Uyên, Thế Phong, Nguyễn Thụy Long,... xếp ngay ngắn sau lớp kính có ổ khoá.

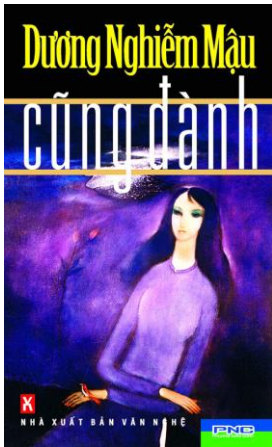
Buổi trưa ngồi với Thận Nhiên, Dương Nghiễm Mậu không nói điều gì. Ông chỉ lẳng lặng pha trà cười nhẹ nhàng, nghe Nhiên nói, nghe Nhiên kể về nỗi sôi sục huyết quản của một thi sĩ, của Nhiên và bạn bè Nhiên. Tôi khác Nhiên, tôi chỉ muốn hiểu thế giới bí mật của văn xuôi. Dương Nghiễm Mậu cười nhẹ như tàu dừa lay, gần như ông không động đậy. Ở Dương Nghiễm Mậu nụ cười diễn ra ở chuôi mắt, ở ngón tay đập cán thuốc mà nhịp nhanh chậm thay cho tiếng cười luôn luôn kín đáo. Dương Nghiễm Mậu rót trà. Ông hiểu thế hệ tôi và Nhiên không còn ai uống trà nữa, nhưng ông vẫn rót. Váng nước vàng màu mỡ gà, giữa buổi trưa nóng hực sủi tăm như số lượng dầu hỏa chất chứa trong đầu tôi từ buổi trưa tháng 5-75 Bà mở khoá cho chúng tôi đọc tất cả sách người lớn của tủ sách đồ sộ, trong vòng 48 giờ rồi Bà đem bán ký vì Công an phường đã ra lệnh tịch thu văn hoá phẩm *đổi truy* của *Ngụy*. Tôi còn nhớ Bà bán cân ký 15 đồng ông Thiệu mỗi ký. Bà bán sạch tủ sách, kể cả sách thiếu nhi Lữ Hán-Phi Lục, Phan Tân-Sĩ Phú, Tin Tin, Lucky Luke, Astérix-Obélix, chở đi mấy xe ba gác. Bà bán sạch tuổi thơ tôi trong chớp mắt. Làm sao tôi đọc hết hai mươi năm văn học miền Nam trong 48 giờ? Làm sao tôi trưởng thành kịp trong 48 tiếng để hiểu những chiếu bài mạt chược, trong phòng khách sạn rì rầm, hai người đàn ông đàn bà làm gì trên mặt nệm trong tiểu thuyết Mai Thảo. Tôi chưa đến 13 tuổi nhai ngón ngấu Vòng Tay Học Trò của Nguyễn Thị Hoàng trên sân thượng giữa trưa nắng ngun ngút, cổ mừng tượng ra cô giáo Hoàng với đôi thông Đà Lạt trong ngôi nhà gỗ thông thơm phức với tên nam sinh tên Minh sớm biết hút thuốc, có bật lửa zippo và gan dạ tán tỉnh cô giáo. Tôi ngón ngấu Tháng Giêng Đưa Đám của Nhã Ca, kính ngạc khám phá tiểu thuyết có sức chở mang gấp mười lần tivi số lượng hình ảnh Tết Mậu Thân ngoài Huế. Trưa nắng thiêu đốt. Tiếng động chiến xa T-54 âm ỉ từ Gò Vấp đổ xuống Phú Nhuận băng lên đại lộ Hai Bà Trưng không át nổi âm thanh của 16 vỏ chai bia mỗi ngày Túy Hồng quắp rổ đi đổi cho Thanh Nam lúc còn sống trong building Cửu Long và diễn ra trong tiểu thuyết Tôi Nhìn Tôi Trên Vách. Không át nổi tiếng nhạc xập xình mỗi buổi tối cô ca ve đi làm luôn có một người đàn ông chờ sẵn, đem đến một gói Salem xanh biếc trong Thủy và T6 của Thế Phong... Tôi khám phá xã hội miền Nam ngay trong ngày xã hội đó bị xích sắt T-54 nghiền nát dưới lòng đường. Tôi chưa kịp đọc Dương Nghiễm Mậu. Tôi chỉ kịp trông thấy ông bị vắt lên xe ba gác chở ra lề đường. Nhưng cũng chỉ một hai tháng sau lề đường bị *truy quét tàn dư Mỹ Ngụy* và ông biến mất.

Dương Nghiễm Mậu hiện ra trở lại buổi trưa Lê Văn Sĩ. Ông yên lặng quan sát tôi với Nhiên. Chúng tôi, những độc giả thiếu nhi của miền Nam cũ, cũng đột ngột hiện ra trước mắt ông. *Cũng đành...* dường như ông muốn nói vậy. Tôi cũng quan sát ông, quan sát cái tủ sách trống trơn của một nhà văn miền Nam. Tôi ngắm ông với cảm giác kỳ quặc là ông hãy còn trong tủ kính bị khoá, giống như ông đang là cuốn sách cấm chưa được phép mở ra cho tôi xem.

Nhưng Dương Nghiễm Mậu vẫn ở đó, trong sâu thẳm của một miền Nam *ngã đạn*.

Cũng đành





Tôi trốn đơn vị chạy về nằm ở Cổ Thổ vào cuối mùa thu cùng với những cơn sốt rét cách nhật. Bà cô tôi thương sót mỗi ngày vào rừng nhặt những lá, rễ cây về nấu cho tôi uống nhưng vô hiệu nên nghĩ đến chuyện trở về Hà Nội. Ngày tôi rời Cổ Thổ về Sơn Tây cô tôi gói cho một gói cơm trộn tám phần sắn khô như củi, nhạt nhẽo. Cô tôi dặn về tìm một người quen ở đó giúp đỡ. Về tới nơi họ cũng không giúp đỡ được gì ngoài những bữa cơm sắn ăn với rau tàu bay luộc chấm muối. Những cơn sốt lại hành hạ. Người ta không thể xin được giấy cho tôi. Nghe lời mách của người hàng xóm muốn cho khỏi rét nên nuốt những con run đất. Họ bảo có thể trị sốt rét được. Không còn cách gì hơn, tôi kiếm một con dao cùn và chiếc gáo dừa vỡ đi đào run, những con run dài xanh đỏ ưa nằm chỗ ẩm, tôi cứ việc lật những viên gạch vỡ ở bên vại nước, và đào ở các bờ rãnh hàng bát run mang rửa và nuốt.

Những con run còn sống nguyên, bỏ ngoi đầu lúc nhúc tôi cầm từng vốc bỏ vào miệng cho nó trườn vào cổ họng. Những ngày đầu ghê tởm, nôn mửa qua đi. Những ngày tiếp theo tôi nuốt thản nhiên. Những con run sống ấy vào trong bụng tôi đã nhiều nhưng những cơn sốt cách nhật vẫn hành hạ và dữ dội thêm là khác, sức tôi yếu dần thêm nữa. Tôi chỉ còn tìm cách nào vào thành may ra kiếm được ký ninh uống. Không ai dám bảo đảm xin giấy thông hành cho tôi. Tôi vẫn liều ngày ngày ra bến xe trèo lên để vào, nhưng dù ngồi yên chỗ rồi khi hỏi đến giấy không có, chuyển xe lại bỏ tôi lại. Rất nhiều lần như thế, đến khi có xe cho đi thì tôi lại không có một đồng. Hà Nội – Sơn Tây 43 cây số, với những cơn sốt tôi không còn đủ sức để về. Mãi sau vì nài nỉ quá có chiếc xe chở củ nâu, với người phu xe thương hại cho tôi đi bằng cách ấn tôi vào giữa những bao củ nâu. Hấn bảo tôi trước là nếu vô phúc bị khám mà lộ ra thì chịu khó mà ở tù đừng oán thán gì. Tôi hơi mỉm cười bảo:

- Thì sao mà cưỡng được...

Khi xếp những bao tải củ nâu lên xe hấn chừa lại một chỗ trống ở giữa cho tôi ngồi vào đấy rồi hấn lấy thêm những bao khác lấp lên trên. Tôi ngồi co rúm không thể cựa quậy, nhúc nhích. Mùi củ nâu, mùi bao tải hôi sì, mùi xăng nhớt như muốn chết ngạt. Giữa trưa xe từ giã tỉnh Sơn vào con đường trở về. Xe chạy nhanh sóc trên những quãng đường gồ ghề, những bao củ nâu bị lắc mạnh cứ dẹp mãi xuống, chung quanh tôi kín bưng chẳng thấy gì, tôi nghĩ như mình bị bỏ vào quan tài đã đậy ván thiên lại chỉ có điều là tôi còn thở. Cơn sốt lại đến với tôi giữa những quãng đường ấy, chân tay run rẩy, hai hàm răng đánh vào nhau và tôi là người đi vì mệt mỏi.

Khi tỉnh dậy thì xe đang dừng. Tôi lắng tai nghe tiếng giày đinh lộp cộp, những bao củ nâu bị lay động và có tiếng chọc của một chiếc gậy sắt. Tôi biết là xe đang bị khám, nên hai lần bị gậy sắt thọc vào lưng tôi không dám nhúc nhích và thở mạnh, tôi nghiêng rặng, nhắm mắt lại... Những chặng gác thoát dần sự khám xét khiến cho xe về đến bến thì trời đã tối mịt. Bến xe Kim Mã hoang vắng người phu xe dỡ bao tải cho tôi chui ra, tôi nghe tiếng chuông xe điện

đổ dồn, tôi bước xuống mặt đường chân tay run lẩy bẩy vì đói vì lạnh. Tiếng đầu tiên tôi được nghe là của người phụ xe:

- Tới rồi đấy, có thể đi về nhà được không? Không có giấy thì coi chừng tụi ba tụi nó nhặt bỏ nhà tiền đấy.

Tôi cứng cả lưỡi không nói được. Tôi không biết về đâu cho qua đêm để sáng mai có thể đi tìm kiếm, dù tôi chưa biết là sẽ tìm kiếm cái gì. Về nhà. Người phụ xe nhìn tôi ái ngại. Hắn có khuôn mặt đen khắc khổ, đôi gò má cao làm cho hai mắt đen sâu bóng tối. Tôi nói với hắn tình cảnh của tôi, tôi muốn hắn cho tôi nằm ở trên xe cho đến sáng hôm sau. Nhưng hắn từ chối. Hắn nói với tôi một ít điều phân trần không sao có thể giúp tôi được. Tôi cảm ơn hắn. Hắn xếp lại mấy bao củ nâu, đóng thùng xe rồi hắn quay lại nhìn tôi. Nghĩ thế nào hắn móc túi túi cho tôi mấy đồng bạc. Không nói thêm nửa lời hắn trèo lên phía trước xe. Chuyến xe chạy vào con đường có đèn thấp sáng.

Tôi không thể đứng lâu hơn được nên ngã quy xuống. Quá mệt tôi phải cố sức bò dần vào một túp lều bỏ không rồi lăn mình xuống đấy. Tôi nằm im một lúc cho hơi tỉnh rồi cố dậy sờ soạng trong bóng tối xem có cái gì có thể ôm vào người được cho đỡ cô đơn, nhưng sờ soạng mãi tôi mới nhận ra có một cái bàn nhỏ và có một cái ghế dài nhỏ. Đó là đồ dùng của một quán nước, hoặc quà bánh gì đó. Tôi không có gì để ôm vào người. Tôi sờ mặt đất nhóp nháp, sờ những rác rưởi ẩm nước hôi hám, những bã mía, lá bánh, giấy vụn. Tôi cố vờ thành một đồng rồi rúc mình vào cho đỡ lạnh và êm hơn mặt đất. Muỗi kêu vo ve, những con chuột kêu thành tiếng chui vào đồng rác kiếm ăn. Chúng cắn chân mà tôi không muốn cựa, chúng cắn chán lại rúc, lại kêu. Tôi vớ những nắm lá chuối ướt nhẹp bỏ vào mồm nhai cho đỡ buồn miệng.

Tôi nghĩ chắc thật tôi đã hết máu nên lũ chuột chả thèm ăn, và chắc chúng nó nhiều máu hơn tôi là khác, nghĩ thế tôi há lớn miệng tự nhủ: để chú nào vô phúc rúc vào mình sẽ ngậm miệng lại mà nhai một miếng cho khoái bao tử. Bởi vì nếu có con nào đến gần tôi cũng khó chộp được, chúng khoẻ và nhanh lạ. Lũ chuột rúc mãi chắc cũng chả kiếm được gì nên bỏ đi dần cho tôi nằm một mình nghe tiếng muỗi kêu vo ve.

Mãi tôi cảm thấy như có một con vật nào đó rất kỳ dị, to lớn tiến đến ôm choàng lấy tôi, tôi bị nghẹt thở không kêu được, thân thể cứng đờ rồi thiếp dần đi...

Tôi thức dậy khi trời đã sáng rõ, bụng đói cồn cào, chân tay rời rã, nhưng đầu óc tỉnh táo kỳ lạ. Tôi nằm im cho mãi đến khi có một người đàn bà bước vào lều. Khi bà ta đưa mắt nhìn đến đồng rác thì kêu thét lên. Tôi ngo ngoay rồi chui đầu ra. Chắc hẳn người đàn bà tưởng tôi là một con vật, như con chó ốm ghẻ lở nào đấy. Khi thấy cả thân hình tôi ngồi dậy được thì trên khuôn mặt bà ta hiện ra nhiều nét ngạc nhiên đầy kinh dị:

- Trời ơi tao tưởng mày là xác chết rồi chứ... thế mà đêm lính nó không nhặt đi...

Tôi trở ra ngoài vươn vai, thở mạnh, phủi những rác rưởi bám trên quần áo, mắt tôi kèm nhèm. Tôi nhổ một chút nước bọt ra bàn tay rồi chét vào mắt mà dụi cho tỉnh táo. Những chuyến xe không, bắt đầu vào bến nằm. Mặt đường nhựa rét cứng. Mùa đông vào thành phố, vẻ buồn thảm càng nhiều. Người đàn bà dọn quán. Bà ta bán bún riêu, bánh đúc. Sau khi bày bát đĩa, tôi ngồi vào tám ghế dài, kẹp tay vào giữa hai bắp đùi rồi nói với bà ta:

- Cho một bát bánh đúc.

Người đàn bà mãi mới nhìn lên dò xét, tôi biết bà ta đang nghĩ gì:

- Nay người ta chưa bán mở hàng đâu đấy. Có tiền không mà ăn?

Tôi moi mấy đồng bạc của người phụ xe cho mà để lên bàn, tôi lên giọng chững chạc:

- Cho hai đồng thôi...

Hai bát bánh đúc chan canh riêu nóng hổi vừa ăn vừa thổi làm tôi tỉnh táo. Tôi ngón rau chuối như lợn cốt đầy dạ dày. Tôi ăn thật nhiều ớt cho tê cả miệng và rần rụa nước mắt.

Nghĩ đến chuyện bị hỏi giấy, tôi đi vào phố xá lén lút như một kẻ ăn cắp, như chú cừu đang lạc vào bầy sói tôi đang lẩn thân bên những xác ma chập chờn lẫn quất. Trông người nào tôi

cũng thấy họ hung ác ngay cả những đứa trẻ con cũng vậy và lúc nào tôi cũng tưởng họ sắp thộp lấy gáy mình hỏi lăng nhăng rồi bỏ vào nhà tù cho đông đảo thêm.

Việc đầu tiên tôi nghĩ đến là trở về nơi bãi Phúc Xá xem nhà cũ thế nào. Thành phố xa lạ một cách không ngờ. Những dấu vết chiến tranh đang được cố gắng lấp đầy để quên lãng. Tôi đứng ở đầu nhà máy đèn, nhìn xuống bãi Phúc Xá vắng tanh chợ vợ vài bức tường đứng cô đơn. Cầu Long Biên xám đứng đàng xa. Tôi không dám lần xuống bãi. Tôi cố nghĩ xem, quen ai, tìm ai, ở đâu, ăn gì, uống gì. Tôi ngồi ở vỉa hè nhìn nền trời xám.

Tôi đi men theo nhà Ideo lên phía Yên Phụ. Những dãy cây trúc lá chạy dài. Những tên lính Tây la hét cười cợt hát hồng ở phía trong bức tường cao. Tôi thấy chúng vứt những ống bơ ra theo lối cửa sổ. Tôi đến những đồng rác ấy bới móc nhặt những chút vỏ bánh mì đen thui ấn vào mồm mà nhai mà nuốt. Tôi bới hết đồng này đến đồng khác. Tôi vét vào mồm từng chút cặn thịt hộp đã thiu thối, từng chút đầu hay đuôi cá tanh lợm còn sót lại trong những chiếc ống bơ. Tôi nhặt cả từng miếng bánh mỳ nhỏ ấn vào hai túi áo. Đi bới hết những đồng rác tôi ngồi nhai những mẩu bánh, khi cổ khô vì khát tôi tìm một cái máy nước áp mặt vào nước.

Tôi đi lang thang lần lút từ phố này sang phố khác. Chen vào đám đông nhìn vào từng khuôn mặt xem có ai quen không. Nhưng suốt buổi tôi không tìm kiếm được gì.

Đến buổi trưa tôi theo đường tàu điện ra tận Giáp, ngồi trong Văn Miếu bên những bia đá, nhà đồ, gạch ngói và cỏ hoang buồn buồn tôi lộn hai túi áo ra nhặt nốt những vụn bánh còn sót lại bỏ vào mồm. Ngồi chán leo lên bức tường đồ ra chợ Con Bò. Đang thơ thẩn bỗng nghe tiếng cười hỏi giật:

- Kia cậu Kha, cậu mới hỏi cư à? Ông bà ở đâu?... Cháu vẫn để ý tìm mà không gặp – may quá... nhà cháu ấy...

Tôi ngạc nhiên phui áo rồi nhìn vào mặt người đàn ông một lúc. Tôi không nhận ra ai. Thấy tôi im lặng, người đàn ông lại nói tiếp:

- Cháu đây mà – cả Mạnh hỏi xưa trông cửa hàng cho ông bà nhà...

Bây giờ thì tôi đã có người quen rồi cho dù tôi không nhận ra ai.

- Tôi nhớ, chết thật lâu ngày... tôi cũng đang đi kiếm...

- Thế ông bà nhà?

- Có mình tôi thôi... thầy để tôi... Tôi đang đi tìm một chỗ ở.

- Thế ra có một mình cậu.

- Vâng...

- Thật rõ...

- Tôi muốn có một chỗ ở tạm – nhà bác?

Người đàn ông lưỡng lự. Bác ta vào độ 40 tuổi, mặt già nua đen sạm, những vết nhăn chẳng chịt trên trán. Một con mắt bị tật để lộ ra một mí đỏ lờm và ít râu thưa mọc lờm chờm trên mép.

- Cho tôi ở tạm thôi...

- Nhà cháu cũng không có chỗ tử tế. Sợ cậu ở không được.

- Vẽ ra, đến có ổ chuột mà rúc vào cũng hay rồi đấy, loạn mà bác?

Sau cùng – bác Mạnh – bây giờ tôi có thể nhớ được tên bác – đưa tôi về ngõ Thông Phong ở tận mãi chỗ Ô Chợ Dừa nơi con đường Hàng Bột. Vừa vào đầu ngõ đã phải đi qua một xưởng thuộc da hôi thối và những ruộng muống tanh lợm mùi bùn. Bác Mạnh làm nghề thổi thông phong cho một xưởng nhỏ ở luôn tại đó làm người gác nữa. Bác có một chỗ ở bằng ba chiếc chiếu ngán bằng mây tằm tôn vào cái lò nấu thủy tinh. Trong nhà chỉ có một cái giường tre độc nhất là chỗ ăn, chỗ ngồi chơi hút thuốc Lào và chỗ ngủ cho hai vợ chồng và một đứa con gái hai tuổi gầy teo. Tiếng nó khóc như tiếng mèo kêu nhưng cũng nhờ tiếng khóc đó tôi biết nó còn sống.

Tôi nói tình cảnh tôi cho bác Mạnh nghe. Bác tỏ vẻ ái ngại về chuyện vật đổi sao dời làm tôi khó chịu. Tôi nhờ bác xin cho một việc làm ngay ở xưởng. Ở đây người ta mua những mảnh

vụn chai, kính vỡ về nấu rồi thổi thông phong, những ve chai nhỏ để đóng thuốc cho mấy tiệm thuốc bắc. Tôi không biết thổi nên nhận một chân đốt lò, khuôn thủy tinh, quét dọn. Buổi tối tôi giải chiếu ngay nơi cửa lò – chỗ làm việc của bọn thợ ban ngày mà ngủ cho ấm.

Bây giờ thì tôi đỡ lo là chưa chết ngay. Mùa đông kéo dài những ngày rét mướt. Tôi vay tiền mua hai cái bao tải tối đến chui vào đó. Với những ngày làm việc mệt nhọc những cơn sốt vẫn trở lại với tôi. Tôi lãnh tiền công chỉ trả tiền cơm cho bác Mạnh và mua thuốc ký-ninh vàng về uống hoài. Uống mãi những cơn sốt lui dần thì tôi hoá ra nghễnh ngãng, ù tai nghe không rõ. Người ta sai bảo tôi chẳng nghe được, người chủ đuổi tôi không cho làm vì không thể mượn một người điếc. Tôi buồn sao không điếc hẳn mà lại còn đủ sức để nghe tiếng quát tháo. Theo lời khuyên của bác Mạnh. Tôi đeo lên vai một cái giỏ rách, với một cái móc sắt đi theo những người móc rác đi nhặt mảnh chai, kính vỡ, vụn sắt về bán.

Tôi tìm ra bãi đổ rác, bới những đồng hôi thối, nhặt chai, kính... từng chút sắt vụn, vỏ cam, rẻ rách. Khi chiều về lọc ra từng thứ bán cho bà Cả Ởi. Bà ta chuyên mua lại của những người đi nhặt rồi bán cân cho xưởng thổi phồng long, cho lò đúc, rẻ rách bán cho dân Bưởi làm giấy cho xưởng ô tô làm rẻ lau. Vỏ cam vỏ quýt cho tiệm bào chế và cả lông vịt lông gà...

Tôi kiếm đủ ăn, tối về ngủ ở chỗ bác Mạnh như một con chó vô chủ.

Tôi bới chán ở đồng rác lại đi tìm bới ở những căn nhà đổ nát chưa có chủ về. Tôi nghĩ đến nhà tôi, và những thứ còn lại ở đây chắc chưa ai nhặt nên muốn mò về. Một bữa tôi lên đê Yên Phụ nhìn sang bãi Phúc Xá với ý nghĩ ấy nhưng rồi không dám qua. Tôi đi dọc bờ sông lên chỗ xưởng dèp cao su Con Hồ chen vào một đám đông đảo tụ lại ở chân đê.

Tôi thấy người ta đang đào một cái hố lớn, họ đào sâu và vớt lên vô kể những mảnh chai sắt vụn mà không ai nhặt thì mừng quá. Tôi nhặt lại từng đồng rồi thuê xe ba gác chở về. Tôi vớ được một món bất ngờ. Tôi không hiểu họ đào gì mà chốc có người lại cúi xuống nhặt lên một mẫu xương, khi to khi nhỏ rồi xem xét, truyền tay nhau. Khi thì xương bò, khi thì xương lợn, khi xương gà, xương chó... Khi biết thế họ lại vớt đi và đào nữa – Sau tôi mới biết họ tìm xương người. Toán người ở đó được một nhà giàu ở đây thuê đào tìm xương của ông bố chết hồi chạy loạn mà người đó nghi là chết ở tầng-xê nơi chỗ này. Bởi thế nên mỗi khi gặp một chút xương họ phải xem có phải là xương người không, nhưng mỗi lần họ đều thất vọng, đào mãi cũng không thấy gì. Ngày thứ hai họ có ý thôi, tôi nghĩ đến sắt vụn mảnh chai nên bảo:

- Tầng-xê này sâu lắm, ở dưới nữa kia. Đào chưa tới đâu.

Thấy nói vậy họ tưởng tôi biết nên xúm lại hỏi, yên trí tôi biết. Tôi bảo chính hồi Nhật thả bom tôi đã chui vào đây và có lẽ mẹ tôi cũng bị chôn ở đây nữa. Họ tiếp tục đào và cho tôi kiếm ăn. Nhưng lẽ dĩ nhiên họ không tìm ra một chút xương người nào. Khi họ yên trí bảo chắc ông cụ không chết ở đây. Tôi vỗ tay vào trán như mới nhớ ra:

- À, nhưng chỗ này có những hai cái tầng-xê cơ – hay ông cụ chui ở cái tầng này...

Tôi chỉ cho họ chỗ cách đó độ năm thước, tôi quả quyết còn một cái nữa – và họ tiếp tục đào cho tôi nhặt mảnh chai, sắt vụn. Tôi nghĩ giá hồi xưa biết vậy tôi chết quách chỗ này cho bây giờ họ nhặt lấy xương mà làm ma, làm chay và cho là bố họ có hơn không. Rồi đào mãi họ cũng bỏ. Tôi nghiêm nét mặt rồi nói lớn:

- Sao không đào cái đồng thịt thối này của tao mà lấy đầu lâu và xương cốt...

Lũ người bảo tôi là thằng điên họ tức bực muốn dần cho chết. Có một đứa bông lơn cho cả lũ cười.

- Đến vớt cái xác mày cho chó nó cũng chả gặm nữa là xương cốt...

Tôi cất tiếng cười lớn theo đám đông xúm quanh làm họ thôi cười.

Số tiền kiếm được làm tôi phê phỡn. Một bữa tối tôi qua phố Hàng Buồm mua hai con gà luộc sẵn về cho vợ chồng bác Mạnh một con, còn một con tôi ngồi xé ra ngoạm.

Tôi đang ăn thì có đứa con gái đứng ở cửa nhìn vào. Tự nhiên tôi nói lớn:

- Có ăn thì vào cho miếng chứ nhìn gì?

Nó vào ngồi ở bên cạnh rất thân nhiên. Tôi nghĩ chắc nó cũng sống như tôi – thật tội nghiệp. Tôi nhìn vào mặt nó. Nó cũng chỉ độ tuổi tôi. Tóc uốn quăn môi son và mặt chát phấn. Nó mặc quần áo trắng. Nó ăn hết rồi ngồi mút mười đầu ngón tay còn vẻ thèm nhạt. Tôi hỏi:

- Ở đâu?

- Trong ngõ

- Có nhà à?

- Có

- Hạnh phúc, hạnh phúc.

- Còn anh?

Nó nói tiếng anh ngọt sớt. Tôi vứt bỏ mẫu xương cuối cùng rồi co vạt áo lên chùi mồm.

- Không có gì cả... không có gì cả mà...

- Về ở với em...

Nó lại xưng em. Tối hôm đó tôi theo về nhà nó – một gian nhà lá mái trong cuối ngõ. Nó chỉ cho tôi nằm ở một cái chõng con và vứt cho tôi một cái chăn đơn. Nó ngủ ở một cái giường có màn buông và hai cái gối. Lần đầu tiên tôi được một chút êm ấm. Đêm nó thắp đèn kể chuyện tâm sự cho tôi nghe. Nó chả có cha mẹ gì và nó làm nghề kiếm khách. Tôi về ở đó ngày ngày đi móc rác, đêm về ngủ. Nó thì ban ngày ngủ, đêm đến mặc quần áo, đánh phấn chải đầu rồi đi kiếm mồi đem về nhà. Chúng nó cời tròng ra đùa rỡn với nhau chán rồi ôm nhau lên giường ngủ như không có tôi. Những ngày mùa đông rét mướt kéo dài mãi nền trời xám và mưa đêm. Những ngày không có khách nó co tôi sang ngủ chung cho ấm. Có đêm cơn sốt rét lên nó thấy tôi run như sắp chết thì hoảng sợ.

- Ê chết sao mà rầy dữ vậy?

- Không.

- Đừng rỡn, chết làm sao ta chôn.

- Thì cứ vứt ra đường là xong

- Vứt sao được...

- Đùa chứ chết gì, ôm cho chặt vào thì không chết đâu, khi

Nó cời hết quần áo tôi ra mà đùa rỡn coi tôi như một khúc gỗ. Đêm nào nó cũng cần ôm lấy một thân thể mới ngủ được. Tôi là một cái thân thể để cho nó đắp vào những đêm không có khách. Có đêm tôi lên cơn rét, thân thể hoàn toàn bất lực, nó cố vác bỏ tôi sang chõng rồi ngồi chờ thằng tầm quắt đi qua. Thằng tầm quắt tới nó gọi vào rồi đóng cửa lại, nó bảo đấm bóp chán rồi ôm lấy. Thằng tầm quắt không cưỡng lại được, sáng hôm sau như là đi. Nó bảo tôi giúp sức kéo bỏ ra ngoài đường. Đến một hôm có một gã đàn ông khoẻ mạnh đến rồi ở luôn lại. Tôi nằm một mình buồn tủi. Rồi đưa con gái bảo tôi:

- Em sắp lấy chồng.

- Gã đó?

- Chứ sao.

Tôi buồn rầu bảo:

- Lấy anh đi... tương lai mà...

Nó bĩu môi rồi tát vào mặt tôi một cái mà bảo:

- Ừ ừ... để rồi tao đi móc rác với mày à – Rồi con cái – rồi tuổi già?...

- Đồ khi – Lại còn con cái? Lại còn tuổi già? Rồi sống được đến già à?

Tôi ôm lấy nó như chưa ôm bao giờ.

- Đừng lấy gã đó. Ở với anh...

Mấy ngày sau chúng nó tổng tôi đi với mấy chục bạc. Tôi ngày ngày đi móc rác, chiều đến mò vào Văn Miếu nằm. Đêm đêm sờ soạn những bia đá, những gạch ngói nằm im mà thấy tủi thân. Ôm vào lòng cũng chỉ thấy cứng ngắc. Buổi sáng thức dậy soi mặt xuống làn nước hồ nghe tiếng quạ kêu trên những ngọn cây khô già cỗi.

Đến một khuya kia tôi thức dậy vì ánh sáng đèn bin soi vào mặt. Tôi mở mắt nhìn tụi lính chĩa súng vào người. Chúng hỏi giấy tờ tôi không có gì nên bị điệu về bót. Chúng giam tôi đến sáng hôm sau mới dẫn lên hỏi:

- Tên gì?
- Con tên Kha.
- Thẻ căn cước?
- Con mới vào nên chưa có.
- Ở đâu?
- Con ở ngõ Thong Phong
- Số nhà?
- Con quên.
- Với ai?
- Với vợ con.

Chúng bắt tôi dẫn về ngõ Thong Phong, tôi đưa vào nhà đưa con gái. Tôi chỉ vào nó mà bảo với tụi lính:

- Vợ con đây.
- Tụi lính cất tiếng hỏi:
- Có phải bà là vợ nó không?
  - Không, tôi có chồng.
  - Bà biết nó không?
  - Không – tôi không biết nó là ai cả.
  - Nó là vợ tôi mà...
  - Này thằng kia – mày trông rõ xem tao ngủ với mày bao giờ...

Tôi thấy yêu đưa con gái vô cùng. Tụi lính đánh tôi tui bụi.

- Khai láo, khai láo... quân lưu manh... đánh cho chết đi...

Đêm chúng đem tôi về nhận vào bể nước rồi đánh nữa. Khi tôi ngất đi chúng lại phun nước cho tỉnh dậy và tiếp tục đánh như nhồi một trái banh – rồi chúng lại bắt tôi cung khai. Tôi không còn biết mình nói gì:

- Mày mới ở ngoài vào phải không?
- Vâng... dạ
- Định phá hoại phải không?
- Dạ vâng...
- Với ai, tổ chức nào?
- Vâng...
- Ai?
- Dạ...
- Ai?
- Nguyễn-mạnh-Kha...
- Ở đâu?
- Số bảy, tám, chín Hàng Khay.
- Đúng không?
- Nó cho ở...

Tụi lính lại dẫn tôi đi, tới nơi tôi vừa tỉnh để bảo:

- Không, tôi nhầm. Tôi là Nguyễn-mạnh-Kha.

Tôi khai lung tung, bạ gì nói nấy. Chúng đánh chán tay rồi giam tôi vào buồng tối như một con chó cho muỗi nó đốt. Chúng tra khảo tôi mãi cũng chán nên giam tôi lại cùng với những người khác, mỗi ngày ném cho một nắm cơm. Có một ngày lũ người bị giam được tập trung vào một khoảng sân ngó thấy nền trời. Tay bị xích lại. Hôm đó có một viên cố đạo bảo là đến làm phép lành cho lũ tù. Hắn nói những điều tôi chưa hề nghe bao giờ như: yêu mến chúa, thiên đường, địa ngục, cứu rỗi, tội lỗi, xám hối, quỷ quái, thánh thần, yêu thương, huynh đệ... Lũ lính vác súng bắt lũ tù ngồi yên nghe.

Viên cố đạo làm dấu nhìn chúng bị đánh đập. Nhưng tôi còn đủ sức chửi bới và văng tục. Tụi lính lại tra khảo tôi mà không chịu buông tha:

- Mày tên gì?

- Con khi
- Ở đâu?
- Con khi... cời trường...
- Cha mẹ mày tên gì?
- Ai?...
- Cha mẹ mày?

Khi nghe rõ đến hai tiếng cha mẹ thì tôi khóc rống lên chúng tiếp tục đánh đập tôi nữa:

- Mày tên gì?
- ... thịt thối...
- Ở đâu?
- Viên cổ đạo
- Cha mẹ mày tên gì?
- A ha!... A ha!...

Đến một đêm tối lũ lính dồn tôi lên một chiếc xe bọc kín mang tới một cánh đồng cùng mấy đứa nữa. Chúng bắt đào hố. Tôi biết là sắp được tự chôn mình. Tôi nghe tiếng lên đạn lách cách, xong chúng bắt quay mặt vào hố. Tôi nhớ đến câu hỏi, và tự nhắc.

- Cha mẹ mày tên gì?

## Vũ Hạnh và Con đường thứ ba của Dương Nghiễm Mậu Trần Nghi Hoàng

Trước 1975, tôi tình cờ đọc được một truyện ngắn của Vũ Hạnh, mà tôi cho là hay. Tôi đã quên đề tựa truyện. Chỉ nhớ truyện kể về một cô gái người sắc tộc, bị một người Kinh hiếp trong một lùm cây. Sau khi tên dâm tặc bỏ đi, cô sơn nữ vừa khóc, vừa dùng cái rìu đi rừng của mình chặt chém tan nát lùm cây. Cô cho rằng, vì trong lùm cây có ma quỷ trú ngụ, nên đã xúi giục tên dâm tặc hiếp cô. Cô không tin trên đời có người xấu xa như vậy. Phải có ma quỷ nhúng tay vào, thúc đẩy một con người bình thường vốn "tính bổn thiện" có những hành xử như súc vật... Không một lời nói, một ý nghĩ thoáng qua về sự căm thù của cô đối với tên dâm tặc... tất cả tội ác đều là tại ma quỷ trong lùm cây...

Thời gian gần đây, Công ty văn hoá Phương Nam và Nhà xuất bản Văn nghệ TPHCM cho in lại 4 tập truyện ngắn của [Dương Nghiễm Mậu](#), và truyện dài [Nguyệt Đồng Xoài](#) của Lê Xuyên.

Có nhiều dư luận trong nước, sớm nhất là một cô giáo tên Lê Ánh Đào, đã phản đối nhà xuất bản và Công ty Phương Nam. Cô giáo này cho rằng: "Độc sách Dương Nghiễm Mậu - Thú vật hóa con người và lưu manh hóa hình tượng văn học". Trình độ đọc sách của "giới giáo chức" trong nước thì tôi đã có biết qua! Thậm chí có giáo viên cho cái tên Nhất Linh có liên quan tới "cải lương" chi đó!

Nhưng đáng kể là, tôi lại cũng tình cờ đọc được bài viết "Đâu là tiêu chí của người xuất bản" của Vũ Hạnh, một nhà văn có chút tên tuổi xưa ở miền Nam, "đầu tổ" nhà xuất bản và Công ty Phương Nam và hai tác giả Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên, đăng trên trang nhà *Sài Gòn Giải phóng* ngày 22 tháng 4 năm 2007.

Tôi dùng chữ "đầu tổ", vì ngôn từ và cung cách viết bài này của Vũ Hạnh sặc mùi "đấu tranh giai cấp" và loảng xoảng sắt máu hận thù, không thua sút chút nào với những bài của các "văn công" đã "đầu tổ" nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* hơn năm mươi năm về trước. Nào là "tha hóa lớp trẻ hầu đưa đẩy họ vào sự chống phá cách mạng, chống lại sự nghiệp giải phóng dân tộc...", nào là "sách của Dương Nghiễm Mậu nổi bật là tính phản động thì sách của Lê Xuyên là tính đòi trụ..." Và Vũ Hạnh... ngậm ngùi thêm: "... và các tác giả - Dương Nghiễm Mậu, Lê

Xuyên - sống lại ở thành phố này vẫn được đối xử bình đẳng, không hề gặp bất cứ sự quấy phiền nào."

Tôi biết rất rõ; chúng tôi, những người Việt nói chung, những văn nghệ sĩ lưu vong đều biết rất rõ những văn nghệ sĩ miền Nam còn ở lại sau tháng Tư 1975 "vẫn" được đối xử bình đẳng và... "vẫn" không bị "sự quấy phiền" như thế nào... Thậm chí, Dương Nghiễm Mậu "sung sướng" quá phải bỏ viết, đi học nghề làm tranh sơn mài... Và Lê Xuyên thì "rất an vui" ngày ngày ngồi bán thuốc lá lẻ, quần áo vá chằng đụp sống ngậm tăm trên hè phố!

Bây giờ đã là năm thứ 7 của thế kỷ 21, Thế Kỷ Mới. Mọi thông tin hầu như không thể giấu giếm, bưng bít. Và thời đại này người ta từng giây phút kêu gọi con người tiến tới chữ "NHÂN". "Nhân quyền", "nhân sinh", "nhân từ", "nhân nghĩa", "nhân đức"... Vũ Hạnh chưa từng "nhảy núi" vào rừng, sao có lối mập mờ khóa lấp nói đại nói càn, xem thường trí thông minh của nhân loại như thế?

Theo tôi biết, Dương Nghiễm Mậu là nhà văn tiên phong dùng những nhân vật lịch sử, hoặc hình tượng tiêu biểu trong văn học làm ẩn dụ để "viết lại" và đưa ra cái cảm quan đặc dị của riêng ông:

Từ Hải trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du không chết đứng giữa trận tiền. Cao Bá Quát là người đi tìm "cái đẹp"...

Và Kinh Kha không bị giết trong cung điện của Tần Thủy Hoàng, mà đã cùng Tần Thủy Hoàng làm một cuộc mật đàm về cái thế an định và mang hạnh phúc cho thiên hạ. Nhưng sau đó, Kinh Kha bị Tần Thủy Hoàng phản bội những điều đã cam kết trong mật đàm. Kinh Kha trở về, tìm bạn là Tay Kiếm Vô Danh và Cao Tiệm Ly để vẫy một cuộc đời đá vá trời khác: "Lại hành thích Tần Thủy Hoàng".

Câu chuyện này được kể lại bởi một trong hai người đang cùng nhau tìm đường vừa trốn Tây, vừa trốn Việt Minh. Người lớn tuổi cho biết có ông anh làm cách mạng lưu lạc qua Tàu, tình cờ đọc được một cuốn "ký sự lịch sử" có tựa *Ba lần gặp Kinh Kha...*

Hai người bạn đã dùng câu chuyện này để suy luận mà tìm một con đường cho chính mình.

Và phân kết luận, Dương Nghiễm Mậu viết:

*Người trẻ tuổi nói: "... Bây giờ có nhiều đất Tần bất trắc, nhiều Tần Thủy Hoàng, nhiều sông Dịch phải vượt qua... Chiến sĩ một đi không trở lại, tôi không chấp nhận quan niệm ấy, lên đường là phải nghĩ đến ngày trở về..."*

Còn người lớn tuổi, kể đã kể lại câu chuyện mới về Kinh Kha:

*"Tôi từ chối lựa chọn cả hai con đường ấy. Ai buộc chúng ta phải chấp nhận con đường có sẵn?..."*<sup>[1]</sup>

Người lớn tuổi muốn chọn con đường thứ ba. Một con đường mà chính tác giả Dương Nghiễm Mậu cũng chưa biết nó ra sao!

Đó là thân phận trí thức trong đất nước Việt Nam cuối thế kỷ XX.

Vũ Hạnh thời trước tháng Tư 1975 sống ở miền Nam, được không ít những bạn bè trong lẫn



ngoài văn giới là những người ở miền Nam bảo bọc. Những trí thức miền Nam yêu nước và có ý thức. Vũ Hạnh chơi với Trương Đình Cử, dịch giả *Tội ác và hình phạt, Con bạc...* của Dostoevski; với họa sĩ Phạm Tư... trong hồ tắm Chi Lăng Gia Định. Tức Vũ Hạnh cùng trong nhóm Hòa bình Bán vẽ. Vũ Hạnh làm tờ báo *Tin văn* chò ngày 30 tháng Tư 1975 để vẽ cờ đỏ sao vàng tung hô Đảng.

Cuối bài viết nói trên, Vũ Hạnh kết luận: "Ông Dương Nghiễm Mậu hành động vì cái gì, hành động theo hướng nào thì chúng ta đã rõ, ngoại trừ ông Phạm Xuân Nguyên và những người chủ trương đưa sách của ông Dương Nghiễm Mậu đến với đồng đảo bạn đọc."

Nhưng dường như Đảng không biết Vũ Hạnh là ai, đã làm được những gì cho Đảng! Ngoại trừ một lần được Đảng ban chút ân sủng cho đi Nga, sau đó, dường như Vũ Hạnh không được Đảng "cho" thêm ân huệ nào. Đó là con đường thứ ba của Vũ Hạnh. Vậy tại sao Vũ Hạnh lại "tấn công, đấu tố" khi Phương Nam in lại sách của Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên? Vũ Hạnh có mục đích gì?

Và tôi nhớ tới truyện ngắn cô sơn nữ bị hiếp trong lùm cây của Vũ Hạnh. Có phải xã hội đó, vùng đất đó có "ma, quỷ", nên Vũ Hạnh bị ám và đặt bút viết lên những dòng chữ không nên, và chẳng thể viết từ một người có đầu óc suy nghĩ bình thường về những bạn đồng nghiệp của mình sau 32 năm chiến tranh đã chấm dứt trên đất nước?

Tôi lại đọc được một bài của nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên trả lời Vũ Hạnh, với tựa "Gửi Ông Vũ Hạnh", đăng trên trang nhà talawas ngày 24 tháng 4-2007. Trong bài trả lời này, Phạm Xuân Nguyên nhắc tới Trần Mạnh Hào trong một câu chuyện rất nên biết, nhất là đối với những người Việt ở hải ngoại mấy lúc gần đây khi đọc những bài "phê bình Đảng và Nhà nước" của Trần Mạnh Hào, đã tung hô Trần Mạnh Hào là... "anh hùng dân tộc". Xin trích:

*"Riêng về thơ, tôi (PXN) đã nêu lại nhóm Sáng Tạo và vai trò của Thanh Tâm Tuyền trong sự vận động đổi mới thơ Việt sau 1945. Đề xuất của tôi vấp phải những phản ứng quyết liệt, gay gắt của một số người mà tựu trung lý lẽ của họ cũng như ông (Vũ Hạnh) bây giờ: nhân thân tác giả là "ngụy", và nội dung tác phẩm là "phản động, đòi trụ". Ông Trần Mạnh Hào đã có hơn một bài phê phán trực tiếp tôi về chuyện này, và liên quan đến thơ Thanh Tâm Tuyền ông ấy đã cho tôi là "giật lá cờ máu trong tay thơ ca kháng chiến trao về phía bên kia."*

Trần Mạnh Hào, dường như là một trường hợp rất hiếm trong giới nhà thơ... rất thích MÁU!

Nhưng cũng Trần Mạnh Hào, trong bài "Lại bàn về thơ hiện đại" đăng báo *Nhân dân Chủ nhật* (số 45, ngày 6 tháng 11-1994) thì lại viết về vấn đề này như một vòng quay 180 độ:

"Trong dòng văn học chính thống của miền Nam Việt Nam, Thanh Tâm Tuyền giữ một vị trí khá quan trọng. Về thơ, ông là ngọn cờ trong nhóm Sáng Tạo." (Trích Phạm Xuân Nguyên. "Biến cố thứ nhất của văn học thời hậu chiến: Thanh Tâm Tuyền", talawas ngày 23 tháng - 2006)

Tôi đã từng viết: Trần Mạnh Hào "ly thân", rồi Trần Mạnh Hào "tái hôn" là vậy. Và trường hợp của Trần Mạnh Hào cũng làm tôi nhớ tới truyện ngắn cô sơn nữ bị hiếp trong lùm cây của Vũ Hạnh. Vũ Hạnh đã viết được một truyện ngắn "để đời". Cô sơn nữ bị hiếp và chỉ thù "lùm cây", nơi cô bị hiếp. Cô không có chút oán hờn tên dâm tặc đã hiếp cô! Truyện ngắn của "trường hợp thứ ba". Bởi con đường thứ ba là con đường mà những người như Vũ Hạnh và Trần Mạnh Hào không đủ bản lĩnh và khả năng để tìm đến. Nhưng "trường hợp thứ ba" lại là trường hợp của bi hài và khốn nạn.

Nước Mỹ trong những thời gian an bình nhất, thời kỳ Rag-Time và ngay cả vài thập niên cuối thế kỷ XX, trước triều đại Bush con, vẫn còn tương đối bốn phương phẳng lặng, hai kinh vĩng vàng, thì hai chữ "anh hùng" (hero) là những hình tượng, ấn tượng rất dễ chịu. Đó là các cầu thủ football, basket-ball; đó là một ca sĩ nhạc Rock & Roll; hay một chú bé 14 tuổi vừa nhào xuống sông cứu được một cô bé 8 tuổi đang sắp bị chết chìm, v.v...

Bây giờ, "anh hùng" của nước Mỹ là "anh hùng Iraq". Tức là loại "anh hùng" vì nhờ đã đổ máu chính mình hoặc đã làm đổ máu kẻ khác. Loại anh hùng được vinh danh trên màu đỏ của MÁU! Có nghĩa là nước Mỹ đang trên đà... tuột dốc! Vì vậy, "lá cờ máu" đỏ của Trần Mạnh Hào, có muốn trao thì chưa chắc phía bên kia có người (dám) chịu nhận. Vũ Hạnh, Trần Mạnh Hào cứ tiếp tục làm "anh hùng" trong những cơn lên đồng của hai ông! Nhưng hãy "tha" cho những người khác và đất nước Việt Nam.

Tôi cầu mong đất nước Việt Nam thôi đừng có những... "anh hùng".

"ANH HÙNG", và "ANH KHÙNG", chỉ khác nhau có một chữ "K".

Bao giờ đất nước Việt Nam còn "cần" những Anh Hùng, "Anh Khùng Dân Tộc", ngày ấy dân tộc Việt Nam còn có người đổ máu và bị hàm oan, trấn lột, hiếp đáp, tù đày... Và quê hương Việt Nam còn lắm than chậm tiến.

\*\*\*

### Phụ đính :



Dương Nghiễm Mậu và Trần Thị NGH.

### Nhân nghĩ về Khái Hưng

Khái Hưng đã chết như thế nào? Từ rất lâu, mỗi lần gặp lại tên Khái Hưng, tôi lại nghĩ đến điều đó và cùng lúc tôi vẫn muốn biết Khái Hưng, cùng Tự-lực văn-đoàn, cũng như tất cả những người ở thế hệ Khái Hưng đã làm cách mạng như thế nào, họ đã nghĩ gì, làm gì. Họ đã hoạt động trong giai đoạn kháng chiến giải phóng dân tộc ra sao?

*Tại sao Cộng sản thủ tiêu Khái Hưng?* tôi nhớ câu thơ ấy của Thanh Tâm Tuyền. Khái Hưng đã bị thủ tiêu, điều ấy đã chắc. Hồi còn nhỏ ở Hà-nội, đọc một tờ tuần báo vào khoảng năm 1950 gì đó tôi có được thấy trong một thiên hồi ký, không nhớ tên tác giả, không nhớ rõ tên thiên hồi ký, tôi chỉ nhớ thiên hồi ký mô tả lại những ngày tù tội của các chiến sĩ quốc gia bị V.M. bắt giam, trong thiên hồi ký có một đoạn tác giả cho biết đã gặp Khái Hưng trong một trại giam ở

Việt Bắc, tác giả cho biết lúc đó Khái Hưng ốm yếu, bị đi kiết vì bị hành hạ và cuộc sống đầy ải của nhà tù, rồi Khái Hưng chết ở đây, những chiến sĩ quốc gia, những bạn của Khái Hưng đã dẫn tre làm phen quán xác Khái Hưng thay quan tài và an táng trong một khu rừng ở Đại-từ, những điều này tôi nhớ mơ hồ lắm và cùng đó hình như tác giả còn nói ngày Khái Hưng chết là 17-11 năm 1947. Tôi không nhớ rõ, nhưng trí óc tôi còn mường tượng nên viết ra, nó không nhằm cung cấp chính xác một tài liệu, mà tôi chỉ muốn ghi lại những điều mà trong tâm tưởng tôi hai chữ Khái Hưng vẫn có lúc nhớ đến.

Trong thời gian làm tờ Văn Nghệ tại nhà in ở đường Cô Bắc tỉnh cờ tôi được nghe truyện về Khái Hưng, người nói chuyện giới thiệu là một người cháu về đảng bà Khái Hưng, người này nói chính ông đã gặp Khái Hưng lần cuối vào ngày buổi chiều cán bộ V.M. bắt Khái Hưng dẫn đi, bọn cán bộ này là một thứ du kích tự vệ xã, Khái Hưng mặc quần áo thường, mang theo một chiếc chăn dạ màu cứt ngựa, người kể truyện gặp Khái Hưng ở đầu làng, Khái Hưng có nét mặt rầu rầu buồn bã mỉm cười và giơ tay chào. Sau đó, người nói chuyện bảo dù rất kín, mấy tên du kích đã lộ ra rằng họ bỏ Khái Hưng vào bao bố đâm chết rồi quăng xuống sông.

Không hiểu ngoài những điều mơ hồ, không có gì làm bằng chứng kia, còn có những điều nào khác được kể về cái chết của Khái Hưng? Có điều *Khái Hưng đã chết*. Khái Hưng đã chết thực và tác phẩm cuối cùng của Khái Hưng -theo như ghi chép- để lại cho chúng ta là tác phẩm *Bản thảo*, trước khi Khái Hưng bước vào đoạn đường tranh đấu cách mạng cùng các bạn, cùng toàn dân để giải phóng dân tộc và Khái Hưng đã chết trong cuộc tranh đấu đó.

Nghĩ về cái chết của Khái Hưng, cùng lúc tôi nghĩ đến cái chết khác của các chiến sĩ quốc gia kéo theo sự thất bại của những người quốc gia trong lúc đối đầu với Cộng-sản, tôi muốn tìm hiểu và rút ra từ đó những nguyên nhân đưa đến hoàn cảnh lịch sử đương thời mà với chúng tôi buộc phải có trách nhiệm. Trở về khung cảnh, những hoạt động của sau năm 1901 khi Đông-Kinh Nghĩa-thực phải ngưng hoạt động, sau năm 1924 chiến khu Yên-thế của Hoàng Hoa Thám bị tan, sau năm 1930 Nguyễn Thái Học bị chết ở Yên-báy, Tự-lực văn-đoàn với Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam, Tú Mỡ ... hoạt động trên mặt trận báo chí, văn chương không phải chỉ là để làm báo, làm văn chương, mà những công việc của nhóm đã chứng minh rõ, họ chỉ dùng văn chương báo chí để hoạt động cách mạng, hay nói khác đi, nhẹ hơn, đúng hơn dùng văn chương báo chí cho một vận động cải cách xã hội theo tinh thần Tây-phương. Những gì đã được viết ra trên báo Phong Hóa, báo Ngày Nay, cùng các tác phẩm đã minh chứng điều này. Sau bao nhiêu năm bế môn tỏa cảng, người Tây-học, người trí thức mới của thế hệ 1930 đã nhận thấy sức mạnh của Tây-phương, cụ thể là nền đô hộ của người Pháp, người trí thức mới nhận ra sự bại trận, nô lệ của mình: xã hội ta lạc hậu, tinh thần Nho-giáo suy đồi, hủ lậu, dân ta cực khổ thất học, với quá nhiều tệ đoan, mê tín. Họ thấy rõ muốn thoát cảnh lệ thuộc trước hết phải nâng cao dân trí, cải cách xã hội. Và họ đã làm. Các tác phẩm văn chương của Tự-lực văn-đoàn đã đóng một vai trò lớn trong công việc này: mô tả tranh chấp mới cũ, đề cao đời sống mới. Trên căn bản chấp nhận tinh thần tự do, dân quyền của những nhà tư tưởng đã làm thành cuộc cách mạng tư sản 1789 của Pháp. Lý thuyết gia chỉ đạo của Tự-lực văn-đoàn là Hoàng Đạo đã viết: *Mười điều tâm niệm*, Nhất Linh đã viết *Đoạn tuyệt*, Khái Hưng đã viết *Nửa chừng xuân*. Trên phương diện xã hội đã đưa ra phong trào Ánh Sáng. Sau cùng Tự-lực văn-đoàn thành đảng Hưng Việt hoạt động cách mạng, kéo liền theo đó, Khái Hưng chết. Nhất Linh bỏ ghế bộ trưởng chạy sang Tàu, Hoàng Đạo chết ở Tàu, Tú Mỡ, Thế Lữ ở lại với Cộng-sản, còn một mình Nhất Linh bơ vơ, lạc lõng ở Miền Nam đề cao văn chương vượt thời gian không gian, và với *chính bản thân* chọn cái chết chống lại chế độ Ngô Đình Diệm.

Suốt một lịch sử kéo dài ba mươi năm, trong đó liên tiếp 20 năm chiến tranh trên quê hương chúng ta, nếu đổ tội cho cái vận nước mình khốn khổ, khốn nạn thì không nói làm gì nữa, nhưng nói đến trách nhiệm của những ai tự nhận như một chiến sĩ quốc gia thì chúng ta phải nhận chúng ta đã thua, chúng ta phải chịu trách nhiệm nghiêm khắc với hiện tình, và từ đó phải nhận định: từ những vận động của thế hệ 1930, qua cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc đến nay, cuộc cách mạng phải có của chúng ta vẫn chưa chấm dứt, vì chúng ta vẫn chưa có một

mẫu người mới, một xã hội mới được xây dựng trên một ý thức hệ Việt mới. Có phải tôi đã nói lỏng bông lang bang, vì tôi đang viết những gì về Khái Hưng không? Có thể phải mà cũng có thể không vì tôi đã nghĩ đến nó khi nhớ lại những điều Khái Hưng đã viết, và cái chết của Khái Hưng để lại cho tôi. Và vì tôi, chính tôi, đang có những vấn đề đặt ra: văn chương với xã hội, văn chương với cách mạng, sự liên hệ của người cầm bút với xã hội, quê hương và nhất nữa khi đặt mình là nhà văn tôi phải làm gì? Có văn chương nghệ thuật thuần túy không?

Trong số các tác phẩm của Khái Hưng, cuốn được ghi cuối cùng là *Bản khoán*, cuốn sách hình như đã được viết ngay vào lúc đầu những hoạt động cách mạng của tác giả cùng với lúc Nhất Linh viết cuốn *Bướm trắng*. Tôi vẫn tự hỏi: tại sao giữa tác phẩm và đời sống tác giả lại không có một chút liên hệ nào như vậy. Tại sao Nhất Linh và Khái Hưng lại viết được hai tác phẩm thuần túy như thế vào giữa lúc họ bắt đầu hoạt động cách mạng. Có thực *Bản khoán* và *Bướm trắng* đã được viết lúc ấy hay đã viết từ trước mà mãi lúc đó mới in ra?

Hơn nữa Nhất Linh đã viết *Đôi bạn*, và tôi nhớ có đọc được một vài số báo nào đó Khái Hưng viết truyện *Xiềng xích* rõ ràng là những tác phẩm liên can mật thiết đến tư tưởng và đời sống tác giả trong xã hội đương thời ấy.

Có hai tác phẩm của Khái Hưng tôi lưu giữ mà với chủ quan tôi cho là quan trọng và giá trị là *Tiêu-sơn tráng sĩ* và *Bản khoán*. Cuốn trên tôi thích có lẽ một phần vì nhân vật Phạm Thái, một nhân vật vừa là chiến sĩ, vừa là tu sĩ, vừa là nghệ sĩ mà Khái Hưng đã làm sống lại được, còn cuốn sau, tôi cho đó là một tiểu thuyết rất mới của thời đó, và cho đến bây giờ nữa về nội dung đã cho tôi một phần nào lý do sự thất bại của những trí thức mới trong giai đoạn lịch sử vừa qua.

*Bản khoán* của Khái Hưng muốn nói là "bản khoán" của ai? Của Cảnh chăng? Cậu sinh viên trường luật học giỏi đã hai mươi năm tuổi đang yên ổn học hành... nhưng sang năm thứ ba một hôm như chợt lớn vờn trong đầu chàng câu hỏi: "Học để làm gì, và đồ để làm gì?" Rồi câu hỏi trở thành ám ảnh dòng dã hàng tháng, ám ảnh kỳ cho tới khi nảy ra câu trả lời mới thôi. Câu trả lời ấy là: "Học để chẳng làm gì ráo. Đồ cũng chẳng ích lợi gì cho chàng, cho tương lai của chàng." Rồi chàng lý luận âm ỹ trong thâm tâm để tìm nguyên tắc, quan niệm, ý nghĩa của sự sống, của đời mình. Luận lý cho tới lúc đến một kết cục chán nản, đau đớn. sống không mục đích, đời là vô vị. Cảnh không học nữa, và mới bắt đầu một cuộc phiêu lưu, dẫn mình vào cuộc sống chơi bời. "Muốn thì được" Cảnh thường nói. Mà khi người ta giàu như Cảnh thì người ta lại càng dễ được cái người ta muốn. Vì thế mà ngay đêm hôm ấy Cảnh đã trở nên tình nhân người yêu của bạn. Khi đã phạm tội, hai người ngỏ với nhau những ý riêng của mình rồi ôm nhau cười ngất.

*Liên bảo Cảnh:*

- *Đối với bọn chúng ta chả còn cái gì chúng ta cho là thiêng liêng nữa.*

*Cảnh lạnh lùng:*

- *Rõ em khéo nói kiểu cách!... Và ở cái thời gian khoa học này, đến thần thánh cũng đã mất hết thiêng liêng đối với lòng tin ngưỡng thành kính của người đời, thì còn cái gì đáng gọi là thiêng liêng nữa. Họ chẳng chỉ có cái tính xác thịt, cái thú vui hiện tại đáng gọi là thiêng liêng cho một cái gì".* Rồi Cảnh yêu Lan Hương, rồi yêu Hào, ăn chơi, đánh bạc, bán cả nhà của bố cho, sau chót bỏ đi, đi đâu, phải chăng đó là cái "bản khoán" Khái Hưng muốn nói?

Hay cái "bản khoán" đó là cái "bản khoán" của ông Thanh Đức, xuất thân từ một gia đình buôn bán, cai thầu, kinh doanh, và ông đi theo con đường ấy, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến tiền, đến mỗ, đến đồn điền, cho ngay tới khi đang đánh bạc với một người tình mà ông đã say đắm theo đuổi nghe nói đến cơ hội làm giàu cũng rũ áo đứng lên ngay. Hoảng, người đang ngồi cùng chiếu bạc đã phê phán: "*Kim tiền! Trời ơi! Kim tiền! Kim tiền làm cho người ta quên hết ghét, yêu, thù, tức để chỉ nghĩ đến nó, chỉ nhớ đến nó, chỉ chạy theo một nó. Kim tiền vạn tuế! Sống mãi trong xã hội này, thì một ngày kia tôi diên thật.*" Chừng như với ông Thanh Đức tiền có thể mua được tất, mua người này một đêm, mua người kia một đêm, mua nhà, mua mỗ, mua nhân nghĩa danh vọng. Như vậy ông Thanh Đức "bản khoán" cái gì, "bản khoán" vì không lấy được Hào chăng?

Hay cái "bản khoán" đó là "bản khoán" của Hảo, con gái độc nhất của bà án, giàu có, trẻ đẹp, 20 tuổi sống một cuộc đời nhung lụa với bên cạnh vô số bậc thượng lưu trí thức, vô số thanh niên tân học tán tỉnh, một người mà bố con Thanh Đức cùng yêu, cùng muốn chiếm đoạt mà cuối cùng lại lấy một người khác. Phải chăng "bản khoán" bày tỏ tâm trạng lưỡng lự khi lựa chọn trước vô số người trước mặt mình của Hảo?

Ba nhân vật Cảnh, ông Thanh Đức, cô Hảo là chính trong câu chuyện "bản khoán" của Khải Hưng. Thời gian của tác phẩm ngắn ngủi, khởi đầu từ lúc có tin ông Thanh Đức muốn tục huyền cho tới khi cô Hảo, người con gái mà ông Thanh Đức theo đuổi, báo tin lấy ông huyện Tô thì chấm dứt.

Khung cảnh xã hội "*một đời nhiều loạn, vô gia đình giáo dục, vô gia đình luân lý*", đưa thanh niên đến nhận định "*sinh ra ở đời để mà sung sướng, để mà thỏa mãn, chứ không phải để khổ sở; để than phiền, hay để theo đuổi một mục đích viển vông nào.*" Khung cảnh của một xã hội thượng lưu với rượu, với cà-phê rum ngây ngất, với những canh bạc không nghĩ đến ăn thua; với một phút quyết định đã đủ phương tiện để rời Hà-nội đi Sầm-sơn tắm biển, rồi từ Sầm-sơn đi Hải-phòng coi chớp bóng, ngủ với gái, với sinh viên luật thấy chẳng cần phải thi đỗ, với bác sĩ có bệnh viện giao cho người phụ trông nom, với những cô gái mà tất cả các bạn đều là tình nhân chung chạ chung gối, chán người này đổi người khác, một xã hội mà ngay trong đó đã có người phán xét... "*thấy đám thanh niên sống không mục đích, hay với mục đích độc nhất là sự chơi bời phóng lãng thì em ghê sợ... cho họ quá, và tiếc cho họ nữa... Những bậc thanh niên trí thức như anh Đoàn em mà chịu khó làm việc, làm việc với lòng tin ngưỡng thì... hay biết bao, có ích cho đồng bào biết bao?*".

Những nhà luân lý đã từng nói đến những truyện của Sagan thời hậu chiến vô luân, mà có ai nhớ đến rằng, chính đời sống vô luân, cảnh chồng chung vợ chạ, cảnh đề cao thú vui xác thịt đã có trong tác phẩm Khải Hưng từ thời tiền chiến ở Việt Nam.

Trình bày câu chuyện *Bản khoán* của Khải Hưng tới đây, tôi ngưng lại để trở về nhận định tôi đã đưa ra: vì sao người trí thức Tây-học đã thất bại trong giai đoạn vừa qua khi lãnh đạo tranh đấu.

Lớp trí thức mới sinh ra sai khi tinh thần Văn-Thân khởi nghĩa đã hết, sau khi lớp trí thức Nho học đã tàn, và người Pháp đã mang văn hóa Tây-phương vào đào tạo một lớp người mới. Từ tình thế lụn bại của tinh thần quốc gia đó, người trí thức Tây-học chạy theo ngay, hạ bệ cái cũ một cách tàn tệ, kịch liệt, và cái mới chói lòa trước mắt làm họ không nhìn thấy gì nữa. Họ du nhập đơn phương, không lựa lọc, không nhìn chính vào mình. Họ lên án nhà Nho câu nệ khuôn bó theo Khổng-học, thì chính họ lại bước theo con đường đó để đến với Tây-học, và tạo ra một lớp trí thức mất gốc, rơi vào cái thực trạng mà cuốn *Bản khoán* của Khải Hưng đã phản ánh. Với lớp người như thế, với tư tưởng như thế, họ làm sao không thất bại, phải chăng, đó chính là điều "bản khoán" của Khải Hưng?

Lỗi lầm của lớp trí thức Tây-học từ ngay lúc đầu đã gây ra, đưa đến hiện trạng này, và ngày nay, lớp thanh niên mới, với bài học cũ của lịch sử, đã nhận ra chưa trách nhiệm của mình từ ngay trên căn bản tư tưởng trong cuộc dẫn thân mà họ phải thực hiện. Hay họ đang tiếp tục đi trên con đường mòn lối cũ xưa mà họ cố tình làm ngơ như không biết? Nhưng tôi vẫn tự hỏi: vì sao giữa lúc bước chân vào cuộc tranh đấu cách mạng mà Khải Hưng lại viết được *Bản khoán*? Không hề có ảnh hưởng giữa đời sống và tư tưởng tác giả với tác phẩm sao?

Sài Gòn 11-1964

## Đọc lại Dương Nghiễm Mậu, nghĩ về văn chương và thời thế Nguyễn Mạnh Trinh

Khoảng thập niên 60-70, thực sự đã có những luồng gió mới thổi tới trong văn học nghệ thuật miền Nam. Giữa người đọc và người viết hình như chung một ý hướng là làm mới lạ văn

chương, để khác đi với thời trước, thời tiền chiến và thời của Tự Lực Văn Đoàn. Những tác giả trong những tác phẩm của mình và các tạp chí văn học đã cố gắng trong nỗ lực ấy. Người viết mang những trào lưu tư tưởng triết học tây phương mà trong đó những tư tưởng hiện sinh là một, Trong khi đó, người đọc, phần đông trẻ tuổi là sinh viên học sinh hoặc những người lính chưa có nhiều năm quân ngũ, cũng theo dõi một cách hào hứng những trào lưu tư tưởng có khi trở thành thời thượng.

Khi ấy, chiến tranh bắt đầu có những ảnh hưởng sâu sắc đến mọi người. Cuộc sống không những chỉ phi lý, bị dặt trong triết học trong văn chương mà còn phi lý và bi đát thực tế của con người. Thời thế tạo ra những bi thảm do con người tạo ra cho con người và đôi khi do chính mình tạo ra cho mình bởi sự dằn vặt nội tâm, bởi sự cố nhận diện mình là ai trong cái sương mù của cuộc đời, trong những điều tương phản cực độ với nhau.

Một người viết, có phong thái riêng, có cá tính riêng, của tuổi trẻ cô đơn, của lòng phẫn nộ trước những phi lý của cuộc sống, là nhà văn Dương Nghiễm Mậu. Hình như, ông đi một mình một đường trên con đường văn chương của mình. Tiểu thuyết của ông, những nhân vật bằng bạc những nét hiện thực nhưng lại xa lạ và khó kiếm tìm trong cuộc sống hiện hữu. Không gian, thời gian, cũng mờ ảo không xác định, như một cõi sống nào, có không lẫn lộn và con người là thực thể chất chứa đầy những đối nghịch lẫn nhau. Nhân vật của ông, luôn xưng tôi ở ngôi thứ nhất, để như một cuộc độc thoại, để cái "tôi" của tác giả nhòa nhạt vào cái "tôi" của từng nhân vật.

Xuất hiện trong một trường hợp đặc biệt với truyện ngắn "Rượu chưa đủ" coi như là một khám phá tài năng mới của nhà văn Mai Thảo trên tạp chí Sáng Tạo. Ông đã tạo cho mình một chỗ ngồi riêng, một chỗ ngồi mà sau này, gần nửa thế kỷ, sau bao cuộc đổi thay, sau những biến cố chính trị, vẫn được xác định như một nhà văn có đóng góp vào gia tài văn chương của dân tộc. Tự Điển Văn Học, in trong thời của chế độ đã bắt giam ông với tội danh là văn nghệ sĩ, trong ấn bản mới nhất có viết về Dương Nghiễm Mậu:

"Dương Nghiễm Mậu là một trong những nhà văn Việt Nam thế hệ 60-70 đã đào rất sâu vào bản chất của cuộc hiện sinh con người. Ông đứng riêng một cõi, dường như không có bạn đồng hành, và đã tạo được một lối cấu trúc về truyện ngắn, truyện dài nằm trong nhân sinh quan bao quát của triết học hiện sinh và vô thần..."

Jason A. Picard, của đại học UC Berkeley trong bài; "Poisoned Water: Vietnamese Youth in the Works of Duong Nghiem Mau" ("Nước Độc: Tuổi trẻ Việt Nam trong tác phẩm Dương Nghiễm Mậu") có viết lời mở đầu bài essay của mình:

"Vào năm 1954 hàng triệu người Việt ở miền Bắc di cư xuôi Nam theo giải pháp của Hội Nghị Geneve. Trong làn sóng người tị nạn ấy có một cậu trai trẻ mười tám tuổi, Dương Nghiễm Mậu. Hơn bốn năm tiếp theo ông đã di chuyển từ thành phố này sang thành phố khác: Huế, Nha Trang và Sài Gòn trong thời kỳ chính thể Việt Nam Cộng Hòa mới thành lập. Kinh nghiệm của ông là của một người tị nạn di cư, đã trải qua thời niên thiếu trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất và cuộc đời ông là của một người trẻ trưởng thành ở giữa những trạng thái căng thẳng chính trị càng ngày càng tăng ở miền Nam bắt đầu thành những phóng ảnh và luận đề cho những truyện ngắn và tiểu thuyết của ông. Nhân vật chính của Dương Nghiễm Mậu là những người tuổi trẻ Việt Nam vật lộn với những biến cố của xã hội thay đổi cũng như những xung đột giữa người với người và người với chính nội tâm của hấn.

Bài viết sẽ nhắm thử nghiệm những tác phẩm của một tác giả trong những tác giả danh tiếng nhất của miền Nam Việt Nam: Dương Nghiễm Mậu. Khởi từ những kinh nghiệm bản thân và sự lưu tâm đến văn hóa của tuổi trẻ, ông đã mở những cánh cửa để độc giả nhìn thấu vào tuổi trẻ miền Nam Việt Nam trong những thập niên 1950, 1960, 1970. Tuổi trẻ ấy tham dự trong vai trò của vở kịch lịch sử bi đát của một thời kỳ nhưng họ đã bị quên lãng trong chữ

nghĩa. Sự khám phá của tôi từ tác phẩm Dương Nghiễm Mậu sẽ cung cấp nhiều hiểu biết thực thể về Việt Nam Cộng Hòa, trong văn học và trong văn hóa tuổi trẻ nữa..."

Khởi viết từ năm 1957, đến năm 1975, ông đã hoàn tất rất nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn, ký sự. Truyện ngắn như: Cũng Đành, (1963), Đêm (1965), Đôi Mắt Trên Trời (1966), Sợi Tóc Tìm Thấy (1966) Nhan Sắc (1966), Kinh Cầu Nguyện (1967), Ngã Đạn (1970), Cái Chết Của... (1971). Truyện dài như: Gia Tài Người Mẹ (1964), Đêm Tóc Rối (1965), Tuổi Nước Độc (1966), Phấn Đấu (1966), Ngày Lạ Mặt (1967), Gào Thét (1969), Con Sâu (1971). Ký sự như Địa Ngục Có Thật (1969), Quê Người (1970)...

Một tác phẩm đoạt giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1964 là truyện dài Gia Tài Người Mẹ. Gia tài rách nát của Mẹ Việt Nam đầy chia rẽ và hận thù. Những nhân vật: u già, người mẹ, bốn đứa con tên Thạch, Nhược, Nhẫn, Tuấn, có mặt trong những hoàn cảnh nghiệt ngã kể chuyện về mình với cái chủ quan và nhìn sự kiện theo cách bóp méo để có phần lợi cho mình. Gia tài là một căn nhà đổ nát trống trơn chẳng có ý nghĩa thực tế nào nhưng là mục đích của những cuộc tranh dành, gấu ó. Cái gia tài ấy, có phải liên tưởng đến những quốc gia nhược tiểu, khốn khổ bị chia rẽ bởi các đại cường và lao mình vào những cuộc chiến ủy nhiệm làm người lính đánh thuê để phần thưởng là những đồ nát hoang tàn cho cả dân tộc. Người mẹ, yếu ớt về thể xác và tan nát về tâm hồn có hai đời chồng ở hai vị trí chống đối nhau ở hai chiến tuyến nhưng đều bị hy sinh để lại cho người vợ những đứa con hai dòng máu. Người chồng đầu thì bị chết trong tù còn người thứ hai thì bị lính lê dương giết chết trước khi hãm hiếp người vợ. Cuộc hãm hiếp ấy tạo ra đứa con lai là Nhẫn, kết quả của những oan khiên của những tình thù quán quít với nhau. Mỗi nhân vật kể chuyện mình, khi độc thoại, khi đối thoại, trong cái chủ đích trình bày cho được cái số phận của mình. Thân phận của Nhẫn, một đứa con hoang, ra đời trong cái nghiệt ngã của một xứ sở chiến tranh luôn luôn bị dẫn dắt bởi những mặc cảm đeo đẳng suốt cả đời. Hãy nghe Nhẫn trong vai trò của tôi ngời thứ nhất thổ lộ:

"Tôi là giọt máu của một kẻ thù trong gia đình này. Kẻ thù đó là bố tôi, nhưng có thực bố tôi là kẻ thù đích danh không? Tôi nghĩ bố tôi không bao giờ lại thế. Bố tôi cũng chỉ là một nạn nhân, một kẻ đánh mướn mang bản án tù đầy chung thân không sao gỡ được với thân phận nhược tiểu ốm o gầy yếu trong thực tại nhân loại. Bố tôi còn sống hay đã chết rồi? Sống hay chết số phận những người đồng loại với bố tôi đều không thay đổi."

Nhẫn là kết quả của sự oan nghiệt, của người mẹ mang thai của một kẻ hãm hiếp mình để đứa trẻ lớn lên với nỗi day dứt của đứa trẻ ra đời ngoài ý muốn và chịu đựng tất cả những ghê lạnh của người chung quanh. Còn nỗi niềm nào quay quắt đau xót hơn khi Nhẫn cứ dày vò với ý nghĩ: "tôi là điều để các anh tôi nhớ rằng chính mẹ tôi đã bị nhục nhã khốn khổ, bố họ đã bị giết, kẻ giết đó chẳng phải ai xa ai mà chính là bố tôi..."

Nhẫn đã tự tử nhưng vẫn sống để có mặt trong một tấn bi kịch của một xứ sở đầy những cuộc chém giết phân tranh.

Gia Tài Người Mẹ là một cái nhìn trở lại lịch sử, để ở đó, vượt lên thành một tấn thảm kịch biểu hiện cho cả một thời kỳ nhân loại. Phân hóa, tranh giành, cướp lấy một phần gia tài đang đổ nát, để mọi người trong gia đình thành kẻ thù lẫn nhau. Người mẹ là dẫn đi trong những viễn tượng vô cùng thảm đẫm, những đứa con không thèm nhìn mặt nhau, hàm hè trong sự đấu đá giành giật để mong cướp cho mình những gia tài trống rỗng đổ nát. Trong khi đó, ở ngoài, những kẻ lạ mặt hung hãn đang chờ để cướp tay trên.

Sống trong một xã hội chiến tranh đầy nghịch cảnh, con người không những phải chiến đấu với người ngoài mà còn phải phấn đấu với chính mình. Trong tác phẩm này, Dương Nghiễm Mậu đã nêu ra một ý tưởng: đừng trách người hãy trách mình. Bởi vì mình phân hóa giành giật với nhau nên kẻ thù bên ngoài mới lợi dụng được để gây hoang tàn đổ vỡ cho dân tộc. Gia tài Người Mẹ không phải là một tác phẩm phản chiến. Tác giả chỉ nêu ra một biểu tượng và không có tham vọng đặt ra những phương cách giải quyết. Thực tại của đất nước đã được

nhìn ngắm với con mắt sắc sảo muốn đi sâu vào trong nội tâm con người và với một thái độ thật rõ ràng. Đó chẳng phải những lời kêu than, chẳng phải là những lời chạy tội như lời nói và thái độ của những nhân vật trong truyện. Gia Tài Của Mẹ là của ngôn ngữ văn chương muốn đi sâu vào sự phức tạp của cuộc sống của một đất nước chiến tranh. Từ những nhát dao sắc bén giải phẫu, chúng ta thấy được những cục u ung thư ăn ruỗng trong tâm cảm con người...

Năm nay 2007, nhà xuất bản Phương Nam ở trong nước đã in lại bốn tác phẩm của Dương Nghiễm Mậu: là bốn tập truyện ngắn Đôi Mắt Trên Trời, Nhan Sắc, Cũng Đành và Tiếng Sáo Người Em Út. Những Tác phẩm này đã gây xôn xao dư luận, người tán đồng kẻ phản đối chê trách ở trong nước.

Tập truyện Đôi Mắt Trên Trời do nhà xuất bản Giao Điểm in năm 1966 được tái bản đáng kể nhất là Bộ ba Mậu truyện: Lấy Máu, Những Chuột, Và Rệp. Trong đó những cuộc sống giữa người và vật cùng ở trong một mức độ bi thảm nên rất nhiều điểm tương đồng. Chính vì những truyện này nên có cô giáo Lê Anh Đào đã phản đối nhà xuất bản Phương Nam cho rằng đọc sách Dương Nghiễm Mậu là thú vật hóa con người và lưu manh hóa hình tượng văn học.

Truyện Lấy Máu kể lại một câu chuyện của một đứa bé phải chịu làm dụng cụ để quảng cáo cho món thuốc cao của Năm Sài Gòn. Hấn rạch tay thẳng bé rồi dùng cao dán lại để quảng cáo cho món thuốc cao Giang Đông. Thằng bé dùng máu của mình đổi lấy miếng ăn nhưng dần dần hết cả máu, khi rạch ra thì chỉ còn rỉ vài giọt và những vết khứa khác thì mưng mủ hôi thối. Rốt cuộc thì cái trò quảng cáo lừng gặt ấy cũng không mà mất được ai và cái trò mãi võ ấy trở thành một trò múa rối không có khán giả. Truyện mô tả với giọng văn bình thản biểu lộ tính bình thản không cảm xúc của con người trước nỗi đau đớn của người khác.

Trong một xã hội mà đau khổ là chuyện bình thường, con người thường lạnh lùng và vô cảm đến mức trở trở như gỗ đá...

Truyện Những Chuột kể lại cuộc sống giữa Lão chệt, đàn chuột và con chó. Trước đây lão có ba chuồng nuôi chuột để thăng Lai con lão chở lên Sài Gòn cho mấy quán nước làm xiu mại. Nhưng rồi thăng Lai cuỗm đi con Xiêm của lão và không về nữa nên nhà lão không còn ai lui tới. Lão sống với đàn chuột, vừa là bạn vừa là thức ăn cho lão sống. Đến một ngày có một con chó là người khách lạ đến ở. Rồi đến khi đàn chuột bị vắng đi và lão Chệt nghĩ rằng con chó có thể ăn tươi nuốt sống lão nên bất ngờ lão hạ thủ con chó rồi moi gan nướng ăn và uống máu của chó còn xác thì mang bỏ ra giữa nhà để đàn chuột sâu xé. Vài ngày sau, ở xóm ấy có nhiều người chết vì bệnh dịch hạch.

Chệt, chó, chuột, cùng một vắn mẫu tự, cùng có những đặc tính giống nhau của một cuộc sống phải giết nhau để sống còn. Lão chệt là biểu tượng của con người tha hóa, khôn ngoan thủ đoạn hơn con chó và cũng dữ dằn hơn loài chuột là một biểu tượng tàn ác, nguy hiểm hơn cả bệnh dịch đã giết hại bao nhiêu người.

Truyện Và Rệp là một cuộc đối đầu giữa ông Tư và loài rệp. Một cuộc chiến dai dẳng dù ông Tư có thuốc DDT làm vũ khí để diệt trừ. Chỉ được một thời gian ngắn rồi rệp lại sinh sản trở lại. Ở đâu có con người là ở đó có rệp. Và ông Tư nổi điên đốt nhà để diệt trừ tận gốc loài vật này. Cuộc chiến đấu giữa người và vật đã chấm dứt trong kết quả phi lý ấy.

Bộ ba Mậu Truyện như lên án sự ác độc của con người và tất cả hình như đẩy vào thế tuyệt lộ của tan vỡ của hoang tàn và của những điều phi nhân văn thân nhiên xảy ra trong cuộc sống loài người.

Truyện Đôi Mắt Trên Trời là những suy tư của một người sắp chết. Thực ra hẳn đã chết từ lâu khi được vớt từ dưới nước lên và từ đó hẳn đã sống mà như chết rồi. Cái chết được mượn tượng từ cái chết của chiếc lá và con sâu. Con sâu giết chiếc lá làm nó rụng xuống đất, nhưng con sâu cuối cùng của một cây đang dần chết sẽ ra sao? Sẽ bị chim ăn, bị rớt xuống đất vì cơn gió hay bị lũ kiến làm thịt. Nổi chết, ai cũng sẽ có và sẽ giống nhau như hẳn



đang nằm trên giường bệnh và tưởng tượng đến ngày cuối của mình. Sống cũng là trống rỗng mà chết thì cũng trống không. Con người xa lạ với chính đời sống mình.

Nhan Sắc, tập truyện do nhà xuất bản An Tiêm năm 1966, Văn Xã tái bản năm 1972 và Phương Nam tái bản năm 2007. Tất cả gồm các truyện: Người Tình của Trương Quỳnh Như, Một Người Lên Núi, Nhan Sắc, Từ Hải và Cuộc Phiêu Lưu của Đời Chàng, Kinh Kha, Con Chủy Thủ và Đất Tân Bất Trắc. Tập truyện như một chuỗi đời sống, xuất hiện từ trong một thế giới lung linh của suy tưởng nào nhưng chuyên chở và gói ghém những nỗi niềm của cuộc sống. Phần nộ có, bi quan có, nỗi đờn đau của kiếp nhân sinh không phải hình thành từ mệnh số đã định mà do chính con người tạo ra và hằn vết vào tâm thức. Không hiểu tác giả Nhan Sắc có quá tay một chút hay không khi phác họa những cuộc sống tối tăm, những suy tư của tuyệt lộ đường cùng? Vắng bóng sự tươi tắn lạc quan, những hoàn cảnh của người đầu hàng định mệnh, Dương Nghiễm Mậu tạo ra những thế giới ảo riêng nặng phần trí tuệ.

Truyện Người Tình Của Trương Quỳnh Như, vẽ ra một khuôn mặt Phạm Thái như một biểu tượng của kẻ sĩ thời đại. Thời thế đổi thay, non sông dời đổi, con người dù cố gắng đi tìm ý nghĩa của cuộc sống cũng có lúc nản lòng mượn men say để lãng quên. Nếu cuộc đời là một trường đại mộng thì tài trí có lúc cũng đủ để làm một Phổ Chiêu Thiên Sư để cay đắng thốt ra những lời phẫn chí.

Những nhân vật lịch sử được Dương Nghiễm Mậu làm sống lại và khoác choàng theo những suy niệm của riêng ông. Nhan Sắc viết về những người làm cách mạng và dù họ là những người bất lực trước xoay vần của lịch sử nhưng cái chết của họ chính là sự chọn lựa rất ráo đến tuyệt đối trong sự tương đối có thể. Qua cuộc dấy binh của Cao Bá Quát để có nhân vật thầy khóa Nhâm và người khách vô danh đã mang cái chết anh hùng làm ý nghĩa cho lẽ sống trên đời.

Rồi những truyện Từ Hải và Cuộc Phiêu Lưu Cuối Đời Chàng, Kinh Kha, Con Chủy Thủ và Đất Tân Bất Trắc là những hình tượng của Từ Hải và Kinh Kha theo những phác họa mới với những ưu uất của thời sự hôm nay. Họ là ai, là kẻ anh hùng hay người lãng tử vãng mạng, là kẻ đi xây dựng cơ đồ hay phá đổ cơ đồ. Họ hiện hữu hay không giữa những trường cửu lịch sử. Họ là mẫu người thật hay chỉ là những hình tượng ảo của một thời lịch sử đa đoan. Những con đường mà họ lựa chọn, đến ngày hôm nay còn ý nghĩa nào cho những người sau, cho những lúc vận nước chông chênh dân tình làm than đất nước mịt mù khói lửa. Con đường nào sẽ đi để có lúc sẽ trở về mà không mất hút theo những bọt bèo thời cuộc...?

Tập truyện Cũng Đành với Niềm Đau Nhức Của Khoảng Trống, Người Ngồi Đợi Mũ, Bồn Cát Tuổi Thơ, Tiếng Động Trên Da Thú, Cũng Đành... là những phác họa chân dung con người trong những hoàn cảnh là anh chàng có cái bưôu nhưng khi bị cắt đi thì thấy dường như mình là một người khác và mất đi một phần đời sống của mình trong Niềm Đau Nhức Của Khoảng Trống hay là lão Giăng một Tây thực dân chủ đồn điền gian ác và người thanh niên định giết hắn, cả hai là những người lơ lảo giữa thực tại và dĩ vãng, đều là khuôn mẫu của đời người bất lực và xa lạ. Cũng Đành là của một nhân vật đi kháng chiến bị sốt rét uống quinine đến tai bị điếc sống bằng nghề bới rác và bị mật thám bắt tra khảo để tìm một lý lịch. Cho đến chết hắn vẫn chưa trả lời được mình là ai. Mà là ai? Từ đâu tới? Cái lý lịch của một kẻ lạc loài trong chính đất nước mình.

Truyện Tiếng Sáo Người Em Út là câu chuyện của hai anh em về cái chết của người cha. Người anh mới đi xa về nghe người em kể về một người cha hiền lương và khi tiễn chân cha về cõi khác đã thổi khúc sáo có âm điệu hân hoan cho nhẹ lòng người ra đi không vướng bận một điều khuất lấp nào trên trần thế. Người em bảo rằng sẽ ra đi vì chốn này không còn gì vướng bận nữa và người anh cũng nói đã trở về thì sẽ ở lại. Nhưng, mọi sự vẫn không đổi, người em vẫn ở lại và người anh vẫn sẽ ra đi. Đi và ở, nơi nào cũng vậy thôi nên ta có sự an

nhiên tự tại. Sự lựa chọn sẽ phải có nhưng như cuộc đời, thân nhiên và lạnh lùng trôi... Đọc truyện dài Tuổi Nước Độc, thấy được bút pháp lúc sôi nổi lúc lạnh lùng nhằm lột tả một tâm trạng, một tâm tư của tuổi trẻ bị ảnh hưởng nặng nề trong chiến tranh. Những đoạn độc thoại, những hình tượng bạo lực, những sa đọa nầy nọ, những đen tối phủ nhòa cuộc sống. Thế giới con người bị bôi đen, bị quan và họ sống gần với bản năng hơn là lý trí.

Dương Nghiễm Mậu viết về Hà Nội trong Tuổi Nước Độc với nhân vật Ngạc người sống một thành phố bất an, sống lẩn lộn giữa lòng yêu thương và sự khinh ghét. Sống nhờ gia đình nhờ sống bám vào ông nội nhưng lại khinh ghét cái nghề cho vay nặng lãi. Ngạc sống như một người lêu bêu, ích kỷ và vô luân. Cũng như Tân một người bị tàn tật trong chiến tranh được may mắn cứu sống nhưng lại không đường sinh kế và chết dần chết mòn. Còn Ngạc bị đưa em khác mẹ dí bàn là vào mặt và trở thành một người độc ác, giết người thím tàn tật, chiếm hữu xác thịt người chị đã từng giúp đỡ mình. Ngạc sống như một thầy ma thói rữa, ngụp lặn trong tội lỗi. Con người thấp thoáng của hư vô, của bạo lực ghê tởm, của bóng dáng chiến tranh xa gần.

Đêm Tóc Rối với nhân vật Lễ là người luôn tự hỏi mình là ai, hoài nghi cuộc sống, không tin tưởng vào một giá trị nào và sống gần với bản năng hơn là lý trí. Say mê dục tính, ngoại tình với một người đàn bà có chồng dâm dăng, để làm chỗ trú thân cho dục vọng như nhóp bần thiu. Hắn luôn luôn đặt câu hỏi nhưng không bao giờ tự trả lời, luôn đầu hàng mọi sự khi khởi đầu. Đời sống với hắn là hư vô là không nghĩa lý ngay việc làm tình hay phân biệt giữa tình yêu đích thực của người nữ trinh nguyên và mụ nạ dòng dâm dục. Đời sống của Lễ và những nhân vật khác trong Đêm Tóc Rối là những người sống không một chút hy vọng, lẩn lộn có và không, thực tại và hư vô, hiện hữu như một loại dư thừa. Phi lý và không nghĩa lý.

Từ tác phẩm Dương Nghiễm Mậu, nghĩ đến văn chương và thời thế. Có vẻ, như văn chương không thể bị hủy diệt được, nếu là văn chương chân thực. Qua sự sàng lọc, qua những thay đổi chế độ, dù có bị xóa bỏ nhất thời, dù tác giả có bị đẩy ải tù ngục, nhưng tác phẩm vẫn sống. Chuyện thời thế, lúc này lúc khác, lúc mất lúc còn nhưng văn chương vẫn còn mãi mãi. Ở trường hợp bốn tác phẩm của Dương Nghiễm Mậu được tái bản ở Sài Gòn trong khi chế độ Cộng Sản vẫn còn ngự trị có ý nghĩa gì và có tác dụng ra sao trong thời điểm hiện nay?

## Truyện ngắn Dương Nghiễm Mậu Phạm Xuân Nguyên

Việc một số tác phẩm của hai nhà văn miền Nam trước 1975, Dương Nghiễm Mậu và Lê Xuyên, vừa được Công ti văn hoá Phương Nam và Nxb Văn nghệ TP HCM tái bản đang gây nhiều dư luận. Sớm nhất có lẽ là bài viết "Độc sách Dương Nghiễm Mậu – Thú vật hoá con người và lưu manh hoá hình tượng văn học cổ điển của dân tộc" của Lê Ánh Đào trên tuần báo *Văn nghệ TP HCM*, tiếp đến là bài trả lời phỏng vấn "Góp phần khơi thông một dòng văn học vẫn âm thầm chảy" của bà Phan Thị Lệ, Giám đốc Công ti Phương Nam trên báo *Tuổi trẻ* và bài phản hồi "Có phải là 'Khơi thông dòng văn học'?" của Bích Châu trên báo *Sài Gòn Giải phóng* và bài "Lịch sử không thể lập lờ" của Trương Sinh trên báo *Công an Nhân dân*. Gần đây nhất, trong bài "Đâu là tiêu chí của người xuất bản", trên *Sài Gòn Giải phóng*, nhà văn Vũ Hạnh đưa ra các nhận định: "những quyển sách này không chỉ là các sản phẩm văn hóa mà vốn là những vũ khí độc hại về mặt tinh thần", "... nhiều quyển sách của Dương Nghiễm Mậu nổi bật là tính phản động", và việc tái bản "những vũ khí độc hại" này "là một xúc phạm nặng nề đối với danh dự đất nước." Ông cũng cho biết, "rất nhiều người đã thực sự giật mình" khi đọc ý kiến của nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên về Dương Nghiễm Mậu trên tờ *Thể thao-Văn hoá* ngày 13.4.2007.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu bản đầy đủ bài viết của Phạm Xuân Nguyên.

(Talawas)

\*\*\*

Văn chương dân tộc Việt Nam thế kỷ XX, do nhiều hoàn cảnh lịch sử và lý do khác nhau, đã không thuần nhất và thống nhất. Có một thực tế đã trở thành lịch sử là trong giai đoạn 1954-1975 đất nước bị chia thành hai miền lãnh thổ với hai thể chế khác nhau và dưới hai thể chế trên hai miền lãnh thổ ấy đã tồn tại hai nền văn chương khác biệt về ý nghĩa chính trị. Nhưng ở những tác giả và tác phẩm tiêu biểu, ở bên này hay bên kia, đó đều là văn chương đúng nghĩa, tức là có giá trị nhân bản, nhân văn đối với con người. Tôn trọng lịch sử thì phải thừa nhận một thực tế khách quan là văn chương Việt Nam thế kỷ XX có các bộ phận khác nhau, và để hình dung bức tranh đầy đủ về văn chương dân tộc thì phải có sự tổng hợp, thống nhất các giá trị văn chương đích thực từ các bộ phận cấu thành ấy. Độ lùi thời gian và hoàn cảnh chính trị xã hội hiện thời của đất nước đã tạo điều kiện cho việc này. Trên tinh thần đó, “Tủ sách văn học miền Nam trước 1975” do Nhà xuất bản Văn nghệ và Công ty văn hóa Phương Nam phối hợp thực hiện là một ý tưởng và công việc cần thiết và hợp thời, trên cả hai phương diện chính trị và văn chương, đáng được trân trọng và ủng hộ. Lựa chọn in lại những tác phẩm có giá trị văn chương của các nhà văn nhà thơ từng sáng tác ở Sài Gòn giai đoạn 1954–1975 là nhìn văn học ở tư cách văn học dưới con mắt lịch sử. Hơn thế, đó còn là đưa trả lại cho văn chương nước nhà những giá trị xứng đáng của nó và đem lại cho độc giả văn chương những tác phẩm họ cần biết, cần đọc để hiểu đầy đủ, toàn diện hơn nền văn chương dân tộc thế kỷ XX. Có thời ném đá đi và có thời lượm đá về.

Bốn tập truyện ngắn của Dương Nghiễm Mậu (*Đôi mắt trên trời, Cũng đành, Nhan sắc, Tiếng sáo người em út*) vừa được ra mắt ở Nhà xuất bản Văn nghệ là trên tinh thần này. Đọc nó, độc giả sẽ được phát hiện một nhà văn xuất sắc với một lối viết hiện đại, thám dấy chất hiện sinh, đi sâu vào thân phận con người, phơi bày những cảnh ngộ làm người trong một thế giới nhiều bất trắc, phi lý. Do đó đọc ông không thể đọc theo kiểu ngoại quan mà phải bằng con mắt nội quan.

Đọc văn Dương Nghiễm Mậu là đọc những trăn trở, hoài nghi, lo âu, dằn vặt trước những hoàn cảnh có thể biến con người thành chuột, hạ cấp nhân tính thành thú tính (“Những chuột”), trước sự bạo hành của cái ác có thể khiến con người đứng đưng với nỗi đau của đồng loại (“Lấy máu”). Tính biểu tượng của truyện “Những chuột” buộc người đọc từ hoảng sợ đến thức tỉnh.

Đọc văn Dương Nghiễm Mậu là đọc những day dứt lựa chọn của người trí thức, người sĩ phu trước một hiện tại lịch sử: xuất xử hay hành tàng, hành động hay không hành động, hành động vì cái gì, hành động theo hướng nào. Cả tập *Nhan sắc* gần như có thể nói là được viết cho đường hướng tư tưởng này, bằng những truyện dã sử và giả sử. Từ Hải, Kinh Kha, Hồ Quý Ly, Lê Quý Đôn, Nguyễn Huệ, Phạm Thái khi trở thành nhân vật của Dương Nghiễm Mậu đã được nhà văn đặt vào những tình thế lựa chọn, và họ đã phải lựa chọn theo cách của con người hiện đại muốn ở họ. Họ phải lựa chọn để không ngừng đi tìm ý nghĩa của cuộc sống. “*Phải sống. Sống không phải là nương theo những điều đã được định sẵn. Sống là tìm kiếm, lựa chọn, đương đầu...*”, do đó, mỗi người phải tự chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Đọc văn Dương Nghiễm Mậu là đọc những tình cảm bình thường, giản dị, mà chân thành, xúc động, đưa đến những đồng cảm, sẽ chia giữa những con người cùng ở trong một tình thế

sống (“Lời chúc cho kẻ phản bội”). Văn đó không hề hạ thấp con người, ngược lại, nó buộc mỗi người phải bận tâm với chính mình trong tư cách con người. Truyện Dương Nghiễm Mậu như nhẹ nhàng nhưng thực ra rất trĩu nặng những suy tư, triết lý về nhân sinh, cuộc đời mà người đọc phải tự mình chiêm nghiệm hiểu ra. Như câu chuyện của người em nói về cái chết của người cha với người anh đi xa trở lại nhà trong truyện “Tiếng sáo người em út”. Tiễn cha rời cõi sống nhưng người em thoải mái vui vì cả cuộc đời người cha sống không làm điều gì quấy, không có gì ân hận, khi nhắm mắt được nhẹ lòng. An nhiên tự tại, phải chăng đó là cái cách sống dễ nhất mà cũng khó nhất, cho nên trong câu chuyện của hai anh em sự đi ra khỏi nhà hay về ở lại thành ra một chủ đề ẩn ngầm của truyện. Đi để rồi được cái gì, và có thanh thản được không? Và như thế là một câu chuyện tưởng như rất đời thường, nhỏ nhặt về một cái chết dưới ngòi bút Dương Nghiễm Mậu đã bật lên thành một vấn đề lớn của cái sống: sự lựa chọn. Xin hãy hiểu sự lựa chọn đây theo ý nghĩa của triết học hiện sinh mà chắc nhà văn có chịu ảnh hưởng và hẳn là có tâm đắc. Đơn giản và trong trẻo như người em út trong truyện này thực chất là những thắc mắc trước các vấn đề không hề đơn giản của thân phận con người. Người em chỉ đưa người anh là sẽ đi khỏi nhà sau khi cha chết vì không còn gì níu kéo lại nữa. Nhưng cuối truyện người em đã vẫn ở lại. Còn người anh suốt truyện luôn nói đã trở về, không đi nữa, nhưng kết truyện người đọc cảm giác là anh lại đi. Đó là hai sự lựa chọn, vừa hiện thực vừa hiện sinh. Tiêu biểu cho lối truyện này của Dương Nghiễm Mậu là truyện “Niềm đau nhức của khoảng trống”, một truyện như được viết ra theo luận đề triết học hiện sinh về lựa chọn và tự do. Một người có cái bướu trên cổ thấy thừa ra vô ích nên tự cắt đi, nhưng khi cắt đi anh thành một sự không thực, nhưng đấy là hành động lựa chọn của anh. Ở chỗ cái bướu bị cắt chỉ còn lại khoảng trống và niềm đau nhức của khoảng trống cho anh được quyền “*từ khước đám đông, thức giác niềm đối kháng với một bộ mặt vô hình nhìn xuống đời sống*”.

Văn Dương Nghiễm Mậu được viết theo kiểu tẩy xóa không gian, thời gian, đến cả tên tuổi, lý lịch nhân vật, câu chuyện trong truyện của ông có thể ở đây hay ở kia, thời xưa hay thời nay, nhưng nó là hiện sinh, là tình thế lựa chọn, là câu hỏi đi tìm câu trả lời, là quá trình “nội soi” như một nhà nghiên cứu đã phân tích. Được viết ra cách nay xa thì non nửa thế kỷ, gần thì cũng ba chục năm, những truyện ngắn của Dương Nghiễm Mậu vẫn tươi mới về giọng điệu, vẫn sắc bén trong câu chữ, lời văn, vẫn thâm trầm ý tưởng, để khiến đọc vào người đọc phải đối diện với chính mình, phải bị lật trần trong tâm tưởng, từ đó có một khoái cảm tự phân tích, tự nhận thức để thấy ra thân phận và kiếp sống mình. Nếu tính tuổi tác nhà văn khi viết những truyện này (ông sinh 1936) thì mới thấy nhà văn này đã nghiệm sinh từ rất sớm, và nghiệm sinh rất sâu.

Trong nền văn chương Sài Gòn trước 1975, Dương Nghiễm Mậu có vị trí khá đặc biệt nhờ ở văn tài của ông. Ông viết không ồn ào thị trường, không thời sự nhất thời, nhưng lặn sâu vào bề trong con người và bề sâu ngôn ngữ, và ma lực ngòi bút ông khiến ai đã đọc thì không thôi ám ảnh. Văn nghiệp Dương Nghiễm Mậu, ngoài truyện ngắn, còn có mảng tiểu thuyết gồm nhiều tác phẩm, trong đó có những tác phẩm cũng rất đáng chú ý. Tuy nhiên vì nhiều lý do, khó có thể chọn lọc để in lại hết. Còn in lại truyện ngắn Dương Nghiễm Mậu là lựa chọn chính xác. Từ đây có thể hy vọng tủ sách này của Nhà xuất bản Văn nghệ và Công ty văn hoá Phương Nam sẽ tiếp tục cho ra những cuốn khác có giá trị văn chương của các tác giả khác. Văn chương dân tộc Việt Nam thế kỷ XX đang cần được kiểm kê đầy đủ, ngõ hầu một bộ văn học sử thế kỷ này sẽ được viết ra trung thực với lịch sử. –

Hà Nội 12/4/2007

Sáng mùa xuân

Mở rộng cánh cửa sổ, tôi bàng hoàng trước những tia nắng rực rỡ tràn vào trong gian phòng nhỏ, nhìn ra ngoài vườn, nắng như nhảy múa trên những tàu lá xanh tươi còn ướt sương đêm, chùm hoa giấy trên hàng giậu tươi như máu. Tôi đứng im nơi cửa cho nắng rơi lên đầu tóc, lên quần áo. Buổi sớm mai của một ngày mới trong mùa xuân. Trong im lặng tôi nghe như có tiếng một con chim lạ lẩn quất nơi mái hiên. Bỗng tôi giật mình vì tiếng động nơi cửa, nhìn ra, một người đàn bà đang đi vào vườn. Lúc sau tôi mới nhận ra đó là một người bạn cũ.

Tôi bước ra cửa và reo lên. Tôi nghe tin chị xuất ngoại mà. Người bạn mỉm cười nhìn tôi. Bao nhiêu năm mà tôi trông anh vẫn không thay đổi, vẫn trẻ như ngày nào, chỉ có tôi, mới trở thành bà nội được hơn một tháng nay. Tôi thành thực mừng chị. Chúng tôi vào phòng khách, tôi giới thiệu với người bạn cũ vợ tôi và đưa con trai đầu lòng mới được hơn một tuổi. Chị bạn hỏi thăm sức khỏe vợ tôi, bế đứa con tôi lên tay nựng và lấy từ trong xách tay ra một quả chuông nhỏ bằng bạc óng ánh: quà của bác đây, cháu rung đi. Người bạn rung chiếc chuông bạc kêu lên những tiếng kỳ lạ, những tiếng chuông kết lại với nhau như một điệu nhạc. Con tôi giơ cao chiếc chuông lên đầu và lắc liên hồi, mặt nó lộ vẻ vui sướng. Bỏ chuông nhỏ xuống cho nó chạy trong gian phòng, chị bạn cầm tay vợ tôi nói ân cần. Tôi phải xin lỗi chị, hồi đám cưới tôi biết tin mà đang ở xa, vẫn mong có dịp về, mãi nay mới tới thăm chị được, thật có lỗi. Món quà nhỏ để từ hồi đó tới nay mới mang về tặng chị được. Nói xong người bạn đưa cho vợ tôi một chiếc hộp nhỏ bọc giấy màu. Tôi nhìn bạn, mấy sợi tóc mai đã bạc. Tôi nhìn vợ, niềm vui và cảm động trên đôi mắt đen. Tôi nói em mở quà của chị ra coi. Vợ tôi mở hộp giấy, một chiếc vòng đá xanh. Chị bạn cầm lấy, vợ tôi đưa tay cho chị bạn đeo chiếc vòng vào. Vợ tôi nói: cảm ơn chị. Vợ tôi giơ lên đưa về phía tôi, nó xinh quá phải không anh.

Con tôi vẫn rung liên hồi quả chuông bạc, nó chạy quanh gian phòng nhỏ, miệng reo mừng. Chúng tôi cùng nhau ngồi uống trà và nói chuyện. Lúc sau chị bạn nói tôi lại rủ anh chị đi thăm một bạn cũ của chúng ta. Tôi nói tôi cũng đang nghĩ đến điều đó. Vợ tôi đã có hẹn với người bạn lại nhà ăn cơm vào buổi trưa nên không đi được. Vợ tôi nói thật tiếc, và quay sang nói với tôi, hay là anh mời cả anh bạn lại, có chị cùng ăn cơm trưa. Tôi nói với chị bạn: chắc chị không từ chối. Chị bạn cười.

Tôi vào trong nhà thay quần áo, vợ tôi chọn thắt cho tôi chiếc cà vạt đỏ rực rỡ. Khi ra phòng khách, chị bạn nói trông anh nhu mới hai mươi tuổi. Tôi và chị bạn ra khỏi nhà, con tôi rung những tiếng chuông reo vui, nó đứng lại nơi ngưỡng cửa vẫy tay gọi theo chúng tôi.

Khi tới nhà người bạn, chiếc quan tài đang được đưa ra khỏi nhà. Ảnh người bạn do người con trai lớn cầm để nơi ngực, tôi nhìn thấy nụ cười tươi tắn yêu đời, và bỗng như tôi nghe thấy tiếng cười sáng khoái của anh những ngày nào. Chị bạn nói: khi tôi ghé lại, anh ấy không nói nữa, anh ấy chỉ mỉm cười với tôi, sau đó anh tắt thở một cách thoải mái, như là người ta bắt đầu một giấc ngủ. Tôi và chị bạn đi bên nhau sau cỗ quan tài bằng gỗ vàng tâm để mộc, mùi gỗ thơm thân mật. Tôi không nghe thấy một tiếng khóc nào. Những tiếng cầu kinh rì rầm. Tôi nghe vang trong không khí tiếng chuông bạc mà đứa con tôi rung lên vào buổi sớm mai.

Đám tang đi chậm trên con đường có hai hàng cây xanh, thỉnh thoảng chen vào đó những ngọn cây hoa vàng rực, những cánh hoa vàng rụng trải trên mặt đường, tôi nghĩ tới những cánh hoa mai dọc theo một con suối có dòng nước trong xanh.

Anh bạn nói: lúc mình nằm trong quan tài mà lại biết có những tên đều cáng, lừa lọc, những tên mình đã chừa mặt mà đi theo giả bộ khóc méu, tiếc thương thì có khi phải ngồi dậy mà tặng cho một thui, người ta giả dối nhỉ, khóc méu gì mà bày đặt thế không biết. Phải có một phong tục mới cho tang ma mới phải, phải khóc mà chào đón những đứa trẻ ra đời và phải vui cười khi mình

nằm vào trong quan tài. Tiếng cười vang lên nghe sáng khoái khác thường, tiếng cười mà chúng tôi vẫn thường nghe thấy trong những lần gặp gỡ. Có phải anh ấy đang cười bọn mình không? Tôi nói với chị bạn. Tôi nghe thấy anh ấy đang đọc thơ.

Đám tang đã vào tới nghĩa trang. Chiếc quan tài được đưa xuống lòng huyệt với hay dải lụa đào tươi thắm. Tôi cảm một cánh huệ ném xuống. Chị bạn đứng nơi đầu huyệt cất tiếng hát. Tôi băng khuâng với tiếng hát đã xa vắng trong bao nhiêu năm trời. Tôi thấy như cây cỏ cũng ngưng sống để nghe tiếng hát đang vút lên. Mọi người vỗ tay khi chị bạn hát hết bài hát, bài hát mà trong những năm xưa, khi chúng tôi còn trẻ vẫn thường hát cho nhau nghe. Tôi nói với chị bạn, tiếng hát của chị khiến tôi nghĩ tới tiếng hát Thái Thanh, từ hai mươi năm nay tiếng hát ấy vẫn không già, sau này, khi Thái Thanh chết lấy ai hát cho chúng tôi nghe, tôi lo cho con tôi không còn được nghe Thái Thanh hát nữa. Băng, đĩa dù còn nhưng nó như đồ hộp, chị thấy vậy không. Có cách nào để giữ cho những người như Thái Thanh không chết? Chị bạn nói vậy phải làm sao? Tôi sợ tới lúc chị không còn, rồi còn một mình tôi ... Làm kẻ sống sót, làm kẻ không chết thấy như một bản án, phải thế không chị.

Những nắm đất đang được ném xuống lòng huyệt. Tôi rủ chị bạn đi thăm những người quen nằm trong nghĩa trang, chúng tôi nói với nhau về những ngày tháng cũ... Bao nhiêu người quen nằm cả nơi đây, ai cũng im lặng, bình thản như không có điều gì phải nói nữa... Lúc chúng tôi trở lại với anh bạn, mọi người đã ra về hết. Ra khỏi nghĩa trang tôi nói với chị bạn: bữa ăn trưa nay của chúng ta dư một chiếc ghế. Tôi nghe thấy giọng tôi buồn bã.

Trên đường về một người đàn bà khoảng ngoài 50 tuổi, có những sợi tóc bạc trước trán. Khi thấy chúng tôi bà reo lên: tôi đi tìm cậu bây giờ mới gặp. Tôi không biết bà là ai nhưng trong câu chuyện tôi thấy như đó là một người thân mà tôi đã quên tên. Tôi ân hận về điều này. Bà cụ túm lấy tay tôi kéo đi: thôi đi ngay, người ta chờ cậu từ sáng đến giờ, mọi việc cậu cứ để tôi lo. Bà cụ nhìn tôi từ đầu đến chân rồi quay sang nói với chị bạn: đẹp trai quá phải không cô, thật là tuyệt đẹp chứ không phải thường. Tôi cười nói: cụ không thấy tóc tôi bạc rồi sao? Chị bạn nhìn tôi ừ nhỉ, sao tóc anh bạc nhiều thế. Tôi nói: khi vừa sinh ra ông nội tôi tới thăm, ông cụ đã cúi xuống nói chào bạn, như thế chị đủ biết tôi tóc bạc từ bao giờ. Chị bạn nói tôi chưa thấy ai là người lạc quan yêu đời như anh. Tôi nói cảm ơn chị. Bà cụ đi giữa chúng tôi nói chuyện chơi hoa lan, bà cụ nói về những lan hiếm quý và mô tả vườn lan của cụ với sự hãnh diện và nói để hôm nào lan nở đều sẽ mời chúng tôi đến uống một bữa rượu dưới lan. Bà cụ bỗng nói với giọng nghiêm trang: nhưng thực không có gì đẹp bằng người đẹp, hoa đó mới đáng để cho cậu chú ý thôi, có những người đẹp mà khi gặp tôi cũng say mê, người đẹp đâu phải nhiều gì. Bà cụ chỉ tay về phía trước: chúng ta đã sắp tới một vườn hoa rất tuyệt, trong đó chỉ cần một bông hoa mà thôi, tôi nghĩ dù cậu khó tính đến đâu cũng phải hài lòng, liệu cậu có nhớ đường về không. Tôi nói: chắc cụ biết, Từ Thức khi xưa còn biết đường về mà.

Chúng tôi tới trước một tòa lâu đài xinh xắn, ngôi nhà nằm mãi phía trong sau những ngọn cây, những vườn hoa, cánh cửa mở rộng, dù vậy bà cụ không bước vào. Bà cụ nói: hãy đợi có người ra đón. Chúng tôi đứng một chút. Chị bạn nói với tôi: để cho tôi về trước. Tôi nói dạ, mình sẽ gặp nhau chút nữa. Chị bạn chào bà cụ và bước đi.

Một người đàn bà mặc quần áo rực rỡ tươi cười đi từ phía xa lại, dừng trước mặt tôi cười nói: tôi nhờ ông cầm giúp cho tôi cái này một chút. Không chờ tôi trả lời, người đàn bà đưa từ tay sang cho tôi một cái hộp lớn như một gói quà tặng tôi dùng hai tay ôm trước ngực, người đàn bà còn trẻ, đôi môi mọng như hai cánh sen, mắt đen láy, chiếc khăn quàng màu thiên thanh quấn trên tóc rớt xuống đất để lộ ra một mái tóc dài đen nhu suối, người đàn bà cúi xuống, tôi nhìn thấy đôi gót chân màu hồng. Mời ông vào, tôi quay lại, một người tớ gái đang mời chúng tôi, bà cụ cười, chúng tôi cùng bước vào trong vườn. Nhìn xuống thấy mình còn ôm chiếc hộp lớn, tôi

hoảng hốt quay lại, không thấy người đàn ba đầu, tôi chạy ra nhìn cũng không thấy đâu nữa. Tôi phân vân trong khi bà cụ đang gọi. Tôi bước theo, tôi thấy người tở gái như muốn cầm giúp tôi chiếc hộp, tôi đưa ra, cúi đầu, người tở gái ôm lấy và đi lên phía trước. Cánh cửa mở rộng vào phòng khách, chúng tôi bước vào. Bà cụ nói:mọi điều cậu cứ để tôi lo, thế nào cũng xong. Chúng tôi được một đôi vợ chồng già tiếp đón niềm nở, lịch sự, chùng như họ đã sửa soạn từ trước, quần áo chỉnh tề, cử chỉ điềm đạm. Bà cụ giới thiệu tôi với ông bà cụ. Tôi thấy ông cụ như chú ý tới cái hộp mà người tở gái đã để xuống nơi một chiếc bàn thấp. Ngay lúc đó ông cụ cất tiếng gọi vào trong nhà:con gái của cha đâu, ra đây cha bảo. Có tiếng dạ và từ nơi nhà trong, một cô gái xinh đẹp bước ra về thẹn thùng. Ông cụ giới thiệu và nói: đây là con gái rợu của tôi. Cô gái mỉm cười chào tôi và mời tôi đi về phía bên phải của phòng khách rộng, nơi đây có kê một bộ bàn ghế gọn gàng, trong khi ấy ông bà cụ thì mời bà cụ sang bộ bàn ghế kê ở phía bên kia, gian phòng nhu được ngăn ra bởi một dãy những chậu lan kê trên những cỗ voi bằng xứ. Cô gái hỏi tôi dùng gì. Tôi nói cho uống gì mà cô cũng thích. Hai ly nước cam để trên chiếc bàn nhỏ. Tôi nghe văng vẳng tiếng chuông bạc như rung lên ở đâu đó. Cô gái nói:ông biết mấy người già nói gì với nhau không? Tôi mỉm cười: chắc tôi cũng già rồi. Cô gái nói nhanh: không ông đâu có già. Tôi nói thì cô gọi tôi là ông rồi đó thôi. Cô gái nói:tôi xin lỗi, vậy xin cho gọi là anh. Tôi gật đầu, và nói: cô nói những người già nói gì?Họ nói chuyện hôn nhân giống hệt nhu đi mua trâu bò. Anh biết không, hôm trước ông cụ tôi đã nói với một người: con gái tôi có một tài sản lớn, có khoảng hai trăm lạng vàng... có nhà, có xe hơi... Ông cụ muốn mua cho tôi một ông chồng có bằng bác sĩ. Tôi nói nhưng sao đó thì sao?Anh ta chê. Tại sao?Vì tôi nói với anh ta, tôi có người yêu rồi, nói thế anh cũng thấy chưa đủ, anh ta nói không sao, rồi cô sẽ yêu tôi, quên người yêu, tôi nói không phải chỉ có thế, tôi đã có con với người ta rồi. Tới lúc đó anh ta mới thôi và nhìn tôi có vẻ khinh bỉ. Tôi nói:tôi cũng đã có con rồi, con trai. Cô gái cười hỏi:cháu có khá không?tuyệt diệu. Cô gái gật gù:thích nhỉ, tôi cũng muốn có một đứa con. Nhấp một chút nước cam trên đôi môi không son, cô gái ngả người dựa lưng vào một bên ghế, dáng thoải mái, tự tin nhìn tôi:người mai mối đã nói gì về tôi với anh. Tôi nói, bà cụ nói với tôi trong vườn này có một bông hoa rất đẹp. Cô gái cúi mặt không có vẻ gì tỏ lộ. Cô hỏi anh có nghĩ tiền bạc sẽ mang đến cho người ta hạnh phúc không?Tôi thấy tiền bạc có giúp đỡ cho hạnh phúc. Tiền, vàng, nhà cửa, xe hơi có mang đến một người chồng không? Có chứ, nhưng chưa chắc là người ta yêu... Người ta tới coi mặt tôi, nhưng tôi không tin thế, người ta tới xem tôi có nhiều tiền không, có lợi cho người ta không, bọn người thật giả dối. Tôi uống cạn ly nước, cô có biết người ta sinh nở rất đau đớn. Đâu có, tôi sinh rồi, tôi thấy rất êm ái.

Trong một lúc im lặng, tôi lắng tai nghe về phía bên kia tôi chỉ nghe thấy những tiếng thì thầm không rõ, nhưng tôi thấy từng lúc những con mắt ở bên đó nhìn sang chúng tôi. Cô gái nói anh có thích nghe một bản nhạc không. Tôi nói rất muốn. Cô gái tới bên chiếc máy và cầm kim thả xuống chiếc đĩa màu hồng. Cô gái nói: anh có hài lòng về tôi không? Tôi không biết phải trả lời thế nào. Cô gái nói tiếp: tôi có ý định ngay sau đám cưới sẽ hiến tặng tất cả của cải của tôi cho một trại cùi. Tôi ngạc nhiên thích thú, ý cô rất hay. Anh không tiếc sao?Người cùi đáng được giúp hơn. Đĩa nhạc đã hết. Cô gái hỏi: anh muốn nghe nữa không? Tôi nói thôi để khi khác. Cô gái nói: không biết anh còn quay trở lại nữa không nhỉ. Tôi đứng lên: cô có biết chuyện Từ Thức không? Cô gái buồn rầu: Từ Thức đã chết rồi, thi sĩ đã chết hết rồi, hoặc tự sát, hoặc bị ám sát, anh biết không, người ta thay tim người cả rồi... Cô gái cười lớn, tiếng cười vang động cả gian phòng. Tôi cũng cười theo. Khi ngừng lại tôi thấy người ở bên kia cũng đang cười lớn, trong khi cô gái đã im và nước mắt giàn giụa. Giọng cô gái lạnh nhạt: tôi cũng sắp thay tim mới. Tôi nói thế còn trái tim của cô?Cô gái hơi mỉm cười: nếu anh muốn tôi sẽ đóng hộp đông lạnh gửi cho anh, không biết tim xào với hành có ngon không?

Bà cụ già đã đứng lên, tôi cũng đứng lên. Cô gái nói: anh về sao?Tôi nghe văng vẳng đâu đây tiếng chuông bạc rung liên hồi. Tôi nói thấp giọng: ở nhà, vợ tôi ru thằng con trai tôi với nhiều câu ca dao, có một câu có lẽ cô không biết, tôi nhắc lại cho cô nghe: con cò mà mổ cái chai; me ơi,

mẹ lấy vợ hai cho thầy...

Mấy người lớn đã tới giữa phòng, tôi bước ra, khi sắp xuống hiên tôi đưa tay bắt tay cô gái, tôi thấy hai ông bà cụ có vẻ hài lòng. Tôi cúi chào và bước xuống lối đi trải sỏi trắng. Bà cụ nói: xong việc rồi, cảm ơn cậu nhiều lắm. Tôi nói có gì đâu. Giọng bà cụ tâm sự: phải, thằng con tôi nó sẽ hài lòng với người vợ tôi cưới cho nó, nó giống cậu như đúc vậy đó, nó chưa về được, cậu biết, nó bị rớt máy bay nhưng tôi vẫn tin nó còn sống, tháng tới làm đám cưới cậu làm chú rể giúp tôi một lần nữa, nó về kịp đám cưới. Cậu... Câu chuyện bị ngắt ngang, tiếng gọi từ trong nhà ra vang động, cô gái hấp tấp vội vã bưng cái hộp lớn ra, nó đã bị mở tung, cô gái đưa về phía tôi: dạ cái này của ông... Tôi nhìn vào trong thấy một đứa bé đang cười. Tôi nói: không phải của tôi. Nét mặt đứa trẻ bỗng ngỡ ngàng rồi òa khóc. Bà cụ tới bên nhìn vào ngạc nhiên kêu: trời ơi, cháu tôi đây mà, sao khóc tội nghiệp thế... Ông cụ từ trong nhà chạy ra, nhìn đứa trẻ rồi bà cụ ôm ngay lấy: con tôi mà, con tôi mà... Tôi nhìn đứa bé, tôi thấy sao giống người bạn cũ. Đứa bé được bế vào nhà, mọi người bu theo. Tôi đứng lại một mình, nghe tiếng chuông bạc reo. Tôi ra khỏi tòa lâu đài về nhà.

Chị bạn tôi đang chơi với con tôi nơi trước cửa nhà, thấy tôi nó reo lên. Bữa ăn cũ đã dọn xong, chúng tôi ngồi vào bàn, một chiếc ghế bỏ trống. Tôi nói với vợ tôi: anh bạn không đến được. Chị bạn nhìn tôi ngậm ngùi: nhìn anh tôi mới biết mình già, cuộc chiến năm mươi năm...

Saigon 1972

## Dương Nghiễm Mậu và tuổi trẻ cô đơn Tạ Ty

*Que l'homme est né pour le bonheur.*

André Gide (1869-1951)

Con người sinh ra để hưởng hạnh phúc.

Dương Nghiễm Mậu xuất hiện trên văn đàn miền Nam cách đây ngoài 10 năm, như một chứng tích. Cái chứng tích đó là nỗi bơ vơ của tuổi trẻ, của một thế hệ tuổi trẻ đang sống giữa cuộc sống không thuộc về mình. Cái tuổi trẻ nào đó được tổ hồng trong những dạ hội, dưới mái đại học, hay rong chơi quanh năm với bốn mùa tình tự, đều ở ngoài tầm tay của Dương Nghiễm Mậu. Cuộc sống đối với Mậu là cái gì quá khe khắt, quá cứng rắn và từ đó mỗi suy nghĩ, mỗi hành động hình như, ít nhiều gì cũng để chống đối cuộc đời. Những xấu xa, ti tiện, lòng ganh ghét và đố kỵ thấp hèn, trộn lẫn với tình thương yêu con người làm giọng văn của Dương Nghiễm Mậu vừa phần nộ vừa chua xót.

Con người sinh ra đời không phải để gánh chịu nhục nhằn và cái xấu. Nhưng cuộc đời có mặt không phải là thiên đường, nên con người vẫn phải cúi đầu chấp nhận những gì do nó đưa lại cả xấu lẫn tốt. Con người tính vốn thiện từ thuở lọt lòng, nhưng càng sống, càng tranh đấu để cuộc sống được tốt đẹp hơn lên, con người lại vô tình làm nó xấu đi, vì lòng ích kỷ và tinh thần chiếm đoạt, tư hữu.

Cái ý thức tốt hướng vào điều thiện cũng như việc đề cao lương tri chỉ còn là những danh từ trống rỗng, giữa một xã hội xáo trộn vì chiến tranh quá lâu, giữa những ngộ nhận từ kẻ này qua kẻ khác. Dương Nghiễm Mậu không phải vô tình hay vô có khi đặt vấn đề thân phận con người, nhất là tuổi trẻ, trong phạm trù sinh hoạt thực tế với *cục bước quá to, lông lá xồm xoàm*, tượng trưng cho nỗi băn khoăn, ám ảnh của nhà văn đối với một xã hội thối nát, bất công đang bám vào da thịt mình làm bút rứt, khó chịu. Cục bước đó, sự thực, mỗi con người đều phải



gánh chịu suốt đời, chỉ có khác, ở mỗi người nó mọc ra ở mỗi chỗ, tùy theo cung số!... Cục "bướu quá to" đã làm khổ Dương Nghiễm Mậu, với mặc cảm xấu xa, vì nó mà người yêu từ bỏ, xã hội khinh khi.

Nó hiện diện như một hình phạt, dù con người muốn cắt bỏ nó, hoặc tự huỷ mình cho thoát nợ, nhưng vẫn không xong, vì nếu mọi việc ở đời đều có thể giải quyết dễ dàng như vậy thì làm gì còn cuộc sống nữa? Bởi vậy, con người được sinh ra, dưới sự an bài nào đó, phải chấp nhận đời sống và luật sống là có thực. Y học và văn minh cũng chẳng giúp ích gì được, một khi căn bệnh không nằm trong bệnh lý thông thường, mà nó biến hoá khôn lường giữa tâm linh để tàn phá, để giết dần đời sống, làm lụi tàn hy vọng.

Sinh ra và lớn lên trong một xã hội bị phân hoá vì chính trị và đời sống bấp bênh do cuộc chiến tạo nên, mỗi số phận trai trẻ như phật phồng, khắc khoải, chờ đợi một cái gì đó, có thể là những hạt giống tốt, cũng có thể là loài cỏ dại ăn hết chất màu của mảnh vườn mới bón. Từ phần uất, Dương Nghiễm Mậu đi vào chán nản khi biết rằng thân phận mình đã bị điếm danh, nghĩa là đã được định đoạt, Mậu không có quyền lựa chọn. Một khi con người không có quyền lựa chọn cho đời mình hướng đi, thì một, phải dứt khoát với nó, hai, phải buông trôi thân phận như dòng nước nhỏ chảy len lách vô tri dưới một khe lạch không tên, cho đến lúc nhạt nhoà tan biến vào đại dương. Dương Nghiễm Mậu, tuy không có quyền chọn lựa hướng đi nhưng cũng chẳng sẵn sàng làm một dòng nước nhỏ, nên chấp nhận sự có mặt của mình trước cuộc sống với một thể đứng riêng biệt.

Những năm cô đơn của tuổi trẻ mà Mậu đem theo là nỗi cô đơn bi thảm trước một chứng tích đã có đấy, đã hình thành như thế từ lâu. Mậu không biết dùng phương cách nào để tự an ủi đành mang mình ra trước khoảng trống (cuộc đời) để tự đóng vai trò lừa dối mình,

*... Khoảng trống bao la ấy đau buốt, nhức nhối trich vào thân thể anh từng giây, từng phút ngọt ngào, tức tưởi lay động choáng váng tim óc. Anh đã đánh lừa và mang em đến với anh. Em đã chịu đựng sự có mặt của anh – nhưng đến bây giờ em còn đủ sức chịu đựng nữa – em lên tiếng, như đám đông lên tiếng cho anh nhận ra anh...*

(Cũng đành, "Niềm đau nhức của khoảng trống")

Sự lên tiếng ở đây là phát biểu thái độ, là ý thức nhập cuộc vì khoảng trống mà Dương Nghiễm Mậu hình dung thấy ở trong tâm tưởng nó như một vực thẳm xa vắng, nó làm Mậu hốt hoảng đến nỗi không còn nhận ra mình.

Con người sinh ra dù không được quyền lựa chọn theo ý muốn nhưng ít ra con người cũng phải có thái độ trước thực tại, phải là *một cây sậy biết suy tưởng* theo Pascal: *l'homme n'est qu'un roseau, le plus faible de la nature, mais c'est un roseau pensant.*

Cái tuổi trẻ Thượng đế đã ban phát cho mỗi con người một thời gian là để thử thách sức chịu đựng của từng số phận. Sự ban phát này không đồng đều, do đấy, nảy sinh ra bất mãn và chống đối. Có những khuôn mặt tuổi trẻ không bao giờ vui tươi, hớn hỏ, ở đó, bao nhiêu bản khoăn, vò xé nội tâm. Dương Nghiễm Mậu thường tìm hình bóng mình qua kẻ khác, cũng như dùng kẻ khác để nói đến mình. Đi từ nỗi bơ vơ này qua bơ vơ khác, đến đâu, ở đâu, cũng chỉ gặp xa lạ ngay với cả tình yêu. Hình ảnh những nhân vật đàn bà trong tác phẩm Dương Nghiễm Mậu lúc nào và bao giờ cũng tạo nên oan trái, phảng phất nỗi u buồn riêng biệt trong một thể giới riêng biệt bao phủ ở mỗi truyện.

Từ Hê-Len tới Thuyền, tới Phượng, tới Hạnh rồi Quyên hay bất cứ một cái tên nào khác đều

được phác hoạ dưới những nét run rẩy mờ nhạt, cùng với từng niềm đau thương len nhẹ nhẹ nhưng vô cùng sắc bén vào tâm tư người đọc,

*... Tôi đã muốn quên Hạnh, như quên thực tế đã phải sống với một mơ hồ êm đềm, nhưng bây giờ Hạnh ở trước mặt. Một Hạnh dở dang buồn bã. Thịnh đã chết ngoài mặt trận. Một Hạnh những kỷ niệm lưu giữ bền chặt. Một Hạnh đáng yêu còn đó. Một Hạnh tan vỡ như thời gian học trò trong thành phố quê hương bốn mùa. Đối diện với Hạnh, ký ức lại trở về với những hình ảnh liên tiếp của một thời, như những toa xe trên chuyến tàu trở lại ngang qua một trạm nhỏ dọc đường...*

(Sợi tóc tìm thấy, "Đôi mắt chỉ rối", trang 73)

Đoạn văn trên có thể thực, có thể do óc sáng tạo của nhà văn nhưng qua đây, người đọc đoán được những gì Dương Nghiễm Mậu muốn nói. Kỷ niệm nào đó, tại sao lại trở về để ám ảnh tâm hồn, tại sao lại gặp nhau để tạo nên đau khổ? Dự dẫn vật của kỷ niệm hay nỗi băn khoăn thuộc về tiền kiếp với ý thức siêu hình.

*... Đêm xuống rất khuya. Chúng tôi nằm trên những người đã chết trong nghĩa địa, Long nằm gối đầu vào tay tôi. Thu về cây nhị hổ – những âm thanh ảm ức, tức tưởi, sâu thẳm, u uất, nghẹn ngào trườn lên bực dọc quần quai – và tôi chòn vờn vào một giấc mơ...*

...

"Thưa người là ai?"

"Tôi không là ai."

"Người từ đâu đến?"

"Có can hệ gì đâu?"

"Sao người than van sâu thẳm làm vậy."

"Tôi vốn không ưa tâm sự. Sự than van chẳng cần thiết gì..."

"Nhưng tôi có tâm sự phải than van. Muốn có một người ngồi trước mặt mình. Anh ghét tâm sự ắt hẳn người có quá nhiều tâm sự rồi chẳng?"

"Tôi chẳng có chút gì. Chẳng có gì để nhớ. Có gì để nhớ đâu? "

"Người nói dối chẳng? Nhưng nếu người sống giữa một khoảng trống không có tâm sự thì người sống làm sao?"

*... Chúng ta hãy thử nhìn sang bên kia đường. Người có thấy chẳng một cậu bé con đang nô đùa bên mẹ nó – cậu bé nháy và hát. Đôi miêng xinh tươi, triển môi dịu ngọt – đôi mắt ngây thơ của trẻ dại đang nhìn vào cuộc đời mong lớn – cậu bé đang nũng nịu gọi: Mẹ ơi!...*

Tôi có thấy đứa bé nô đùa bên mẹ nó. Tôi chỉ nhìn thấy một đứa trẻ đi vất vưởng buồn nản, môi thâm bậm chặt để khỏi cất lên tiếng khóc – đôi mắt ngẫu đở. Nó thấy cuộc đời lớn lên vượt khỏi tầm tay nó. Cậu bé chẳng biết bố mẹ thế nào nên chẳng thể gọi tên để chẳng thấy mình còn

được gọi tên.

"Trời xanh lắm thấy không anh?"

"Trời ngầu đỏ vẫn đục và như giông bão sắp về."

"Cây cối xinh tươi làm sao?"

"Những cành khô quơ quạng như muôn cánh tay hối lỗi – già nua đây đau đớn."

"Anh hãy nhìn vào vườn hoa đẹp đẽ kia – muôn hoa đua nở, cành lá xanh tươi hương thơm toả ngát. Anh có thấy không một cặp tình nhân cùng nhau tâm sự, mặt nhìn mặt, tay cầm tay, nói với nhau những lời dịu ngọt hứa hẹn một tương lai hạnh phúc sum họp."

"Nhưng tôi chỉ thấy kia là một sa mạc bao la gió cát bay mù tạt nhẵn. Ở đó, có một kẻ đang ngồi một mình, nói một mình, nghe một mình và tay mình sờ soạng lấy tay mình. Nhìn vào lòng bàn tay hoài, những ý nghĩ về tương lai."

"Này chiếc hoa màu hồng."

"Màu tím đó thôi!"

"Có nghe chẳng tiếng hát?"

"Tôi nghe thấy tiếng người rên khóc, tiếng thờ dài..."

(Sợi tóc tìm thấy, "Trong lòng bàn tay", trang 73)

Lời đối thoại trong một nghĩa trang, giữa con người và hồn ma, để nói với cuộc sống hôm nay. Tiếng thờ than sầu muộn của muôn đời gửi từ cõi hư không, ở đây không còn chi hệ lụy! Ý nghĩ về cô đơn, bi thảm mà nhà văn đã và đang gánh chịu đâu phải niềm cô đơn tuyệt đối. Nó còn nghe thấy và đón nhận về phần mình những dư âm của tiếng lòng than van, uất nghẹn cảm thông qua hai cõi âm, dương.

Quả thực, Dương Nghiễm Mậu đã bị ám ảnh vây hãm trong quá nhiều ý nghĩ đau buồn xuyên qua lời đối thoại. Cái tâm sự bi quan, đầy rẫy phần uất nó chứa đựng và tích lũy tự đáy lòng chờ dịp phát ra những âm thanh chua chát náo nề với hình ảnh đứa trẻ mồ côi, với cảnh vật không còn màu xanh, cuộc đời biến thành sa mạc và màu hoa – vườn đời – biến thành màu tím tang tóc! Còn gì nữa không? Còn chứ! Còn tuổi trẻ bơ vơ, còn nhiều tình phụ bạc, còn thân phận tôi đòi, còn tiếng khóc thay cho nụ cười, còn tù tội và còn đam mê trong thất vọng.

... Quyên ơi! Anh tự cho rằng anh không hề có tội lỗi, chưa quỳ dưới chân ai một lần. Cửa vào địa ngục không biết, đường lên thiên đường không hay. Em hãy cho anh tội lỗi để đôi mắt được mù loà. Vì anh yêu em nên không thể tự tay chọc thủng đôi mắt mà Chúa đã ban cho – như thế anh không phải nhìn vào lòng bàn tay...

(Sợi tóc tìm thấy, "Đôi mắt chỉ rối", trang 123)

Cái quan niệm bi đát và thái độ sống của Dương Nghiễm Mậu vào giai đoạn 1960-1961-1962, ít nhiều gì cũng chịu ảnh hưởng của thời cuộc và những tư tưởng vay mượn của Tây phương với

Sartre và Camus, tuy hai nhà văn kiêm triết gia này chẳng những đối nghịch về đời sống và cũng dị biệt nhau về quan điểm triết học, nhưng cả hai cùng gây ảnh hưởng sâu đậm trong tâm thức các nhà văn trẻ lúc đó. Con người sinh ra đời không có quyền chọn lựa cả cái sống lẫn cái chết, và cái xã hội đang vây quanh mỗi thân phận cũng chẳng có phương thế gì giúp cho con người tìm thấy hạnh phúc. Thiên nhiên là một sự kiện ngoại giới, nó chẳng cứu rỗi được ai vượt qua khổ đau. Nó có đấy như một điểm trang vô ích, trong lúc con người cần tới sự cảm thông thiết thực hơn. Do đó, trong tác phẩm *La Nausée* của Sartre, nhân vật Roquentin mới có ý tưởng bi phẫn cho rằng: *chúng ta ai cũng như ai không có lý gì đáng sinh ra cả... vì tất cả những gì hiện hữu đều có mặt một cách vô lý, kéo dài bởi hèn yếu rồi chết ngẫu nhiên!...*

Dương Nghiễm Mậu không hoàn toàn du đời mình vào những ý nghĩ u tối, nhưng người đọc cũng thoáng thấy niềm băng khuâng và chả mấy tin tưởng vào tương lai, tin vào cái ý hướng tốt đẹp nào đó để níu lấy chút hy vọng mong manh cho những ngày bất buộc có mặt. Cái đau nhất của Dương Nghiễm Mậu là phải tiếp thu những gì mình không thích, không muốn mà nó cứ đến, đến thân nhiên như sáng, trưa, chiều, tối với những nhu cầu thường nhật. Sự kiện ấy được phơi bày thật rõ trong tác phẩm *Đêm tóc rối* (1965). Cái tuổi trẻ hư không với những ý nghĩ và hành động phần nào do vô thức kích động rồi đẩy nhà văn vào ngõ cụt, do đó, sự nghĩ và viết ra chỉ nhằm mục đích chứng minh cái “đột biến” của những năm tháng rã rời đã ăn sâu vào trí não nhà văn.

Sự hưởng thụ khoái lạc mà A. Gide từng khuyến khích tuổi trẻ phải sống theo ý mình, tìm về cho mình lạc thú mà Thượng đế đã ban phát cho mỗi số phận trong cuốn *Les Nourritures Terrestres*, nó chỉ có giá trị đối với các thanh niên Tây phương, nơi mà chiến tranh và nghèo khổ không đầy đọa con người một cách thâm hiểm, nơi mà nền văn minh cơ khí đã giúp cho con người các tiện nghi vật chất, nơi mà không khí tự do được phát triển cùng độ, nơi mà tư tưởng được hãnh tiến trong mọi suy nghĩ về kiếp sống. Còn hoàn cảnh chúng ta, hoàn cảnh của những trẻ tuổi lớn lên trong tiếng súng căm thù liên tục, được nuôi dưỡng bằng phần nộ thay cho miếng cơm manh áo và tình thương. Cái ý thức mà Dương Nghiễm Mậu áp ủ để làm vốn cho mình không nằm trong khuôn thức thoải mái, hiển nhiên nó khơi động tự đáy lòng từng nổi vò xé đau thương. Hình ảnh Dương Nghiễm Mậu, hay Lễ, nhà giáo trẻ hào hoa trong tác phẩm *Đêm tóc rối* chỉ là biểu tượng, để nhà văn gửi vào đấy những gì cần phải tỏ bày. Nội dung *Đêm tóc rối* được hình thành qua một cốt truyện khá giản dị: Lễ, nhà giáo trẻ, ở trọ nhà mẹ Liên chồng mẹ đi làm xa. Do đó, xảy ra sự liên hệ xác thịt giữa Lễ và mẹ. Lễ không thương yêu gì mẹ Liên, chỉ coi như một giống cái để giải quyết sinh lý. Lễ yêu Quyên nhưng Quyên lại lấy Khánh, bạn Lễ. Một trận đòn ghen xảy ra khi ông Tiến trở về nhà, vì hàng xóm nói lại chuyện vợ ông với Lễ. Mỗi tình đẹp mong manh của Phượng – Lễ cũng tan vào hư không vì cái chết bi thảm của nàng dưới đáy giếng. Rồi mọi sự hoà loãng và cuộc sống...

Những khuôn mặt Thục, Khang, Trinh và vóc dáng mẹ Liên – con đĩ già có chồng còn dâm dăng, được đề cập tới ở những trang đầu cuốn sách chỉ là hình thức kích động. Cái sự thực Dương Nghiễm Mậu cần nói ra nó nằm ở chỗ khác. Thân phận tuổi trẻ nhiều khi không tùy thuộc vào ý muốn, hình như nó được an bài ở chỗ nào khuất nẻo lắm. Một chút hạnh phúc thơ ngây, một bàn tay bé nhỏ, một môi hôn ngơ ngàng, một lời nói vụng dại của tuổi hồng mà nhà văn tìm kiếm, nhưng uống thay, không gặp. Cả cuộc đời này nữa, tại sao ô uế quá vậy trong mỗi suy nghĩ, trong mỗi đam mê? Cuộc đời – xuyên qua mẹ Liên dâm dăng đã bị Dương Nghiễm Mậu đồng hoá với xã hội, tạo nên nhức nhối,

*... Nghe tiếng động ở dưới nhà mẹ Liên trườn ra ngó đầu xuống, chiếc mông trần mấp đẹn nhô lên. Tôi đứng dậy vươn vai, buổi chiều đã xuống nhọ mặt người, đèn đường đã bật. Tiếng hát cải lương vang lên từ một nhà ở phía bên kia đường. Tôi thấy đắng miệng. Tiếng mẹ Liên:*

*“Có gì lục đục ở dưới bếp.”*

*Tôi tiến lại giẫm chân lên mông mẹ nhún nhún, ngó đầu xuống chân thang tối đen. Mẹ Liên trở mình nằm ngửa nhìn lên, hai tai dang rộng như một kẻ bị căng ra. Sao tôi không là thằng Tây đen rạch mặt. Tôi rùng mình kinh tởm quay đi. Tiếng mẹ Liên phía sau:*

*“Anh khinh tôi lắm phải không?”*

*Tôi đi đến bên chỗ bật đèn, đưa tay lên vặn, ngọn đèn sáng chói. Tôi vội tắt đi. Người đàn bà lẩn vào sàn gỗ. Sao ông Tiến (chồng mẹ Liên) không về. Lúc này ông ở đâu. Nhớ tới Khang, tôi có ý muốn thăm Thục. Tiếng mẹ Liên:*

*“Anh muốn bỏ tôi rồi phải không? Tôi biết anh đang mơ mộng một con nhỏ nào đó.”*

*“Thôi im đi.”*

*Tôi quát lớn rồi bật đèn sáng. Mẹ Liên trở dậy đi xuống thang, tới mấy bậc mẹ đứng lại, giấu người phía dưới, nhô đầu, mặt cong cớn:*

*“Mơ mộng, mơ mộng, đứa nào chả thế, bọn họ khác gì tôi. Có điều bọn nó không để anh dùng như một khúc gỗ, bọn nó có điều kiện để dùng lại anh cùng với những đứa khác. Anh biết không?”*

*“Câm đi, câm đi.”*

*“Anh sợ người ta nói sự thực ra, tôi không sợ, tôi không câm. Anh tưởng tôi không biết anh nằm với đứa nào sao. Nhưng anh chỉ làm cho nó hư hỏng và đẩy nó đi lấy thằng khác. Anh tưởng tôi yêu quý anh lắm hả... còn lâu... Tôi có chồng có con.”*

*Tôi cúi gập đá chiếc ghế đầu về phía mẹ Liên, mẹ thụt đầu xuống rồi lại ngó lên:*

*“Anh can đảm giết tôi đi coi. Anh là một thằng hèn. Mẹ Liên thụt đầu đi xuống, mẹ bật đèn sáng và đi vào nhà tắm. Căn nhà trống trải và rộng không tôi ra lan can đứng nhìn xuống mặt đường. Mẹ Liên tắm xong trở lên mặc quần áo rồi đi về. Tôi ngồi lặng lẽ trong bóng tối nghe tiếng muỗi kêu. Tôi nhớ tới khuôn mặt êm mát của Phượng, căn nhà trong buổi sớm mai...”*

*(Đêm tóc rối, trang 35-36)*

Sự lang chạ bất đắc dĩ này đã tạo nên thế đứng chênh vênh trong nội tâm nhà văn. Cuộc đời như vậy đó. Nó có đáy, mãi mãi còn đáy với những ung độc làm băng hoại tuổi trẻ. Dương Nghiễm Mậu như bị ném vào đấu trường, ở đó, toàn là thù hằn, oán hận. Con người phải chọn lựa vũ khí để tranh đấu, sinh tồn. Vóc dáng Quyên và hạnh phúc của nàng như một thách đố. Chưa giao đấu đã cảm thấy thua, trong lòng nổi hằn những vết roi rướm máu, nhà văn đành phải lừa dối mình bằng cách tự trừng phạt, tự phác họa trong ý nghĩ những hành động gớm ghiếc, dữ dằn của ông Tiến chồng mẹ Liên, với vô vàn hoang hốt, nhưng sự thực ông chồng bị cấm sừng chưa biết, vẫn yêu vợ, thương con. Bởi vậy, hình ảnh ông Tiến – hình phạt – luôn luôn ám ảnh Lễ – tuổi trẻ – như một số kiếp phụ thuộc,

*... Tôi nằm im lặng tủi thân. Tôi nghĩ đến căn gác trống không, đến vẻ bình thường vui tươi của*

mụ Liên bên người chồng, cùng một lúc người đàn bà vẫn yêu chồng và vẫn ngoại tình trong đời sống bình thường của họ. Có nghĩa gì một cuộc dạo chơi, một cái hôn kéo dài trong đêm hay một lần ân ái say đắm. Mỗi kẻ chia mình ra, phân mình ra. Mỗi kẻ những bí ẩn tràn lan chi phối ngay trong tiềm thức và sự mù tối của trí tuệ mà hoàn cảnh mỗi giây phút có thể thay đổi xoay chiều. Giờ này mụ Liên cũng đang làm những cử chỉ âu yếm những hành động yêu đương với ông Tiến, như mụ đã âu yếm yêu đương tôi. Lúc nào là thực con người mụ, lúc nào là con người khác. Bây giờ tôi cũng có thể nằm đây nghe mình rời rã, cũng có thể tôi nằm với một người khác, nhưng tôi vẫn tỉnh táo riêng rẽ, cô đơn chừng như chẳng can dự đến vật gì...

(Đêm tóc rối)

Cái cuộc sống thực mà nhà văn mơ tưởng đến, nó ẩn nấp mơ hồ với mụ Liên trong khoảnh khắc phù du, hoặc Quyên, hoặc Phượng. Từng vóc dáng như hoà trộn thành chất đặc biệt dính chặt vào ý nghĩ nhà văn nên sự nói tới một sự kiện nào đó, đều ẩn nấp bên trong niềm giận dữ xen lẫn tiếc thương. Nó là trái đào chín mơn mớn trong khu vườn yên tĩnh của Phượng, trông thấy mà không ai hái cho ăn. Nó là trái bóng đổ bươm hơi khinh khí bay lang thang trên nền mây trắng đục. Nó là chiếc xe lăn có Phượng tàn tật ngồi trong đó với ước mơ im tiếng. Nó là Quyên với nụ cười hồn nhiên nhưng kiêu kỳ ranh mãnh. Có thể nó là nỗi thống khổ của thân phận con người sinh nhằm thế hệ với oan trái ẩn khuất không tên gọi và sự hối tiếc ngày tháng trôi đi mà định mệnh vẫn bắt buộc phải chung sống, phải nhìn nhau, phải nói năng, phải thân mật với những người mình chán ngấy, hoặc ngược ngùng vì tội lỗi đã gieo mầm,

... Khuôn mặt ông Tiến có vẻ gì như khác lạ, mùi rượu nồng nặc toát ra từ người ông. Da mặt ông đỏ tía bị làm xám đi, đôi mắt trợn trừng. Tôi lúng túng chưa biết trả lời sao thì ông Tiến đã nói:

“Cậu ở nhà với vợ tôi, cậu có biết con mụ đó nó lang chạ, lừa dối tôi không?”

Tôi rùn người toát mồ hôi:

“Sao? Ông nói sao?”

Ông Tiến lùi xa một chút, quay người rồi trở lại sát mặt tôi, chiếc áo xám đứt mất một chiếc khuy ở ngực hở ra một ít da màu đỏ, ông ta khoanh tay lên ngực:

“Tại sao cậu không ở lại với chúng tôi nữa?”

Tôi lấy lại bình tĩnh mỉm cười:

“Tôi cũng định nói với ông bà, nhưng sáng nay thức dậy thì ông bà đã đi khỏi, mà tôi thấy cần phải đi ngay... tôi cũng muốn ở lại nhưng vì nay tôi có nhiều giờ dạy.”

Tôi lấy bao thuốc cầm một điếu và đưa mời ông Tiến, ông ta gạt đi. Tôi đang nói dối, tôi đang lừa gạt.

“Sao cậu chưa đi?”

“Vì tôi vừa gặp một người bạn giữ lại một ngày nữa.”

“Vậy cậu biết con vợ tôi nó mèo mỡ với ai không?” Tôi muốn nói! Chính tôi đây, tôi mỉm cười

*làm bộ dju dàng:*

*“Ông ghen rồi, ai bảo với ông vậy?”*

*“Cả xóm người ta nói cho tôi biết. Tôi muốn mổ bụng bọn nó. Con đĩ già khôn nạn, tôi đi làm để nuôi nó làm đĩ không công.”*

*“Sao ông không bảo họ nói thẳng xem ai. Tôi đi cả tuần mới về một chút rồi lại đi lằng nhằng. Tôi nghĩ bà nhà đứng đắn lắm...”*

*“Láo, láo...”*

*Bất ngờ ông Tiến thoi vào mặt tôi một đấm, tôi đau điếng liệng người đi.*

*“Chính mày, thằng đĩ đực...”*

*Liên tiếp ông Tiến đấm tôi thêm một cái nữa và đá tôi chúi xuống chân tường rồi xông tới nắm lấy ngực tôi chỉ vào mặt:*

*“Tao tha chết cho, tao giao con đĩ rạc lại cho mày, về mà sống với nhau. Mai tao đi rồi...”*

*(Đêm tóc rối, trang 127-128)*

Đến bây giờ, chiếc “nút” thứ nhất mới được mở để người đọc hé nhìn thấy một thoáng cuộc đời với đoạn văn vô cùng linh động, vô cùng đau đớn, cảnhng phải do những cú đấm ghen tuông của ông Tiến gửi vào mặt Lễ, nhà giáo, mà hiển nhiên phơi bày một sự thực phũ phàng có thể là đích danh, có thể là nguy tạo để dùng nó như một hành động phản kháng của tuổi trẻ đối với những nghịch cảnh tàn gian. Cái trần gian mơ tưởng nó hình thành trong tâm trí Dương Nghiễm Mậu không phải là gượng ép hay sự thoả mãn dễ dãi, rẻ tiền xuyên qua mục Liên, mà nó phải được hình thành với những chất liệu thật trong sáng, thật rục rờ, thật lý tưởng dù cho có là ảo tưởng đi nữa. Do đó, sự giằng co giữa thực và mộng, giữa xấu và tốt, giữa quá khứ và tương lai vẫn chưa được nhận diện.

Những ngày tháng cũ nằm sâu dưới đáy tiềm thức cùng những tử thi ngổn ngang chỉ chờ đợi thức dậy và sống, sống đau xót với thực tế rồi trống rỗng. Từng ý nghĩ mệt mỏi, rã rời, từng hình ảnh u uất bủa vây xung quanh một thân phận luôn luôn khao khát tuyệt đối, muốn tìm về cho mình, cho riêng mình một giọt sương đêm tinh khiết, một thoáng hương êm ngát, một nụ cười hiền hậu và một linh hồn còn trong sáng đi vào tình yêu với mắt nhìn không e sợ tương lai.

Cái hình phạt nào đó đang ẩn nấp trong lương tâm nhà văn, không mang ý nghĩa thông thường của cá nhân và kẻ khác, đúng ra, nó là lương tâm xã hội, nó là một dòng sông như vậy, như thế, đang lừa mỗi số phận đi vào luồng nước lũ, đi vào guồng máy của tập thể. Sự trốn tránh thực tại của Lễ trong *Đêm tóc rối*, chỉ là hành động của con đà điểu mỗi lần gặp nguy khốn, chứ không chứng minh được cái ý nghĩa chính và đúng của con người trước đồng loại. Một cái chết thê thảm của Phương, một hình ảnh Khánh ngồi tù, một kỷ niệm phảng phất trong mỗi mộng lung của trí nhớ và chiến tranh còn đó với những cơn đau đứt ruột, với tang tóc vây lút cuộc sống và những giá trị linh thiêng đã ngã xuống. Thực vô lý và kỳ cục! Nhưng có ai dám nói khác đây không phải là cuộc sống đích danh mà mỗi số phận đang sống ửo mỗi vị trí dành riêng cho mình với những phản ứng cá biệt, kể cả ông Lịch – người nghiện hút – nếu có làm mật vụ thật chẳng nữa, cũng do hoàn cảnh và cuộc sống đẩy đưa, ta không thể căn cứ vào dữ kiện bên ngoài mà võ đoán xấu, tốt theo ý Dương Nghiễm Mậu.

Nhưng dù cuộc đời có xô đẩy mỗi cá nhân vào trường hợp nào, vào mâu thuẫn nào đi nữa thì bản chất con người vốn luôn luôn hướng thiện, vẫn muốn làm-một-cái-gì để khỏi hổ thẹn với lương tâm, dù cho sự muốn làm gì chỉ được nuôi dưỡng trong ý nghĩ. Cái đời sống giả tạo, đầy bất trắc này, mỗi con người đều muốn bứt đi, muốn vượt khỏi, để ném mình vào đời sống khác, nhưng rốt cuộc ở đâu cũng vậy, bản chất của đời sống vẫn do con người định đoạt và chi phối, vì thế, chẳng bao giờ cá nhân tìm được cho riêng mình cuộc sống lý tưởng ngay cả tình yêu mà tuổi trẻ đã luôn luôn gìn giữ như một thiêng liêng.

*... Tai nạn nào đã đến trong những ngày chiến tranh đó, một trái bom rớt xuống, một trái lựu đạn nổ, một mảnh mortar, một tràn đum đum, một bánh xe cán ngang, một lưỡi dao chặt xuống, một căn nhà sập đổ... Bất cứ một tai nạn bình thường nào đó của chiến tranh, Phượng đã khóc. Phượng đã buồn tủi... Và Phượng chết vì sợ tôi nói: Anh yêu em, để rồi quay đi khi hai bàn chân không còn. Tôi đã phụ lục với chiến tranh, tai nạn nào đó chôn Phượng trong lòng đất với tiếng khóc của bà mẹ. Tình yêu của Quyên mang đến tàn tật, hư nát trong thân thể tôi. Con lốc phẫn bội, phụ bạc, lật lọng xoáy ngã tôi xuống những bông trôi trong khí hậu độc được. Tình yêu của tôi không đủ sức mạnh, phép màu để đôi chân Phượng mọc ra cho Phượng bước đi bên tôi. Tại sao thế. Mọi người được sống, được hạnh phúc ra sao...*

(*Đêm tóc rối*, trang 211)

Chiến tranh, một ám ảnh đối với mỗi tuổi trẻ, vì nó, không ai dám mơ ước tương lai, ngay cả cuộc tìm kiếm số phận cũng mất biến vào vô tận, vào cõi hư không. Khuôn mặt của Quyên, tượng trưng cho thất vọng tận cùng, vóc dáng mụ Liên, với đăm mê xác thịt trong tội lỗi và cái bào thai là kết quả sau những giờ phút bông trôi đã chết, đã tan vào cát bụi từ khi chưa được thành người. Khuôn mặt Phượng đã khuất chìm trong tiếng khóc của bà mẹ, khuôn mặt bạn bè nhào nhoẹt và quả bóng đỏ đã bay lên quá cao rồi vỡ! Tất cả còn gì đâu, kể cả dòng suối tinh khiết thuở ấu thơ cũng đã cạn nguồn.

Tác phẩm *Đêm tóc rối* đã để lại trong lòng người đọc những chiếc hố. Trong mỗi chiếc hố, nhà văn đã cố tình chứa đựng những chất khác nhau. Người đọc có thể tùy theo cảm quan để nhận diện mình, nhận diện tuổi trẻ và cuộc đời qua một, hay tất cả những chiếc hố đã phản ánh một phần nào cái *ý thức lưu đày* trong tâm tư những người làm văn nghệ trẻ hôm nay.

Sau *Đêm tóc rối*, Dương Nghiễm Mậu hiện diện ở tác phẩm *Tuổi nước độc* bằng một thể đứng khác, thể đứng của những người trai trẻ sống trong lòng thành phố Hà Nội "tạm chiếm" vào những năm kháng chiến chống Pháp. Cái không khí nghẹn ngào tức tở của một số người quá trẻ, vì lý do này hay lý do khác phải sống chung với quân thù trong những cây số vuông thành phố, khi đó ở ngoài kia là mông mênh, là tự do bay nhảy, là chính nghĩa. Hình ảnh những người trở về thành khi ấy, dù là người thân đi nữa, ít nhiều gì cũng được đánh giá bằng nghi ngờ và cho rằng hèn nhát, sợ gian khổ, đầu hàng giặc.

Những chàng choai choai, mới được 15, 16 tuổi đời, nói cho đúng, họ chưa có một chút ý thức gì về chính trị và hoàn cảnh đặc biệt của nước Việt Nam lúc đó. Họ đi hay ở lại thành phố, đều theo quyết định của người lớn, do vậy, họ luôn luôn tin tưởng vào phán đoán của họ, và nghĩ rằng sự có mặt của họ trong thành phố Pháp chiếm đóng, lỗi không ở họ. Những cảnh ô nhục của vùng tạm chiếm làm họ tức tối, căm hận,

*... Chúng tôi theo Hùng đi sang phía đồn đóng ở trên đê đối diện với quận. Chúng tôi men theo*



*con đường nhỏ dưới chân đê. Suốt dọc theo hai bên lối đi hàng rào dây thép gai và cỏ dại mọc đầy. Những lính Tây rạch mặt đen như cột nhà cháy vác súng đi đi lại lại phía trong và trên những chòi cao có đèn pha, những họng súng ngó xuống. Tôi có cảm tưởng đang ở một vùng trận địa nguy hiểm mà trận ác chiến có thể xảy ra bất cứ giờ phút nào...*

(*Tuổi nước độc*, trang 43)

Hình ảnh trên kèm theo những vụ bắt bớ, đánh đập dã man và khám xét bất ngờ làm con người đã tủi nhục càng tủi nhục hơn, đã chống đối càng chống đối mạnh hơn. Những chàng trai tuy chưa thoát khỏi ghề trung học, nhưng trong lòng đã chán ngấy sách vở chỉ muốn xông vào cuộc đời để hành động vì tự ái nhiều hơn lý tưởng,

*... Những ngày tháng thẳng thót vây lấy tôi trong trống không vô nghĩa. Tôi lang thang ở ngoài đường nhiều hơn thời gian ở trong nhà, sách vở không còn làm tôi say mê, tôi không có vui chơi để khuây khoả, tất cả mọi điều thành dừng đọng buồn tẻ... Một ngày xuống Trương, chúng tôi đi ăn thịt chó, tôi uống rượu say, sức rượu của tôi không bao nhiêu, trong đêm khi trở về nhà tôi thấy chân tay tôi biến mất, trước mắt thì vô vàn những ánh sao đủ màu nháy múa, thân thể tôi có lúc bay nhảy trong khoảng không. Tôi không hiểu sao tôi có thể mang được mình về và nhận ra cầu xe lửa, tôi mệt lả và muốn khuya xuống, tôi bám vào thành cầu đá mà bước. Tôi chợt thấy hai bóng trắng lung linh trước mắt, tới gần tôi nhận ra hai thân thể ôm sát lấy nhau dưới gậm cầu. Khối trắng di động lập lờ, tôi dụi mắt và nhìn thấy cái đầu tóc uốn quăn bù xù, sao trông có vẻ quen thuộc, tôi trấn tĩnh một chút, phải rồi, tôi nhủ thầm, đúng là bé Tàu lai, tôi chạy về lao lên gác, mở ngăn kéo tìm con dao nhíp, mở lưỡi dao lớn rồi chạy xuống trở lại chỗ cũ, tôi tỉnh táo một cách thái quá... Tôi cảm chắc con dao trong tay, tiến đến từ từ, hai bóng trắng vẫn còn cựa quậy như hai con rắn. Tôi tiến lên, túm lấy tóc thẳng đàn ông phía ngoài, dí mũi dao vào khoảng lưng trần, tôi nhận thấy mình nó oằn lên. Tôi nói chắc giọng: Muốn sống đi ngay. Hấn luống cuống run rẩy buông đứa con gái ra, hấn lom khom nhặt quần áo rồi ù té chạy, đứa con gái cuống quýt chưa biết làm gì thì tôi ôm thốc lấy và đè vào thành cầu, nó kháng cự một cách yếu ớt, tôi thấy nóng như than và đứa con gái mát lạnh, tôi sờ soạng khắp thân thể nó và ép nó cứng vào cầu. Tôi nghĩ đến bộ ngực con bé Tàu lai thì đưa tay lên, tôi bắt gặp... Tôi hoảng hốt buông tay ra, lùi lại nhìn vào mặt đứa con gái, trong bóng tối lờ mờ, tôi nhận ra đó là một con đĩ già ở đầu cầu tôi quen mặt...*

(*Tuổi nước độc*, trang 59-60)

Đó, cái tâm trạng trên đây phản ánh một phần tâm trạng của lớp người trẻ tuổi sống trong vòng đai Hà Nội trong khoảng thời gian mấy năm tạm chiếm. Rong chơi, rượu và đàn bà những vị thuốc giúp họ quên thực tế. Họ hành động theo bản năng, có ngoại cảnh hỗ trợ. Đôi khi họ cũng tranh luận về thái độ sống, nhưng chỉ dùng như một thứ nguy trang để lương tâm được yên ổn sau mỗi lần phạm lỗi lầm – cho tới một ngày, họ đã hé mở nhìn ra sự thật qua cái chết của cha Trương bị du kích xã bắn chết vì ông cụ không còn tiền để ủng hộ. Thu, em Trương nhất định đăng lính dù để trả thù cho cha, trong khi Trương chưa dứt khoát nên vì tình phụ tử hay vì kháng chiến? Rồi đến những giọt nước mắt của mẹ già khóc đứa con bị công an bắt vì nghi ngờ có liên lạc với “ngoài”. Những mâu thuẫn và giằng co dồn dập đến trong kích thước trong thành phố Hà Nội, giữa lòng mỗi con người an phận hay chống đối làm tan hoang cả một nếp sống.

Trong *Tuổi nước độc*, Dương Nghiễm Mậu đã dùng lý trí để mổ xẻ và trình bày những uẩn khúc của tâm lý tuổi trẻ trước những nghịch cảnh do chiến tranh tạo nên. Bút pháp có lúc sôi nổi, có khi lạnh lùng nhằm mục đích đưa người đọc vào không khí của truyện. Nhưng đôi khi vì quá

say mê và cũng muốn gây cảm giác “cao độ”, nên một vài sự kiện được trình bày trở thành “quá độ” làm cho nguồn bi thương của tấn thảm kịch mất đi sự chân thành, tự nhiên của nó. Những trang độc thoại nặng nề, chứa đựng nỗi dày vò tâm cảm không thoát khỏi vòng luẩn quẩn. Hình ảnh chiến tranh với những nạn nhân, những căn phòng lạnh lẽo của bệnh viện, những kẻ tàn tật kéo lê kiếp sống một cách nặng nhọc, hình ảnh tu viện nào đấy, tượng trưng tình thương và mặc cảm sát nhân của Ngạc – nhân vật xưng tôi trong tác phẩm – đã chẳng gây nên tác động sâu đậm vào trong ý thức thường ngoạn, cũng như sự phản bội qua khuôn mặt Lâm, với những kinh nghiệm đắng cay của bạn bè vọng kháng chiến v.v... Nhưng sau cùng, tất cả được mở ra một cách gượng ép với một người tình – người chị họ – cùng một mầm sống đang thành hình do tội lỗi và tình yêu!...

Cái kết này đối với xã hội Việt Nam, đối với nền luân lý phương Đông, sự thực không ổn. Nó chứa chấp từng cơn thảng thốt, từng niềm băn khoăn thác loạn. Đã đành, trong cuộc sống, có thể xảy ra những thảm kịch gia đình khác nghiệt như thế hay hơn thế, nhưng nó không phải là mẫu số chung của toàn bộ nếp sống Việt Nam, nên sự hình thành của một bi kịch nào đó cũng chỉ là ngoại lệ. Đồng ý rằng, nhà văn có quyền tuyệt đối trong sáng tác, và cũng chính nhà văn chịu hoàn toàn trách nhiệm về uy quyền của mình, nhưng ít nhất, khi đặt vấn đề trước xã hội, nhà văn cũng đừng quên, sự quan trọng không phải do tác phẩm hay nhà văn, mà chính cuộc sống với những liên hệ mỗi số phận về tinh thần cũng như vật chất, đã buộc con người chịu trách nhiệm chung trong mọi tư tưởng và hành động. Do đó, khi phân tích cảm giác “phi lý” về cuộc đời, Camus cho rằng: *chống đối không phải là tuyệt đối phủ nhận cuộc sống vì ở đời hai mối thiện ác vẫn vút nhau, trong thiện có ác, trong ác có thiện, vậy chỉ có thiện ác tương đối*. Bởi thế, dù ở trường hợp nào, sự mất thăng bằng cũng làm hại không ít đến tác phẩm, nhất là ở *Tuổi nước độc* với hoàn cảnh xã hội Hà Nội trong những năm 1947-1954. Người đọc tin rằng, Dương Nghiễm Mậu đã phán đoán và nhận xét nó qua lăng kính của trí tuệ một nhà văn khi viết tác phẩm này, mới ngoài hai mươi tuổi đời, do đấy, sự vội vã, không sát thực tế, và chủ quan, tất nhiên khó tránh được. Nhưng có điều cần phải nói, Dương Nghiễm Mậu hành văn rất lưu loát và không thiếu nhiệt thành trong mỗi vấn đề đặt ra trước lương tâm người cầm bút, vì nói đến quá khứ cũng để xác định thái độ trước cuộc sống hôm nay vậy.

Vì có mặc cảm cô đơn trước xã hội không thuộc về mình, nên lúc nào và bất cứ ở đâu, nếu tìm được môi trường vừa đủ là Dương Nghiễm Mậu dần thân. Nhưng sự dần thân nào cũng chỉ đưa đến thất vọng vì lý tưởng và thực tế là hai con đường chạy song song được cách ngăn bởi một vực thẳm. Hoàn cảnh Việt Nam vào những năm 1962-1963 thật ngột ngạt. Những trái bom ném xuống dinh Độc Lập báo động một cái gì sắp xảy ra cho nền Đệ I Cộng hoà và cũng từ đấy, từng luồng gió chống đối ngấm ngấm thổi đi do những tấm lòng bất mãn với chế độ lúc đó. Bánh xe lịch sử bắt đầu chuyển động từ từ rồi thăng tiến lần lần cho đến ngày 1/11/1963, vòng quay cuối cùng đã nghiền nát một chế độ sau 9 năm hiển hách.

Dương Nghiễm Mậu – người chứng cô đơn – đã viết ra để nói lên một phần cái động lực chính của lớp người trẻ tuổi đã tham gia hăng hái vào cuộc cách mạng cùng Phật giáo và quân đội với kết quả của nó. Nhà văn trình bày trước người đọc những mẫu nhân vật, tượng trưng cho vài thành phần của xã hội, vì lý do này hay lý do khác đã dám chống đối để ở tù, hoặc bất mãn chung thân, hoặc muốn an phận để thụ hưởng những gì do cuộc sống và chế độ đãi ngộ.

Khuôn mặt Thạch, một thanh niên tham gia cách mạng vì lý tưởng cao đẹp, muốn cải tạo cuộc sống bằng hành động tích cực, phải trả giá bằng tù tội. Nhưng sau khi cách mạng thành công cuộc sống Thạch mơ ước với sự thay đổi để tiến hoá, nó vẫn y nguyên nếp cũ.

... Một lần Thạch hỏi:

*“Sau đảo chính chắc có thay đổi, người mới, người cũ.”*

*Đang ngồi, Thuần giơ cả hai tay lên:*

*“Thay đổi cái gì, họ là công chức mà!”*

*“Là công chức là không có gì thay đổi?”*

*“Thay đổi, cậu cứ nghĩ là thay đổi sao, họ là công chức thì vẫn là công chức chớ. Hồi Tây họ làm công chức, thì thời Bảo Đại họ cũng làm công chức, thời ông Diệm cũng vậy, bây giờ ông Diệm chết rồi thì họ vẫn là công chức...”*

*(Phấn đấu, trang 20)*

Thật ngao ngán và bi đát – qua lời phát biểu trên – cho những ai hy vọng nhiều về cách mạng! Hoàn cảnh chẳng phải chỉ có thế. Nó còn vùi dập theo bao nhiêu số mệnh khác và làm thui chột từng nguồn hy vọng vừa được nhen nhúm trong tâm tư những người yêu nước. Hình ảnh Sương, người con gái đã hy sinh theo tiếng gọi tranh đấu để xây dựng lại một xã hội quá mục nát vì “độc tài” và “gia đình trị” này. Nàng đã chống lại tất cả, quyết sống chết với Cách mạng, để rồi bị hãm hiếp trong tù đến mang thai. Cái bi kịch, nhà văn tạo ra trong tác phẩm không phải chuyện ngẫu nhiên, đích thực, nó là những dữ kiện lịch sử, nhà văn chỉ ghi nhận rồi tiểu thuyết hoá nó một phần để gây xúc động. Lời răn dạy đầy phần uất của người bố, đã phản ánh trung thực tâm lý của một hạng người cầu an, tự phụ,

*... Mà tranh đấu cho ai, cho cách mạng, cho Phật giáo, cho dân tộc, thật là đẹp để huy hoàng, nhưng ai chịu mang cái bào thai cho mày, ai chịu đánh đập, tù tội cho mày, rồi ai sẽ cưới mày làm vợ, ai nuôi con mày... Còn tao, thì tao vẫn là giáo sư, không cần tao được ư? Còn lâu con ơi? Vì tao có bằng cấp, thiếu những người như tao ai lên tiếng ủng hộ, ký kiến nghị và dạy cho bọn bay... Chúng mày muốn là anh hùng thì cho chúng mày chết, tao bảo không nghe đừng trách nữa, các con ạ, các con nên biết như thế...*

*(Phấn đấu, trang 29)*

Lời nói đó đối với tuổi trẻ, không phải là bài học khôn do người lớn dạy bảo, nó là điều sỉ nhục, nhưng ác hại thay lại hợp lý! Vì mọi giá trị đã sụp đổ trong một tổ chức quá cũ, trong một xã hội không tiến bộ, việc đi tìm căn bản mới, giá trị mới, có thể còn là sự viển vông trong một giai đoạn dài nữa.

Những dòng của Vĩnh – một quân nhân trẻ – viết trong tù, đã chứng minh đầy đủ những gì cần phải bày tỏ trước công luận về ý thức cách mạng và hoàn cảnh cách mạng tại miền Nam trong năm 1963 và tiếp nối,

*... Nhớ nhà, nhớ bạn... nằm đây tự giết mình dần dần. Cái chết của Trung: đóng trong một đồn biên giới nhận tiếp tế từ máy bay, ba tháng liền không ai rời khỏi tay súng, những lá thư của Trung còn đó, nhưng Trung không còn nữa. Đồn đã bị vây khốn. Trung chết trong đồn, quân tiếp viện lên tới nơi chỉ còn để đưa Trung về trong quan tài im lặng. Những tiếng khóc. Trung ơi! Mười mấy cái huyết đào sẵn trong nghĩa trang, mỗi lúc đều có người chết, người hấp hối. Anh em mình đang chết dần, chết dần. Mỗi người còn sống đều có những cái tang trong chiến tranh*

*chưa xót. Mỗi người đều có thể chết bất cứ lúc nào. Chết cho cái gì? Đánh cộng sản giữ nước. Nhưng nước ấy cho ai, cho anh em ông Diệm an hưởng ư, cho một xã hội thối nát, xôi thịt, cho bọn buôn bạc giả dư tiền, dư địa vị sống sung sướng trên xương máu những chiến sĩ ngoài mặt trận ư? Trung ơi! Trung ơi! Chúng ta chết như nhau, sẽ chết hư... sẽ chết không nhắm mắt được, mãi mãi...*

(Phấn đấu, trang 51-52)

Đây là lời trối trăn cuối cùng của một chiến sĩ đã nhìn rõ cuộc đời? Đây là tiếng ai oán, phần uất của một tấm lòng quá yêu nước Việt Nam đang gào thét lên sự thật cho mọi người Việt Nam cùng nghe? Đúng, nó là sự thực. Chính vì sự thực đó mới tạo nên cách mạng, còn kết quả cách mạng ra sao lại là việc khác. Do thế, khi nhìn thấy sự hy sinh của từng lớp người, của những lớp người cho đại cuộc, không gặt hái được kết quả mong muốn, Thạch – nhân vật đại diện tuổi trẻ – đã tỏ thái độ với tuổi già: *Tôi mong những người già sống ở đây hãy chết đi cho chúng tôi còn được kính trọng bằng ảo tưởng.* Thái độ được tỏ bày qua lời nói, một lời nói trong lúc nóng giận, để sau này, khi sự diễn tiến cuối cùng của cách mạng làm sáng tỏ quan niệm của ông Nguyễn – đại diện lớp già – là đúng. Điều này được thể hiện qua sự gặp gỡ giữa Trần Minh Đạo (người cùng ngồi tù với Vĩnh) và Thạch. Cái thế của một tiểu nhược quốc không cho phép người ta hành động quá sức của nó là như vậy.

Thạch còn đó. Sương còn đó với một bào thai trong khung cảnh cao nguyên, mưa bay mờ thung lũng và tương lai nào, dĩ vãng nào, với muôn vàn nhục nhằn bùng bùng trong tâm trí!

Dương Nghiễm Mậu có cái nhìn rất sắc và rất sâu trong mỗi vấn đề được đặt ra. Nội dung đều gói ghém những đờn đau uất hận không phải được hình thành bởi sáng tạo mà do cuộc sống thực tại đã tác động vào tâm thức. Có người cho rằng, Mậu đã bi thảm hoá quá đáng cuộc sống vì cuộc sống đâu có phải chỉ gồm toàn đau thương, uất hận? Cuộc sống là kết quả của muôn vàn dữ kiện tạo nên mâu thuẫn, rồi từ mâu thuẫn qua đấu tranh để sinh tồn trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh dù ôn hoà hay đẫm máu.

Bất cứ cuộc tranh đấu hay suy luận nào, sớm hay muộn cũng đưa con người tới mệt mỏi, nhất là khi nhìn thấy cuộc sống vẫn được tiếp nối bằng nhàm chán sau những cố gắng phải có, nhưng quả tình vô ích. Để trốn tránh sự gay gắt quá đỗi của thực tại, Dương Nghiễm Mậu đã du hồn vào vòm cong trí tuệ. Cái khung trời mộng ảo mà Mậu phác hoạ trong tâm trí, có thể, nó là quá khứ với những nhân vật và không khí thuộc lịch sử hay huyền sử, có thể, nó là những ẩn dụ nấp sau những từ như ngữ, người đọc cần soi tỏ để nhận về phần mình sự hứng thú qua tác phẩm *Nhan sắc*. Nhân vật Phạm Thái trong truyện “Người tình của Trương Quỳnh Như” được dùng như biểu tượng của kẻ sĩ trong thiên hạ. Từng bát rượu lớn uống một hơi đâu còn cái thú của nghệ thuật uống rượu, mà chỉ nhằm dùng chất men để giải toả nỗi buồn thiên thu, đang ngự trị trong một tấm lòng chứa chấp đầy áp ưu phiền.

Cuộc đời là đại mộng. Công danh, phú quý và cả cái chí hướng của kẻ nam nhin muốn đem tài năng để xoay lại vận trời, những hơi ôi! Định mệnh đã an bài từ kiếp nào để đến nỗi kẻ anh hùng phải thốt ra lời cay đắng: *chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy cặp mắt mỹ nhân!* Và túi thơ, bầu rượu, trăng nước, trời mây, sông biển, cả thời gian nữa sẽ ngời ngoai tâm sự, làm bằng hoại một thời khí phách! Dương Nghiễm Mậu đã khoác lên vai Phạm Thái chiếc áo *chàng hiện tại* để bày tỏ những suy tư thầm kín của tác giả.

Từ kẻ sĩ bất đắc chí, nhà văn đưa người đọc qua trạng thái khác, trong câu chuyện “Một người lên núi”. Cái nhân sinh quan, nhà văn tỏ bày trong truyện, chịu ảnh hưởng của triết thuyết Lão Trang. Cái Có, cái Không, cái Còn, cái Mất đều là hư ảnh. Con người chẳng là gì đối với Vũ trụ,

nếu chưa nhận thức được lẽ vô vi và câu *Trời đất vô tình* của Lão Tử. Hình ảnh của Vương Tiên Sinh và mẹ già, em dại, cam chịu vướng mắc vào thế luy tương phản với hình bóng lập lòe, huyền ảo của một con người không được nhận diện đích danh, lừng lững đi vào siêu thoát của trường mộng. Đó là ảo ảnh hay tinh thần bất biến của cái Đẹp đang chập chờn bay lang thang giữa Thực và Mông, giữa cuộc đời và nghệ thuật?

Có lẽ, những thất bại thực tế đã làm Dương Nghiễm Mậu thấm đáu tận đáy lòng, nên mỗi truyện trong tập *Nhan sắc* đều hàm chứa sự bất lực của thân phận con người trong mỗi hoàn cảnh. Làm cách mạng, yêu cách mạng với một ý hướng cao cả, như một gã si tình say mê nhan sắc. Vẻ đẹp của một bông hoa, một mỹ nhân hay cố định lý tưởng nào, khi nó đã quyến rũ và truong phù với ý muốn con người, thì dù cho có phải vì nó mà chết cũng cam lòng! Cái chết đó để dành cho những người biết đi tìm tuyệt đối trong tương đối. Nó được Dương Nghiễm Mậu mượn xác lịch sử thời Cao Bá Quát và thầy khoá Nhâm cùng người khác-vô-danh đã-biết-chết một cách anh hùng, liệt sĩ cho cái đẹp cao cả.

Rồi đến truyện “*Từ Hải và cuộc phiêu lưu của đời chàng*”, cũng được nhà văn dùng như chất liệu để tỏ bày thái độ hay gửi gắm tâm sự? Từ Hải, vị anh hùng hay tên du côn? Từ Hải dưới nét bút Nguyễn Du, đích thực Từ Hải anh hùng “*dọc ngang nào biết trên đầu có ai?*” nhưng qua lý luận của nhà văn, Từ Hải có thể là tên du côn, nhưng tên du côn có ý thức, biết chống bất công và thói nát, biết yêu, biết sống. Hơn nữa, Từ Hải không chiết vì toán quân phục kích của Hồ Tôn Hiến. Từ Hải *chết đứng giữa trận tiền* là Từ Hải giả đó thôi. Nhưng sự trở về của Từ Hải có thực sự cần thiết đối với nhà văn? Có lẽ là một cần thiết, để nhà văn mượn có giải bày suy nghĩ, để gọi lên ám ảnh trong tiềm thức, để chứng minh sự tiếp nối không ngừng của lịch sử đấu tranh, và cái “*biểu tượng anh hùng*” như một lưỡi gươm, một hình phạt treo lơ lửng trước lương tâm mỗi con người để tiện. Và Kim Trọng, Thuý Vân với những lời van xin, năn nỉ của Thuý Kiều có phải chăng là niềm ăn năn, sám hối của một lỗi lầm, của những lỗi lầm do bả vinh hoa cám dỗ để đưa mỗi số phận chìm sâu địa ngục?...

Truyện “*Kinh Kha*”, “*Con chủ thủ*” và “*Đất Tần bất chắc*” cùng mang ước lệ, nhưng ở đây, với niềm băn khoăn chọn lựa giữa hai ngã: sống, chết. Kinh Kha người dũng sĩ thời Chiến quốc tượng trưng lòng căm thù giữa giai cấp bị thống trị và Tần Thi Hoàng một bạo chúa, tượng trưng cho giai cấp thống trị tàn ác, dã man. Nhưng đau đớn thay, chính vì bạo tàn mà Tần Thi Hoàng mới thống nhất và cai trị được nước Trung Hoa mộng mệnh. Người đọc sững sờ trong những lời đối thoại giữa Tần Thi Hoàng và Kinh Kha qua câu chuyện kể giữa hồn ma Kinh Kha và Cao Tiệm Ly,

*... Nhà ngươi không sợ chết sao? Tôi bảo, nếu tôi chết sẽ có kẻ khác noi theo, cho đến khi nào giết được nhà ngươi. Vua Tần dần giọng: Thôi ta chịu chết, nhưng ta hỏi nhà ngươi: Giết được ta rồi nhà ngươi làm gì với nước Trung Hoa này?*

*“Bây giờ hấn ra sao? Anh chưa giết hấn?”*

*“Chưa, nhưng hấn ở trong tay tôi, lúc nào muốn giết thì giết, có điều tôi muốn biết: Thái tử Đan sẽ làm gì với một nước Trung Hoa sau khi tôi đã giết hấn?...”*

Câu hỏi đó, hình như Dương Nghiễm Mậu đặt ra cho nước Việt Nam sau cái chết của ông Diệm? Nhưng cái mẫu anh hùng của Dương Nghiễm Mậu, nó chỉ là một hình thức, một biểu tượng và luôn luôn cô đơn – như tuổi trẻ hôm nay. Nó như ngọn nến nhỏ trong đêm tối mịt mùng với giông gió chập chùng đe dọa, bởi vậy, mỗi hành động, mỗi suy tư được tỏ bày cũng mang sẵn bên trong sự tan rã, tuyệt vọng do chính nó tạo ra.

Truyện “Gậy thần và sách ước”, niềm bi phẫn cuối cùng của tập *Nhan sắc*, Dương Nghiễm Mậu không còn biết tin vào cái gì nữa, đứng cho vợ giữa cuộc sống bao phủ đầy giả dối, uơon hèn và độc ác. Những giá trị người đời ca tụng, sự thực nó cũng chẳng đáng gì, cũng chỉ là hư danh, phù phiếm! Nhưng chẳng lẽ ngày ngày nhìn thân phận trôi vào hư vô như kiếp sống cỏ cây, Dương Nghiễm Mậu tìm về cho riêng mình một chân lý, một ý hướng qua câu chuyện nhuốm màu triết học để đi tới kết luận: con người lành hay dữ, xấu hay tốt đều do mình quyết định không phải do hoàn cảnh và kẻ khác.

Nhưng người đọc tin rằng, tập *Nhan sắc* chỉ là nguyên cớ để Dương Nghiễm Mậu rời xa thực tại một khoảng Thánh Thể nào đấy. Con đường đó tuy đẹp, nhưng không thuộc về Dương Nghiễm Mậu.

Dù cuộc đời có mặt với bao nhiêu thê thảm, dù định mệnh là sự kiện khắc nghiệt, dù đôi khi Dương Nghiễm Mậu muốn một mình bay bổng lên cao để mặc thời gian đẩy đưa đến thì đến, dù cho thối nát, sa đọa, bất công có làm mỗi số phận phải ê chề tủi nhục nhưng Dương Nghiễm Mậu vẫn muốn vì nó mà hành động, mà chung vui, chung buồn với nhân thế.

Tác phẩm *Ngày lạ mặt* là tiếng khóc, là phần nộ hay sự chua xót đang len lách dày vò trong tâm cảm nhà văn. Nội dung câu chuyện do cô học trò tên Hoàng yêu thầy dạy mình, và tự nguyện thoả mãn lời ước mong của người tình – muốn có một đứa con. Thầy Lĩnh có đạo và đã có gia đình. Hoàng tôn thờ tình yêu mà nàng cho là lý tưởng, mặc kệ gia đình, dư luận! Câu chuyện xảy ra ở một thành phố miền duyên hải, khi còn luật gia đình.

Thầy Lĩnh ra toà, không chối cãi. Toà xử vắng nhằng. Trong khi đó Dũng – một quân nhân – bạn học xưa của Hoàng, yêu nàng tha thiết, Dũng uất hận muốn giết thầy Lĩnh – người thầy cũ – vì đã cướp tình yêu của mình. Ông nghị Vĩnh – bố Hoàng – thiếu tư cách không được kính trọng. Hoàng có mang với thầy Lĩnh. Cuối cùng, vợ chồng thầy Lĩnh điều đình với ông nghị Vĩnh, xin bãi nại. Vì quyền lợi tranh cử, ông nghị Vĩnh bằng lòng. Rồi vợ chồng thầy Lĩnh sửa soạn đi ngoại quốc. Hoàng một mình ngất ngư với cái bào thai.

Sự đam mê của Hoàng – một trò gái ngây thơ – với ông thầy học đã có gia đình và đứng tuổi, phải chăng là vấn đề cần đặt ra trước xã hội – qua văn chương – một bằng chứng hiển nhiên rằng, mỗi con người chịu trách nhiệm về phần hành của nó? Không lẽ, chỉ vì lòng mơ ước có một đứa con mà thầy Lĩnh đã phá hoại đời người con gái, học trò mình? Vấn đề đặt ra ở đây, chứ không phải ông nghị Vĩnh, hoặc Quân hay Dũng – kẻ si mê trong thất bại! Cái tâm trạng bi thương của những kẻ muốn làm anh hùng hay vĩ nhân trong khi mình chỉ là hạt cát. Tâm trạng Hoàng cũng vậy, cho rằng mình đã yêu, đã hy sinh, nhưng rốt cuộc chẳng biết sự hy sinh đó mang lại ngưỡng mộ nào, ngoài đổ vỡ. Những trang nhật ký hay lời thú tội của một hành động sai lầm? Tình yêu của tuổi trẻ là tốc độ, là đột biến không thể dự tính được,

*... Tôi nói: Tôi yêu thầy Lĩnh. Tôi biết thầy là người có đạo, có gia đình... nhưng tôi yêu thầy. Chính tôi đã chọn vậy...*

*... Tôi biết đây là mối tình vô vọng, cả hai chúng tôi đều biết như thế, nhưng không ai chịu ngừng, như một chuyến xe xuống dốc, chúng tôi nhắm mắt lại, những lo âu, thẳng thốt chọt đến, những hải hùng chọt hiện, những giọt nước mắt, những lời thú tội với chính mình, chỉ có vậy. Tại sao tôi lại lựa chọn vào hoàn cảnh ấy?*

(*Ngày lạ mặt*, trang 11)

Sự lựa chọn tình yêu nhiều khi do bất ngờ của định mệnh. Nhà văn Malraux khuyên con người nên can đảm trước định mệnh, nhưng tự thâm tâm, Malraux đã cảm thấy một cách thâm trầm rằng: vũ trụ chẳng liên quan gì đến con người cả. Nên sự thống khổ của Hoàng trong những trang sách *Ngày lạ mặt*, nó không thể thực hiện bằng cách nào khác hơn là con *vật tế thần*, để trình bày một khía cạnh đang cấu xé lương tâm nhân loại.

Cuốn sách mở đầu và khép bằng những trang nhật ký chứa chấp trọn vẹn cái đau, cái nhục và mỉa mai thay, cả cái tự ái của tuổi trẻ cố tìm những lý lẽ để bào chữa tội lỗi,

*... Tôi chỉ là một đứa con gái tội tệ. Nhưng sao tôi lại không thể nói với họ, tôi tội tệ vì tôi là con của một người tội tệ, người của một xã hội tội tệ, làm sao tôi không tội tệ được trong một xã hội hoàn cảnh như thế. Tôi yêu một người, có gì đâu. Còn những ông X., ông M. những người đồng chí của cha tôi đó cùng với tên tài xế đã bắt hiếp cái con gì đó trong nhà chứa xe hơi nào thì sao. Con nhỏ phát điên vì ghê tởm chạy như con chó dại trong thị xã đó thì sao. Có thực là nó đã lao mình xuống biển rồi giạt vào bờ không, hay một kẻ nào đó muốn xoá đi dấu vết tội lỗi của mình? Họ đã xoá được và đem ngủ mới yên tâm? Có thể lắm...*

(*Ngày lạ mặt*, trang 161)

Tiếp theo là việc từ chối đề nghị phá thai để khỏi mang tiếng cho gia đình, một gia đình không mấy hãnh tiến về mặt đạo đức của ông nghị Vĩnh. Cuối cùng, Hoàng – người nữ sinh – cương quyết chọn con đường mình đã định,

*... Tôi không muốn sống bằng ảo tưởng. Bây giờ tôi phải lựa chọn đường đầu... Tôi sẽ là một người mẹ, tôi phải nuôi con trong tình cảnh đơn độc của mình.*

*... Tôi nghĩ tới Dũng, bây giờ tôi muốn cầu cứu với Dũng, Dũng có còn yêu tôi, muốn sống với tôi khi biết tôi có mang không, chàng có thương yêu một đứa con không phải của mình không, tôi không muốn lừa ai, nhưng tôi muốn có một người thương yêu mình, giúp đỡ, san sẻ với mình. Tôi hiểu hoàn cảnh của thầy Lĩnh, tôi không oán trách người, tôi muốn giữ lại những gì mà người đã để lại cho tôi...*

*Một quãng đời đã trôi qua, đã chấm dứt phải thế không, Hoàng rồi mà phải sống ra sao? Tôi đang khóc cho tôi đây...*

(*Ngày lạ mặt*, trang 170)

Kết luận như tên có phải là một kết luận hợp tình? Có phải nó được giải quyết một cách thoả đáng và hợp lý?

Tội lỗi cũng như hình phạt được nhà văn đặt ra như một phi lý, một bất công, quả là nặng nề đối với thân phận người con gái. Rồi còn những ngày tháng trước mặt, rồi còn những ám ảnh và mặc cảm, đã dễ gì vượt thoát được, dù cho với sức mạnh của tâm linh có tình yêu hỗ trợ!...

Dương Nghiễm Mậu, nhà văn ý thức được luật sống và sau những năm dấn thân vào nghề cầm bút đã thấu rõ cương vị của văn chương trong xã hội. Viết văn không phải để thoả mãn hoặc dương danh mình trước cuộc đời, chính thực để nói lên những cái gì mà lương tâm chân chính của con người cần phải tỏ bày trước công luận. Bởi vậy, ngoài những truyện dài, Dương Nghiễm Mậu viết rất nhiều truyện ngắn đã in thành sách như: *Đôi mắt trên trời*, *Kinh*

*cầu nguyện, Quê người, Ngã đạn v.v...* và tập bút ký *Địa ngục có thật* viết về cuộc tàn sát của cộng sản trong đợt tổng công kích Tết Mậu Thân tại Huế.

Mỗi truyện ngắn của Dương Nghiễm Mậu là một bức tranh tâm cảm, ở đó, bao giờ nhà văn cũng khơi động tình thương, dù cái tình thương ấy ở trong một hoàn cảnh khó thương. Những thắc mắc và ưu tư về cuộc sống góp mặt với từng dữ kiện hiển nhiên xác thực, hàng ngày qua báo chí, nhiều khi còn tồi tệ hơn những dữ kiện được sáng chế do óc tưởng tượng của nhà văn. Tuổi trẻ và nổi cô đơn là mối dằn vò thường xuyên trong mỗi suy nghĩ của những người lớn lên trong chiến tranh và chính chiến tranh đã nuôi dưỡng, giáo dục họ bằng những ngọn roi dính máu.

Lương tâm nhà văn chỉ là một chiếc gương bé nhỏ phản chiếu lại một trạng huống, một nếp sinh hoạt nào đó đã in hẳn chứng tích trong mỗi suy nghĩ về sự góp mặt của mình giữa hoàn cảnh đã được hình thành như vậy. Sự chối chối hay im lặng đều vô ích! Con người cầm bút phải biết dùng khả năng và tài năng chuyên biệt để chế tạo thành chiếc gương riêng, cho xã hội nhìn vào đấy, nhận diện lẫn nhau trong một kích thước hạn định. Sứ mệnh của nhà văn hôm nay không phải là nhân chứng mà phải nhập cuộc, vì có nhập cuộc mới xác định rõ ràng rằng: chiến tranh, lo sợ, buồn rầu, đam mê và tuyệt vọng có phải là lẽ sống duy nhất của cuộc đời hôm nay không?

## Thủy đào lan

Để chung trà xuống chiếc khay hoàng thạch, chủ nhân châm điếu thuốc đầu tiên trong ngày rồi thả người ra lưng ghế. Một ngày đã khởi đầu. Hương trầm nhẹ trong không khí. Hàng đậu thấp, xa mờ trong sương đục ... Những hòn non bộ, những chậu hoa, những khóm trúc, không một tiếng chim... tất cả lặng lẽ. Có tiếng động từ cổng vườn, chăm chú một lúc chủ nhân nhận ra dáng một người đứng phía ngoài, ông đứng lên, bước ra. Một khách lạ khoác áo lạnh, tay bưng một chậu hoa nhỏ đưa về phía chủ nhân. Người khách còn trẻ nói:

- Có người thấy ông yêu hoa nên nhờ tôi mang tới tặng chậu thủy đào lan này.

- Người ấy là ai vậy ?

- Đó là người bạn từng học đánh kiếm với ông ngày xưa...

Nói hết câu người lạ nghiêng mình chào rồi quay lưng bước đi không để lại một tiếng động. Thủy đào lan? Một người bạn học đánh kiếm... Phải, có một thời như thế. Nhưng gốc lan lạ này ta chưa bao giờ nghe đến. Nhìn con đường trước mặt không còn bóng người khách lạ. Trở vào trong trên lối đi trải sỏi trắng, chủ nhân mang chậu thủy đào lan để trên chiếc đôn nơi góc vườn. Khóm lan được trồng trong chiếc chậu đất nung màu gan gà, loại chậu chỉ có ở đất Đông Tây. Lốp đất đỏ, những lá lan đâm thẳng lên như những mũi dao, cạnh và đầu lá sắc, nhọn . Quả có giống hoa: thủy đào lan?

Sau bao nhiêu ngày tháng bươn chải nơi chợ đời, về già tuy còn tráng kiện, chủ nhân của khu vườn cây cảnh này đã lui hẳn về với thú vui riêng của mình, dù vậy ông vẫn không từ bỏ óc kinh doanh: vừa chơi, vừa buôn bán. Ông chăm chút từng cánh hoa, nhẹ nhàng với từng cánh lá, ông quen thuộc với từng loại ong, con kiến, con sâu, thứ nào của cây nào, thứ nào hại thứ nào lợi, thứ nào để mặc nó, thứ nào phải diệt đi. Nhìn chậu thủy đào lan, ông nghĩ thầm: nó có thể cho ta những hương sắc đặc thù sao? Sao trông nó có vẻ tầm thường? Nó có thể vượt lên ngang hàng với những mặc lan, bạch ngọc, nhất điểm, tiêu kiều... Đầu xuân nhiều khóm đã ra hoa. Những đào, mai, thược dược, hoàng cúc, thủy tiên... mỗi thứ một hương sắc. Thủy đào lan vẫn chỉ là những cánh lá vươn thẳng chắc khỏe.

Giữa mùa xuân, hoa trong vườn đã vội đi. Những chậu yên tử, mã vĩ, mặc lan, hoàng điệp...



lần lượt đi theo chân khách. Một vài người hiếu kỳ trong lúc chọn hoa thấy chậu thủy đào lan thì hỏi về nó. Có người nói: những cánh lá như mũi kiếm, vậy hoa nó sẽ như thế nào, tự hoa nó đã là sự yếu đuối dịu dàng... Hình bóng người khách lạ lại đến với chủ nhân: một người bạn từng học đánh gươm ngày trước... một thời học đánh gươm... tất cả quá khứ chập chờn hư ảo. Có một thời như thế?

Qua hè, cây cỏ bắt đầu héo úa sau một thời sinh sắc. Vào một chiều oi nồng: có một thanh niên vào thăm vườn cây. Chủ nhân nói: đã qua mùa xuân. Người thanh niên mỉm cười: ông quả là một nghệ sỹ yêu thiên nhiên. Trời và người có những sắp xếp riêng, tại sao mình lại lệ thuộc vào thời gian, xuân hay hè là ở mình chứ? Chủ nhân nhẹ nhàng: với cậu bây giờ là hè hay xuân? Chợt người thanh niên ngừng lại và kêu lên vẻ thảng thốt:

- Thủy đào lan sao lại ở chốn này?

Chủ nhân bước tới và cảm nhận thấy một mùi hương thơm kỳ lạ, một hương thơm ma quái đầy hoang dại. Trước mặt họ chậu thủy đào lan với những cánh hoa đỏ như lưỡi kiếm đâm máu chen giữa những ngọn lá xanh đậm.

- Đây là quà tặng của một người bạn cùng học đánh gươm với tôi hồi còn trẻ. Phải, nó là thủy đào lan.

- Tôi đã từng thấy nó ở vùng Đông Ty, nó cho hoa theo một quy luật riêng. Phước cho ai và cũng họa cho ai được hưởng hương thơm và nhìn thấy màu đỏ trên cánh hoa. Chính là ma quỷ ở quanh đây...

Vừa nói người thanh niên vừa rút gươm ra khỏi vỏ, những đường gươm loang loáng, tiếng gió rít lạnh, chủ nhân cảm thấy như toàn thân tê liệt, trước mắt chỉ thấy những vệt sáng nhảy lên nhảy xuống không rõ hình dạng. Không biết thời gian ấy kéo dài trong bao lâu cho đến khi qua cơn choáng, chủ nhân không còn thấy người thanh niên, khu vườn đã bị bầm nát, không còn một ngọn cỏ cao quá gang tay, cơn bão kiếm đã san bằng tất cả. Không gian lặng đi, thời gian ngừng lại. Chủ nhân thấy mình như đang ở giữa hoang mạc. Nhìn chung quanh giạt mình thấy chậu thủy đào lan vẫn ở nguyên chỗ cũ, những ngọn lá xanh những cánh hoa đỏ máu.

Mùa đông năm đó đến sớm cùng với cơn bão tuyết hung hãn, một lần nữa cỏ cây bị vùi dập, cả khu vườn nay không còn dấu tích nào cho thấy rằng trước đó có một hoa viên với kỳ hoa dị thảo. Duy ở góc vườn, chủ nhân thấy chậu thủy đào lan như hồi nào ông thấy: những ngọn lá xanh, những cánh hoa như lưỡi gươm đâm máu khỏe mạnh, cứng cáp. Ông bước tới, hai tay nhắc chậu hoa mang vào nhà để trên thư án, ông ngạc nhiên thấy nửa phần chậu đã không còn, chậu hoa như đã bị tiện ngang. Ông vuốt tay lên cánh lá cánh hoa... tất cả đã khô cứng như đá. Chủ nhân nhớ lại và rùng mình như nghe thấy tiếng gươm đao và những vệt sáng loang loáng ngày nào cùng người thanh niên với thanh kiếm trong tay và phảng phất hương thủy đào lan ma quái, hoang dã...

Cho tới ngày chủ nhân qua đời, người nhà thu xếp lại mọi thứ thấy chậu hoa bị tiện đứt trong khi những ngọn lá cánh hoa vẫn còn tươi màu sắc, tất cả đã khô mà sắc diện vẫn như đang sống. Mọi người hỏi nhau nhưng chẳng ai biết đó là hoa gì, thật hay giả.

Khi đã qua tuổi năm mươi, một lần vào trong Mã Sách, mở cuốn U Quái Tản Truyện lần đầu trong đời thấy ghi về một tên hoa là Thủy Đào Lan. Bài thơ Khấp Thủy Đào Lan mà theo tác giả U Quái Tản Truyện do một cuồng sỹ khi chết xuống âm phủ vịnh một loài hoa ở dưới đó. Bài thơ như sau :

*Mặt trời đỏ bêu mũi tên nhọn  
Này bọn người sống lại làm ma quỷ  
Có thấy không hương thủy đào*

Nó làm thành mùa xuân ở cõi âm  
Không kẻ nào có thể nhìn rõ mặt  
Vì không một kẻ nào trông thấy mà còn sống .

## Dương Nghiễm Mậu Đặng Tiến



*Que l'homme est né pour le bonheur.*

André Gide (1869-1951)

Con người sinh ra để hưởng hạnh phúc.

Dương Nghiễm Mậu xuất hiện trên văn đàn miền Nam cách đây ngoài 10 năm, như một chứng tích. Cái chứng tích đó là nỗi bơ vơ của tuổi trẻ, của một thế hệ tuổi trẻ đang sống giữa cuộc sống không thuộc về mình. Cái tuổi trẻ nào đó được tô hồng trong những dạ hội, dưới mái đại học, hay rong chơi quanh năm với bốn mùa tinh tú, đều ở ngoài tầm tay của Dương Nghiễm Mậu. Cuộc sống đối với Mậu là cái gì quá khe khát, quá cứng rắn và từ đó mỗi suy nghĩ, mỗi hành động hình như, ít nhiều gì cũng để chống đối cuộc đời. Những xấu xa, ti tiện, lòng ganh ghét và đố kị thấp hèn, trộn lẫn với tình thương yêu con người làm giọng văn của Dương Nghiễm Mậu vừa phẫn nộ vừa chua xót.

Con người sinh ra đời không phải để gánh chịu nhục nhằn và cái xấu. Nhưng cuộc đời có mặt không phải là thiên đường, nên con người vẫn phải cúi đầu chấp nhận những gì do nó đưa lại cả xấu lẫn tốt. Con người tính vốn thiện từ thuở lọt lòng, nhưng càng sống, càng tranh đấu để cuộc sống được tốt đẹp hơn lên, con người lại vô tình làm nó xấu đi, vì lòng ích kỷ và tinh thần chiếm đoạt, tư hữu.

Cái ý thức tốt hướng vào điều thiện cũng như việc đề cao lương tri chỉ còn là những danh từ trống rỗng, giữa một xã hội xáo trộn vì chiến tranh quá lâu, giữa những ngộ nhận từ kẻ này qua kẻ khác. Dương Nghiễm Mậu không phải vô tình hay vô có khi đặt vấn đề thân phận con người, nhất là tuổi trẻ, trong phạm trù sinh hoạt thực tế với *cục bước quá to, lông lá xồm xoàm*, tượng trưng cho nỗi bần khổ, ám ảnh của nhà văn đối với một xã hội thối nát, bất công đang bám vào da thịt mình làm bút rút, khó chịu. Cục bước đó, sự thực, mỗi con người đều phải gánh chịu suốt đời, chỉ có khác, ở mỗi người nó mọc ra ở mỗi chỗ, tùy theo cung số!... Cục "bước quá to" đã làm khổ Dương Nghiễm Mậu, với mặc cảm xấu xa, vì nó mà người yêu từ bỏ, xã hội khinh khi.

Nó hiện diện như một hình phạt, dù con người muốn cắt bỏ nó, hoặc tự huỷ mình cho thoát nợ, nhưng vẫn không xong, vì nếu mọi việc ở đời đều có thể giải quyết dễ dàng như vậy thì làm gì còn cuộc sống nữa? Bởi vậy, con người được sinh ra, dưới sự an bài nào đó, phải chấp nhận đời sống và luật sống là có thực. Y học và văn minh cũng chẳng giúp ích gì được, một khi căn bệnh không nằm trong bệnh lý thông thường, mà nó biến hoá khôn lường giữa tâm linh để tàn phá, để giết dần đời sống, làm lụi tàn hy vọng.

Sinh ra và lớn lên trong một xã hội bị phân hoá vì chính trị và đời sống bấp bênh do cuộc chiến tạo nên, mỗi số phận trai trẻ như phật phồng, khắc khoải, chờ đợi một cái gì đó, có thể là những hạt giống tốt, cũng có thể là loài cỏ dại ăn hết chất màu của mảnh vườn mới bón. Từ phần uất, Dương Nghiễm Mậu đi vào chán nản khi biết rằng thân phận mình đã bị điếm danh, nghĩa là đã được định đoạt, Mậu không có quyền lựa chọn. Một khi con người không có quyền lựa chọn cho đời mình hướng đi, thì một, phải dứt khoát với nó, hai, phải buông trôi thân phận như dòng nước nhỏ chảy len lách vô tri dưới một khe lạch không tên, cho đến lúc nhạt nhoà tan biến vào đại dương. Dương Nghiễm Mậu, tuy không có quyền chọn lựa hướng đi nhưng cũng chẳng sẵn sàng làm một dòng nước nhỏ, nên chấp nhận sự có mặt của mình trước cuộc sống với một thể đứng riêng biệt.

Những năm cô đơn của tuổi trẻ mà Mậu đem theo là nỗi cô đơn bi thảm trước một chứng tích đã có đấy, đã hình thành như thế từ lâu. Mậu không biết dùng phương cách nào để tự an ủi đành mang mình ra trước khoảng trống (cuộc đời) để tự đóng vai trò lừa dối mình,

*... Khoảng trống bao la ấy đau buốt, nhức nhối trich vào thân thể anh từng giây, từng phút ngọt ngào, tức tưởi lay động choáng váng tim óc. Anh đã đánh lừa và mang em đến với anh. Em đã chịu đựng sự có mặt của anh – nhưng đến bây giờ em còn đủ sức chịu đựng nữa – em lên tiếng, như đám đông lên tiếng cho anh nhận ra anh...*

(Cũng đành, "Niềm đau nhức của khoảng trống")

Sự lên tiếng ở đây là phát biểu thái độ, là ý thức nhập cuộc vì khoảng trống mà Dương Nghiễm Mậu hình dung thấy ở trong tâm tưởng nó như một vực thẳm xa vắng, nó làm Mậu hốt hoảng đến nỗi không còn nhận ra mình.

Con người sinh ra dù không được quyền lựa chọn theo ý muốn nhưng ít ra con người cũng phải có thái độ trước thực tại, phải là *một cây sậy biết suy tưởng* theo Pascal: *l'homme n'est qu'un roseau, le plus faible de la nature, mais c'est un roseau pensant.*

Cái tuổi trẻ Thượng đế đã ban phát cho mỗi con người một thời gian là để thử thách sức chịu đựng của từng số phận. Sự ban phát này không đồng đều, do đấy, nảy sinh ra bất mãn và chống đối. Có những khuôn mặt tuổi trẻ không bao giờ vui tươi, hớn hở, ở đó, bao nhiêu băn khoăn, vò xé nội tâm. Dương Nghiễm Mậu thường tìm hình bóng mình qua kẻ khác, cũng như dùng kẻ khác để nói đến mình. Đi từ nỗi bơ vơ này qua bơ vơ khác, đến đâu, ở đâu, cũng chỉ gặp xa lạ ngay với cả tình yêu. Hình ảnh những nhân vật đàn bà trong tác phẩm Dương Nghiễm Mậu lúc nào và bao giờ cũng tạo nên oan trái, phảng phất nỗi u buồn riêng biệt trong một thế giới riêng biệt bao phủ ở mỗi truyện. Từ Hê-Len tới Thuyền, tới Phượng, tới Hạnh rồi Quyên hay bất cứ một cái tên nào khác đều được phác hoạ dưới những nét run rẩy mờ nhạt, cùng với từng niềm đau thương len nhẹ nhàng vô cùng sắc bén vào tâm tư người đọc,

*... Tôi đã muốn quên Hạnh, như quên thực tế đã phải sống với một mơ hồ êm đềm, nhưng bây giờ Hạnh ở trước mặt. Một Hạnh dở dang buồn bã. Thịnh đã chết ngoài mặt trận. Một Hạnh*

*những kỷ niệm lưu giữ bền chặt. Một Hạnh đáng yêu còn đó. Một Hạnh tan vỡ như thời gian học trò trong thành phố quê hương bốn mùa. Đối diện với Hạnh, ký ức lại trở về với những hình ảnh liên tiếp của một thời, như những toa xe trên chuyến tàu trở lại ngang qua một trạm nhỏ dọc đường...*

(Sợi tóc tìm thấy, "Đôi mắt chỉ rồi", trang 73)

Đoạn văn trên có thể thực, có thể do óc sáng tạo của nhà văn nhưng qua đây, người đọc đoán được những gì Dương Nghiễm Mậu muốn nói. Kỷ niệm nào đó, tại sao lại trở về để ám ảnh tâm hồn, tại sao lại gặp nhau để tạo nên đau khổ? Dự dãn vật của kỷ niệm hay nỗi băn khoăn thuộc về tiền kiếp với ý thức siêu hình.

*... Đêm xuống rất khuya. Chúng tôi nằm trên những người đã chết trong nghĩa địa, Long nằm gối đầu vào tay tôi. Thu về cây nhị hỏ – những âm thanh ám ức, tức tưởi, sâu thẳm, u uất, nghẹn ngào trườn lên bực dọc quần quai – và tôi chòn vờn vào một giấc mơ...*

...

"Thưa người là ai?"

"Tôi không là ai."

"Người từ đâu đến?"

"Có can hệ gì đâu?"

"Sao người than van sâu thẳm làm vậy."

"Tôi vốn không ưa tâm sự. Sự than van chẳng cần thiết gì..."

"Nhưng tôi có tâm sự phải than van. Muốn có một người ngồi trước mặt mình. Anh ghét tâm sự ắt hẳn người có quá nhiều tâm sự rồi chẳng?"

"Tôi chẳng có chút gì. Chẳng có gì để nhớ. Có gì để nhớ đâu?"

"Người nói dối chẳng? Nhưng nếu người sống giữa một khoảng trống không có tâm sự thì người sống làm sao?"

*... Chúng ta hãy thử nhìn sang bên kia đường. Người có thấy chẳng một cậu bé con đang nô đùa bên mẹ nó – cậu bé nhảy và hát. Đôi miêng xinh tươi, triền môi dịu ngọt – đôi mắt ngây thơ của trẻ dại đang nhìn vào cuộc đời mong lớn – cậu bé đang nũng nịu gọi: Mẹ ơi!...*

*Tôi có thấy đứa bé nô đùa bên mẹ nó. Tôi chỉ nhìn thấy một đứa trẻ đi vất vưởng buồn nản, môi thâm bậm chặt để khỏi cát lên tiếng khóc – đôi mắt ngẫu đồ. Nó thấy cuộc đời lớn lên vượt khỏi tầm tay nó. Cậu bé chẳng biết bố mẹ thế nào nên chẳng thể gọi tên để chẳng thấy mình còn được gọi tên.*

"Trời xanh lắm thấy không anh?"

"Trời ngẫu đồ vẫn đục và như giông bão sắp về."

"Cây cối xinh tươi làm sao?"

"*Những cành khô quơ quạng như muôn cánh tay hối lỗi – già nua đầy đau đớn.*"

"*Anh hãy nhìn vào vườn hoa đẹp đẽ kia – muôn hoa đua nở, cành lá xanh tươi hương thơm toả ngát. Anh có thấy không một cặp tình nhân cùng nhau tâm sự, mặt nhìn mặt, tay cầm tay, nói với nhau những lời dịu ngọt hứa hẹn một tương lai hạnh phúc sum họp.*"

"*Nhưng tôi chỉ thấy kia là một sa mạc bao la gió cát bay mù tàn nhẫn. Ở đó, có một kẻ đang ngồi một mình, nói một mình, nghe một mình và tay mình sờ soạng lấy tay mình. Nhìn vào lòng bàn tay hoại, những ý nghĩ về tương lai.*"

"*Này chiếc hoa màu hồng.*"

"*Màu tím đó thôi!*"

"*Có nghe chẳng tiếng hát?*"

"*Tôi nghe thấy tiếng người rên khóc, tiếng thở dài...*"

(*Sợi tóc tìm thấy*, "Trong lòng bàn tay", trang 73)

Lời đối thoại trong một nghĩa trang, giữa con người và hồn ma, để nói với cuộc sống hôm nay. Tiếng thở than sâu muộn của muôn đời gửi từ cõi hư không, ở đây không còn chi hệ lụy! Ý nghĩ về cô đơn, bi thảm mà nhà văn đã và đang gánh chịu đâu phải niềm cô đơn tuyệt đối. Nó còn nghe thấy và đón nhận về phần mình những dư âm của tiếng lòng than van, uất nghẹn cảm thông qua hai cõi âm, dương.

Quả thực, Dương Nghiễm Mậu đã bị ám ảnh vây hãm trong quá nhiều ý nghĩ đau buồn xuyên qua lời đối thoại. Cái tâm sự bi quan, đầy rẫy phần uất nó chứa đựng và tích lũy tự đáy lòng chờ dịp phát ra những âm thanh chua chát nã nê với hình ảnh đứa trẻ mồ côi, với cảnh vật không còn màu xanh, cuộc đời biến thành sa mạc và màu hoa – vườn đời – biến thành màu tím tang tóc! Còn gì nữa không? Còn chứ! Còn tuổi trẻ bơ vơ, còn nhiều tình phụ bạc, còn thân phận tôi đòi, còn tiếng khóc thay cho nụ cười, còn tù tội và còn đam mê trong thất vọng.

*... Quyên ơi! Anh tự cho rằng anh không hề có tội lỗi, chưa quỳ dưới chân ai một lần. Cửa vào địa ngục không biết, đường lên thiên đường không hay. Em hãy cho anh tội lỗi để đôi mắt được mù loà. Vì anh yêu em nên không thể tự tay chọc thủng đôi mắt mà Chúa đã ban cho – như thế anh không phải nhìn vào lòng bàn tay...*

(*Sợi tóc tìm thấy*, "Đôi mắt chỉ rối", trang 123)

Cái quan niệm bi đát và thái độ sống của Dương Nghiễm Mậu vào giai đoạn 1960-1961-1962, ít nhiều gì cũng chịu ảnh hưởng của thời cuộc và những tư tưởng vay mượn của Tây phương với Sartre và Camus, tuy hai nhà văn kiêm triết gia này chẳng những đối nghịch về đời sống và cũng dị biệt nhau về quan điểm triết học, nhưng cả hai cùng gây ảnh hưởng sâu đậm trong tâm thức các nhà văn trẻ lúc đó. Con người sinh ra đời không có quyền chọn lựa cả cái sống lẫn cái chết, và cái xã hội đang vây quanh mỗi thân phận cũng chẳng có phương thế gì giúp cho con người tìm thấy hạnh phúc. Thiên nhiên là một sự kiện ngoại giới, nó chẳng cứu rỗi được ai vượt qua khốn khó. Nó có đấy như một điểm trang vô ích, trong lúc con người cần tới sự cảm thông thiết thực hơn. Do đó, trong tác phẩm *La Nausée* của Sartre, nhân vật Roquentin mới có ý tưởng bi phẫn cho rằng: *chúng ta ai cũng như ai không có lý gì đáng sinh ra cả... vì tất cả*

*những gì hiện hữu đều có mặt một cách vô lý, kéo dài bờ hèn yếu rồi chết ngẫu nhiên!...*

Dương Nghiễm Mậu không hoàn toàn du đời mình vào những ý nghĩ u tối, nhưng người đọc cũng thoáng thấy niềm băng khuâng và chả mấy tin tưởng vào tương lai, tin vào cái ý hướng tốt đẹp nào đó để níu lấy chút hy vọng mong manh cho những ngày bất buộc có mặt. Cái đau nhất của Dương Nghiễm Mậu là phải tiếp thu những gì mình không thích, không muốn mà nó cứ đến, đến thân nhiên như sáng, trưa, chiều, tối với những nhu cầu thường nhật. Sự kiện ấy được phơi bày thật rõ trong tác phẩm *Đêm tóc rối* (1965). Cái tuổi trẻ hư không với những ý nghĩ và hành động phần nào do vô thức kích động rồi đẩy nhà văn vào ngõ cụt, do đó, sự nghĩ và viết ra chỉ nhằm mục đích chứng minh cái “đột biến” của những năm tháng rã rời đã ăn sâu vào trí não nhà văn.

Sự hưởng thụ khoái lạc mà A. Gide từng khuyến khích tuổi trẻ phải sống theo ý mình, tìm về cho mình lạc thú mà Thượng đế đã ban phát cho mỗi số phận trong cuốn *Les Nourritures Terrestres*, nó chỉ có giá trị đối với các thanh niên Tây phương, nơi mà chiến tranh và nghèo khổ không đầy đọa con người một cách thâm thối, nơi mà nền văn minh cơ khí đã giúp cho con người các tiện nghi vật chất, nơi mà không khí tự do được phát triển cùng độ, nơi mà tư tưởng được hãnh tiến trong mọi suy nghĩ về kiếp sống. Còn hoàn cảnh chúng ta, hoàn cảnh của những trẻ tuổi lớn lên trong tiếng súng căm thù liên tục, được nuôi dưỡng bằng phần nộ thay cho miếng cơm manh áo và tình thương. Cái ý thức mà Dương Nghiễm Mậu áp ủ để làm vốn cho mình không nằm trong khuôn thức thoải mái, hiển nhiên nó khơi động tự đáy lòng từng nổi vò xé đau thương. Hình ảnh Dương Nghiễm Mậu, hay Lễ, nhà giáo trẻ hào hoa trong tác phẩm *Đêm tóc rối* chỉ là biểu tượng, để nhà văn gửi vào đấy những gì cần phải tỏ bày. Nội dung *Đêm tóc rối* được hình thành qua một cốt truyện khá giản dị: Lễ, nhà giáo trẻ, ở trọ nhà mù Liên chồng mù đi làm xa. Do đó, xảy ra sự liên hệ xác thịt giữa Lễ và mù. Lễ không thương yêu gì mù Liên, chỉ coi như một giống cái để giải quyết sinh lý. Lễ yêu Quyên nhưng Quyên lại lấy Khánh, bạn Lễ. Một trận đòn ghen xảy ra khi ông Tiến trở về nhà, vì hàng xóm nói lại chuyện vợ ông với Lễ. Mỗi tình đẹp mong manh của Phượng – Lễ cũng tan vào hư không vì cái chết bi thảm của nàng dưới đáy giếng. Rồi mọi sự hoà loãng và cuộc sống... Những khuôn mặt Thực, Khang, Trinh và vóc dáng mù Liên – con dĩ già có chồng còn dâm dăng, được đề cập tới ở những trang đầu cuốn sách chỉ là hình thức kích động. Cái sự thực Dương Nghiễm Mậu cần nói ra nó nằm ở chỗ khác. Thân phận tuổi trẻ nhiều khi không tùy thuộc vào ý muốn, hình như nó được an bài ở chỗ nào khuất nẻo lắm. Một chút hạnh phúc thơ ngây, một bàn tay bé nhỏ, một môi hôn ngỡ ngàng, một lời nói vụng dại của tuổi hồng mà nhà văn tìm kiếm, nhưng uổng thay, không gặp. Cả cuộc đời này nữa, tại sao ô ư ể quá vậy trong mỗi suy nghĩ, trong mỗi đam mê? Cuộc đời – xuyên qua mù Liên dâm dăng đã bị Dương Nghiễm Mậu đồng hoá với xã hội, tạo nên nhức nhối,

*... Nghe tiếng động ở dưới nhà mù Liên trườn ra ngó đầu xuống, chiếc mông trần mập đen nhô lên. Tôi đứng dậy vươn vai, buổi chiều đã xuống nhọ mặt người, đèn đường đã bật. Tiếng hát cải lương vang lên từ một nhà ở phía bên kia đường. Tôi thấy đắng miệng. Tiếng mù Liên:*

*“Có gì lục đục ở dưới bếp.”*

*Tôi tiến lại giẫm chân lên mông mù nhún nhún, ngó đầu xuống chân thang tối đen. Mù Liên trở mình nằm ngửa nhìn lên, hai tai dang rộng như một kẻ bị căng ra. Sao tôi không là thằng Tây đen rạch mặt. Tôi rùng mình kinh tởm quay đi. Tiếng mù Liên phía sau:*

*“Anh khinh tôi lắm phải không?”*

*Tôi đi đến bên chỗ bật đèn, đưa tay lên vịn, ngọn đèn sáng chói. Tôi vội tắt đi. Người đàn bà*

*lấn vào sàn gỗ. Sao ông Tiến (chồng mẹ Liên) không về. Lúc này ông ở đâu. Nhớ tới Khang, tôi có ý muốn thăm Thục. Tiếng mẹ Liên:*

*"Anh muốn bỏ tôi rồi phải không? Tôi biết anh đang mơ mộng một con nhỏ nào đó."*

*"Thôi im đi."*

*Tôi quát lớn rồi bật đèn sáng. Mẹ Liên trở dậy đi xuống thang, tôi mấy bậc mẹ đứng lại, giấu người phía dưới, nhô đầu, mặt cong cớn:*

*"Mơ mộng, mơ mộng, đứa nào chả thế, bọn họ khác gì tôi. Có điều bọn nó không để anh dùng như một khúc gỗ, bọn nó có điều kiện để dùng lại anh cùng với những đứa khác. Anh biết không?"*

*"Câm đi, câm đi."*

*"Anh sợ người ta nói sự thực ra, tôi không sợ, tôi không câm. Anh tưởng tôi không biết anh nằm với đứa nào sao. Nhưng anh chỉ làm cho nó hư hỏng và đẩy nó đi lấy thằng khác. Anh tưởng tôi yêu quý anh lắm hả... còn lâu... Tôi có chồng có con."*

*Tôi cúi gập đá chiếc ghế đầu về phía mẹ Liên, mẹ thụt đầu xuống rồi lại ngó lên:*

*"Anh can đảm giết tôi đi coi. Anh là một thằng hèn. Mẹ Liên thụt đầu đi xuống, mẹ bật đèn sáng và đi vào nhà tắm. Căn nhà trông trải và rộng không tôi ra lan can đứng nhìn xuống mặt đường. Mẹ Liên tắm xong trở lên mặc quần áo rồi đi về. Tôi ngồi lặng lẽ trong bóng tối nghe tiếng muỗi kêu. Tôi nhớ tới khuôn mặt êm mát của Phượng, căn nhà trong buổi sớm mai..."*

*(Đêm tóc rối, trang 35-36)*

Sự lang chạ bất đắc dĩ này đã tạo nên thế đứng chênh vênh trong nội tâm nhà văn. Cuộc đời như vậy đó. Nó có đáy, mãi mãi còn đáy với những ung độc làm băng hoại tuổi trẻ. Dương Nghiễm Mậu như bị ném vào đấu trường, ở đó, toàn là thù hằn, oán hận. Con người phải chọn lựa vũ khí để tranh đấu, sinh tồn. Vóc dáng Quyên và hạnh phúc của nàng như một thách đố. Chưa giao đấu đã cảm thấy thua, trong lòng nổi hằn những vết roi rướm máu, nhà văn đành phải lừa dối mình bằng cách tự trừng phạt, tự phác họa trong ý nghĩ những hành động gớm ghiếc, dữ dằn của ông Tiến chồng mẹ Liên, với vô vàn hoang hốt, nhưng sự thực ông chồng bị cấm sừng chưa biết, vẫn yêu vợ, thương con. Bởi vậy, hình ảnh ông Tiến – hình phạt – luôn luôn ám ảnh Lễ – tuổi trẻ – như một số kiếp phụ thuộc,

*... Tôi nằm im lặng tủi thân. Tôi nghĩ đến căn gác trống không, đến vẻ bình thường vui tươi của mẹ Liên bên người chồng, cùng một lúc người đàn bà vẫn yêu chồng và vẫn ngoại tình trong đời sống bình thường của họ. Có nghĩa gì một cuộc dạo chơi, một cái hôn kéo dài trong đêm hay một lần ân ái say đắm. Mỗi kẻ chia mình ra, phân mình ra. Mỗi kẻ những bí ẩn tràn lan chi phối ngay trong tiềm thức và sự mù tối của trí tuệ mà hoàn cảnh mỗi giây phút có thể thay đổi xoay chiều. Giờ này mẹ Liên cũng đang làm những cử chỉ âu yếm những hành động yêu đương với ông Tiến, như mẹ đã âu yếm yêu đương tôi. Lúc nào là thực con người mẹ, lúc nào là con người khác. Bây giờ tôi cũng có thể nằm đây nghe mình rời rã, cũng có thể tôi nằm với một người khác, nhưng tôi vẫn tỉnh táo riêng rẽ, cô đơn chừng như chẳng can dự đến vật gì...*

*(Đêm tóc rối)*

Cái cuộc sống thực mà nhà văn mơ tưởng đến, nó ẩn nấp mơ hồ với mục Liên trong khoảnh khắc phù du, hoặc Quyên, hoặc Phượng. Từng vóc dáng như hoà trộn thành chất đặc biệt dính chặt vào ý nghĩ nhà văn nên sự nói tới một sự kiện nào đó, đều ẩn nấp bên trong niềm giận dữ xen lẫn tiếc thương. Nó là trái đào chín mơn mớn trong khu vườn yên tĩnh của Phượng, trông thấy mà không ai hái cho ăn. Nó là trái bóng đỏ bơm hơi khinh khí bay lang thang trên nền mây trắng đục. Nó là chiếc xe lăn có Phượng tàn tật ngồi trong đó với ước mơ im tiếng. Nó là Quyên với nụ cười hồn nhiên nhưng kiêu kỳ ranh mãnh. Có thể nó là nỗi thống khổ của thân phận con người sinh nhằm thế hệ với oan trái ẩn khuất không tên gọi và sự hối tiếc ngày tháng trôi đi mà định mệnh vẫn bắt buộc phải chung sống, phải nhìn nhau, phải nói năng, phải thân mật với những người mình chán ngấy, hoặc ngưỡng ngùng vì tội lỗi đã gieo mầm,

*... Khuôn mặt ông Tiến có vẻ gì như khác lạ, mùi rượu nồng nặc toát ra từ người ông. Da mặt ông đỏ tía bị làm xám đi, đôi mắt trợn trừng. Tôi lúng túng chưa biết trả lời sao thì ông Tiến đã nói:*

*“Cậu ở nhà với vợ tôi, cậu có biết con mụ đó nó lang chạ, lừa dối tôi không?”*

*Tôi rùn người toát mồ hôi:*

*“Sao? Ông nói sao?”*

*Ông Tiến lùi xa một chút, quay người rồi trở lại sát mặt tôi, chiếc áo xám đứt mất một chiếc khuy ở ngực hở ra một ít da màu đỏ, ông ta khoanh tay lên ngực:*

*“Tại sao cậu không ở lại với chúng tôi nữa?”*

*Tôi lấy lại bình tĩnh mỉm cười:*

*“Tôi cũng định nói với ông bà, nhưng sáng nay thức dậy thì ông bà đã đi khỏi, mà tôi thấy cần phải đi ngay... tôi cũng muốn ở lại nhưng vì nay tôi có nhiều giờ dạy.”*

*Tôi lấy bao thuốc cầm một điếu và đưa mời ông Tiến, ông ta gạt đi. Tôi đang nói dối, tôi đang lừa gạt.*

*“Sao cậu chưa đi?”*

*“Vì tôi vừa gặp một người bạn giữ lại một ngày nữa.”*

*“Vậy cậu biết con vợ tôi nó mè nheo với ai không?” Tôi muốn nói! Chính tôi đây, tôi mỉm cười làm bộ dửng dàng:*

*“Ông ghen rồi, ai bảo với ông vậy?”*

*“Cả xóm người ta nói cho tôi biết. Tôi muốn mổ bụng bọn nó. Con đĩ già khôn nạn, tôi đi làm để nuôi nó làm đĩ không công.”*

*“Sao ông không bảo họ nói thẳng xem ai. Tôi đi cả tuần mới về một chút rồi lại đi lảng nhãng. Tôi nghĩ bà nhà đứng đắn lắm...”*

*“Láo, láo...”*



*Bất ngờ ông Tiến thoi vào mặt tôi một đấm, tôi đau điếng liệng người đi.*

*“Chính mày, thằng đĩ đực...”*

*Liên tiếp ông Tiến đấm tôi thêm một cái nữa và đá tôi chúi xuống chân tường rồi xông tới nắm lấy ngực tôi chỉ vào mặt:*

*“Tao tha chết cho, tao giao con đĩ rạc lại cho mày, về mà sống với nhau. Mai tao đi rồi...”*

*(Đêm tóc rối, trang 127-128)*

Đến bây giờ, chiếc “nút” thứ nhất mới được mở để người đọc hé nhìn thấy một thoáng cuộc đời với đoạn văn vô cùng linh động, vô cùng đau đớn, cảnhng phải do những cú đấm ghen tuông của ông Tiến gửi vào mặt Lễ, nhà giáo, mà hiển nhiên phơi bày một sự thực phũ phàng có thể là đích danh, có thể là nguy tạo để dùng nó như một hành động phản kháng của tuổi trẻ đối với những nghịch cảnh tàn gian. Cái trần gian mơ tưởng nó hình thành trong tâm trí Dương Nghiễm Mậu không phải là gượng ép hay sự thoả mãn dễ dãi, rẻ tiền xuyên qua mục Liên, mà nó phải được hình thành với những chất liệu thật trong sáng, thật rục rĩ, thật lý tưởng dù cho có là ảo tưởng đi nữa. Do đó, sự giằng co giữa thực và mộng, giữa xấu và tốt, giữa quá khứ và tương lai vẫn chưa được nhận diện.

Những ngày tháng cũ nằm sâu dưới đáy tiềm thức cùng những tử thi ngổn ngang chỉ chờ đợi thức dậy và sống, sống đau xót với thực tế rồi trống rỗng. Từng ý nghĩ mệt mỏi, rã rời, từng hình ảnh u uất bủa vây xung quanh một thân phận luôn luôn khao khát tuyệt đối, muốn tìm về cho mình, cho riêng mình một giọt sương đêm tinh khiết, một thoáng hương êm ngát, một nụ cười hiền hậu và một linh hồn còn trong sáng đi vào tình yêu với mắt nhìn không e sợ tương lai.

Cái hình phạt nào đó đang ẩn nấp trong lương tâm nhà văn, không mang ý nghĩa thông thường của cá nhân và kẻ khác, đúng ra, nó là lương tâm xã hội, nó là một dòng sông như vậy, như thế, đang lừa mỗi số phận đi vào luồng nước lũ, đi vào guồng máy của tập thể. Sự trốn tránh thực tại của Lễ trong *Đêm tóc rối*, chỉ là hành động của con đà điểu mỗi lần gặp nguy khốn, chứ không chứng minh được cái ý nghĩa chính và đúng của con người trước đồng loại. Một cái chết thê thảm của Phương, một hình ảnh Khánh ngồi tù, một kỷ niệm phảng phất trong môi mộng lung của trí nhớ và chiến tranh còn đó với những cơn đau đứt ruột, với tang tóc vây lút cuộc sống và những giá trị linh thiêng đã ngã xuống. Thực vô lý và kỳ cục! Nhưng có ai dám nói khác đây không phải là cuộc sống đích danh mà mỗi số phận đang sống ở mỗi vị trí dành riêng cho mình với những phản ứng cá biệt, kể cả ông Lịch – người nghiện hút – nếu có làm một vụ thật chẳng nữa, cũng do hoàn cảnh và cuộc sống đẩy đưa, ta không thể căn cứ vào dữ kiện bên ngoài mà võ đoán xấu, tốt theo ý Dương Nghiễm Mậu.

Nhưng dù cuộc đời có xô đẩy mỗi cá nhân vào trường hợp nào, vào mâu thuẫn nào đi nữa thì bản chất con người vốn luôn luôn hướng thiện, vẫn muốn làm-một-cái-gì để khỏi hổ thẹn với lương tâm, dù cho sự muốn làm gì chỉ được nuôi dưỡng trong ý nghĩ. Cái đời sống giả tạo, đầy bất trắc này, mỗi con người đều muốn bứt đi, muốn vượt khỏi, để ném mình vào đời sống khác, nhưng rốt cuộc ở đâu cũng vậy, bản chất của đời sống vẫn do con người định đoạt và chi phối, vì thế, chẳng bao giờ cá nhân tìm được cho riêng mình cuộc sống lý tưởng ngay cả tình yêu mà tuổi trẻ đã luôn luôn gìn giữ như một thiêng liêng.

*... Tai nạn nào đã đến trong những ngày chiến tranh đó, một trái bom rớt xuống, một trái lựu đạn nổ, một mảnh mortar, một tràn đum đum, một bánh xe cán ngang, một lưỡi dao chặt xuống, một căn nhà sập đổ... Bất cứ một tai nạn bình thường nào đó của chiến tranh, Phương*

*đã khóc. Phượng đã buồn tủi... Và Phượng chết vì sợ tôi nói: Anh yêu em, để rồi quay đi khi hai bàn chân không còn. Tôi đã phụ lực với chiến tranh, tai nạn nào đó chôn Phượng trong lòng đất với tiếng khóc của bà mẹ. Tình yêu của Quyên mang đến tàn tật, hư nát trong thân thể tôi. Con lóc phẩn bội, phụ bạc, lật lọng xoáy ngã tôi xuống những buồng trôi trong khí hậu độc dược. Tình yêu của tôi không đủ sức mạnh, phép màu để đôi chân Phượng mọc ra cho Phượng bước đi bên tôi. Tại sao thế. Mọi người được sống, được hạnh phúc ra sao...*

(*Đêm tóc rối*, trang 211)

Chiến tranh, một ám ảnh đối với mỗi tuổi trẻ, vì nó, không ai dám mơ ước tương lai, ngay cả cuộc tìm kiếm số phận cũng mất biến vào vô tận, vào cõi hư không. Khuôn mặt của Quyên, tượng trưng cho thất vọng tận cùng, vóc dáng mụ Liên, với đam mê xác thịt trong tội lỗi và cái bào thai là kết quả sau những giờ phút buồng trôi đã chết, đã tan vào cát bụi từ khi chưa được thành người. Khuôn mặt Phượng đã khuất chìm trong tiếng khóc của bà mẹ, khuôn mặt bạn bè nhào nhoẹt và quả bóng đồ đã bay lên quá cao rồi vỡ! Tất cả còn gì đâu, kể cả dòng suối tinh khiết thưở ấu thơ cũng đã cạn nguồn.

Tác phẩm *Đêm tóc rối* đã để lại trong lòng người đọc những chiếc hố. Trong mỗi chiếc hố, nhà văn đã cố tình chừa đựng những chất khác nhau. Người đọc có thể tùy theo cảm quan để nhận diện mình, nhận diện tuổi trẻ và cuộc đời qua một, hay tất cả những chiếc hố đã phản ánh một phần nào cái ý thức lưu đày trong tâm tư những người làm văn nghệ trẻ hôm nay.

Sau *Đêm tóc rối*, Dương Nghiễm Mậu hiện diện ở tác phẩm *Tuổi nước độc* bằng một thể đứng khác, thể đứng của những người trai trẻ sống trong lòng thành phố Hà Nội “tạm chiếm” vào những năm kháng chiến chống Pháp. Cái không khí nghẹn ngào tức tở của một số người quá trẻ, vì lý do này hay lý do khác phải sống chung với quân thù trong những cây số vuông thành phố, khi đó ở ngoài kia là mộng mênh, là tự do bay nhảy, là chính nghĩa. Hình ảnh những người trở về thành khi ấy, dù là người thân đi nữa, ít nhiều gì cũng được đánh giá bằng nghi ngờ và cho rằng hèn nhát, sợ gian khổ, đầu hàng giặc.

Những chàng choai choai, mới được 15, 16 tuổi đời, nói cho đúng, họ chưa có một chút ý thức gì về chính trị và hoàn cảnh đặc biệt của nước Việt Nam lúc đó. Họ đi hay ở lại thành phố, đều theo quyết định của người lớn, do vậy, họ luôn luôn tin tưởng vào phán đoán của họ, và nghĩ rằng sự có mặt của họ trong thành phố Pháp chiếm đóng, lỗi không ở họ. Những cảnh ô nhục của vùng tạm chiếm làm họ tức tối, căm hận,

*... Chúng tôi theo Hùng đi sang phía đồn đóng ở trên đê đối diện với quận. Chúng tôi men theo con đường nhỏ dưới chân đê. Suốt dọc theo hai bên lối đi hàng rào dây thép gai và cỏ dại mọc đầy. Những lính Tây rạch mặt đen như cột nhà cháy vác súng đi đi lại lại phía trong và trên những chòi cao có đèn pha, những họng súng ngó xuống. Tôi có cảm tưởng đang ở một vùng trận địa nguy hiểm mà trận ác chiến có thể xảy ra bất cứ giờ phút nào...*

(*Tuổi nước độc*, trang 43)

Hình ảnh trên kèm theo những vụ bắt bớ, đánh đập dã man và khám xét bất ngờ làm con người đã tủi nhục càng tủi nhục hơn, đã chống đối càng chống đối mạnh hơn. Những chàng trai tuy chưa thoát khỏi ghế trung học, nhưng trong lòng đã chán ngấy sách vở chỉ muốn xông vào cuộc đời để hành động vì tự ái nhiều hơn lý tưởng,

*... Những ngày tháng thẳng thốt vây lầy tôi trong trống không vô nghĩa. Tôi lang thang ở ngoài đường nhiều hơn thời gian ở trong nhà, sách vở không còn làm tôi say mê, tôi không có vui chơi*

để khuấy khoả, tất cả mọi điều thành dừng dừng buồn tẻ... Một ngày xuống Trương, chúng tôi đi ăn thịt chó, tôi uống rượu say, sức rượu của tôi không bao nhiêu, trong đêm khi trở về nhà tôi thấy chân tay tôi biến mất, trước mắt thì vô vàn những ánh sao đủ màu nhảy múa, thân thể tôi có lúc bay nhảy trong khoảng không. Tôi không hiểu sao tôi có thể mang được mình về và nhận ra cầu xe lửa, tôi mệt lả và muốn khuya xuống, tôi bám vào thành cầu đá mà bước. Tôi chợt thấy hai bóng trắng lung linh trước mắt, tôi gần tôi nhận ra hai thân thể ôm sát lấy nhau dưới gầm cầu. Khối trắng di động lập lờ, tôi dụi mắt và nhìn thấy cái đầu tóc uốn quăn bù xù, sao trông có vẻ quen thuộc, tôi trấn tĩnh một chút, phải rồi, tôi nhủ thầm, đúng là bé Tàu lai, tôi chạy về lao lên gác, mở ngăn kéo tìm con dao nhíp, mở lưỡi dao lớn rồi chạy xuống trở lại chỗ cũ, tôi tinh táo một cách thái quá... Tôi cầm chắc con dao trong tay, tiến đến từ từ, hai bóng trắng vẫn còn cựa quậy như hai con rắn. Tôi tiến lên, túm lấy tóc thẳng đàn ông phía ngoài, dí mũi dao vào khoảng lưng trần, tôi nhận thấy mình nó oằn lên. Tôi nói chắc giọng: Muốn sống đi ngay. Hấn luống cuống run rẩy buông đưa con gái ra, hấn lom khom nhặt quần áo rồi ù té chạy, đưa con gái cuống quýt chưa biết làm gì thì tôi ôm thốc lấy và đè vào thành cầu, nó kháng cự một cách yếu ớt, tôi thấy nóng như than và đưa con gái mát lạnh, tôi sờ soạng lên khắp thân thể nó và ép nó cứng vào cầu. Tôi nghĩ đến bộ ngực con bé Tàu lai thì đưa tay lên, tôi bắt gặp... Tôi hoảng hốt buông tay ra, lùi lại nhìn vào mặt đứa con gái, trong bóng tối lơ mờ, tôi nhận ra đó là một con đĩ già ở đầu cầu tôi quen mặt...

(*Tuổi nước độc*, trang 59-60)

Đó, cái tâm trạng trên đây phản ánh một phần tâm trạng của lớp người trẻ tuổi sống trong vòng đai Hà Nội trong khoảng thời gian mấy năm tạm chiếm. Rong chơi, rượu và đàn bà những vị thuốc giúp họ quên thực tế. Họ hành động theo bản năng, có ngoại cảnh hỗ trợ. Đôi khi họ cũng tranh luận về thái độ sống, nhưng chỉ dừng như một thứ nguy trang để lương tâm được yên ổn sau mỗi lần phạm lỗi lầm – cho tới một ngày, họ đã hé mở nhìn ra sự thật qua cái chết của cha Trương bị du kích xã bắn chết vì ông cụ không còn tiền để ủng hộ. Thu, em Trương nhất định đăng lính dù để trả thù cho cha, trong khi Trương chưa dứt khoát nên vì tình phụ tử hay vì kháng chiến? Rồi đến những giọt nước mắt của mẹ già khóc đứa con bị công an bắt vì nghi ngờ có liên lạc với “ngoài”. Những mâu thuẫn và giằng co dồn dập đến trong kích thước trong thành phố Hà Nội, giữa lòng mỗi con người an phận hay chống đối làm tan hoang cả một nếp sống.

Trong *Tuổi nước độc*, Dương Nghiễm Mậu đã dùng lý trí để mổ xẻ và trình bày những uẩn khúc của tâm lý tuổi trẻ trước những nghịch cảnh do chiến tranh tạo nên. Bút pháp có lúc sôi nổi, có khi lạnh lùng nhằm mục đích đưa người đọc vào không khí của truyện. Nhưng đôi khi vì quá say mê và cũng muốn gây cảm giác “cao độ”, nên một vài sự kiện được trình bày trở thành “quá độ” làm cho nguồn bi thương của tấn thảm kịch mất đi sự chân thành, tự nhiên của nó. Những trang độc thoại nặng nề, chứa đựng nỗi dày vò tâm cảm không thoát khỏi vòng luẩn quẩn. Hình ảnh chiến tranh với những nạn nhân, những căn phòng lạnh lẽo của bệnh viện, những kẻ tàn tật kéo lê kiếp sống một cách nặng nhọc, hình ảnh tu viện nào đấy, tượng trưng tình thương và mặc cảm sát nhân của Ngạc – nhân vật xưng tôi trong tác phẩm – đã chẳng gây nên tác động sâu đậm vào trong ý thức thường ngoạn, cũng như sự phản bội qua khuôn mặt Lâm, với những kinh nghiệm đắng cay của bạn bè vọng kháng chiến v.v... Nhưng sau cùng, tất cả được mở ra một cách gượng ép với một người tình – người chị họ – cùng một mầm sống đang thành hình do tội lỗi và tình yêu!...

Cái kết này đối với xã hội Việt Nam, đối với nền luân lý phương Đông, sự thực không ổn. Nó chứa chấp từng cơn thảng thốt, từng niềm băn khoăn thác loạn. Đã đành, trong cuộc sống, có thể xảy ra những thảm kịch gia đình khắc nghiệt như thế hay hơn thế, nhưng nó không phải là mẫu số chung của toàn bộ nếp sống Việt Nam, nên sự hình thành của một bi kịch nào đó cũng

chỉ là ngoại lệ. Đồng ý rằng, nhà văn có quyền tuyệt đối trong sáng tác, và cũng chính nhà văn chịu hoàn toàn trách nhiệm về uy quyền của mình, nhưng ít nhất, khi đặt vấn đề trước xã hội, nhà văn cũng đừng quên, sự quan trọng không phải do tác phẩm hay nhà văn, mà chính cuộc sống với những liên hệ mỗi số phận về tinh thần cũng như vật chất, đã buộc con người chịu trách nhiệm chung trong mọi tư tưởng và hành động. Do đó, khi phân tích cảm giác “phi lý” về cuộc đời, Camus cho rằng: *chống đối không phải là tuyệt đối phủ nhận cuộc sống vì ở đời hai mặt thiện ác vẫn vít nhau, trong thiện có ác, trong ác có thiện, vậy chỉ có thiện ác tương đối*. Bởi thế, dù ở trường hợp nào, sự mất thăng bằng cũng làm hại không ít đến tác phẩm, nhất là ở *Tuổi nước độc* với hoàn cảnh xã hội Hà Nội trong những năm 1947-1954. Người đọc tin rằng, Dương Nghiễm Mậu đã phán đoán và nhận xét nó qua lăng kính của trí tuệ một nhà văn khi viết tác phẩm này, mới ngoài hai mươi tuổi đời, do đấy, sự vội vã, không sát thực tế, và chủ quan, tất nhiên khó tránh được. Nhưng có điều cần phải nói, Dương Nghiễm Mậu hành văn rất lưu loát và không thiếu nhiệt thành trong mỗi vấn đề đặt ra trước lương tâm người cầm bút, vì nói đến quá khứ cũng để xác định thái độ trước cuộc sống hôm nay vậy.

Vì có mặc cảm cô đơn trước xã hội không thuộc về mình, nên lúc nào và bất cứ ở đâu, nếu tìm được môi trường vừa đủ là Dương Nghiễm Mậu dần thân. Nhưng sự dần thân nào cũng chỉ đưa đến thất vọng vì lý tưởng và thực tế là hai con đường chạy song song được cách ngăn bởi một vực thẳm. Hoàn cảnh Việt Nam vào những năm 1962-1963 thật ngọt ngào. Những trái bom ném xuống dinh Độc Lập báo động một cái gì sắp xảy ra cho nền Đệ I Cộng hoà và cũng từ đấy, từng luồng gió chống đối ngấm ngấm thổi đi do những tấm lòng bất mãn với chế độ lúc đó. Bánh xe lịch sử bắt đầu chuyển động từ từ rồi thăng tiến lần lần cho đến ngày 1/11/1963, vòng quay cuối cùng đã nghiêng nát một chế độ sau 9 năm hiển hách.

Dương Nghiễm Mậu – người chứng cô đơn – đã viết ra để nói lên một phần cái động lực chính của lớp người trẻ tuổi đã tham gia hăng hái vào cuộc cách mạng cùng Phật giáo và quân đội với kết quả của nó. Nhà văn trình bày trước người đọc những mẫu nhân vật, tượng trưng cho vài thành phần của xã hội, vì lý do này hay lý do khác đã dám chống đối để ở tù, hoặc bất mãn chung thân, hoặc muốn an phận để thụ hưởng những gì do cuộc sống và chế độ đãi ngộ.

Khuôn mặt Thạch, một thanh niên tham gia cách mạng vì lý tưởng cao đẹp, muốn cải tạo cuộc sống bằng hành động tích cực, phải trả giá bằng tù tội. Nhưng sau khi cách mạng thành công cuộc sống Thạch mơ ước với sự thay đổi để tiến hoá, nó vẫn y nguyên nếp cũ.

... Một lần Thạch hỏi:

*“Sau đảo chính chắc có thay đổi, người mới, người cũ.”*

*Đang ngồi, Thuần giơ cả hai tay lên:*

*“Thay đổi cái gì, họ là công chức mà!”*

*“Là công chức là không có gì thay đổi?”*

*“Thay đổi, cậu cứ nghĩ là thay đổi sao, họ là công chức thì vẫn là công chức chớ. Hỏi Tây họ làm công chức, thì thời Bảo Đại họ cũng làm công chức, thời ông Diệm cũng vậy, bây giờ ông Diệm chết rồi thì họ vẫn là công chức...”*

(Phần đầu, trang 20)

Thật ngao ngán và bi đát – qua lời phát biểu trên – cho những ai hy vọng nhiều về cách mạng!

Hoàn cảnh chẳng phải chỉ có thế. Nó còn vùi dập theo bao nhiêu số mệnh khác và làm thui chột từng nguồn hy vọng vừa được nhen nhúm trong tâm tư những người yêu nước. Hình ảnh Sương, người con gái đã hy sinh theo tiếng gọi tranh đấu để xây dựng lại một xã hội quá mục nát vì “độc tài” và “gia đình trị” này. Nàng đã chống lại tất cả, quyết sống chết với Cách mạng, để rồi bị hãm hiếp trong tù đến mang thai. Cái bi kịch, nhà văn tạo ra trong tác phẩm không phải chuyện ngẫu nhiên, đích thực, nó là những dữ kiện lịch sử, nhà văn chỉ ghi nhận rồi tiểu thuyết hoá nó một phần để gây xúc động. Lời răn dạy đầy phần uất của người bố, đã phản ánh trung thực tâm lý của một hạng người cầu an, tự phụ,

*... Mà tranh đấu cho ai, cho cách mạng, cho Phật giáo, cho dân tộc, thật là đẹp để huy hoàng, nhưng ai chịu mang cái bào thai cho mày, ai chịu đánh đập, tù tội cho mày, rồi ai sẽ cưới mày làm vợ, ai nuôi con mày... Còn tao, thì tao vẫn là giáo sư, không cần tao được ư? Còn lâu con ơi? Vì tao có bằng cấp, thiếu những người như tao ai lên tiếng ủng hộ, ký kiến nghị và dạy cho bọn bay... Chúng mày muốn là anh hùng thì cho chúng mày chết, tao bảo không nghe đừng trách nữa, các con ạ, các con nên biết như thế...*

(Phấn đấu, trang 29)

Lời nói đó đối với tuổi trẻ, không phải là bài học khôn do người lớn dạy bảo, nó là điều sỉ nhục, nhưng ác hại thay lại hợp lý! Vì mọi giá trị đã sụp đổ trong một tổ chức quá cũ, trong một xã hội không tiến bộ, việc đi tìm căn bản mới, giá trị mới, có thể còn là sự viển vông trong một giai đoạn dài nữa.

Những dòng của Vĩnh – một quân nhân trẻ – viết trong tù, đã chứng minh đầy đủ những gì cần phải bày tỏ trước công luận về ý thức cách mạng và hoàn cảnh cách mạng tại miền Nam trong năm 1963 và tiếp nối,

*... Nhớ nhà, nhớ bạn... nằm đây tự giết mình dần dần. Cái chết của Trung: đóng trong một đồn biên giới nhận tiếp tế từ máy bay, ba tháng liền không ai rời khỏi tay súng, những lá thư của Trung còn đó, nhưng Trung không còn nữa. Đồn đã bị vây khốn. Trung chết trong đồn, quân tiếp viện lên tới nơi chỉ còn để đưa Trung về trong quan tài im lặng. Những tiếng khóc. Trung ơi! Mười mấy cái huyết đào sẵn trong nghĩa trang, mỗi lúc đều có người chết, người hấp hối. Anh em mình đang chết dần, chết dần. Mỗi người còn sống đều có những cái tang trong chiến tranh chua xót. Mỗi người đều có thể chết bất cứ lúc nào. Chết cho cái gì? Đánh cộng sản giữ nước. Nhưng nước ấy cho ai, cho anh em ông Diệm an hưởng ư, cho một xã hội thối nát, xôi thịt, cho bọn buôn bạc giả dư tiền, dư địa vị sống sung sướng trên xương máu những chiến sĩ ngoài mặt trận ư? Trung ơi! Trung ơi! Chúng ta chết như nhau, sẽ chết hư... sẽ chết không nhắm mắt được, mãi mãi...*

(Phấn đấu, trang 51-52)

Đây là lời trối trăn cuối cùng của một chiến sĩ đã nhìn rõ cuộc đời? Đây là tiếng ai oán, phần uất của một tấm lòng quá yêu nước Việt Nam đang gào thét lên sự thật cho mọi người Việt Nam cùng nghe? Đúng, nó là sự thực. Chính vì sự thực đó mới tạo nên cách mạng, còn kết quả cách mạng ra sao lại là việc khác. Do thế, khi nhìn thấy sự hy sinh của từng lớp người, của những lớp người cho đại cuộc, không gặt hái được kết quả mong muốn, Thạch – nhân vật đại diện tuổi trẻ – đã tỏ thái độ với tuổi già: *Tôi mong những người già sống ở đây hãy chết đi cho chúng tôi còn được kính trọng bằng ảo tưởng.* Thái độ được tỏ bày qua lời nói, một lời nói trong lúc nóng giận, để sau này, khi sự diễn tiến cuối cùng của cách mạng làm sáng tỏ quan niệm của ông Nguyễn – đại diện lớp già – là đúng. Điều này được thể hiện qua sự gặp gỡ giữa Trần Minh Đạo (người cùng ngồi tù với Vĩnh) và Thạch. Cái thế của một tiểu nhược quốc không cho

phép người ta hành động quá sức của nó là như vậy.

Thạch còn đó. Sương còn đó với một bào thai trong khung cảnh cao nguyên, mưa bay mờ thung lũng và tương lai nào, dĩ vãng nào, với muôn vàn nhục nhằn bùng bùng trong tâm trí!

Dương Nghiễm Mậu có cái nhìn rất sắc và rất sâu trong mỗi vấn đề được đặt ra. Nội dung đều gói ghém những đờn đau uất hận không phải được hình thành bởi sáng tạo mà do cuộc sống thực tại đã tác động vào tâm thức. Có người cho rằng, Mậu đã bi thảm hoá quá đáng cuộc sống vì cuộc sống đâu có phải chỉ gồm toàn đau thương, uất hận? Cuộc sống là kết quả của muôn vàn dữ kiện tạo nên mâu thuẫn, rồi từ mâu thuẫn qua đấu tranh để sinh tồn trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh dù ôn hoà hay đẫm máu.

Bất cứ cuộc tranh đấu hay suy luận nào, sớm hay muộn cũng đưa con người tới mệt mỏi, nhất là khi nhìn thấy cuộc sống vẫn được tiếp nối bằng nhàm chán sau những cố gắng phải có, nhưng quả tình vô ích. Để trốn tránh sự gay gắt quá đỗi của thực tại, Dương Nghiễm Mậu đã du hồn vào vòm cong trí tuệ. Cái khung trời mộng ảo mà Mậu phác hoạ trong tâm trí, có thể, nó là quá khứ với những nhân vật và không khí thuộc lịch sử hay huyền sử, có thể, nó là những ẩn dụ nấp sau những từ như ngữ, người đọc cần soi tỏ để nhận về phần mình sự hứng thú qua tác phẩm *Nhan sắc*. Nhân vật Phạm Thái trong truyện “Người tình của Trương Quỳnh Như” được dùng như biểu tượng của kẻ sĩ trong thiên hạ. Từng bát rượu lớn uống một hơi đâu còn cái thú của nghệ thuật uống rượu, mà chỉ nhằm dùng chất men để giải toả nỗi buồn thiên thu, đang ngự trị trong một tấm lòng chứa chấp đầy ắp ưu phiền.

Cuộc đời là đại mộng. Công danh, phú quý và cả cái chí hướng của kẻ nam nhin muốn đem tài năng để xoay lại vận trời, những hơi ôi! Định mệnh đã an bài từ kiếp nào để đến nỗi kẻ anh hùng phải thốt ra lời cay đắng: *chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy cặp mắt mỹ nhân!* Và túi thơ, bầu rượu, trăng nước, trời mây, sông biển, cả thời gian nữa sẽ nguôi ngoai tâm sự, làm bằng hoại một thời khí phách! Dương Nghiễm Mậu đã khoác lên vai Phạm Thái chiếc áo *choàng hiện tại* để bày tỏ những suy tư thâm kín của tác giả.

Từ kẻ sĩ bất đắc chí, nhà văn đưa người đọc qua trạng thái khác, trong câu chuyện “Một người lên núi”. Cái nhân sinh quan, nhà văn tỏ bày trong truyện, chịu ảnh hưởng của triết thuyết Lão Trang. Cái Có, cái Không, cái Còn, cái Mất đều là hư ảnh. Con người chẳng là gì đối với Vũ trụ, nếu chưa nhận thức được lẽ vô vi và câu *Trời đất vô tình* của Lão Tử. Hình ảnh của Vương Tiên Sinh và mẹ già, em dại, cam chịu vướng mắc vào thế lụy tương phản với hình bóng lập lòe, huyền ảo của một con người không được nhận diện đích danh, lừng lừng đi vào siêu thoát của trường mộng. Đó là ảo ảnh hay tinh thần bất biến của cái Đẹp đang chập chờn bay lang thang giữa Thực và Mông, giữa cuộc đời và nghệ thuật?

Có lẽ, những thất bại thực tế đã làm Dương Nghiễm Mậu thấm đau tự đáy lòng, nên mỗi truyện trong tập *Nhan sắc* đều hàm chứa sự bất lực của thân phận con người trong mỗi hoàn cảnh. Làm cách mạng, yêu cách mạng với một ý hướng cao cả, như một gã si tình say mê nhan sắc. Vẻ đẹp của một bông hoa, một mỹ nhân hay cố định lý tưởng nào, khi nó đã quyến rũ và truong phù với ý muốn con người, thì dù cho có phải vì nó mà chết cũng cam lòng! Cái chết đó để dành cho những người biết đi tìm tuyệt đối trong tương đối. Nó được Dương Nghiễm Mậu mượn xác lịch sử thời Cao Bá Quát và thầy khoá Nhâm cùng người khác-vô-danh đã-biết-chết một cách anh hùng, liệt sĩ cho cái đẹp cao cả.

Rồi đến truyện “Từ Hải và cuộc phiêu lưu của đời chàng”, cũng được nhà văn dùng như chất liệu để tỏ bày thái độ hay gửi gắm tâm sự? Từ Hải, vị anh hùng hay tên du côn? Từ Hải dưới nét bút Nguyễn Du, đích thực Từ Hải anh hùng “dọc ngang nào biết trên đầu có ai?” nhưng qua

lý luận của nhà văn, Từ Hải có thể là tên du côn, nhưng tên du côn có ý thức, biết chống bất công và thói nát, biết yêu, biết sống. Hơn nữa, Từ Hải không chết vì toán quân phục kích của Hồ Tôn Hiến. Từ Hải *chết đứng giữa trận tiền* là Từ Hải giả đó thôi. Nhưng sự trở về của Từ Hải có thực sự cần thiết đối với nhà văn? Có lẽ là một cần thiết, để nhà văn mượn có giải bày suy nghĩ, để gọi lên ám ảnh trong tiềm thức, để chứng minh sự tiếp nối không ngừng của lịch sử đấu tranh, và cái *"biểu tượng anh hùng"* như một lưỡi gươm, một hình phạt treo lơ lửng trước lương tâm mỗi con người đê tiện. Và Kim Trọng, Thúy Vân với những lời van xin, năn nỉ của Thúy Kiều có phải chăng là niềm ăn năn, sám hối của một lỗi lầm, của những lỗi lầm do bả vinh hoa cám dỗ để đưa mỗi số phận chìm sâu địa ngục?...

Truyện "Kinh Kha", "Con chủ thủ" và "Đất Tần bát chấu" cùng mang ước lệ, nhưng ở đây, với niềm băn khoăn chọn lựa giữa hai ngã: sống, chết. Kinh Kha người dũng sĩ thời Chiến quốc tượng trưng lòng căm thù giữa giai cấp bị thống trị và Tần Thi Hoàng một bạo chúa, tượng trưng cho giai cấp thống trị tàn ác, dã man. Nhưng đau đớn thay, chính vì bạo tàn mà Tần Thi Hoàng mới thống nhất và cai trị được nước Trung Hoa mộng mệnh. Người đọc sửng sờ trong những lời đối thoại giữa Tần Thi Hoàng và Kinh Kha qua câu chuyện kể giữa hồn ma Kinh Kha và Cao Tiệm Ly,

*... Nhà ngươi không sợ chết sao? Tôi bảo, nếu tôi chết sẽ có kẻ khác noi theo, cho đến khi nào giết được nhà ngươi. Vua Tần dằn giọng: Thôi ta chịu chết, nhưng ta hỏi nhà ngươi: Giết được ta rồi nhà ngươi làm gì với nước Trung Hoa này?*

*"Bây giờ hấn ra sao? Anh chưa giết hấn?"*

*"Chưa, nhưng hấn ở trong tay tôi, lúc nào muốn giết thì giết, có điều tôi muốn biết: Thái tử Đan sẽ làm gì với một nước Trung Hoa sau khi tôi đã giết hấn?..."*

Câu hỏi đó, hình như Dương Nghiễm Mậu đặt ra cho nước Việt Nam sau cái chết của ông Diệm? Nhưng cái mẫu anh hùng của Dương Nghiễm Mậu, nó chỉ là một hình thức, một biểu tượng và luôn luôn cô đơn – như tuổi trẻ hôm nay. Nó như ngọn nến nhỏ trong đêm tối mịt mùng với giông gió chập chùng đe dọa, bởi vậy, mỗi hành động, mỗi suy tư được tỏ bày cũng mang sẵn bên trong sự tan rã, tuyệt vọng do chính nó tạo ra.

Truyện "Gậy thần và sách ước", niềm bi phẫn cuối cùng của tập *Nhan sắc*, Dương Nghiễm Mậu không còn biết tin vào cái gì nữa, đứng cho vờ giữa cuộc sống bao phủ đầy giả dối, ươn hèn và độc ác. Những giá trị người đời ca tụng, sự thực nó cũng chẳng đáng gì, cũng chỉ là hư danh, phù phiếm! Nhưng chẳng lẽ ngày ngày nhìn thân phận trôi vào hư vô như kiếp sống cỏ cây, Dương Nghiễm Mậu tìm về cho riêng mình một chân lý, một ý hướng qua câu chuyện nhuộm màu triết học để đi tới kết luận: con người lành hay dữ, xấu hay tốt đều do mình quyết định không phải do hoàn cảnh và kẻ khác.

Nhưng người đọc tin rằng, tập *Nhan sắc* chỉ là nguyên cơ để Dương Nghiễm Mậu rời xa thực tại một khoảng Thánh Thể nào đấy. Con đường đó tuy đẹp, nhưng không thuộc về Dương Nghiễm Mậu.

Dù cuộc đời có mặt với bao nhiêu thê thảm, dù định mệnh là sự kiện khắc nghiệt, dù đôi khi Dương Nghiễm Mậu muốn một mình bay bổng lên cao để mặc thời gian đẩy đưa đến thì đến, dù cho thói nát, sa đoạ, bất công có làm mỗi số phận phải ê chề tủi nhục nhưng Dương Nghiễm Mậu vẫn muốn vì nó mà hành động, mà chung vui, chung buồn với nhân thế.

Tác phẩm *Ngày lạ mặt* là tiếng khóc, là phần nộ hay sự chua xót đang len lách dày vò trong tâm

cảm nhà văn. Nội dung câu chuyện do cô học trò tên Hoàng yêu thầy dạy mình, và tự nguyện thoả mãn lời ước mong của người tình – muốn có một đứa con. Thầy Lĩnh có đạo và đã có gia đình. Hoàng tôn thờ tình yêu mà nàng cho là lý tưởng, mặc kệ gia đình, dư luận! Câu chuyện xảy ra ở một thành phố miền duyên hải, khi còn luật gia đình.

Thầy Lĩnh ra toà, không chối cãi. Toà xử lằng nhằng. Trong khi đó Dũng – một quân nhân – bạn học xưa của Hoàng, yêu nàng tha thiết, Dũng uất hận muốn giết thầy Lĩnh – người thầy cũ – vì đã cướp tình yêu của mình. Ông nghị Vĩnh – bố Hoàng – thiếu tư cách không được kính trọng. Hoàng có mang với thầy Lĩnh. Cuối cùng, vợ chồng thầy Lĩnh điều đình với ông nghị Vĩnh, xin bãi nại. Vì quyền lợi tranh cử, ông nghị Vĩnh bằng lòng. Rồi vợ chồng thầy Lĩnh sửa soạn đi ngoại quốc. Hoàng một mình ngất ngư với cái bào thai.

Sự đam mê của Hoàng – một trò gái ngây thơ – với ông thầy học đã có gia đình và đứng tuổi, phải chăng là vấn đề cần đặt ra trước xã hội – qua văn chương – một bằng chứng hiển nhiên rằng, mỗi con người chịu trách nhiệm về phần hành của nó? Không lẽ, chỉ vì lòng mơ ước có một đứa con mà thầy Lĩnh đã phá hoại đời người con gái, học trò mình? Vấn đề đặt ra ở đây, chứ không phải ông nghị Vĩnh, hoặc Quân hay Dũng – kẻ si mê trong thất bại! Cái tâm trạng bi thương của những kẻ muốn làm anh hùng hay vĩ nhân trong khi mình chỉ là hạt cát. Tâm trạng Hoàng cũng vậy, cho rằng mình đã yêu, đã hy sinh, nhưng rốt cuộc chẳng biết sự hy sinh đó mang lại ngưỡng mộ nào, ngoài đổ vỡ. Những trang nhật ký hay lời thú tội của một hành động sai lầm? Tình yêu của tuổi trẻ là tốc độ, là đột biến không thể dự tính được,

*... Tôi nói: Tôi yêu thầy Lĩnh. Tôi biết thầy là người có đạo, có gia đình... nhưng tôi yêu thầy. Chính tôi đã chọn vậy...*

*... Tôi biết đây là mối tình vô vọng, cả hai chúng tôi đều biết như thế, nhưng không ai chịu ngừng, như một chuyến xe xuống dốc, chúng tôi nhắm mắt lại, những lo âu, thẳng thốt chọt đến, những hải hùng chọt hiện, những giọt nước mắt, những lời thú tội với chính mình, chỉ có vậy. Tại sao tôi lại lựa chọn vào hoàn cảnh ấy?*

(Ngày lạ mặt, trang 11)

Sự lựa chọn tình yêu nhiều khi do bất ngờ của định mệnh. Nhà văn Malraux khuyên con người nên can đảm trước định mệnh, nhưng tự thâm tâm, Malraux đã cảm thấy một cách thâm rằng: vũ trụ chẳng liên quan gì đến con người cả. Nên sự thống khổ của Hoàng trong những trang sách *Ngày lạ mặt*, nó không thể thực hiện bằng cách nào khác hơn là con *vật tế thần*, để trình bày một khía cạnh đang cấu xé lương tâm nhân loại.

Cuốn sách mở đầu và khép bằng những trang nhật ký chứa chấp trọn vẹn cái đau, cái nhục và mỉa mai thay, cả cái tự ái của tuổi trẻ cố tìm những lý lẽ để bào chữa tội lỗi,

*... Tôi chỉ là một đứa con gái tội tệt. Nhưng sao tôi lại không thể nói với họ, tôi tội tệt vì tôi là con của một người tội tệt, người của một xã hội tội tệt, làm sao tôi không tội tệt được trong một xã hội hoàn cảnh như thế. Tôi yêu một người, có gì đâu. Còn những ông X., ông M. những người đồng chí của cha tôi đó cùng với tên tài xế đã bắt hiếp cái con gì đó trong nhà chứa xe hơi nào thì sao. Con nhỏ phát điên vì ghê tởm chạy như con chó dại trong thị xã đó thì sao. Có thực là nó đã lao mình xuống biển rồi giạt vào bờ không, hay một kẻ nào đó muốn xoá đi dấu vết tội lỗi của mình? Họ đã xoá được và đêm ngủ mới yên tâm? Có thể lắm...*

(Ngày lạ mặt, trang 161)



Tiếp theo là việc từ chối đề nghị phá thai để khỏi mang tiếng cho gia đình, một gia đình không mấy hãnh tiến về mặt đạo đức của ông nghị Vĩnh. Cuối cùng, Hoàng – người nữ sinh – cương quyết chọn con đường mình đã định,

... Tôi không muốn sống bằng ảo tưởng. Bây giờ tôi phải lựa chọn đường đầu... Tôi sẽ là một người mẹ, tôi phải nuôi con trong tình cảnh đơn độc của mình.

... Tôi nghĩ tới Dũng, bây giờ tôi muốn cầu cứu với Dũng, Dũng có còn yêu tôi, muốn sống với tôi khi biết tôi có mang không, chàng có thương yêu một đứa con không phải của mình không, tôi không muốn lừa ai, nhưng tôi muốn có một người thương yêu mình, giúp đỡ, san sẻ với mình. Tôi hiểu hoàn cảnh của thầy Lĩnh, tôi không oán trách người, tôi muốn giữ lại những gì mà người đã để lại cho tôi...

Một quãng đời đã trôi qua, đã chấm dứt phải thế không, Hoàng rồi mà phải sống ra sao? Tôi đang khóc cho tôi đây...

(Ngày lạ mặt, trang 170)

Kết luận như tên có phải là một kết luận hợp tình? Có phải nó được giải quyết một cách thoả đáng và hợp lý?

Tội lỗi cũng như hình phạt được nhà văn đặt ra như một phi lý, một bất công, quả là nặng nề đối với thân phận người con gái. Rồi còn những ngày tháng trước mặt, rồi còn những ám ảnh và mặc cảm, đã dễ gì vượt thoát được, dù cho với sức mạnh của tâm linh có tình yêu hỗ trợ!...

Dương Nghiễm Mậu, nhà văn ý thức được luật sống và sau những năm dấn thân vào nghề cầm bút đã thấu rõ cương vị của văn chương trong xã hội. Viết văn không phải để thoả mãn hoặc dương danh mình trước cuộc đời, chính thực để nói lên những cái gì mà lương tâm chân chính của con người cần phải tỏ bày trước công luận. Bởi vậy, ngoài những truyện dài, Dương Nghiễm Mậu viết rất nhiều truyện ngắn đã in thành sách như: Đồi mắt trên trời, Kinh cầu nguyện, Quê người, Ngã đạn v.v... và tập bút ký Địa ngục có thật viết về cuộc tàn sát của cộng sản trong đợt tổng công kích Tết Mậu Thân tại Huế.

Mỗi truyện ngắn của Dương Nghiễm Mậu là một bức tranh tâm cảm, ở đó, bao giờ nhà văn cũng khơi động tình thương, dù cái tình thương ấy ở trong một hoàn cảnh khó thương. Những thắc mắc và ưu tư về cuộc sống góp mặt với từng dữ kiện hiển nhiên xác thực, hằng ngày qua báo chí, nhiều khi còn tồi tệ hơn những dữ kiện được sáng chế do óc tưởng tượng của nhà văn. Tuổi trẻ và nỗi cô đơn là mối dây vô thường xuyên trong mỗi suy nghĩ của những người lớn lên trong chiến tranh và chính chiến tranh đã nuôi dưỡng, giáo dục họ bằng những ngọn roi dính máu.

Lương tâm nhà văn chỉ là một chiếc gương bé nhỏ phản chiếu lại một trạng huống, một nếp sinh hoạt nào đó đã in hẳn chứng tích trong mỗi suy nghĩ về sự góp mặt của mình giữa hoàn cảnh đã được hình thành như vậy. Sự chối chối hay im lặng đều vô ích! Con người cầm bút phải biết dùng khả năng và tài năng chuyên biệt để chế tạo thành chiếc gương riêng, cho xã hội nhìn vào đấy, nhận diện lẫn nhau trong một kịch thức hạn định. Sứ mệnh của nhà văn hôm nay không phải là nhân chứng mà phải nhập cuộc, vì có nhập cuộc mới xác định rõ ràng rằng: chiến tranh, lo sợ, buồn rầu, đam mê và tuyệt vọng có phải là lẽ sống duy nhất của cuộc đời hôm nay không?

## Buồn vàng

Tôi chạy xa để thoát khỏi vùng tiếng động, nhưng dư âm vẫn như còn đuổi theo quần quít. Tôi bỏ hai tay lên ôm lấy đầu, bịt hai lỗ tai và nhắm mắt lại. Cả một khối đen như trùm lấy và ôm khít, thân thể tôi co rúm và bủn rủn, tôi níu tay ôm lấy cái bóng đen đứng cao trước mặt để đứng lại. Âm thanh kim khí, man rợ... rồi dần dần loãng và nhẹ nhàng. Một người ở thế giới nào đó tiến lên. Sân khấu là một tấm màn màu nâu, người chấp tay trước ngực, có bánh xe (có phải là một bánh xe không ?) quay đều đều bởi một sức mạnh lạ mặt đứng khuất. Tiếng nói cất lên – “VẬY CHỨ Ở ĐÓ NHƯ THẾ CHĂNG?” – “KHÔNG PHẢI NHƯ THẾ” – “NGƯỜI BẢO SAO?” – “TÔI CŨNG TỪ BỎ NÓ” – “CÓ LẼ RỒI KHÔNG MUỐN, VẬY NGƯỜI ĐỊNH TỚI ĐÂU?” – “HƯ VÔ” – “TÔI ĐÃ NGHE Ở ĐÂU ĐÓ, CÓ NƠI NÀO KHÁC THẾ NÀY CHĂNG?” – “CÓ, ĐỂ NÓI CHO NGHE” – “TÔI MUỐN BIẾT NƠI NÀO NGƯỜI TA SỐNG LÂU NHẤT, DÙ SAO THÌ CŨNG PHẢI SỐNG LÂU, NHƯNG ĐƯỢC CHẾT ÊM Ắ”. “ĐÚNG NHƯ THẾ ĐÓ, CÓ KỂ ĐÃ DẠY THẾ. CON NGƯỜI Ở MẤY NƠI, CÓ MỘT NƠI MẶT ĐẤT HÌNH VUÔNG, KHÔNG HIỂU CON MẮT NÀO NHÌN THẤY VUÔNG, MẶT NGƯỜI Ở CŨNG MANG HÌNH ĐÓ. XIN ĐỪNG CƯỜI VÀ HỎI LẠI, VÌ TÔI CHỈ KỂ. NƠI NÀY NGƯỜI TA SỐNG DÀI MỘT NGÀN NĂM, MƯỜI THẾ KỶ CỦA ĐỜI ANH. NGƯỜI TA SỐNG KHÔNG CÓ MỘT QUY LUẬT NÀO. KHÔNG CÓ AI NHẬN MÌNH TÌM RA MỘT THỨ CHỈ ĐẠO CHO ĐỜI SỐNG, CHẴNG NGHĨ, CHẴNG TIN, CÂM ĐIỆC NHƯ LOÀI THẢO MỘC. CHO NÊN CHẴNG MỘT Ý KIẾN, MỘT LÝ THUYẾT NÀO CÓ THỂ ĐẾN ĐÓ. VÙNG BAO LA MANG MỘT PHÒNG TUYẾN MONG MẠNH NHƯNG VỮNG CHẮC LÀ SỰ THẦN NHIÊN. KHÔNG PHẢI TRẢI QUẢ SỰ KHỔ. KHÔNG CÓ TIẾNG NÓI CHỈ SỰ KHỔ. CÒN CHÚNG TA CÓ BAO NHIÊU NGÔN NGỮ ĐỂ CHỈ: KHỔ SỜ, TẬT NGUYÊN, ỐM ĐAU, GIẾT TRÓC, TÙ ĐÀY... THÔI TÔI CHẴNG PHẢI NHẮC VÌ NẾU TÔI CHỈ NGỪNG LẠI, VÀ ANH BẮT ĐẦU THẾ CŨNG CHƯA BIẾT ĐẾN BAO GIỜ ANH MỚI NÓI HẾT... CÓ KHI ĐẾN CHẾT CŨNG CHƯA BIẾT NỮA. TÔI KỂ TIẾP: Ở ĐÓ CON NGƯỜI KHÔNG BIẾT KHỔ, KHÔNG Ý NIỆM ĐƯỢC NÓ NỮA. CHÚNG TA PHẢI LÀM LỤNG, CÓ PHẢI CHÚNG TA LÀ LOÀI VẬT DUY NHẤT PHẢI LÀM VIỆC ĐỂ KIẾM ĂN KHÔNG? CHÚNG TA MỆT NHỌC THỂ XÁC VÀ TÂM TRÍ – KIẾM ĂN UỐNG, XÂY NHÀ CỬA, CHĂM SÓC CON CÁI, LÀM RUỘNG, BUÔN BÁN. NHƯNG Ở NƠI, Ở THẾ GIỚI TÔI NÓI THÌ TUYỆT NHIÊN KHÔNG. CÂY LÀ NHÀ CỬA. KHI ĐÓI HỌ TÌM ĐẾN GỐC CÂY, Ở DƯỚI GỐC CÓ SẴN MỘT CÁI VẠC LỚN, TRONG ÓC MUỐN ĂN THỨC GÌ TÙY Ý, CHỈ VIỆC ĐƯA TAY HÁI MỘT QUẢ BỎ VÀO VẠC, ÁNH SÁNG MẶT TRỜI CHIẾU XUỐNG ĐÓ NẤU CHÍN MÓN ĂN. MỖI KHI TẮM VỨT BỎ QUẦN ÁO LÊN CÂY, TẮM XONG LẤY MỘT QUẢ BỎ LÀM HAI LẤY RA QUẦN ÁO MỚI MÀ MẶC. KHI ĐẠI TIỆN ĐẤT NỨT THÀNH HỐ, ĐI XONG ẬP LẠI, Ở ĐÓ MÁY BÔNG SEN MỌC LÊN TOẢ HƯƠNG THƠM NGÁT. TỪ CÁI LƯỢC, ĐÔI HÀI, CHIẾC MŨ, NHẮT NHẮT CÁI GÌ NGƯỜI TA GỌI ĐẾN, CẦN ĐẾN, CÂY ĐỀU SINH RA. KHI MỘT ĐÔI TRAI GÁI BẰNG LÒNG NHAU, MANG NHAU ĐẾN MỘT GỐC CÂY, BÓNG CÂY RŨ XUỐNG CHE KHUẤT ĐỂ BIẾN THÀNH MỘT LÂU ĐÀI, ĐÔI UYÊN ƯƠNG CHUNG SỐNG VỚI NHAU Ở TRONG ĐÓ, CHỈ TRẢI QUẢ BẢY NGÀY THÌ SINH CON. NHƯNG CHA MẸ KHÔNG PHẢI NUÔI, CHỈ VIỆC MANG ĐỨA NHỎ ĐỂ Ở MỘT NGÃ BA ĐƯỜNG, NGƯỜI QUUA LẠI CHO NÓ MÚT NGÓN TAY, Ở ĐẦU NGÓN TAY MỖI NGƯỜI ĐỀU TIẾT RA MỘT CHẤT NƯỚC NGỌT ĐỦ NUÔI SỐNG ĐỨA BÉ LỚN LÊN. CHỈ BẢY NGÀY SAU ĐỨA BÉ NHƯ NGƯỜI THƯỜNG; CON TRAI ĐI VỚI CON TRAI, CON GÁI ĐI VỚI CON GÁI, CHẴNG LẤY VỢ LẤY CHỒNG HAY CÓ GIA ĐÌNH CHI CẢ. NGƯỜI TA SỐNG NHƯ MỘT LOÀI CÂY CỎ, CỨ ĐẾN ĐỘ CÓ HOA THÌ NHỊ ĐƯỢC TÌM NHỊ CÁI MÀ RA KẾT QUẢ. SỐNG CHO ĐẾN HẾT MỘT NGÀN NĂM NHƯNG VUI, BUỒN, SÀU, KHỔ, TẬT BỆNH, GIẬN GHÉT KHÔNG BIẾT ĐẾN. KHI NHẮM MẮT LẠI THÌ CÓ LOÀI CHIM ĐEN, CÁNH LỚN ĐẾN CẤP XÁC THA ĐI – Câu chuyện là như thế”.

Tôi nhìn trong bóng tối, một bánh xe quay tròn bên tiếng nói phát ra, tôi nhủ thầm: “Ở đó có bánh xe như thế kia quay không?” Tôi ôm chắc lấy bóng đen cao cất tiếng: “KHÔNG, KHÔNG KHI NÀO TÔI TỚI ĐÓ, HAY MUỐN CHO NƠI NÀY NHƯ THẾ! HỌ KHÔNG LÀ NGƯỜI. HỌ KHÁC HẸN TÔI. TÔI LÀ NGƯỜI. TÔI TỪ GIÃ, TỪ GIÃ...” Bóng tối như xiết chặt tôi mãi vào một vật cứng đứng cao lắm. Tôi đưa tay sờ soạn một lần cứng mấp mô, như một lần da sần sùi không hơi nóng, không thoi thóp thờ, một thứ gì sượng sần, nhóp nhóp, tim tôi đập mạnh, mồ hôi đổ nóng, má tôi chạm vào một lần đất sỏi khô. Một điệu kèn ré lên buốt nhức khoảng không quay cuồng nhồi vào trí não một hơi rượu mạnh cay sé môi, lưỡi và cuống họng. Người nhạc sĩ bước ra khỏi vùng bóng tối. Hẳn đã bị bỏ rơi từ bao nhiêu thế hệ. Số kiếp họ là một cái gì – có phải nó mang chứng tích một sự thực hiển hiện nơi màu da đen bóng kia không. Màu da đen nổi bật

hắn trước tấm màn đỏ. Điệu kèn ré lên với một nhịp điệu man rợ như ngọn lửa bốc cháy say đắm của vùng nhiệt đới. Cây cỏ hoa lá cũng cháy nơi họ sinh ra. Sự cuồng nhiệt dục tình đã thổi vào mạch máu, hiện ra đời sống mà dồn ép họ vào một bóng tối sâu thẳm từ bao nhiêu lâu nay, đến bây giờ mới đứng ra cất tiếng nói từ trong đáy lòng: «... Cớ sao tôi đen và tôi sàu đến thế»... Chẳng có gì? Làm sao để tôi nói với anh khi trên môi anh cái ống đồng phụ họa cất lên kia? Người nhạc sĩ uốn cong thân hình, oằn oại như một con trăn ngũ sắc vừa nuốt vào bụng một loài vật đang vận mình tiêu hoá. Hắn cúi gập, vươn cao và những âm thanh oằn oại, tức tưởi, nghẹn ngào, uất ức, đắng và buốt trườn lên. Mắt hắn nhắm nghiền, má phồng, mồ hôi vã ra đầm đìa... Tiếng trống vang theo một không khí bập bùng bao la quý quái... Aùnh đèn chớp động vẫn vùn vèo xanh đỏ, tím, đen, vàng chập chờn mê loạn, thế giới của hắn bắt đầu đảo điên. Cái khoảng bóng tối xung quanh loãng ra màu đỏ. Rồi những loài vật dưới đó cử động dần dần. Như những ma chơi, hình nộm dưới tay bùa phép của một gã phù thủy vô hình điều khiển. Những cánh tay vươn cao cuồng loạn, chập trùng và tiếng hét, tiếng la tạo thành một khúc thánh ca. Đám người mỗi lúc một đông, chuyển động mỗi lúc một nhanh. Tôi bắt đầu nhìn ra những thân thể: một chòm tóc quăn, chiếc cổ nhỏ, những thân người nhỏ như que sậy, tay khô như những giầy kềm buộc vào những chiếc que như sợi tóc. Mắt trắng già, răng nhe ra một vành môi và lưỡi đỏ lòm như những ngọn lửa bắt đầu bốc cháy. Tiếng kèn trên môi người nhạc sĩ vẫn ré lên xé từng chút tế bào của cơ thể. Và một thế giới chìm xuống dưới chân. Cái thân thể trong tay tôi đen thêm. Đôi mắt trắng đã đã mở ra một vùng biển cát bỏng cháy, có những đàn sư tử vờn nhau. Mái tóc dài cứng gió đập như quất vào mặt những ngọn roi da điếng buốt. Tôi úp mặt vào làn môi dày sần sùi nóng ran. Tôi giữ chắc. Tôi khế nói: “Buông anh ra, để anh nhìn rõ em?” – “Chúng ta bắt đầu điệu múa chứ?” – “Không phải như thế. Em?” – “Bài ca còn dài, điệu kèn chưa hết, bây giờ là của em, của chúng em.” – “Làm sao em dám chắc?” – “Để em mô tả nơi chúng ta đến cho anh nghe, xứ sở quê hương của em...” – “Không có gì cả ư?” – “Im để em nói: em đã tủi hổ uất ức từ bao lâu, tại sao anh không thèm biết đến em, không ôm và hôn em? Em phải chiếm anh, chiếm thế giới anh. Anh không thể chạy trốn được. Người ta không thể ngoảnh mặt mãi được với sự thật súc vật nơi con người. Đừng che đậy gì, y phục, nhà cửa, lễ luật, tự những sự thật xé nó trần truồng, trơ trụi, phung phá. Trả nó lại sự đó. Ôm lấy em, ôm chắc lấy em. Lửa đã bốc lên từ bao giờ bây giờ mới chiếu sáng cho anh nhìn em, em đen và em sàu”.

Tôi soa tay lên làn da sần sùi, khô cứng, bóng tối vây phủ. Tiếng kèn vẫn soáy buốt. Người nhạc sĩ vẫn oằn người gân cổ thổi âm thanh vào thế giới vây quanh rung chuyển cùng điệu trống bập bùng cuồng loạn. “Có riêng em ở đây thôi, em có bao nhiêu” – “Ở cùng khắp, anh hãy lắng nghe ở cùng khắp, tất cả. Anh lặng im em hát cho anh nghe...” Tôi nhắm mắt và giữ chặt bóng tối. Người nhạc sĩ ôm chiếc kèn lùi vào, bỏ lại khoảng trống trần trụi. “Em, em đâu?” Tiếng gọi mất đi một khoảng im lặng.

Âm thanh vọng động trườn từng đợt như một viên sỏi ném xuống mặt nước yên tĩnh bắt đầu loãng xạ những đợt sóng trùng điệp – Tôi đã bỏ nó. Sự khiếp sợ quay lộn, vật thân thể. Chân tay tôi như một thứ gì thừa thãi, vô ích trở thành vô tri. Tôi níu giữ sự sáng suốt của đầu óc. Tôi nhắm mắt thu sức giữ lại khoảng tối, chút gì đó còn cứng chưa lay động ở trong vòng tay mà mặt tôi úp lên phà hơi thở nóng bỏng đứt đoạn. Tôi cố sức nghĩ xem tôi đang đứng ở chỗ nào. Nhất định không phải là nơi mang danh hư vô mà có kẻ đã hét vào tai. Nó cũng không hẳn là những sinh vật lúc nhúc chen lẫn giữa cái thế giới mà người nhạc sĩ đen vừa thổi âm thanh tới – “Người đang đến với ta đây. Có một phần của hắn đấy” – Tôi muốn cất tiếng hỏi – “Người ở đâu đến? Đây là đâu? Sao có tiếng nói?”. Cổ tôi khô cứng rồi mềm nhũn ra không tạo nổi âm thanh. Tôi muốn mở mắt, nhưng một cái gì nặng nề chét lầy hai chút đen cần dò hỏi tìm kiếm. Tôi muốn cử động nhưng chừng như gân cốt đã bị cắt đứt, tôi cử động ở sự vương vís của quần áo nhóp nháp bắt đầu tê lạnh ướt át. Hình như một chiếc búa đập vào óc tôi, và một mũi kim nhọn khế ấn vào tim tê buốt. Những đợt sóng bắt đầu vỗ về, mang một cảm giác mơ hồ bao la, của một vùng nước ngủ phẳng phiu bình lặng đến ghê khiếp, hoang sơ cùng độ – “Chúng ta ở nơi siêu thoát này” – “Nhưng thân thể tôi đây?” – “Tôi mang cái đó

lên sự siêu thoát, hãy nhìn xem tôi đây”. Trong một vùng ánh sáng sừa loãng, một bóng trắng tiến lên, âm điệu du dương, dịu dặt, bay bổng uốn theo một hình bóng dườn dưỡn, rồi một tràng cười xé tan, một đũa con gái, nhe đôi hàm răng soã tóc đen quay cuồng tạo nên một trận bão cát đau nhức. Nó quay cuồng ở một khoảng trống, tiếng đập đá, vỗ tay, cười cợt lạnh đięng như những thoi sắt chạm vào nhau, một đồng thủy tinh cử động cọ sát. Nhưng cái gì cho hấn điền cuồng lên thế? Nó ở một cõi tuyệt đối nào? Âm thanh ánh sáng, mờ đi dần dần. Một thân thể vô hình ôm chặt lấy tôi – “Em là nỗi cô đơn này, lặng thinh đi cho chốn hoang đường chi phổi thể xác, ôm lấy em. Hôn lên môi mảy. Một cõi nào mang nỗi say đắm của anh và em lên đó. Chúng ta thụ hưởng một mũi thuốc ma túy và thân thể. Để không còn bị chi phối, thay đổi sự thực này. Chúng ta từ chối tất cả. Nó là cõi không trắng ngần trong suốt của sự thèm khát, tìm kiếm thỏa mãn cố sơ. Này anh, loài ác điểu có tám chân ăn cơm với cát, loài bò sát có hai tay ôm nhẩy luân vũ, cây cỏ thụ mang những sợi tóc kim tuyến, đôi mắt của mỗi cánh lá mang tia nhìn chinh phục đến loài quạ khoang. Chúng ta mất chân tay, mọc đôi cánh, đầu thêm sừng, miệng thêm vòi. Và anh đang nghe em nói bằng hai con mắt. Thế giới tạo thành trên những sợi chỉ bạch kim. Và mỗi kẻ sống ở toà lâu đài cô đơn của mình. Thế giới cô độc ấy tạo nên một xã hội riêng. Xã hội của em là những người mù mang đôi mắt màu đỏ. Có chân màu tím đôi cánh loài ác điểu hôi hám ăn thịt lẫn nhau bằng đôi mõ của loài rắn có lưỡi dài sẻ đôi phun nọc độc. Người ta nói bằng ngôn ngữ loài cá thồn bơn. Thế giới và xã hội của người khai thiên lập địa mới mở cửa, chẳng lương tri, thiện ác, tốt xấu. Em mang anh đến “Nhưng cái gì làm thành xã hội đó?” – “Cái chủ lực thế giới vô thức cô đơn” – “Cái gì làm cái vô thức cô đơn?” – “Thôi đừng hỏi, cái gì cho anh có chân và tay?” – “Đúng đó, anh không trả lời được, anh công nhận sự thực ngừng lại ở cái hạn hẹp này, không mang lên hay xuống. Cái gì đứng sau ở thực tại mang bộ mặt xa lạ, cạm điếc chỉ là mối lo âu định liệu và cho cái gì anh đang có đây là thực, cái thực định bằng cái hư không” – “Em là cái dồn ép tình dục, đau đớn, khổ ải, em sầu và em trắng.”

Tôi tỉnh dậy ở dưới một thân cây cỏ thụ, bóng tối loãng ra. Tôi đứng nơi một vũng nắng chói, mặt trời bắt đầu thiêu đốt trên da thịt. Thân cây cao trụi lá, những cành khô vươn cao nỗi cô đơn chót vót đầy ải, lằn vỏ sần sùi khô cứng. Người ta đã giữ chúng tôi ở lại đây. Chúng tôi giống nhau bên những sinh vật khác nhau. Một đàn kiến lửa bu trên tay tôi đốt đau ngứa lay động cảm giác, có tiếng chim kêu trên cao. Trận mưa đổ xuống. Trên mặt tôi nhớp nháp chùng như loài nhện nào đã giăng tơ. Tôi đứng nơi xứ sở này, mảnh đất thân thuộc, đồng loại gần gũi. Tiếng hát cất lên.

Sự tình cờ nào mang chúng ta đến đây chung đụng với nhau. Người ta mang đến những gì bỏ lại: tù đầy, hiếp bóc, đầy ải, nô lệ... Chúng tôi tự do với nhau trong mỗi tâm hồn không cùm xích, bắt bớ, giết hại. Chúng tôi công nhận kẻ đứng bên. Tôi cúi nhìn bàn tay sừng vù nhức nhối. Chút thể xác này và nỗi thèm muốn trong lòng. Trong tôi một thế giới. Nhưng ở giữa thiên nhiên này, có người đến đây tôi công nhận một sự hiện diện cần thiết. Mọi người có mặt đông đảo. Những sự thực đời sống ngự trị đây. Kẻ tù đầy người uất ức, người hân hoan. Niềm vui đưa trẻ nhỏ, điệu ru trên môi người mẹ, người chị... Tôi trấn tĩnh để nhìn ra nơi tôi đang đứng, đang thờ, đang nghĩ. Ành nắng bốc cháy, rồi cơn mưa ập xuống một bầu không khí ngọt ngào, tức thờ, oi bức. Khí hậu nhiệt đới soi vào thân thể nỗi hèn mọn con người. Chúng tôi nhận sự hèn mọn đó. Tôi đứng vững, đưa tay vuốt mặt và cất tiếng nói:

- Có phải tôi đang đứng ở đây không?

- Phải rồi.

- Có phải tôi ở trong đám đông này không?

- Còn gì nữa, anh ở trong đám chúng tôi.

Tôi cố sức đẩy lùi thân cây, đứng ở một khoảng trống vươn vai, đưa tay níu lấy mọi người “*Dù em đen và em sầu, dù em trắng và em sầu. Đó là em. Còn anh, anh sầu và anh vàng. Cái chung của chúng ta là sầu. Nhưng cái sắc vàng này là của anh. Anh vàng và anh buồn em ơi*”.

## Trong cõi u minh



Phán quan để tập giấy trắng xuống trước mặt tôi. Anh ta ngồi ngay phía đối diện, lưng thẳng, hai tay để trên mặt bàn. Phán quan nói: Anh chưa thành thật khai báo. Tôi nhìn thẳng vào mắt anh ta: tôi không có gì để khai thêm. Các ông muốn biết điều gì các ông cứ đặt câu hỏi, tôi sẽ trả lời, khai thì tôi không có gì để khai. Hai bàn tay để trên mặt bàn không động đậy, nét mặt như đanh lại, giọng nói khô: anh phải khai, phải khai hết ra, tôi biết gì anh mà hỏi. Tôi ngậm miệng mắt nhìn về phía trước, thân hình ngay cứng. Thoạt đầu phán quan ngồi thẳng người, mắt nhìn xuống tập giấy trắng để trước mặt. Tôi nhìn lên đầu anh ta: những sợi tóc dựng đứng như cỏ cháy ngày khô hạn. Phán quan nói: anh khai đi, anh phải khai thôi... Một giọng nói nhẹ nhàng khác hẳn trước đó. Tôi thẳng người dựa nhẹ vào lưng ghế. Giọng phán quan tiếp tục: tôi tên là....bố tôi tên là...mẹ tôi tên là...ông nội tôi tên là...Anh bỏ ngay cách khai của anh đi. Những anh sinh ở đâu, học ở đâu, thi đậu năm nào, làm quan, đi sứ, những vợ, những con, những cái đó tôi không cần anh khai... Tôi đứng lên: Sao tôi nghe nói, muốn biết rõ một con người cần phải biết tới ba đời của anh ta, biết càng nhiều càng tốt? Anh nói rõ đi? Các anh cần cái gì?

Tôi đứng lên, bước ra, đi vòng một quãng rồi trở lại đứng ở sau lưng ghế của mình. Tập giấy trắng vẫn nằm im, không khí lặng lẽ với một vùng ánh sáng đục lờ làm những vật chung quanh như nhòe đi. Phán quan đứng lên, ở yên một chỗ: chúng tôi muốn biết những gì anh đã sống, đã nghĩ, đang nghĩ...

Tôi cười phá lên: Ở gần đây có sẵn vạc dầu đang sôi không? Để làm gì? Phán quan hỏi và nhìn thẳng vào mặt tôi. Tôi nói: Để anh dẫn tôi tới rồi thầy tôi xuống đó cho xong mọi chuyện. Phán quan lặng lẽ ngồi xuống, hai bàn tay đan vào nhau, hai ngón tay trở cử động không ngừng. Chợt anh ta cười nửa miệng: đâu có phải chết rồi là mọi chuyện đã xong, đã hết, đã kết thúc. Hạnh phúc cho ai được chết một lần. Anh tưởng ai cũng được chết một lần hả? Không đâu. Có người phải chết nhiều lần, có kẻ phải chết đi sống lại. Bao kẻ xác bỏ quan tài còn phải lòi ra, quần áo bị lột bỏ. Đâu đã yên, nhiều kẻ còn bị moi ruột, móc óc ... Bao kẻ còn bị đào lên lấp xuống đến nỗi không kịp thối... Vì sao thế anh biết không? Tôi cười: chắc là tại không thành thật khai báo ?

Phán quan đứng lên làm mấy động tác thư giãn, anh ta bước lại gần tôi, giọng nhẹ nhàng: anh hãy quên chuyện khai báo đi. Giữa anh với tôi là trao đổi, là làm sáng tỏ một điều gì đó. Tôi ngồi

xuống ghế trở lại: Tôi đã chết rồi. Anh nhớ cho tôi điều đó. Phán quan trở lại ghế ngồi: Anh nói đúng. Anh đã chết rồi. Nhưng chết rồi đâu có nghĩa mọi điều cũng chết theo. Anh có nhớ câu: trâu chết để da người ta chết để tiếng. Lại còn: trăm năm bia đá thì mòn ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ. Anh thấy đó: nhiều kẻ sống đã khai gian lý lịch, khai gian để lừa người. Nào thay họ đổi tên, thay[2] đổi quê quán, thay cả tên tuổi cha mẹ. Như thế chưa khiếp. Có kẻ còn tạo ra một tiểu sử đề cao mình, suy tôn mình... Muốn chết thanh thản người ta phải sòng phẳng với đời. Chỉ có thành thật và thành khẩn người ta mới chết yên được. Chính vì thế mà chúng tôi muốn tận tình giúp đỡ anh.

Giúp đỡ, giúp đỡ hết lòng. Quả thực tôi muốn vắng tục. Tôi nói: cảm ơn anh, tôi không có gì để khai nữa. Bao nhiêu trang giấy tôi đã giao cho anh như vậy chưa đủ sao? Anh muốn làm gì thì làm. Tôi chết rồi. Phán quan gằn giọng: đúng là anh đã chết, nhưng vẫn còn sống ở một thế giới khác. Vả lại những điều anh viết ra, tôi đã đọc nhưng nay tôi không còn nhớ gì nữa. Anh cứ coi như bây giờ mình mới bắt đầu câu chuyện có được không? Phán quan bước đi khoan thai nhiều vòng trong gian phòng. Không một tiếng động. Một giọng nói chậm, nhẹ vang lên như từ một cõi nào xa lắm: Mình có thể nói chuyện với nhau bắt đầu từ chỗ nào nhỉ? Cuộc đời của anh cũng có nhiều phiên hồi đáng ghi nhớ... Khi khóc, khi cười, khi lên khi xuống... Anh cũng có lúc bị tổng giam phải không? Anh nhớ chứ? Mình có thể bắt đầu ở chỗ này không? Hay lùi xa lên ở cái lúc dinh cơ của ông anh Nguyễn Khản bị Kiều binh đốt cháy? Hay lùi lại vào lúc anh thi đỗ tam trường? Nhưng thực ra phải đợi đến khi anh ra làm quan cho Nguyễn Ánh thì lý lịch mới rõ ràng, phải thế không? Mọi điều tưởng như rõ ràng nhưng thực ra ở đó vẫn còn những khuất lấp. Anh biết rõ điều này hơn ai hết. Sao anh lại im lặng? Khó thật đấy. Bắt đầu từ chỗ nào chẳng nữa chắc cũng làm anh lúng túng với những điều khó nói. Anh cũng có lúc bị bắt giam, bị nhốt lại, được hỏi han, chắc chưa bị tra khảo? Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại... Với anh nói tù thì cũng không đúng hẳn phải không? Phán quan đã dừng lại ở một góc khuất nào đó mà tôi không thể nhìn thấy. Giọng nhẹ và đều vang vang: Sống vào thời của anh, thời của những động loạn không ngừng: lửa cháy, máu và nước mắt tuôn trào và những chia tan thảm thiết, những hận thù... Anh viết: cổ kim vị kiến thiên niên quốc ... Từ một thực tại anh đã nhìn thấy những đổi thay. Anh đã trải qua bao nhiêu đời vua? Chỉ ngừng lại và nghĩ đến thôi hẳn anh đã bồi hồi. Thời nhiều nhưng làm đảo lộn những giá trị. Trung thần đó mà cũng nghịch thần đó. Phản trác đó mà trung thành đó. Chẳng còn vò đậu đen và vò đậu trắng riêng biệt. Đen trắng đã đổ lẫn với nhau. Dù anh có đào một cái hang mà chui xuống cũng không thoát. Anh thấy vậy không? Những kẻ tròn như viên bi, tròn như lươn còn mất mạng, hoặc khốn đốn, nói gì đến những người như anh sinh ra đã sẵn sùi, có góc có cạnh... Tôi đứng vùng dậy: chẳng ai lại muốn bước chân vào nhà giam, vào cũi sắt. Ai cũng muốn sống. Có con chim nào lại không muốn bay cao và cất tiếng hót. Sống lương thiện sao lại bị tù? Phán quan nhìn vào mặt tôi: Nhưng thế nào là lương thiện? Không chờ [3] câu trả lời, phán quan cười ngất: có thời chính vì lương thiện nên người ta phải ngồi tù. Anh không hiểu vì sao à? Khi bọn bắt lương cầm quyền thì người lương thiện đi ở tù. có khi bị treo cổ, có khi bị chém đầu. Những người chính trực phải chết khi đối trá, bạo lực ngự trị cuộc sống... Anh nghĩ lại coi. Đối với anh có một nghi vấn: anh bị bắt giam, bị nhốt tù có phải vì một mưu toan? Có phải anh định đi vào miền Nam? Nhưng đâu phải chỉ có một mình anh đi Nam, sao những người khác không bị bắt? Hay anh có can dự vào một tội ác nào đó? Xin lỗi, có lẽ tôi đã dài lời. Bây giờ là việc của anh. Phán quan bỏ đi trong im lặng.

Tôi ngồi im. Nơi này đã có bao nhiêu người đến rồi đi? Có bao nhiêu phán quan? Đây là đâu? Tôi nhìn chung quanh, tất cả bao trùm trong một thứ ánh sáng đục, vây quanh tôi hình như là một bức tường. Tôi đập mạnh tay xuống bàn, xô cái ghế. Sao không có một tiếng động nào? Tôi đang ở đâu? Tôi đã chết. Một ngày nào đó, tôi nhớ: tôi nằm im không còn cựa quậy, đầu óc tỉnh táo, người như nhẹ hẳn... Tôi thấy chung quanh tôi bao nhiêu là người, tôi chú ý và nhận ra những gương mặt thân quen. Tôi đang ở đâu? Dần dần những gương mặt như mờ và trôi đi ... Những tiếng nói thân thuộc đầm ấm mỗi lúc một nhỏ đi rồi biến vào im lặng ... Tôi đã chết. Tôi

nhớ lại những giây phút cuối cùng đó. Tôi thấy mình rất tỉnh táo nhưng sao cả thân người thì cứng đờ và lạnh dần... Tôi cố gắng nói với người ngồi gần nhất, không biết là con, là cháu hay là một người nào đó: sờ giúp cái chân một chút. Sao tôi không còn thấy một cảm giác nào. Có tiếng nói: lạnh rồi. Lạnh rồi. Tôi nghe rõ. Tôi nhìn lướt nhanh những khuôn mặt nhòe nhoẹt đang vây chung quanh tôi. Có phải cả tôi và những chung quanh đều đang đợi một điều gì đó. Tôi cố gắng mở rộng mắt, lấy hết sức để nói: được...được. Tôi muốn nói một điều gì khác nhưng lưỡi đã cứng lại. Có còn điều gì để nói nữa? Tôi nhủ thầm: mình đang chết, chết từ chân lên ...Tôi lịm đi. Tôi chìm dần vào trong bóng tối .. Những bóng người chập chờn không rõ nét, những tiếng nói rì rầm mơ hồ. Tôi thấy mình như đang trôi đi ...Tôi đã chết. Mình đã bước vào một cõi khác. Phú Xuân, đó là nơi tôi đã sống những giây phút cuối cùng của đời mình. Phú Xuân, đó đâu phải quê tôi. Tôi được sinh ra ở một nơi khác. Tôi đã sống ở nhiều nơi. Tôi không có ngôi nhà nào là nhà của mình. Tất cả là ăn gửi nằm nhờ. Người ta nói sống gửi thác về. Nhưng về đâu ?

Phán quan ở đâu bỗng xuất hiện, bước tới, ngồi xuống ghé đối diện với tôi. Không khí im lặng như làm tôi nghẹt thở. Phán quan nhìn xuống tờ giấy những ghi chép nhằng nhịt. Phán quan ngẩng nhìn lên giọng hoài nghi: Anh họ Nguyễn sao? Tôi nói: Tôi họ Nguyễn, thế anh muốn tôi họ gì? Phán quan cười thành tiếng: Tôi làm sao mà có thể muốn thế này thế khác. Tôi được biết có người họ Nguyễn mà không phải họ Nguyễn. Có chắc anh [4] họ Nguyễn không? Có nhiều người họ Nguyễn nhưng gốc là họ Hồ, họ Mạc, họ Trịnh, họ Lý ... Những thay họ đổi tên này có gốc gác bởi một tên vô lại mù là lịch sử. Có điều này tôi muốn hỏi anh: họ Nguyễn của anh có liên hệ gì với họ Nguyễn của Nguyễn Ánh không? Câu hỏi của phán quan làm tôi nhớ tới những gì thuộc về nguồn gốc. Tôi họ Nguyễn. Nếu lấy Nguyễn Bặc thời Đinh Tiên Hoàng làm gốc thì Nguyễn Ánh với tôi cùng một dòng, cùng một tổ. Có điều chi của tôi bị đại tông khai trừ. Tại sao thế? Cái này là do những đổi thay của các triều đại. Gia phả họ tôi ghi về những ông tổ mà tôi được biết thì nó thế này. Gốc họ Nguyễn của tôi ở làng Cổ Hoạch, sau này gọi là Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông. Nơi này hiện còn nhà thờ tổ. Một trong những cụ tổ có cụ Nguyễn Doãn Địch, cụ đỗ thám hoa triều Lê Thánh Tông. Dòng họ Nguyễn này của tôi có nhiều người học giỏi, đỗ đạt cao và ra làm quan từ thời Lê thịnh. Sau đó vào thời nhà Mạc có Nguyễn Thuyên đậu trạng nguyên và cả ba cha con đều làm quan trong triều. Làm quan cho nhà Mạc nên Nguyễn Thuyên, Nguyễn Quyện, Nguyễn Miễn bị kết án phản Lê. Sau đó Nguyễn Thuyên bỏ nhà Mạc vào Thanh Hóa phù Lê trung hưng. Nguyễn Thuyên chết, hai người con lại trở ra Bắc phục vụ dưới trướng Mạc Mậu Hợp. Sau này tôi có được đọc trong ngoại sử nói chính Nguyễn Bình Khiêm, người có những liên hệ với Nguyễn Thuyên đã khuyên hai người con của Nguyễn Thuyên về giúp nhà Mạc. Cả hai người này sau bị Trịnh Tùng giết. Con của Nguyễn Miễn là Nguyễn Nhiệm tìm đường chạy vào Nghệ An và chọn Tiên Điền làm quê hương mới. Nguyễn Tiên Điền ở Nghi Xuân, Nghệ An ra đời. Tôi sinh ra ở Tiên Điền. Tôi là hậu duệ của kẻ bỏ chạy khỏi đất bắc để tránh bị tiêu diệt bởi những thế lực tranh nhau quyền thống trị. Thực ra tới thời gọi là Lê Trung Hưng thì không còn nhà Lê nữa. Nhà Lê chỉ là bù nhìn cho các chúa Trịnh thao túng.

Phán quan nói: cái họ của anh nhiều người học giỏi, làm quan to mà sao lung tung quá, nay theo người này mai theo người khác, vậy là thế nào? Hôm nay là mình chủ mai đã thành kẻ địch? Đó có phải là câu hỏi dành cho tôi không? Câu hỏi này có lẽ người muốn moi móc tới những vị tiền bối của tôi. Nhưng vào cái thời nhiễu nhương giữa Lê Trịnh, Mạc, Nguyễn thì cũng khó để nói tới những lựa chọn minh bạch. Nhưng có một câu hỏi mà cho tới nay mỗi khi nhớ tới tôi vẫn thấy choáng váng: có phải anh đã chạy theo Lê Chiêu Thống bám gót giặc ngoại xâm? Đây là sự thật tôi không thể nào trốn được. Nếu ba anh em tôi mà chạy kịp sang Tàu thì đời tôi đã như thế nào nhỉ? Bám gót giặc ngoại xâm? Điều này thì oan cho tôi. Nhưng tại sao lại chạy theo Lê Chiêu Thống? Có phải vì Lê Chiêu Thống là hậu duệ của Lê Lợi, người đã đánh đuổi giặc Minh dựng nền tự chủ. Vua chết tôi phải chết. Thờ hai vua là bất trung. Điều này ở

đâu ra vậy. Nhà [5] Trần suy tàn, Hồ Quý Ly đứng dậy lập triều đại mới. Nhà Lê thối nát bạc nhược, Mạc Đăng Dung nổi lên dựng nghiệp, một số các quan chống đối, dân không đồng lòng. Thấy xã hội bất công dân tình khốn khổ, Cao Bá Quát phát cờ khởi nghĩa bị gán là giặc châu chấu. Sự thay đổi, đó là bản chất của những ông quan, quan lớn hay quan nhỏ cũng thế. Vì mất chức thì họ sống bằng gì? Những ông quan tốt nhất của giới sĩ phu thấy những sai trái của triều chính thường chỉ biết dâng sớ tâu vua, nhưng thường vua đâu có nghe, kẻ còn liêm sỉ chỉ có con đường từ quan, đó là hành động cao nhất mà họ dám làm. Tại sao họ không chiêu mộ nghĩa sĩ đứng lên kêu gọi dân nổi dậy. Lịch sử Đại Việt không có truyền thống nổi dậy chống bạo quyền. Anh làm quan nhà Lê Trịnh cũng như ông cha anh với quyền cao chức trọng nên tất nhiên anh phải trung thành với họ. Thời nào cũng vậy mỗi triều đại đều thiết lập một cơ chế gồm những kẻ trung thành, được ưu đãi để cai trị dân và duy trì chế độ lâu dài, hẳn nhiên những kẻ này chẳng bao giờ muốn thay đổi. Thời Lê Trịnh tôi đã là một ông quan dù là một ông quan nhỏ. Có phải vì thế mà tôi sợ thay đổi?

Cha mẹ tôi mất sớm, được đi học là nhờ người anh lớn khác mẹ nuôi nấng. Nhưng tới một lúc anh tôi như linh cảm thấy những bất trắc đang chờ đợi và ông mang gửi gắm tôi cho một ông quan võ họ Hà. Bao nhiêu sự kiện dồn dập xảy ra: một vụ án đưa anh tôi vào tù, ra tù, làm quan lớn hơn nhưng kiêu binh đốt nhà phải bỏ chạy về quê. Nhờ làm con nuôi họ Hà tôi được yên thân tiếp tục học hành để sau đó cấp giấy bút tới Sơn Nam dự kỳ thi hương và đỗ ba trường. Cha nuôi của tôi qua đời, tôi được kế chân, đúng là cha truyền con nối. Cha làm vua thì con làm vua, cha làm quan thì con làm quan, từ thời nào đã có diện chính sách. Tại sao tôi lại là con nuôi nhà họ Hà mà không phải là con nuôi nhà họ khác?

Cha nuôi tôi là người thân tín trong đường giầy quyền lực của cha tôi và ông anh quyền thế. Đây chắc chắn là điều khiến tôi trở thành con nuôi nhà họ Hà. Tôi luôn nhớ: nhờ quan Chánh Thủ Hiệu tỉnh Thái Nguyên mà tôi có chốn nương thân và sau khi ông qua đời tôi đã thành quan Chánh Thủ Hiệu mới. Làm quan, tôi giặt mình. Đỗ ba trường nhưng thực chất ở mức đó không dễ để được làm quan. Muốn được làm quan phải ít ra là đậu cử nhân. Kế thừa chức của cha nuôi tôi thành một ông quan võ không biết võ. Có lúc tôi tự hỏi: tại sao mình lại chấp nhận một cách thụ động như vậy? Mình cũng ham làm quan lắm sao? Thật là khó nói. Đi học với bao công sức, đi thi với bao nhọc nhằn cay đắng để làm gì? Tất nhiên để làm quan. Nếu không đi học đi thi làm gì? Đã hơn một lần tôi tép miệng ngán ngẩm: không làm quan thì lấy gì để ăn? [6] Anh bị bắt giam, bị nhốt tù có phải vì một mưu toan? Phán quan vừa nói vừa nhìn tôi với vẻ dò xét. Anh ta muốn biết điều gì nơi tôi? Sao anh ta lại nghĩ tôi có mưu toan? Bị bắt nhốt vào tù thì hẳn phải có nguyên nhân. Từ ngày anh bỏ đi khỏi Tuyên Quang đến nay anh đã làm những gì? Dù sống ở xa kinh đô nhưng tôi cũng được biết tin về những gì đã diễn ra ở đó: Nguyễn Huệ đã ra Thăng Long truất bỏ chúa Trịnh, Nguyễn Hữu Chỉnh lộng quyền, Nguyễn Huệ ra bắc lần thứ hai, Chiêu Thống chạy sang Tàu cầu cứu quân Thanh, Nguyễn Huệ ra bắc lần thứ ba đánh tan quân Thanh, Chiêu Thống bỏ chạy theo giặc kết thúc vương nghiệp nhà Lê. Trong khung cảnh những biến động ấy đám bề tôi của triều đình Lê Trịnh đã bị đặt trong tình huống rối bời. Chính trong khung cảnh đó tôi cũng tìm đường bỏ chạy trong hoảng loạn. Trước sức tấn công như sóng lửa vào kinh thành Thăng Long, quân Thanh chống đỡ trong tuyệt vọng, tàn quân đạp lên nhau cố gắng chạy sang bên kia sông. Tôn Sĩ Nghị phải chui vào ống đồng cho binh lính kéo chạy. Chiêu Thống chạy ra bờ sông bị dân kẻ chợ cời thắt lưng tìm vàng bạc châu báu và bị lột cả hoàng bào... Chạy theo vua không kịp, đi đâu đây?

Đi đâu đây? Trở lại nhiệm sở? Không được. Về nhà? Tôi còn nhớ như in thời điểm đó khi ba anh em tôi dừng lại trên con đường cái quan và nhìn nhau bần thần. Đi đâu? Về đâu? Cuối cùng ba anh em tôi chia tay nhau mỗi người đi một ngã. Hình như chúng tôi chẳng có điều gì để dặn dò hay hẹn ước. Anh Nể về quê mẹ ở Từ Sơn, chú Úc về Tiên Du còn tôi về Thái Bình, nơi vợ con tôi đang sống. Những ngày tháng ở Thái Bình có gì để nhớ? Chỉ có niềm vui nhỏ được sống bên vợ con nhưng thực ra bao nhiêu sự việc làm rối lòng đã khiến cho niềm vui đó



chẳng còn ý nghĩa gì với tôi. Tin từ Nghi Xuân cho biết dinh thự, nhà thờ... đã bị đập phá tan hoang vì Nguyễn Quỳnh kết lập nghĩa sỹ nổi dậy chống Tây Sơn. Trong khi Nguyễn Nễ đang ẩn náu ở Bắc Ninh thì nhận được dụ của Quang Trung triệu vào Phú Xuân. Cùng lúc Đoàn Nguyên Tuấn, anh vợ tôi, ra cộng tác với nhà Tây Sơn và có mặt trong đoàn sứ bộ sang Tàu. Một triều đại mới đã bắt đầu. Nhà Lê đã dứt. Bao nhiêu sự việc ngổn ngang lại thêm cái chết bất ngờ của người vợ thân yêu, tôi quyết định trở về quê nhà.

Quê nhà ngày tôi trở lại vẫn còn nguyên đó một vùng đất nghèo, một thiên nhiên khô cằn với cát và đá, cỏ cây xơ xác, những luống khoai bụi sần ề oặt, những diện tích trồng lúa nhỏ hẹp, ít ỏi chen vào giữa những đồi đất đá rộng lớn... Tôi tự hỏi: Sao tổ tiên tôi lại dừng chân ở nơi này để khởi nghiệp? Tại sao không đi thêm nữa về phương Nam nơi có những cánh đồng màu mỡ bạt ngàn, những dòng sông đầy tôm cá, những cánh rừng đầy cây ăn trái? Tổ tiên tôi đã đến đây, đã ở lại đây. Tôi đâu có quyền để chọn [7] nơi mình sinh ra ... Những đổi thay của cuộc sống thời nhiễu loạn như đã để lại dấu vết trên từng tấc đất dưới bước chân tôi. Quê nhà đã không còn như ngày ra đi. Qua xã Xuân Yên, Tiên Điền vẫn còn đó nhìn ra biển Đông bao la lồng gió, bờ biển cát trắng một màu, trên sóng nước những cánh chim biển bay lượn ... Phía tây dãy Hồng Lĩnh vươn cao sừng sững. Nước sông Lam vẫn chảy, bến Giang Đình còn đây nhưng dinh thự, từ đường, chùa miếu thời cha tôi ở lúc thịnh thời xây dựng đã không còn, có chăng một mảng tường, một cột trụ, một bậc thềm rêu phong ... Thay vào đó có mấy ngôi nhà nhỏ mái ngói còn tươi là những xây dựng của Nguyễn Nễ. Một thời đã qua.

Tôi đã trở lại quê nhà. Những gặp gỡ bàng hoàng. Những ghen ngào không nói thành lời... Bao nhiêu câu chuyện đau lòng. Những miệng cười méo máo. Những hàng nước mắt bỗng trào ra. Tôi bước đi trên những con đường quen thuộc mà sao bỗng thấy xa lạ. Tôi lại nhớ những nơi chốn đã từng đặt chân tới như đất Thiên Trường của nhà Trần, đất Lam Kinh... lịch sử mới qua đó nay đã sớm hoang tàn. Điều đó cũng đã hiện hữu ngay trên quê hương Tiên Điền của tôi. Đi thăm những gia đình người thân nhà nào tôi cũng thấy có bàn thờ, có thư phòng với bút nghiên, trên cột, nơi vách đều có treo câu đối, những bức họa đề thơ. Tôi nhớ tới hai câu ca dao truyền tụng: Bao giờ Ngàn Hống hết cây, Sông Rum hết nước họ này hết quan. Trong họ có bao nhiêu người học giỏi, bao nhiêu người đỗ đạt, bao nhiêu người làm quan, quả thực tôi không thể nhớ hết. Có một điều buộc tôi phải biết: tất cả những người đó nay không chung về một mối. Kẻ hướng về nhà Lê, người ra làm quan với nhà Tây Sơn, kẻ lui về ở ẩn, có người hướng về phương Nam. Tôi hoang mang trước những lựa chọn. Tôi quanh quẩn nơi quê nhà với thực tế cuộc sống: cơm gạo. Phải làm gì đây? Sao không vứt bỏ bút nghiên mà lội chân xuống ruộng cầm lấy cái cày cái cuốc. Mở hai bàn tay ra trước mặt: bàn tay này không cầm bút có thể cầm cuốc, cầm cày được không? Tôi thăm điểm danh những người chung quanh, những người đã có chút chữ nghĩa thì chẳng thấy ai chân lấm tay bùn, chẳng thấy ai nói tới lúa khoai, bàn về mưa nắng, nông vụ... Thường mọi người gặp nhau bên khay trà, hoặc chung quanh bình rượu luận bàn về Tứ Thư, Ngũ Kinh ... Chuyện thơ phú và những ngâm vịnh có khi thâu đêm suốt sáng. Điều này đã hình thành từ bao giờ. Truyền thống của những người ra đi mở cõi khai hoang lập nghiệp sao không còn thấy. Ở đất này hình như ai cũng làm thơ, đọc thơ, thuộc thơ. Chữ nghĩa, thơ phú lúc này đối với tôi thực vô nghĩa. Tôi quần quanh, đi ra đi vào, nằm ngồi lẫn thẩn có lúc lại cầm lấy cuốn sách lật ra đóng lại với đầu óc trống không. Những người trẻ trong làng thường kết hợp lại thành những nhóm nhỏ khoảng năm bảy người. Có đám vào núi đi săn, có đám đi câu, có đám đêm đêm rủ nhau sang làng bên ca hát... hình như họ chẳng bận tâm gì tới cuộc sống. Sự thay đổi triều đại, những va đập của chọn lựa đã không hiện diện trong trao đổi. Tại sao vậy? Tôi lúng túng với chính mình: tại sao lại bắt tôi phải lựa chọn? Và tôi tự đưa ra câu trả lời: hãy vào rừng lên núi mà săn thú, bắn chim, Hãy ngọ[c]8] sông, ra biển mà bắt cá, hãy vui chơi mà quên đi thế sự ... Nhưng tôi không thể nào quên được với một tâm tư nặng trĩu những âu lo dằn vặt ...

Tại sao anh không ra hợp tác với tân triều? Anh nghĩ nhà Lê sẽ khôi phục lại cơ đồ à ? Hay anh đang hướng về Nguyễn Ánh ở phương Nam ? Mấy câu hỏi của viên phán quan làm tôi nhớ tới cái lúc bước chân vào nhà giam ở trấn Nghệ An hôm nào . Việc xảy ra vào một buổi sáng: một toán lính đứng trước cổng với công văn gọi đích danh Nguyễn Du lên trình diện quan Trấn thủ Nghệ An. Tôi tự hỏi: cái gì vậy ? Toán lính lặng lẽ dẫn tôi đi không nói một lời. Tôi dinh quan trấn thủ tôi được ra đầu đứng lại nơi giữa sân. Một người lính bước vào trong, lúc sau anh ta đi ra đứng trước mặt tôi bảo: đi theo tôi. Tôi được dẫn đi về phía sau ngôi nhà lớn, vượt qua thêm mấy lớp cửa và người lính ngừng lại trước một gian phòng có những chấn song lớn. Người lính mở cửa và nói với tôi: có lệnh bắt giam anh. Tại sao? Không một lời giải thích. Tôi bất ngờ với sự việc. Kể cầm quyền khi nào cũng có lý cho hành động của mình. Tôi bước chân vào trong phòng, người lính đóng mạnh cánh cửa. Tôi đã trở thành tù nhân. Phải có lý do để trấn thủ Nghệ An ra lệnh bắt giam mình. Tôi thử tìm kiếm lấy một câu trả lời, nhưng tất cả đều mơ hồ. Có một buổi sáng tôi thấy khu nhà tù chộn rộn một cách khác thường: từng toán người được đưa đi sau lại có những toán khác được đưa vào. Tôi chờ đợi đến phiên mình. Tôi ngồi sát ra cửa đưa mắt quan sát sinh hoạt ở phía ngoài. Không xa, ở gần một lớp cửa có hai lính gác đang nói chuyện với nhau . Một giọng khàn: hôm nay quan ra lệnh cho thả hết những tên trộm cắp sau khi bắt gia đình viết tờ cam kết bảo lãnh và mỗi tên bị đánh năm trượng, đứa nào khóc la bị đánh thêm hai trượng. Một giọng khô: có hai thằng ăn trộm trâu không ? Có - Hai đứa đó là anh em mồ côi thì lấy ai bảo lãnh? Còn cái bọn kiêu binh kết bè đảng đi ăn cướp ? – Mấy đứa già yếu bệnh tật được tha ,còn những tên khỏe mạnh bị đưa đi đập đá trên núi. Riêng ba cha con đi đào trộm củ chuối thì không chịu về - Bọn nó điên à – Thằng bố bảo ở đây không đói , về nhà phải đi ăn trộm khổ lắm - Quan xử trí làm sao ?- Cho lính lôi bỏ ra đường trong khi chúng kêu khóc thảm thiết. Trại giam đông quá, phải thả bọn nó ra mới có chỗ mà nhốt bọn khác chứ. Sao nhiều kẻ bị bắt thế nhỉ - Nghe đâu toàn bọn phản động, trong đó có cả tàn quân của tên Nguyễn Quýnh bị giết lúc trước. bọn phục Lê ở đất này xem chừng còn nhiều. Lúc sau hai tên lính bỏ đi , cánh cửa được đóng lại . Tôi nghĩ : chắc là mình nằm trong danh sách rồi, ông anh mình mới làm loạn đó thôi, trời làm sao được.

Cái mặt của tên phán quan hiện ra với vẻ đáng ghét: anh có mưu toan, anh chống Tây Sơn, anh định vào phương nam theo Nguyễn Ánh, trấn thủ Nghệ An bắt nhốt anh là phải rồi. Nhưng sao anh chỉ ở trong tù chưa hơn trăm ngày đã được tha? Chắc anh đã van xin, đập đầu kêu oan, đã viết cam kết trung thành với tân triều? – Anh nghĩ tôi là một người như thế sao? Đó là quyền của anh. Tôi chẳng làm gì cả - Anh làm gì ở trong tù ai mà biết được. Tôi biết chắc một điều: anh có làm thơ. Không sẵn giấy bút nhưng thơ nó ở trong đầu anh. Ai vào tù cũng ham làm thơ, nhiều khi chỉ là về để gửi tâm sự: nào nhớ vợ nhớ con, nào ân hận đã không ở nhà để phụng dưỡng cha mẹ, có kẻ [9] làm thơ thể sự, có kẻ làm thơ kể khổ, có kẻ làm thơ dặn con về mai sau , cũng không thiếu những bài thơ mà kẻ viết coi như di ngôn muốn nhắn gửi cho hậu thế. Có kẻ nói về ngày ra khỏi ngục thất sẽ vẫy vùng phá tan tất cả những nhà tù trên thế gian này. .. Ôi thôi thơ trong tù thì vô số kể. Anh mà ở trong tù lâu hẳn có nhiều thơ để lại cho hậu thế. Thật đáng tiếc. Khi anh bước chân ra khỏi nhà tù chắc anh biết vì sao anh được tha. - Tôi chẳng biết gì cả cho tới khi về nhà mới hay: anh Nguyễn Nể đã nói chuyện với tướng Tây Sơn tên là Nguyễn Thuận, họ từng là bạn với nhau. Tên phán quan phá lên cười một cách khà ó: họ cùng phe với nhau mà, thế còn ông anh vợ lúc đó ở đâu ? Làm sao tôi biết ông ấy ở đâu ...Thế anh không tức giận vì bị bắt giam sao ? Ở trong nhà giam có lúc tôi thấy ở trong hay ở ngoài cũng thế thôi. Tôi chẳng muốn nghĩ ngợi gì. Tôi buồn tôi trôi đi chẳng thắc mắc là mình sẽ trôi tới đâu. Tôi ngoái cổ nhìn lại đời mình, tôi chỉ thấy tôi bị đẩy tới không ngừng và tôi đã chẳng hề chủ động quyết định hay tham dự gì. Thật là khốn khổ phải không ? Phán quan đứng thẳng người hai tay dơ lên trời : Anh kêu khốn khổ mà tôi thì không thấy , cả đời anh chỉ đi học , làm quan , đọc sách , làm thơ, khi chết thì nhắm mắt ở kinh đô nhưng xương cốt được đưa về táng ở quê nhà. Vậy còn đòi gì nữa ? Tôi thấy anh tham quá. Bây giờ anh có muốn sống lại và trở về quê hương không ? Không. Không. Trở về đó làm gì ? Phán quan gật gật đầu : tôi biết

trước điều anh nói. Anh đã từng viết : Hồn ơi ! hồn ơi! Đông ,Tây,Nam ,Bắc không có nơi nào nương tựa đâu ! Lên trời ,xuống đất đều không được ,Về đất Yên , đất Dĩnh mà làm gì ? Anh đã chẳng viết thế để gửi cho hương hồn người đã nhảy xuống sông Mịch La đó sao? Anh còn bảo : Họ không để lộ vuốt nanh sừng và nọc độc. Nhưng cắn xé thịt người ngọt xót như đường. Nghĩa là sao ? Chẳng lẽ anh đã trải nghiệm như thế nơi cõi trần ? Anh không muốn trở lại quê hương cũng có nghĩa anh không muốn trở lại cõi trần, không muốn trở lại làm người ? Vậy anh muốn đi đâu ? Tôi phải thú thật với anh : tôi không thể hiểu được anh .

(trích Tự Truyện Nguyễn Du)

## Tiếng nói

*Tặng Ngô Mạnh Thu*

Hắn chết đêm hôm trước. Mãi đến buổi sáng hôm sau người ta mới biết. Hắn cố ngoi từ giường đến cửa sổ kẹp đầu vào khe hở giữa hai chấn song mà chết. Máu chảy từ miệng trào ra thành cửa, loang những đường thâm trên mặt tường vôi bần. Người ta cứ ngại làm dấu và thương tiếc một cách dửng dưng. Mấy đứa trẻ con lồi xóm lấy ngón tay quệt nước bọt bôi vào chỗ máu đọng vẽ ra tường: hình ảnh một con người dang tay chân, đầu to hơn bụng, mắt tròn mồm méo. Đứa này thêm tí chân, đứa kia thêm tí tay, tí râu, tí tóc, tí đuôi, để trở thành một con vật, một con vật thực sự.

Màu máu đen khô dần dần. Rồi mấy con ruồi xanh kéo đến...rồi mùa nắng qua...rồi mùa mưa tới. Hình ảnh con vật dị kỳ vẫn dang chân, dang tay. Rồi lại có mấy người thanh niên đến ở. Những mẫu chuyện sau đây là của một người, của nhiều người đã bỏ đi - đã bỏ đi hẳn...

2

Có lẽ tôi sắp chết - tôi tự bảo tôi như thế và cho rằng mình linh cảm thấy một điều gì rất đúng không sao chạy trốn được.

Tôi muốn trở vào con đường những năm trước -thật quen thuộc. Đã mấy năm rồi ? Hay chỉ mới hôm qua, hôm kia, lúc sáng, buổi chiều hay vừa xong đây. Tôi không có một chút ý nghĩ về thời gian nữa.

Con đường vẫn thế. Có phải mùa mưa đã trở về không ? Ngõ gập ghềnh từng vũng nước đọng. Khoảng tường đen lấm lũi. Ngọn đèn vàng vọt làm cho những căn nhà dẫu bớt vẻ đau yếu của nó. Lúc này có lẽ - ừ như tôi nhìn thấy đây này - có lẽ chị Liên đang tiếp khách. Tôi muốn nhìn thấy cái cảnh bần thiêu khốn nạn ấy ư? Hay là chị Liên đang gục đầu vào vai một kẻ giang hồ hờ hện một tương lai để lừa dối cả cái hiện tại này.

Tôi nhớ ra rồi - thật rõ như lúc nãy. Buổi chiều hôm ấy tôi đã đập bỏ cái gương lớn.

- Sao em lại đập đi ? Chị lấy gì mà trang điểm.

- Tôi không phải là em của cô. Tôi không là em một con đĩ được. Tôi không muốn nhìn thấy mặt tôi. Mặt tôi bần thiêu như nhóp đến chính tôi còn tỏm tôi nói chi đến người khác. Tôi không thể sống như thế này được.

- Em còn khinh chị còn kể gì đến người ta. Bây giờ em mới nhận ra như thế sao ? Chị nhận ra như thế từ lâu rồi. Kể cũng hơi muộn màng, nhưng cũng còn được. Em có nghĩ đến sự ràng buộc của tình ruột thịt không ?

- Không có gì ràng buộc con người cả. Tình ruột thịt là đối với một con đĩ sao ? Cô còn muốn gì nữa ?

- Không muốn gì cả. Có điều chị không có gì để tự cho là mình còn một người thân duy nhất: Thuấn là em của chị Liên. Chị đáng được che chở. Nhưng lại phải tự mình làm lấy. Chị làm đi nhưng chị biết chị. Em xấu hổ lắm sao ?

- Vâng, tôi xấu hổ lắm. Cha mẹ khi còn sống có bao giờ nghĩ đến thế này chẳng. Em không thể nào nhắc đến tên những người đã khuất ở căn nhà này được. Chẳng ai tạo ra đời sống của ta cả, ta tự tạo lấy như thế này đây thôi. Không thể than van được. Cô hãy cầm mồm đi. Cô còn nói nữa tôi sẽ tát vỡ mồm cô ra. Tôi không ràng buộc gì với cô. Cô là con hoang. Tôi là con hoang. Tôi không thể tự nhổ đờm vào mặt, nên tôi phải bỏ đi thế thôi !

Chị Liên gục đầu vào đồng gương vỡ mà khóc. Đầu tóc rũ rượi như một con điên. Màu đèn đỏ cuồng loạn bay nhảy trên tường, trên trần, dưới sàn. Tôi nhớ tiếng khóc tím tím. Tôi nhìn xuống bóng mình lằm lũi. Lúc chị Liên ngẩng lên thì tôi nhìn thấy máu trát đầy mặt; và đấy là hình ảnh cuối cùng lúc tôi xô cửa bỏ ra đường với gói quần áo trên tay.

Căn nhà ấy đây. Khuôn cửa tôi đã bước qua hôm ấy đây. Vết chân của kẻ sát nhân hình như còn hằn máu. Tôi đã cắt đứt sợi dây ruột thịt cuối cùng: Chị Liên.

Bây giờ tôi trở về đây. Tôi sẽ trông thấy trong khuôn cửa khép kín kia một cảnh mà hồi bỏ đi tôi đủ cho là nhục nhã. Tấm màn đỏ vẫn ở chỗ cũ. Chiếc bàn trang điểm vẫn ở góc phòng, màn chiếu vẫn như ngày tôi đi. Tôi nghĩ thế. Tôi trở về để làm em chị Liên.

Tôi sẽ đẩy cửa gặp chị, và tôi sẽ kể lại cho chị nghe, những kỷ niệm đau đớn hay vui tươi của ngày xưa. Tôi là em chị Liên. Chỉ có em và chị mới có những kỷ niệm về nhau và kể nhau nghe. Mẹ tôi bị Tây bắn chết lúc họ về lập tề, trong lúc thầy tôi chung sống với người dì ghẻ ở Sơn Tây.

Hai ngày sau khi chôn mẹ tôi, thầy tôi mới trở về. Tôi và chị Liên khóc nhìn thầy tôi một lần khi người đứng trước linh vị, rồi chúng tôi bỏ nhà xuống bà ngoại ở cho đến khi thầy tôi đi Sơn Tây. Chúng tôi trở về với ông nội và chú thím. Mẹ tôi chết không kịp trời trăng nửa lời - và tôi chỉ còn mỗi kỷ niệm này : máu người chảy nóng trên tay tôi cho đến khi tắt thở. Người sống âm thầm từ ngày thầy tôi bỏ đi với người vợ thứ không có phép cưới, nhưng ở trong gia đình đều nín thinh và không bao giờ nhắc đến. Ông nội tôi thương con dâu có một lần thầy tôi về ông tôi giận dữ đập bẻ chiếc điều Mai hạc rất quý mà mắng thầy tôi, nhưng rồi câu chuyện vẫn thế. Chúng tôi sống âm thầm khi vắng người cha. Ông nội và bà ngoại thương mẹ tôi nhiều lắm. Chú thím tôi muộn mằn chưa sinh nở nên cũng quý mến chúng tôi.

Nhưng hai tháng sau ngày mẹ tôi mất -ông nội tôi bệnh nhẹ rồi qua đời. Người nhắc lại lời lúc mẹ tôi mất : Lá xanh rụng trước lá già. Ông thương các cháu quá.

Những năm sau tiếng súng nổi tiếp, người ta giết người không kịp kêu. Chiến tranh làm cho đời sống tức tởm và bất trắc.

Năm giỗ đầu chú thím tôi trang trọng cúng mẹ tôi. Những người thân thuộc nhắc đến thầy tôi thật nhiều. Ngày hôm ấy tôi khóc không ăn được gì và nằm ngoài đồng rơm. ngủ hết đêm. Chị Liên đi tìm không thấy khóc sưng cả mắt vì lo lắng. Chúng tôi không sống thêm được bao lâu như thế thì thầy tôi trở về với người dì ghẻ, trình giá thú cho ông chường bạ rồi mang theo chúng tôi đi. Chú thím tôi khóc thương tiếc nhưng không sao ngăn cản được. Chúng tôi có thêm một người mẹ - mẹ kế. Người ta nói nhiều đến cảnh dì ghẻ con chồng cho chúng tôi nghe, nhưng cả hai chị em đều không tin.

Thầy tôi đi làm ở cảng mang theo chị Liên để hầu hạ. Tôi ở lại với dì ghẻ và hai đứa em. Tôi đòi theo chị Liên nhưng không được. Lần ấy tôi co vạt áo nâu của chị cắn nát một bên mà không biết.

Tôi còn nhiều chuyện buồn. Chị Liên ơi ! em kể cho chị khóc một lần.

Tôi được đi học buổi chiều, buổi sáng trông em. Tôi vẫn nhủ thầm : nó là em mình. Tôi vẫn thường bảo : Tồi quá, em có thấy anh khóc bao giờ đâu. Chúng cười và khen tôi. Tôi giặt quần áo, nấu cơm buổi sáng và rửa bát buổi chiều. Tôi làm những công việc của một người đàn bà. Dì tôi coi tôi như một đứa ở. Tôi vẫn nghĩ rằng tôi bị bà trả thù mẹ tôi. Khi mẹ tôi còn sống có lẽ vì người mà hai người không được cưới nhau chính thức nên trong giấy khai sinh hai đứa em nhỏ đều không có tên cha. Nó là con hoang và nó không được quyền chia gia tài với tôi. Tôi mong cho bà sinh thêm một vài đứa nữa để tôi nhẹ tội. Nhưng tình trạng vẫn không thay đổi. Tôi thương dì ghẻ vì lúc nào bà cũng cau có. Sự cau có của bà làm cho thân hình trở nên một thân tượng đau khổ.

Chưa bao giờ tôi nói với dì ghẻ về một câu chuyện gia đình. Tôi nghĩ bà ghét lắm. Nhưng người ngoài còn có thể thương được nhau, huống chi chúng tôi lại gần gũi nhau - vì có thầy tôi, vì bà là mẹ kế tôi và sống dưới một mái nhà đêm ngày đoàn tụ với nhau.

Tôi chỉ nhớ mang máng về khuôn mặt bà dì ghẻ : có một nốt ruồi bên mũi, mắt hơi lác. Tôi chưa bao giờ dám nhìn thẳng vào mặt bà. Tôi lo, nếu chẳng may bà chết bất ngờ trong một tai nạn nào thì khó mà tôi nhận được mặt. Mỗi lần làm việc gì hơi trái ý, bà mắng tôi, tôi chỉ biết ngồi ở đầu bàn nhớ mẹ tôi, và tỏ sự tức giận bằng cách vẽ mặt một người đàn bà có một mắt lác, một nốt ruồi bên mũi và có râu ba chòm. Có những chuyện tâm tức mà tôi không biết kể cùng ai.

Có lần bà bảo tôi ăn cắp năm đồng đi ăn cháo tiết. Tôi khóc :

- Con nghĩ người ngoài còn thương được nhau. Sao dì thù con mãi. Thầy ở xa, con thì biết gì. Nhưng con không ăn cắp. Lúc chiều con thấy em bé cầm năm đồng chơi ở sân...

- Nó là con tao, nó không giống mẹ mày. Đồ ăn cắp.

Tôi hỏi :

- Sao dì biết mẹ con ăn cắp, người chết rồi. Con chưa làm được gì cả. Sao dì lại nói đến người. Cứ đánh hay trả thù con còn hơn.

Tôi gói quần áo, ngửa tay xin mười đồng để trở về với chú thím tôi.

- Cho con về quê đi chăn trâu cắt cỏ. Lạy dì cho con được về.

Nhưng tôi chả làm sao sống được theo ý mình. Tôi treo ảnh mẹ tôi trước bàn học, dì ghẻ liệng ra sân, kính bể làm nhiều mảnh nhỏ. Bà nói mẹ mày chứ mẹ tao ư mà thờ, muốn thờ thì mang vào cầu tiêu. Tôi nhặt tấm ảnh cất vào gói quần áo để ở gầm giường và những đêm không ngủ, tôi moi ra ngắm ở ngoài lan can. Ánh đèn đường lờ mờ tôi thấy mẹ tôi buồn rười rượi...

Còn gì nữa nhỉ. Tôi nhớ nhiều lắm. Tôi nhớ ngày thầy tôi trở về quê rồi mất tích. Mãi tuần lễ sau mới tìm thấy xác trôi ở sông Đáy.

Rồi sao ? Những ngày tháng về sau nhớ ngày thầy mẹ tôi mất mà không biết cúng giỗ thế nào...

Tôi sẽ mở cánh cửa kia. Chị Liên hãy tha thứ cho em và Thuấn vẫn là em chị. Chị không có gì đáng trách cả. Chị đã sống can đảm. Em là đồ hèn nhát và bây giờ em mới thấy không thể thiếu được sự ràng buộc của tình ruột thịt.

Tôi trở về để thấy mình có một người chung máu mủ với mình.  
Tôi tiến lên đây, và tôi đẩy cánh cửa quen thuộc...  
Thực ra thì không còn gì nữa, không còn gì nữa...Có phải thế không...

Chị Liên ơi ! Sao chị không cho em nói với chị một điều hối hận. Hay chị không thấy còn gì ràng buộc vào căn nhà này nữa nên chị bỏ đi. Còn gì khổ nạn hơn khi chính những kẻ chung máu mủ còn khinh rẻ nhau.

Không. Chị không đi đâu cả, chị còn ở đây. Trong một nơi mà chị đã tìm ra hạnh phúc. Thuấn là em chị....

3

Tôi đã trở về đây. Tôi đã trở về đây rồi. Tấn ơi ! Chúng ta có nhau là đủ. Tôi chỉ có một mình anh. Tôi bắt chước chúng nó đã đối với tôi. Căn nhà này đêm năm trước tôi đã để tay lên ngực anh mà bảo :

- Bạn chưa đủ. Chúng mình là anh em.
- Liệu có tin được nhau không ?
- Tôi có còn ai nữa.

Đêm hôm ấy tôi không ngủ nằm nghe tiếng máy điện chợ Quán kêu buồn, tiếng máy êm và nhẹ ấy hình như bây giờ còn văng bên tai.

Hồi tôi và Hoàng chung sống, nó chờ tôi đi vắng rồi ở nhà ăn cắp quần áo tôi đi. Thành Thành đi ăn cắp bị bắt, vu cho tôi là đồng đảng. Tôi bị bắt hai tuần.

Có những bạn bè hồi thơ ấu chia nhau từng nửa cái kẹo ngày nay gặp nhau dừng dưng như kẻ xa lạ ngoài đời.

Nhiều lần đi với Tấn - Anh còn nhớ không, tôi thì vẫn nhớ như hôm qua này - tôi vẫn hỏi : có phải chúng mình sinh ra chỉ để suốt đời đi một mình hay không ? Những lần như thế Tấn lại bảo :

- Thế nào là một mình?
- ...là không có ai cả.

Chẳng phải như thế đâu. Chỉ tại chính mình tự tạo ra một nhà tù rồi lại tự giam mình vào đó không để ai vào thăm hỏi, chia sẻ tâm sự với mình rồi mình kêu : tôi cô độc. Anh có mấy người bạn ?

- Chẳng có ai - vì có mà đều bội bạc.
- Tôi thấy bạn nào cũng tốt. Sự có mặt là cần thiết. Chúng mình ràng buộc với nhau nhờ những kỷ niệm còn thì chẳng có gì. Chúng mình hoàn toàn tự do. Bỏ nhau lúc nào cũng được. Có thấy thế không Thuấn ?

Có những câu chuyện buồn đi suốt đêm kể lẫn cùng nhau. Hai đứa cầm chặt lấy tay nhau. Tôi vẫn nhủ thầm rằng : có bao giờ tôi rời nhau ?

Thế rồi cũng đến - Tôi tỏ cho Tấn biết tôi muốn rút sợi giây ruột thịt cuối cùng. Tấn hét vào mặt tôi :

- Đối với tình ruột thịt mà còn bội bạc như thế, thì đối với bè bạn mà sẽ bội bạc ngàn nào. Là bạn, tao có quyền tham dự vào đời sống của mày. Không thể như thế được. Có thể tao không còn là bạn mày...

Anh Tấn ! Tôi đã trở về đây. Chúng ta phải nắm lấy tay nhau đi nốt cái đêm tối này. Tôi có bao nhiêu chuyện muốn nói với anh. Chúng ta có nhiều ràng buộc mật thiết với nhau. Cho tôi được kể. Đêm dài không hết. Tôi muốn được để tay lên ngực anh, và nói lời năm cũ :

- Bạn chưa đủ. Chúng mình là anh em.

4

Yêu là gây một cảm giác trang trí đời sống. Anh thật khốn nạn phải không Mai ? Anh đã nghĩ như thế khi em yêu anh. Nhưng đến lúc em bỏ đi rồi anh mới thấy đó là một thái độ tự kiêu thật vô cùng ngu dại.

Để anh kể cho em nghe. Anh muốn viết thư cho em lắm. Căn nhà này em chưa bao giờ đến, và chắc không bao giờ đến cả. Có một khuôn cửa nhìn ra con đường nhỏ. Anh nhớ đến căn nhà hồi xưa em ở mà anh vẫn đi qua mỗi buổi tối, để nhìn qua cửa sổ thấy em ở trong ấy. Nhưng căn nhà này, qua khuôn cửa nhìn vào đây em sẽ không nhìn thấy anh. Bóng tôi vẩy quanh và chả có ai để đốt lên một ngọn đèn nhỏ.

Chị Liên không bao giờ trở về. Tấn không bao giờ trở về. Và em có bao giờ trở về không ? Con đường ngày xưa chúng mình đi qua - anh còn như thấy rõ đây - và không ngờ đó lại là kỷ niệm cuối cùng để cho anh nhớ. Miền ấy là đất thánh của tình yêu. Trong những lúc sống, những giá trị sống của thời gian bom đạn đã gần như phá sản. Sự bất trắc của đời sống đã chẳng cho anh tin tưởng một cái gì. Đời sống chẳng là gì cả nếu nó không được trang trí...Gia đình, Bè bạn, Tình yêu có phải chỉ là cách thức gây cảm giác trang trí đời sống không ? Anh muốn được nghỉ ngơi. Chỉ biết rằng : con đường chúng mình đi qua. Tay em ấm trong tay anh. Những khoảng trời trăng sao thắm thì trên đầu. Cây cỏ lặng im.

- Anh có yêu em không ?

- Sao bây giờ em mới nghĩ như thế. Gia đình, bạn bè chưa đủ. Tình yêu mới làm cho con người sống. Nhưng dù gì đi nữa thì chúng ta đừng để mất tự do.

- Có nghĩa là chúng ta tự do ?

- Hoàn toàn tự do.

- Lúc nào muốn có nhau thì muốn, không thì...chẳng có gì ràng buộc ư ? Không. Chúng mình ràng buộc với nhau. Có trách nhiệm về nhau. Anh có nghĩ đến tương lai không ?

- Tương lai là gì ? Anh muốn cái hiện tại này đã. Phải rồi, cái hiện tại này đã. Anh thật không xứng đáng chút nào.

Tại sao buổi tối hôm ấy anh lại không giữ chặt lấy vai em, hôn em và nói lời này : Anh yêu em. Và anh lập cuộc đời.

Có phải bàn tay thon nhỏ, mềm mại và ấm áp hôm nào bây giờ nằm gọn trong tay anh không ? Anh đã dại dột suy tính. Tình yêu không thể đến với kẻ nào suy tính. Kẻ không có tình yêu như cây cỏ phải không em ?

Em đã yêu anh để rồi bỏ đi. Em yêu thành thật. Anh đã lừa dối anh mà cho rằng yêu không cần thiết.

Đã mấy thời gian. Sự đe dọa của nhiều hình thức, cá nhân thu gọn run sợ sự ràng buộc. Những tin tưởng cần thiết chúng ta bỏ đi như tấm áo bào của kẻ sau khi chiến đấu. Rồi tự tách mình ra ngoài những liên lạc. Tự cho mình vô trách nhiệm. Tự tách mình làm thần thánh và nô lệ. Khi yêu nhau, chúng ta đang tham dự vào một tấn kịch. Đời sống là một tấn kịch liên tiếp, và chúng ta phải sống hết tấn kịch của mình. Yêu rồi lại trốn tránh, lẩn quất, từ chối tấn kịch mình đã chọn. Những lần lên đường ra đi, đi xa bằng xe lửa, đi gần bằng xe buýt trong một châu

thành, hình ảnh cuộc đời như một chuyến xe. Khi nào còn bám được thì với điều kiện nào cũng phải bám lấy. Bị bỏ lại tức là không còn gì nữa.

Mai ơi ! yêu không thể gây cảm giác trang trí đời sống. Anh muốn được cùng em trở về miền biển mặn như năm trước. Với tất cả những kỷ niệm đã sống, để nhìn thấy tóc em phiêu bồng trong những chiều gió lộng. Biển xanh là mắt em (vì mắt em làm xanh nước biển). Tiếng sóng muốn trùng nghe thấy đời đời kia là lời anh tâm sự, và anh muốn được giữ lấy đôi vai bé nhỏ, áp má mình vào má người yêu, kề môi mình vào môi người yêu. Anh sẽ nói : anh yêu em. Rồi buông xuôi hai tay. Con người chết đi nhờ những kỷ niệm ấy.

Mai ơi ! Mai ơi ! Anh bỏ lỡ một chuyến xe và chuyến xe ấy không bao giờ trở lại. Kia em, sao lại khóc lúc anh trở về đây ? Em đừng khóc nữa. Nước biển đã mặn quá rồi. Nước mắt có làm mất đi, xóa đi được cái gì đâu.

Điều tự hào lớn lao nhất của thời đại này là tự cho mình sự cô độc, nhưng nhất định không có anh ở trong ấy - dù anh sắp vắng mặt.

Khi yêu nhau người ta mang cả thế giới vào trong lòng. Anh muốn được sống trong căn nhà của thầy mẹ khi xưa đã sống, chị Liên đã sống, và anh viết tiếp cuốn gia phả cho con cháu chúng ta.

Bây giờ mùa đông rét mướt. Em hãy nhóm cho anh một bếp hồng. Lửa sẽ reo. Ánh đỏ rực lên ấm áp. Anh dùng quãng thời gian còn lại viết thiên anh hùng ca mà trong ấy anh ngợi ca cuộc đời, cuộc đời ràng buộc : gia đình, bè bạn và tình yêu. Người đời sau nhảy múa và ca hát mãi mãi.

Anh muốn được trở về cầm lấy tay em. Mai ơi ! Tình yêu là điều tha thiết hơn hết. Cho anh được gọi tên em. Kỷ niệm. Em gọi tên anh đi cho anh sống lại. Tôi muốn sống lại làm người.

5

Có ai đấy không ? Có ai đấy không ? Hỡi chị Liên ! Hỡi Tấn...Hỡi Mai ! Mai ơi !...có ai đấy không ? Thưa ông ! Thưa bà ! Thưa cô ! Thưa anh !...Tôi biết thế nào để xưng hô cho đúng nữa - xin lỗi quý ngài, xin tha thứ cho tôi. Nhưng dù sao thì cũng làm ơn, một cái ơn cuối, nhất định là cuối : cho tôi xin một chút ánh sáng...Đây là đâu ? là đâu ? Tôi muốn nhìn xem tôi ở đâu và cho tôi một chút hình ảnh trước khi khép mắt lại...cho tôi xin một chút ánh sáng, một chút thôi...Sao, sao người không trả lời tôi sao ? Bây giờ đêm tối dày đặc thế này, không có ánh sáng thì làm sao tôi nhìn ra cho được. Tôi mở mắt đây. Người hãy gây ánh sáng đi và nhìn vào mắt tôi này...Thôi cũng được - nếu người muốn dẫu mặt - muốn tôi không còn gì nữa nhưng chết đi tôi sẽ có mãi điều này : không có gì hơn cả ngoài bóng tối dày đặc bao phủ quanh người và ở trong bóng tối ấy có hàng trăm hàng ngàn con mắt đang mở nhìn tôi, và hàng muôn bàn tay dơ ra...tôi xin các người, tôi sắp chết rồi cũng không cần những bàn tay ấy hóa kiếp cho nữa.

Cho tôi ân huệ cuối. Người không gây lên một chút ánh sáng thì xin cho tôi một chút tiếng động, một tiếng nói đi - để biết rằng chung quanh tôi này còn có sự sống - còn có hơi thở của người để gây lên tiếng nói. Ở quanh tôi là một nhà ? một xóm ? một hiên ? một phố ? hay chợ ? cuối đường ? một bệnh viện ? nhưng dù sao ở đây có sự sống, có sự hiện diện của người. Người hãy cho tôi một tiếng nói. Lời cầu nguyện siêu thoát lời an ủi ngọt ngào, hay không thì một tiếng dừng dưng, và hơn nữa dù là một tiếng chửi tôi cũng sẽ vui lòng. Sao, sao không thì một tiếng ho, một tiếng thở dài - bởi vì tôi chắc không ai muốn hát lúc nửa khuya này... hay không thì một tiếng khóc cũng được - cũng được...Tôi mệt lắm rồi. Không cầu xin được gì ư...người sợ sự hiện diện của người. Sợ rằng các người mang tiếng có mặt mà không cứu một kẻ sắp chết. Thôi cũng được. Hay người hãy bắt chước tiếng chó, tiếng mèo, tiếng lợn, tiếng



sói, tiếng hổ, tiếng báo như mấy kẻ làm xiếc, để tôi chết không oán hận người vì :chung quanh tôi toàn thú vật.

Sao im lặng ? Nếu không thì người ra dấu vậy. Người hãy gõ lên một tiếng kêu như thành cửa, chiếc thau đồng. Tôi biết giờ này không ai kéo chuông nhà thờ hay chuông chùa...dù sao thì tôi cũng cảm ơn các người...

Đây là sa mạc ? Giữa bề khơi ? Hay khoảng trống không nào đó - hay góc nhà xác cũng nên - ôi những hình ảnh... ai kia...ai kia...ai đấy...một người nào đấy lại đến với tôi lúc này ?...Ồ kia ! Chị Liên ! Chị Liên! ...em nhớ ra chị rồi chị Liên ạ ! Sao chị gầy thế kia ? Chị nói đi ? Chị gọi tên em đi ? Đã bao lâu rồi em không còn được nghe đến một ai gọi đến tên mình. Chỉ một mình gọi lại tên mình, sờ lên da mặt mình...Chị không nói ư ? Chị đừng khóc, em đã nghe em khóc nhiều rồi...hay chị giận em lắm. Chị để em nói những điều hối hận với chị và em cũng chả còn sống được là bao nhiêu...hình ảnh chị, chị ở xa em quá. Em nghĩ đến chị thật nhiều lúc này. Thuấn là em chị Liên.

Kìa sao ai nhóm lửa lên thế, tôi lác mắt rồi ! Chị Liên ơi ! Chị Liên ! Chị đợi em với...chờ em với. Thuấn đây. Thuấn là em của chị Liên. Kìa ai thế ? Không phải chị Liên...phải rồi Tấn. Tôi nhớ anh lắm Tấn ạ. Bạn bè còn được mấy người. Tôi nhớ về một triền đồi cỏ xanh bên thung lũng mùa xuân trước, chúng ta đã chạy nhảy với nhau...Rồi sao nữa ? Cuộc chạy đuổi vẫn tiếp tục. Anh đừng bỏ chạy trước. Cho tôi cùng bắt đầu để tôi thấy rõ hơn : bao giờ tôi cũng bị bỏ lại phía sau. Anh chờ tôi với. Chúng ta sẽ tiếp tục cuộc chạy đuổi. Tôi muốn có mặt. Sao ? sao anh nín câm...Kìa ai trói chân tôi thế này...

Ôi biển mặn ! biển mặn...Tôi đang nằm trên bãi cát. Sóng mặn đang tấp vào mắt, vào mặt, vào tai...và cát nhét đầy miệng...Cho tôi nhìn thấy mặt biển. Cho tôi nhìn thấy màu xanh. Em đi từ con đường nào đến đây ? Có phải con đường ấy từ hướng mặt trời lại và ánh sáng màu lụa mịn màng dưới bước chân em. Anh muốn làm thân loài cỏ non nằm dưới gót chân son ấy...Em dừng lại đi. Dừng lại để cho anh cầm lấy tay em...

Kìa loài quỷ dữ, mi muốn móc mắt ta ư? Được lắm, gì cũng được. Nhưng hãy khoan để cho ta nói với chị Liên, với Tấn, với Mai. Tôi đầy những ràng buộc với mọi người yêu dấu ở trần gian. Thuấn là em của chị Liên. Thuấn là bạn của Tấn. Thuấn là của Mai, của Mai muôn đời. Tôi xin quỳ dưới chân mọi người...Cho tôi sự an ủi. Không ai lên tiếng ư...Kìa loài quỷ dữ, gì cũng được. Tôi không mẫn nguyện...

6

Không một đứa nào lên tiếng. Chúng nằm chõng đống lên nhau, nhưng chắc chắn không đứa nào ngủ nổi.

Một con ruồi xanh bay vào vo ve rồi đậu xuống một đứa vật vờ như những ngọn cỏ khô trên nắm mộ bỏ quên ở một miền đất tím màu thịt trâu chết. Nó bò lằn trên đường tay áo rồi dừng lại trên mắt một đứa. Con mắt trũng sâu như lỗ huyết

Nó bò lên một vầng trán. Bước chân khấp khểnh như một kẻ lữ hành trên miền sa mạc. Nó bò dần trên vành tai nhỏ loanh quanh như tìm một cái gì, một cái gì có thể dừng lại. Rồi nó bò lên chân một đứa. Nó dặt tay đập mạnh. Một tiếng thét trên phím đàn cầm. Mấy đứa choàng dậy.

- Gì đấy ?

- Gì đấy ?

Nó dơ một bàn tay đen lầy nhầy, nói phều phào chưa ra tiếng, và lời hỏi dồn :

- Máu ?

- Máu tím ?

- Ở đâu ?

- Ai ?

Nó chỉ xuống đàn và khẽ nói :

- Con ruồi xanh.

Mấy đứa sát lại với nhau. Giao tiếp hơi thờ giữa những bàn tay lạnh giá chụm lại. Chúng nó không nói. Thằng thót như người bắt chợt nhìn lại phía sau trong đêm khuya. Như sau một chuyến đi chúng nó tin không có hy vọng cầm lấy tay nhau lần nữa.

Những ngã đường, mỗi đứa nghĩ một khác. Những phòng khách đợi nào đó ? Sân ga nào đó ? Góc chợ nào đó ? Vĩa hè nào đó ? Ôi thời gian !

Đi. Một cửa khám đường lúc khởi đầu tuyên chiến. Như mắt sáng nhìn nơi lần đầu tiên với sự sống bằng cái chết cuối cùng vĩnh viễn. Nhưng cũng có kẻ chết mở mắt.

Một đứa đứng lên. Cả lũ nhìn như níu lại. Nó run lấy bầy, miệng lắp bắp không ra lời. Nó đẩy cửa sổ, và thì thầm :

-Trời nhọ mặt rồi chúng mày ạ./.

\*\*\*

**Phụ đính II :**

## Dương Nghiễm Mậu: cuộc đời tình cờ Nguyễn Vy Khanh

Trong thế giới tiểu thuyết Dương Nghiễm Mậu (sinh năm 1936), con người hãnh tiến trong cô đơn sau khi đã phải cúi đầu nhận chịu thân phận làm người. Tuổi trẻ tự cho sống làm thời, phải hy sinh, đánh mất, lạc đường, không có quyền định đoạt, nhưng phải lựa chọn. Từ địa ngục đó, người tuổi trẻ phản kháng với ý thức nhập cuộc và phần nộ cuộc đời làm đau nhức. Cuộc đời là khoảng trống : "... khoảng trống bao la ấy đau buốt, nhức nhối trich vào cơ thể anh từng giây từng phút ngọt ngào, tức tưởi lay động choáng váng tim óc. Anh đã đánh lừa và mang em đến với anh. Em đã chịu đựng sự có mặt của anh - nhưng đến bây giờ em không còn đủ sức chịu đựng nữa - em lên tiếng, như đám đông lên tiếng cho anh nhận ra anh..." (Niềm Đau Nhức Của Khoảng Trống, là một trong sáu 6 truyện ngắn của tập *Cũng Đành* do tạp chí *Văn nghệ* xuất bản năm 1963. Toàn chuyện bi-đát ngả đầu gối lên bóng đêm mái đầu suy nhược của mình, một tra hỏi về thân phận con người ở vào một thời đại mà mọi giá trị luân lý bị đảo lộn. Vô luân, phi luân hay một kiếm tìm luân lý mới!

Niềm Đau Nhức Của Khoảng Trống là sự tình cờ phải đến nhắc nhở Hạnh cái thân phận có cái bước ngày càng lớn, "thấy nó hiện hữu giữa đời sống. Điều mà khi tôi yêu nàng - khi mà tôi yêu tôi - tôi bỏ quên nó, tôi không quan tâm đến" (tr. 13). Đêm dạ hội bạn mời nhưng người yêu chàng, Thúy, từ chối không đi vì cái bước của chàng, và tuyệt tình với chàng, cho đến lúc đó vẫn yêu thân với chàng thật tự nhiên! "Anh ạ, em không tới với anh được đâu, sao cái bước của anh lại lớn quá thế..." (tr. 13). Dù sao, "anh chỉ mang một mình anh tới đó như một sự lạc lõng bỏ quên không ai quan tâm..." (tr. 11). Và khiến chàng nhớ lại lời người bạn có lần đã bảo "Cái mặt mày kỳ cục và quái gở như thời đại này" (tr. 17). Nỗi đau nhức thân xác trở thành niềm đau nhức của có trở thành không, của có như một "phiến loạn" "không muốn yên thân" - đừng lớn ra nữa! Cái có khiến thân phận Hạnh thành "khoảng trống bao la", "anh hốt hoảng ở giữa khoảng trống vây quanh anh đã lấp liếm che đậy" (tr. 29). Niềm đau nhức tư duy đưa Hạnh nhận chân ra mình. "Anh là một quá khứ, một chứng tích của đời sống. Một hải đảo cô

đơn ngàn đời - bởi nó công nhận niềm đau buốt của khoảng trống, từ khước đám đông, thức giác niềm đối kháng với một bộ mặt vô hình nhìn xuống đời sống" (tr. 31), nhờ vậy "anh biết anh là gì. Anh hơn đám đông vây quanh, bởi anh ý thức được sự có anh, mọi người coi họ có mặt - nhưng là một sự có mặt hư ảo, không thấy mình. Người ta từ khước anh - điều đó không cần thiết khi anh đối với anh đã là sự có mặt hằng cửu. Anh biết anh là anh. Anh có toàn quyền về thân anh (...) Anh đứng đây một mình với lòng kiêu hãnh của anh..." (tr. 30-31). Kha trong Cũng Đành kém kiêu hãnh hơn, bỏ kháng chiến về thành sống chui nhủi đi móc rác và sống với gái giang hồ để cuối cùng bị bắt tra khảo về quá khứ. Kha có lẽ hài lòng với cái chết phải đến!

Bồn Cát Tuổi Thơ - tức Rượu Chưa Đủ là truyện ngắn đầu tay đăng tạp chí *Sáng Tạo*, vẫn được Mai Thảo (1) nhắc đến như một khám phá tình cờ thích thú, là chuyện ba chị em mồ côi di cư nghèo, người chị bệnh nặng, hai anh em còn lại, người anh đi kèm trẻ trong một gia đình Ấn-độ, hay ra công viên chơi đắp đất với trẻ con ngôi nhà mơ mộng của tuổi thơ, hay nhớ về Hà Nội hay một về nguồn, điểm tựa thiếu vắng! Cuối cùng người anh đến đón em ở viện tế bần về; để sống với nhau, những người thân cuối cùng còn lại sau những đổ vỡ của một Hà Nội nay đã thật xa xôi. Tan tác, mồ côi, nhưng "chúng tôi không thể đổ lỗi cho ai được khi chúng tôi tự coi mình là Thượng đế" vì "cuộc sống ngày nay mất đi những tham dự của sức mạnh siêu hình mà người trước tin cần để sống. Nhưng có lẽ thái độ can đảm liều lĩnh ấy khiến cho chúng tôi đau đớn hơn" (tr. 67). Trong Tiếng Động Trên Da Thú, con người không có cả tên để người đời gọi. Và trong Làm Thân Con Gái, "con người có quyền về nó", yêu hay bỏ phải chăng là một hành động tự do. Nhưng, nhân vật nữ dù thất bại hay gục ngã trên đường đời và đường tình, lúc nào cũng sẵn sàng bước tới, dấn thân mà đi: "Tôi thấy mọi người đáng khinh. Tôi phải sống để khinh họ. Luân lý, tập quán, thói lễ hay gì gì nữa đều bắt lực với tôi..." (tr. 116).

*Gia Tài Người Mẹ* (1963) viết đăng trên tạp chí *Văn Nghệ* từ 1961, truyện như một ngụ ngôn, viết về cuộc chiến tranh "sáp" tới hồi "bi thảm", "gửi đến người cùng thời", "tâm bút", "câu chuyện viết về những người khác đã trở thành tâm sự của chính mình", như tác giả viết trong Thay lời bạt. Người mẹ hấp hối trên giường bệnh, cạnh năm đứa con từ hai đời chồng và đứa thứ năm là kết quả hãm hiếp của một tên lính lê-dương, và một đứa cháu với U Tám, người làm, có đứa bà đã viết thư gọi về. "Căn nhà yêu dấu tôi đã sống được bao nhiêu năm êm ấm với hạnh phúc, cũng như buồn khổ và xa các'..." (tr. 7) có thể là hình ảnh đất nước, người mẹ là mẹ Việt Nam, con cái thì nhiều khuynh hướng. Người chết là quá khứ, là lịch sử oai hùng hay oan khiên, và đám đông vây quanh nhà là thế lực ngoại bang. "Các con trở về đây, tiếc rằng Mẹ không còn gì để chia cho các con. Không còn một chút gì nữa để cho các con làm của riêng - tất cả chỉ còn một căn nhà trống không, mục nát và già nua (...). Gia tài của mẹ là đời sống của mẹ đã trải qua những ưu phiền, buồn bã, đau nhức, đắng cay cùng những niềm vui, hân hoan và hy vọng. Gia tài của mẹ là đời sống của các con" (tr. 115-116). Người mẹ là hình ảnh tâm tột của đất nước Việt Nam vào nửa sau thập niên 1960, cũng là sợi dây nối kết những chia rẽ vì hận thù và tham vọng, ngộ nhận, vì các phần tử dù đã rời ra, vẫn có những sợi dây huyết thống với người đang hấp hối. Họ sẽ bị thêm thù thách khi đám đông vây quanh ngoài cửa đe dọa chia rẽ các con thành nhiều "đám người", cũng là thế lực muốn "chiếm căn nhà? giết mẹ? giết các con?" (tr. 114). Và gánh nặng của quá khứ, của tổ tiên "đã làm lỡ sai lạc và bắt lực quá nhiều để cho các con phải chịu quá nhiều ngộ nhận, quá nhiều đau khổ, bất hạnh" (tr. 115).

Kết cục là một nỗi kết hợp quàn trước khi thảm kịch hạ màn! "... Sự mù tối của thực tại, của dục vọng, của thành kiến đang làm người sống lạ mặt thù oán, tranh dành. Sự tiện nhỏ mọn trước mắt đang làm chúng ta bị cuốn đi trong cơn lốc (...) Anh sinh ra không phải để thù oán, ganh ghét, cạnh tranh một thứ gia tài đã già nua gần như vô dụng mà sinh ra để lập lấy gia tài của mình". Vì chừng "trời còn tối mù ... bao giờ cho chúng ta được nhìn thấy mặt nhau...", tệ hơn nữa, "chúng ta đang ở bờ vực, trước đe dọa. Chúng ta phải lựa chọn..." (tr. 116). Một tiếng kêu

thương sau một cuộc chiến gian và trước một đối đầu ý thức hệ khác tàn độc và phủ phàng hơn!

*Tuổi Nước Độc* (1965), trở lại không gian Hà Nội thời hồi cư, trước hiệp định Genève 1954. Tâm trạng của những người thanh niên ray rứt suy tư về đất nước, về "đất" sống, về chiến tranh và con người. Suy tư hơi nhiều đưa đến độc thoại và đâm ra lạc hướng có thể cố tình. Suy tư tranh luận trở thành ngụy tín, họ sống cho bản năng và sống còn : ăn chơi, đàn bà và rượu. "Nếp" sống đó sẽ bị rúng động với chiến tranh đến gần, những người thân và những biên giới chính trị dang co, mâu thuẫn. Truyện cuộc đời Ngạc, là tình yêu Ngạc với Hiền, em một người bạn, giữa một Hà Nội sắp bị tiếp thu. Tình yêu hai người đối với mọi người là chuyện bình thường, được chấp nhận không một phản ứng, mà hai người họ yêu nhau như yêu nhau, như một nhu cầu, như một biến cố tầm thường, không cao cả, không tìm kiếm, không chiếm hết thời gian sống của hai đương sự. Đến khi Hiền bị bắt rồi lấy người khác, Ngạc không phản ứng đặc biệt, dừng đứng, chấp nhận, như mọi sự của cuộc đời!

Nhưng Ngạc "yêu" Huệ, chị họ hơn chàng hai tuổi, "tình yêu của một người bao bọc mình" (tr. 157), một tình yêu xác thịt hơn, "một phiêu lưu trên con đường không mặt mũi, với những náo động không nguôi và chúng tôi không còn là mình, chúng tôi bị thanh toán, bị nghiền đi trong một guồng máy, tiếng nổ chát chúa vang vọng thay tiếng cười, tiếng than van thay tiếng hát và cuộc sống không còn là một giấc mộng có hoa nở chim hót" (tr.157). "... Chúng tôi thầm lặng vuốt ve nhau, hai kẻ tội lỗi đều biết rằng hình phạt đang chờ đợi, nhưng thói quen cùng nỗi cô đơn khiến chúng tôi không dừng lại được nữa, chúng tôi miệt mài trong những giây phút say mê như kẻ ghiền ma túy để sau đó là người buồn chán" (tr. 158). Thói quen và cô đơn đưa hai thân xác đến với nhau, đến thì cư xử, hành động như phải cư xử, hành động, sau đó sẽ buồn chán như ma túy, như đã biết trước. Mà vẫn làm, vẫn sống! Hai "tâm hồn" đến với nhau như ngôi sao xẹt, như mảnh tinh tú đập vào nhau, lén lút, mặc cảm, rồi sau đó, không một tiếng vang! Bất an, tự sỉ nhục khi nghĩ đến Trương, Vịnh, những người bạn đang dần thân nơi chiến khu hay đi gieo rắc khủng bố cho tổ chức. "Tôi lười biếng trong trí óc (...), tôi tội tệ chịu thua (...). Rồi ai cũng chết, tôi nhủ thềm" (tr. 158-9). Trước định mệnh, con người tự do, "mỗi kẻ có những lựa chọn tự do" mà lựa chọn khác nhau khiến giữa những người thanh niên thời đó có những khoảng cách lớn, những "lạnh nhạt" lan to dần. Ngạc bị bạn kết án là "bọn hư vô", sẽ bị đào thải, riêng chàng thì chỉ thấy "những khuôn mặt tôi thay đổi trôi trước mặt như những cái mặt nạ treo trên một sợi dây kéo đi kéo lại" (tr. 172).

*Đêm Tóc Rối* (1966) mở ra với ông Lịch, một nhân vật "trí thức cách mạng nghiện hút" . Hình như ông ta coi sự nghiện hút là một thứ hào khí của một thể hệ nọ nần: "Người ta không đơn giản là xấu hay là tốt hết. Trong mỗi người đều có những mâu thuẫn, nhất nữa những hành động nhiều khi trái ngược với tư tưởng" (tr. 205). "Chiến tranh hai chục năm, tôi nhìn rõ những khác biệt giữa chúng tôi và các cậu. Chúng tôi còn có cái tình người trong sáng do nếp sống, tập quán, luân lý, trật tự bảo vệ liêm sỉ, lương tâm, các cậu phá cả, các cậu bắt nhân dã man, tàn bạo từ trong tâm hồn. Sao bây giờ tôi thấy các cậu khổ quá, và làm cho mình khổ thêm" (tr. 130). Những người trẻ hơn, Lễ, Khang, Thục, v.v sẵn sàng dần thân nhưng có những đắn đo, lưỡng lự, thối thác và nhiều hối hận, nuối tiếc quá khứ - "cả bọn mình ở vào cái thế hệ bị hy sinh" (tr. 201); nhưng họ tiêu biểu cho ưu tư tương lai về trách nhiệm và quá khứ về mặt tinh thần. Họ tự xem bị giam lỏng, "Tôi lạnh lùng trước gương mặt lố lăng của một thời đại mà chừng như mọi người đều biết mình lố bịch, đều làm hề, và nó khởi từ một vô vọng án ngữ phía đi tới của mọi người" (tr. 40). Lễ, nhân vật xưng "tôi", là nhiều trĩ tràng, thất bại nhất. "Làm một cái gì sao không làm ở đây mà phải đi mới làm được" (tr. 6). May còn có Thục người bạn thường theo dõi và buộc chàng đi tới, tiến dẫn dạy học. Khang thì cuối cùng bị bắt ở biên giới Cam Bốt. Quyên, người con gái của dĩ vãng, vẫn làm tình nhân của Lễ (hay chàng nghĩ thế) dù Quyên đã lấy chồng. Phượng, em Khánh, cô con gái thanh khiết và tàn tật, luôn ngồi xe lăn,

sống giữa vườn hoa trái cỏ cây vẫn mơ về "một nơi thật xa không ai tới" (tr. 86), là một an ủi thơ ngây trong sáng cho Lễ, người này là hy vọng của người kia. Cuối cùng nàng leo lên bờ giếng té xuống chết - rời chiếc xe lăn như nàng vẫn ước mơ. Đám ma nàng là một thú nhận tình yêu của Lễ với nàng, và cũng là lần đầu tiên chàng khóc công khai trước người khác. Đọc nhật ký Phượng, Lễ đã thú nhận chính chàng đã giết chết nàng. Phải chăng Lễ cũng bị tàn phế dù có đủ tay chân?

"Mụ" Liên kiếm tìm cân bằng tình dục hoặc thỏa mãn nhục dục, đã làm bình phong, nơi xả xú bấp cho những tâm hồn tan nát, thất bại trong cuộc đời như Lễ. Hường thiện: Lễ bị ông Tiến chồng "mụ" Liên biết chuyện, đánh Lễ chảy máu mồm, nhưng Lễ đến nhà Phượng và thú nhận thoải mái rằng "việc làm của ông Tiến làm tôi dễ chịu hơn" (tr. 133). Lên Biên Hòa dạy học - bị hiệu trưởng và học trò phê "mất tư cách", có đồng nghiệp Trinh ao ước thế chỗ "mụ" Liên : "Anh thực là đồ đều và tôi muốn là con mụ đó". Khi tàn cuộc chơi, "mụ" Liên tìm tới Lễ báo đã có con với chàng đã bị chàng chối trách nhiệm và bà chết khi đẻ non. Những cái chết sẽ ám ảnh Lễ: "Tôi vẫn nhủ thầm phải dứt khoát, nhưng tôi chẳng dứt khoát được gì. Trong đầu tôi vẫn còn những ngày tháng cũ nằm đo vô cùng tận những tử thi ngổn ngang chỉ chờ đợi thức dậy và sống, sống đau xót với thực tế rồi trống rỗng..." (tr. 139). Cái chết đã theo đuổi những người như Lễ. "Tôi bỏ người nằm xuống và nghĩ: tôi sắp chết đây, tôi sắp chết như mọi người" (tr. 44). Chàng đã ý thức chuyện đó, đã tâm sự "Anh như kẻ bị thất cổ, bởi một giải lụa đào mềm mại, (...) anh đã đánh chết con người bình thần để lộ nguyên hình đứa trẻ thơ ngây đại..." (tr. 50). Khang, Lễ, những người trẻ trong Đêm Tóc Rối không sống trong an toàn, họ luôn di động, chạy, đuổi, họ ở thế bị động thường trực. Họ chạy theo cái gì "Sự thực, một khuôn mặt hạnh phúc nơi nào?" (tr. 211). Có thể họ bị hiểu lầm ngồi trong bóng tối và nguyên rủa địa ngục và quá khứ, nhưng họ đã kiên quyết "Chính ra bây giờ phải tìm cho ra một giá trị mới cho sự phán xét ... một giá trị chẳng phải cho riêng tôi hay cậu... Bây giờ là phá, cho những con bệnh uống độc dược ... " (tr. 207). Nhưng giá trị nào?

Thật ra Lễ đã chiến đấu với cuộc đời và chính mình. Lễ cô độc, chàng nghi ngờ tất cả: "Những ai còn lấy đối tượng là người khác thì còn khổ còn hực hực, bất mãn. Ở trong hoàn cảnh như hiện nay, phải lấy đối tượng là mình, chính mình" (tr. 72). "Bây giờ tôi ngồi trong bóng tối nơi chiếc ghế một quá khứ và tôi nguyên rủa" (tr. 140). Suốt tiểu thuyết, Lễ đã đi từ nghi hoặc, "Tôi không có một nhà thờ. Tôi không có một mái nhà. Tôi không có một thần tượng" (tr. 39), chấp nhận ở lại, tự vây bọc giam lỏng, đến những khao khát bất khả thi và chinh phục thất bại, nhưng chính những thất bại dở dang khiến chàng hiểu ý nghĩa cuộc sống hơn. Một cuộc chiến đấu không có kẻ thắng! Chương cuối là một đoàn tụ của những người bạn còn lại, những cuộc đời còn thoát. Quyên gặp lại Lễ, hôn lên má chàng như với một đứa em và để cho chàng hôn nhẹ tay một cách thanh sạch. Lễ sẽ đón đứa em ở lưu xá Công giáo về ở chung và sẽ lập gia đình. Mọi người vui hội ngộ thì Lễ say ngủ thiếp đi. Câu cuối tập tiểu thuyết : "Mỗi kẻ ôm lấy mình trong đêm" (tr. 219). Cuối cùng thì con người trở lại chính mình như điểm khởi hành và cùng đích. Lễ đã không đầu hàng, anh tiếp tục chiến đấu?

*Phấn Đấu* (1966) loan báo cách mạng đã đến! Những người trẻ lên đường với hành trang lý tưởng và nhiệt huyết của con tim; với đối tượng đối kháng định rõ và chương trình hành động hẳn hoi chứ không tài tử. viễn mơ! Tuổi trẻ không chấp nhận thế hệ cha anh: "Tôi mong những người già sống ở đây hãy chết hết đi cho chúng tôi còn được kính trọng bằng ảo tưởng". Vì hành động, Thạch, người phát biểu câu đó, bị tù tội và sẽ phải nhận chân "cách mạng" đã thất bại, đã vẫn như cũ vì con người vẫn thế. Cô gái tên Sương vì lý tưởng cách mạng đã phải bị tù và bị hiếp có thai. Vĩnh, một quân nhân trẻ, hăng hái vì phải làm một cái gì, đã phải nhìn rõ cuộc đời nói như trần trời với người bạn vừa chết: "Chúng ta sẽ chết như nhau... sẽ chết không nhắm mắt được, mãi mãi..." (tr. 52),

*Nhan Sắc* (1966) đánh dấu một đường hướng sáng tác mới, động não. Tác giả trở về lịch sử và huyền sử để tìm sự thật trong quá khứ, cho hiện tại. Tác giả khoác màu hiện tại lên huyền thoại và lịch sử: Người Tinh Của Trương Quỳnh Như là kẻ sĩ bất đắc chí Phạm Thái, kẻ sĩ tìm người đẹp như một cái cớ cho lý tưởng, bên cạnh cuộc đời có khác chi một giấc chiêm bao. Những kẻ lỡ thời, thất chí trong Một Người Lên Núi nhận thức vũ trụ huyền bí, cả nghệ thuật cũng chỉ là ảo ảnh. Cao Bá Quát và thầy khóa Nhâm bên cạnh một tráng sĩ vô danh đã biết chết một cách anh hùng, như một nhan sắc cách mạng - nhan sắc là cách mạng, cách mạng để có công bằng, hạnh phúc như mục đích của hảo hớn Từ Hải ở truyện sau. Từ Hải Và Cuộc Phiêu Lưu Của Đời Chàng đề cao con người biết sống và biết yêu cùng biểu tượng anh hùng, thứ anh hùng thời nay cần đến! Kinh Kha, Con Chủ Tử Thủ Và Đất Tàn Bất Trắc làm sống lại một hồn ma với tra vấn nhức nhối nếu giết Tần Thủy Hoàng thì rồi Thái tử Đan sẽ làm gì với một nước Trung-Hoa thập nhị sứ quân? Không ai chấp nhận một bạo chúa, nhưng cũng không chấp nhận một xã hội rối loạn. Bên trong hành động đã tiềm ẩn sự tự hủy diệt! Vậy thì phải tìm ra cái thay thế bạo tàn, cách mạng chẳng, nên có một chương trình hành động bao quát hơn chẳng? Vai trò của Kinh Kha trong lịch sử đáng được đặt lại, lúc đó ở miền Nam? "... nếu đã nắm được quyền lãnh đạo trong tay rồi chúng ta phải làm gì (...) chúng ta hành động không phải chỉ để hành động, chúng ta hành động để giữ lấy vai trò lãnh đạo, với quyền lãnh đạo chúng ta mới thực hiện được cuộc cách mạng chúng ta mong muốn, tạo dựng một xã hội chúng ta hằng mơ tưởng, chúng ta không hành động như một kẻ nổi loạn hư vô, chúng ta muốn tiến tới một đời đời, đâu là lựa chọn giữa tư bản và cộng sản? Truyện cuối, Gậy Thần Và Sách Ước như chung cuộc rồi cũng chỉ là phù phiếm vì tốt xấu đều do chính mình quyết định, không phải do tha nhân. Về thể loại, những truyện trong tập này dĩ nhiên có giọng văn mạnh, dứt khoát hơn những truyện khác của ông! Lần xuất bản đầu năm 1966, tác giả cố tình không để mục lục, cố gây suy nghĩ tìm kiếm nơi độc giả - như có lần ông trả lời trên tạp chí *Thời Tập* năm 1974.

*Ngày Lạ Mặt* (1967) chứng minh thêm một lần rằng con người làm chủ định mệnh của chính mình. Cô nữ sinh tên Hoàng yêu và muốn có con với thầy Lĩnh, nhưng tòa lại tha Lĩnh vì quyền lợi cần đắc cử của bố. Tình yêu không lựa chọn, như định mệnh, mà tuổi trẻ thì quá nhanh: "... Tôi biết đây là mối tình vô vọng, cả hai chúng tôi đều biết như thế, nhưng không ai chịu ngừng, như một chuyến xe xuống dốc, chúng tôi nhắm mắt lại, những lo âu, thẳng thốt chót đến, những hải hùng chợt hiện, những giọt nước mắt, những lời thú tội với chính mình, chỉ có vậy. Tại sao tôi lại lựa chọn vào hoàn cảnh ấy?", Hoàng thú nhận như thế trong nhật ký, sau khi đã đổ tội lên xã hội. Và nàng đã hành xử cái tự do của mình, không chịu phá thai như người thân (xã hội) đề nghị: "Tôi không muốn sống bằng ảo tưởng. Bây giờ tôi phải lựa chọn đường đầu... Tôi sẽ là một người mẹ, tôi phải nuôi con trong tình cảnh đơn độc của mình". Quả tội lỗi hay hình phạt đều phi lý như nhau!

Đến *Con Sâu* (1971), cuộc đời vô nghĩa như không nên có, và con người cho cùng cũng chỉ là con sâu, con sán. "Mỗi đêm chúng ta nằm ngủ với thể xác và thức dậy trong tâm tưởng cố gắng vượt ra khỏi cuộc sống của đêm tối. Có phải đêm tối bây giờ đã ngự trị suốt cả, trong tâm thức và ngoài hơi thở..." (tr. 54). Con Sâu là chuyện cuộc đời vô nghĩa - các nhân vật đi tìm cho cuộc đời có một ý nghĩa nhưng đa số đã rơi vào vô vọng. Của Ngưỡng, Thạch, Quảng, ... thay nhau nói về đời họ như những con sâu, con sán. "Tôi nhìn thấy tôi như một con sâu" (tr. 126) trong khi người khác cho rằng tôi điên khùng, bất thường. Người đàn ông cứ mãi ám ảnh và không giải quyết được câu nói của người yêu của mình: "Sao anh không thương em, em không xứng đáng với anh phải không, em biết vậy, nhưng em thương anh, em thương..." (tr. 200). Câu hỏi được lập đi lập lại nhiều lần cho các nhân vật chính, yếu đuối, tiêu cực quá trở thành những con sâu hãi sợ cuộc đời và chiến tranh. "Tôi chỉ là một con sâu... Tôi như thế... Tôi nhiều lúc cũng không muốn là kẻ sống trong một xã hội như thế này... Nhưng làm sao hẳn phải chịu một số kiếp như thế? Chẳng ai biết được?" (tr. 152). Họ muốn chết cái kiếp con sâu. Ở đoạn cuối Quảng đã chết dễ dàng như cuối cùng ước muốn. "Ê, chết thật sao mày..." (Tr. 216). Một

thế giới và nhân vật đáng lượm giọng! Những con sâu ù lì, sinh ra đã vậy, chứ không phải những con sâu hóa thân !

\*

Dương Nghiễm Mậu sáng tác nhiều tiểu thuyết thoát có vẻ như nhau về nhân vật, về cuộc sống và triết lý sống. Vẫn những nhân vật chán chường, hần học cuộc đời, bị ám ảnh đến bệnh hoạn, một tâm trạng, những thậm xưng là nạn nhân của thời đại, của chiến tranh, một thế hệ bị hy sinh! Cùng với những quyền uy đồ nát, thần tượng sụp đổ! Thượng đế đã chết, Nietzsche qua Zarathustra đã từng nói như vậy! Trong nhiều tác phẩm, như một bản sao, như tác giả chưa có dịp nói hết trước đó, hay như một dàn trải dưới khía cạnh khác, nhân vật sống khác hay sống tiếp! Làm như cuộc sống không còn gì để khám phá, hết còn phong phú lẫn bí mật. Hay chính trong những cái tầm thường thừa thãi của cuộc đời hãy còn chứa đầy bí ẩn huyền vi? Nhân vật hay xưng Tôi, Tôi hồ đồ trở thành bất cứ ai!

Tuy vậy, Dương Nghiễm Mậu đã tạo được một thế giới, một không khí riêng: những độc thoại như không ngừng, những sinh lão bệnh tử bất hạnh dồn dập đến, những gia tài cuối cùng chẳng có, những nhận diện khó khăn và đưa đến thất vọng khác, ý dục có mà vật dục cũng đầy dẫy, v.v. Con người trong tác phẩm Dương Nghiễm Mậu luôn đi tìm, dùng ngõ tắt hay đường vòng hơn là đi thẳng, với một tư duy muốn làm con người trọn vẹn hơn là đưa ra những lý thuyết xa vời, và một tâm tình bí lố! Nhân vật Lễ của *Đêm Tóc Rối*: "Tôi vẫn nhủ thầm phải dứt khoát, nhưng tôi chẳng dứt khoát được gì" (tr. 139). Họ muốn hành xử đâu ra đó trước khi nghĩ đến những lên-trên, những ý-thức-hệ có qui củ, hàng rào! *Gia Tài Người Mẹ* hay *Nhan Sắc* là những chuyện ngụ ngôn, ẩn dụ, hài hước bi thảm, dày đặc tâm tình. Nhân vật Lễ trong *Đêm Tóc Rối* đầu óc lúc nào cũng bị bao ý nghĩ dày vò! Nhân vật còn là quá khứ, như Quyên, Phượng, Khang, ông Lịch, mẹ Liên, thay nhau ám ảnh, làm nhân vật của quá khứ trong *Đêm Tóc Rối*!

Tình yêu được xem là một tình cờ, một xảy đến do những nguyên do, duyên có không cần biết, nhưng nó đến như phải đến, như có đến hay không đều như nhau, nhưng nó ở đây, đang ở đây. Thành ra phải cáng đáng! Tình cảm, tình yêu, cũng chỉ là một phiến diện, một mảnh của cuộc sống, một bên lề. Một cuộc sống đầy vẩn nạn, vì chiến tranh vì người đối với người bạo lực, vì người dùng người, vì cuộc sống là bi đát. Con người là một bất hạnh, vậy thì tình yêu càng chỉ là oan trái, là vết hằn oan nghiệt trên khuôn mặt tuổi trẻ. Ngay thiên nhiên trong tiểu thuyết của Dương Nghiễm Mậu cũng thường chống lại con người!

Trong suốt sự nghiệp, Dương Nghiễm Mậu lúc nào cũng muốn đi sâu vào cuộc sống trước mặt với những vấn đề của chúng, để tìm hiểu, nắm bắt nó, hiểu sự hình thành của nó cũng như những bộ mặt, những vết hằn của nó. Cái Tôi có đó để làm chứng nhân cho cuộc đời. Tuy vậy, tác phẩm Dương Nghiễm Mậu rõ rệt có hai giai đoạn: giai đoạn đầu viết về một tuổi trẻ buồn phiền, sanh làm thời đại, không biết đến hạnh phúc, mái nhà; do đó họ không có cả lịch sử và quá khứ, đàn anh vắng mặt hay bất xứng. Cùng nhận sinh làm thời nhưng Dương Nghiễm Mậu khác xa đàn anh của ông, nhà thơ Vũ Hoàng Chương tìm quên trong khói nâu và những ả đào thời đại. Cuộc đời là những bi kịch lớn nhỏ. Không khí của tiểu thuyết Dương Nghiễm Mậu thời này ảm ướt với những mối tình, những bết tắc, những rạp chớp bóng và những con hẻm ảm thấp (*Đêm Tóc Rối*, v.v.). Hà Nội nếu không là sân khấu (*Tuổi Nước Độc*, v.v.) thì cũng là nỗi ám ảnh khôn nguôi (hai anh em mồ côi và Quyên, dĩ vãng một Hà Nội trong *Bồn Cát Tuổi Thơ*). Người cộng sản trong tiểu thuyết họ Dương đã hơn một lần bị phê phán là những tay gian xảo, lợi dụng tuổi trẻ. Giai đoạn sau, từ 1963, thời sự và chiến tranh chiếm toàn diện tác phẩm của họ Dương. nhân vật thời sau trườn theo cái cụ thể, thực tại, thử tìm giải pháp cho cuộc sống chung và gần gũi. Thời Đệ nhất cộng hòa được phê là bết tắc, thì sau "đảo chánh 1-11-1963",

không khí chính trị trở nên năng động, gây hy vọng nơi người trẻ nhưng chỉ được vài năm sau đó trước khi trở nên tồi tệ!

Một số nhân vật của Dương Nghiễm Mậu liên hệ đến cách mạng, hoặc đi làm cách mạng hoặc có "công tác" như Thục, Lễ, Khang, ... trong *Đêm Tóc Rối*, Ngạc trong *Tuổi Nước Độc*, Thạch, Sương, Vĩnh trong *Phấn Đấu*, hoặc bỏ về thành như Kha trong *Cũng Đành*. Rồi cả tập *Nhan Sắc!* Không cách mạng thì sống nhưng có nhân vật lại thì lạnh lùng, lợm giọng với chuyện làm tình: mẹ Liên trong *Đêm Tóc Rối* hay đến với Lễ làm tình dù chồng có nhà hay không, và dù chàng thường phải lợm giọng và một lần đã phải thốt lên "Đừng bỏ tôi, ở lại với tôi" khi chàng cảm thấy thật cô đơn. Thì lại đi tìm gái ăn sương! Trong thời chiến tranh, tuổi trẻ tan nát, có những nữ sinh phải làm điếm, Phượng bị tàn tật (*Đêm Tóc Rối*). Tan nát vì chiến tranh cũng là một dĩ vãng bị tan nát. Dĩ vãng như một tường nhớ nuôi tiếc khôn nguôi! Chiến tranh khởi đầu bao phủ không khí các tiểu thuyết đầu đời của Dương Nghiễm Mậu nhưng với đà chiến tranh đã trở thành những chứng kiến bất lực: *Kinh Cầu Nguyệt* (1967), *Địa Ngục Có Thật* (1969) về vụ thảm chiến Mậu Thân ở Huế, rồi những *Gào Thét* (1969), *Cái Chết Của...* (1971), *Kẻ Sống Đã Chết* (1972), *Những Ngày Dài Trên Quê Hương*, *Tên Bất Lực* (1972),...

Người đọc có người vẫn trách Dương Nghiễm Mậu hay tự cho thuộc thế hệ bị hy sinh và ông làm nhà văn khuynh hướng "phá phách". "Một giọng điệu chán chường hẳn học đến độ trở thành cynique, cũng cái chủ trương coi mình là nạn-nhân-của-chiến-tranh-một-thế-hệ-hi-sinh (...). Một điều mà người ta đã nói nhiều đến nhằm chán những lúc về sau này, mà người ta đã mệnh danh là "văn chương thời đại" (2). Chính Dương Nghiễm Mậu trong một phỏng vấn của Lê Phương Chi (3) đã khẳng định "Chúng tôi làm gì có tuổi trẻ": ông không có một tuổi thơ hạnh phúc, ở nông thôn, học chữ Nho đến 10 tuổi mới chuyển qua quốc ngữ nhưng học hành dở dang, rồi chiến tranh, loạn lạc, xa ông thân, di cư, đi khắp Bắc Trung Nam. Như các nhân vật của Dương Nghiễm Mậu cuối cùng vẫn thích cuộc sống yên hàn, giản dị như Lễ trong chương 6 của *Đêm Tóc Rối*. Họ vẫn thường tiếc nuôi dĩ vãng và đời sống đã qua, những mái nhà đã quen, những người thân, người bạn đã làm khung cuộc đời mỗi người! và những con người thanh khiết vẫn là những giấc mơ về: với Lễ là Phượng, là Quyên trong *Đêm Tóc Rối* mà không là "mẹ" Liên ái tình dễ dãi thừa mứa. Vợ chồng Khánh sống bình thường giản dị. Tóm, nhân vật của Dương Nghiễm Mậu muốn tìm một cuộc sống bình thường nhưng tiến bộ, một mái nhà, một gia đình, cả một người tình để thoát khỏi tình trạng "lạc loài" vây bủa họ. Cả khi viết một số truyện đời xưa dù để nói lên tâm sự hôm nay, dù để tìm cuộc sống trước mắt, Dương Nghiễm Mậu như đã đầu hàng phức tạp nhân sinh. Chính ông có lần tâm sự: "Chúng tôi đều buồn. Có người bảo tôi lấy về buồn làm dáng. Tôi không thấy vậy. Suốt quãng đời đã qua tôi chưa có một câu chuyện gì vui để kể lại, một hạnh phúc làm vốn liếng..." (4).

Về thể loại, *Đêm Tóc Rối* như một tùy bút, hợp khung cảnh phiêu lưu, nhiều hoài niệm và tiếc nuôi nhưng tiến đến trước! *Gia Tài Người Mẹ* được tác giả xem như là những trang tâm bút "vì câu chuyện viết về người khác đã trở thành tâm sự của chính mình, những nhân vật đã bị tước đoạt mặt mũi để trở thành hình nộm trên sân khấu cuộc sống... Tôi viết ra những chuyện (đã thấy, đã cảm, đã nghĩ) và gửi tới người cùng thời" (5). *Gia Tài Người Mẹ* tối tăm với những độc thoại liên tục, có vẻ tiểu thuyết hóa cuộc đời, một loại tiểu thuyết nội tâm ở mỗi chương, của một chứng nhân thời đại mình, nếu xử dụng thể tùy bút sẽ hiệu nghiệm hơn chăng?

Dương Nghiễm Mậu thuộc những nhà văn hậu chiến ở miền Nam cổ võ một nền "văn nghệ mới", nhưng với một triết lý hiện sinh đen, bi-đát thời thượng, hoang mang mất niềm tin ở một di sản hơn là mất tin tưởng ở một chế độ, mất niềm tin ở con người nói chung hơn là con người ở vùng đất mới. Tuy vậy văn phong vẫn giữ được nét bình thường dù để diễn tả những ray rứt suy tư, cái làm dáng hình thức, chữ dùng chỉ như những cố gắng tuyệt vọng! ./.



Chú-thích:

\* Trích dẫn từ những ấn bản lần đầu xuất bản ở Sài Gòn : *Cũng Đành* (Tập chí Văn Nghệ, 1963); *Gia Tài Người Mẹ* (Tập chí Văn Nghệ, 1964); *Đêm Tóc Rối* (Thời Mới, 1966); *Tuổi Nước Độc* (Tập-san Văn, 1966); *Phấn Đấu* (Tập-san Văn, 1966); *Nhan Sắc* (An-Tiêm, 1966); *Con Sâu* (Nguyễn Đình Vượng, 1971).

1. *Chân Dung Mười Lăm Nhà Văn Nhà Thơ Việt Nam*. Westminster CA: Văn Khoa, 1985. Tr. 84-85
2. Trùng Dương phê bình Đêm Tóc Rối . *Tin Sách*, 5-1966, tr.25.
3. *Tin Sách*, 5-1966, tr. 32- 37.
4. Bạt (viết 12-1964). *Nhã Ca Mới*. Los Alamitos CA: Xuân Thu tb, 19?, tr. 117.
5. Thay lời bạt. *Gia Tài Người Mẹ*. Sđd.

9-1995

## Dương Nghiễm Mậu, người đặt vấn đề Phí Ich Bành



Đọc 10 truyện ngắn của Dương Nghiễm Mậu mới xuất bản tại Hoa Kỳ vào cuối Tháng Ba 2011 với tựa đề “Trời Cao Đất Dày” người đọc thấy lại sân khấu do tác giả dựng lên cho các nhân vật trong cuốn “Nhan Sắc” nửa sau thập niên 1960 của ông. Như khung cảnh lạc lối Đào Nguyên, như truyện võ hiệp, gần như sử ký Tư Mã Thiên. Bút pháp của DNM tạo ra không khí hư hư thực thực rất thích hợp với lối kể truyện của ông – như Từ Hải không chết, tiếp tục cuộc sống giang hồ, như nhân vật mưu đồ làm cách mạng tự thấy hầu như bất lực, vào rừng sống với Đồi Hồng .... Tôi tin rằng DNM không định cung cấp cho độc giả những trang truyện giải trí mà độc giả có thể không còn giữ lại gì sau khi đọc (là việc đã có nhiều người làm). DNM cũng không chủ tâm tìm kiếm giải thưởng văn chương (dù ông được tặng giải với tác phẩm “Cũng Đành”. Ông muốn nói thay nhiều người của thế hệ trưởng thành hay sắp bước vào đời sau ngày chia đôi đất nước – nửa miền bắc bị kềm kẹp bởi nhóm người theo đuổi chủ nghĩa gọi là cách mạng vô sản. Nửa miền nam thuộc quyền lãnh đạo của những viên chức được chế độ nửa thực dân nửa phong kiến đào tạo và một số trí thức “tẩu hỏa nhập ma” không thoát ra khỏi sách vở của Tây, Tàu. Đó là chưa kể những phần tử cơ hội. Nói chung là rối beng. Xã hội như thế thì tuổi trẻ hoang mang, lúng túng, dễ lạc đường – nên, một số thanh niên học sinh miền nam nhảy ... núi, để sau này trở về trong bất mãn, vì biết là bị lừa, bị khai thác. Có kẻ đã bỏ mạng trong rừng sâu, hay thân tàn ma dại, trở thành gánh nặng của gia đình.

Xin hãy tạm bàn ra ngoài (không xa đề) về nửa thế kỷ trước ngày tắt cả non sông Tiên Rồng thu về một mối, dưới quyền đảng chuyên chính. Thập niên 1930, chúng ta có lãnh tụ Nguyễn Thái Học nhà giáo tổ chức VN Quốc Dân Đảng để đánh đuổi thực dân Pháp – ông và 12 đồng

chí ngạo nghễ hô những lời yêu nước bên máy chém. Thật tiếc, đảng hoạt động chưa lâu, chưa phát triển rộng, cách mạng vũ trang không được chuẩn bị đầy đủ để có sức mạnh của quần chúng. Kết cuộc là tuần đạo. Thập niên 1940, các chính đảng không CS bị tổ chức của ông Hồ vận dụng mọi quỹ kế để bao vây, cô lập, đánh phá, tiến tới cướp công cách mạng của quần chúng vào Tháng 8-1945. Sau ngày chia đôi đất nước, miền nam tập tành dân chủ kiểu phương tây, hầu như khoán trắng công cuộc chống Cộng cho chính quyền và quân đội – 2 lực lượng đố chống Cộng bằng súng đạn, truyền đơn, không hữu hiệu, trong khi trí thức thực hành đấu tranh nghị trường tại Quốc Hội có đủ Thượng, Hạ Viện (như Hồ Hữu Tường, Trần văn Tuyên ...). Nhất Linh làm văn hoá và hoạt động chính trị bên ngoài, tham gia đảo chính thất bại, tự sát, thay vì thua keo này bày keo khác. Các chính khách muốn dân sự hoá chính quyền thì ngây thơ, bị các tướng tá đè bẹp, loại trừ.

Theo gia đình di cư vào nam năm 1954 ở tuổi 18, DNM đã chứng kiến những biến động ấy, và thao thức. DNM không lập thuyết qua các tác phẩm của ông – nhưng, ít nhất, ông chỉ ra một điều : không chỉ có hai đường để lựa chọn. Đó là thông điệp của DNM mà tôi đọc được ... trên nền của nhiều truyện ngắn. Tái định cư tại nước Mỹ, chúng ta nhận biết quyền chọn lựa của con người và về cơ hội đồng đều. Tại miền nam vĩ tuyến 17 sau năm 1954, rõ ràng người Việtnam có ít nhiều chọn lựa. Tại miền bắc, hoàn toàn không – chính sách hộ khẩu giam hãm mọi công dân nam phụ lão ấu. Với thanh niên, Bắc Bộ Phủ kiểm soát chặt và khai thác bằng các mỹ từ nghĩa vụ quân sự hay thanh niên xung phong. Học không cần thiết với chế độ toàn trị. Đọc DNM để thấy chiến tranh là ám ảnh thường trực – những cái chết rất vô lý. Người anh ra thành phố, đi lính – người em ở dưới quê bị ép theo “mặt trận”. Không ai tự quyết định được số phận của mình. “Trời Cao Đất Dày” (từ nay viết tắt TCĐD) tập trung 10 truyện ngắn như một nhắc nhở (không thừa) những ngang trái và bế tắc tại Vietnam trước năm 1975 với tựa đề gợi nhớ câu nói (có lẽ không phổ thông tại miền Trung và miền Nam như ở miền Bắc) khi người bình dân muốn thốt lời oán trách với thánh thần (là Trời Cao Đất Dày) về cuộc sống oan khiên. Như chuyện quan tài của người lính chết trận không tìm được thân nhân để giao ...

Viết đến đây, tôi chợt cảm thấy lo rằng DNM kể chuyện hấp dẫn quá, một số người không nhận ra thông điệp chẳng. Cũng may là DNM dùng thể loại truyện ngắn – như một cách lập lại, qua nhiều hình thức, hoàn cảnh khác nhau. Biết đâu chừng, truyện dài, nhiều tình tiết ly kỳ hấp dẫn có thể làm độc giả lạc lối, cuối cùng chỉ cảm thấy được giải trí, như xem Tam Quốc Chí, Phong Thần.

Với DNM, ý muốn của ông là thông điệp “không chỉ có 2 đường để chọn – trước 1975”. Ông thấy điều đó, và đặt vấn đề. Có lẽ bởi chính ông cũng không biết phải làm sao. Đi con đường nào. Ông viết trong truyện “Bông hồng của ...” trong cuốn TCĐD “...anh ấy nói phải chờ đợi, phải tu luyện đã. Mọi người thì nóng ruột, anh ấy cho thời cơ chưa đến nên ... Trong số những người bỏ đi có ông cụ tôi. ... Nhưng, cuối cùng những người bỏ anh ấy mà đi đều chết hết chẳng còn một ai trở về, tất cả đều thất bại – trang 18”. Nhưng, đã rõ là chế độ VNCH không tốt đẹp, và miền bắc vừa xấu vừa ác. Ông đã thay mặt người khác để vạch mặt các tướng tá, qua cuộc trò chuyện giữa Từ Hải và Kiều. Ông viết trong truyện Từ Hải (Nhan Sắc) “Tiên nhân chúng nó, chúng nó điếm từ trong triều điếm ra. Vua đi, quan đi, tướng đi cho nên thời mới loạn, dân mới khổ. Em mới thế này, anh mới thế này chứ – trang 82”. Ông đã thấy những trí thức lúng túng, nhận ra tình thế đất nước, biết trách nhiệm, nhưng không làm gì được, cũng không thể hợp tác với chế độ (miền nam), đành lui về tháp ngà, sống trong mơ mộng và kiêu hãnh (như trong truyện “Bông hồng của ..”). Qua truyện về Kinh Kha, ông viết “... Chúng ta không hành động như một kẻ nổi loạn hư vô, chúng ta muốn tiến tới đổi đời - trang 153 Nhan Sắc”. Đồng thời, ông đánh thức người khác, qua ytruyện Từ Hải (Nhan Sắc – trang 69) “ ... Làm loạn là thế nào ? Ai không muốn sống yên ổn làm ăn ? Nhưng, bây giờ người ta có muốn cho mình sống như thế không”. Điều này đang tiếp tục xảy ra trên quê hương cũ của chúng ta bên kia Thái Bình Dương.

Đặt vấn đề là nhu cầu thường trực với xã hội không ngừng biến đổi, do các chuyển hoá về tư tưởng, kỹ thuật, mô hình sản xuất, và cả điều kiện của môi trường thiên nhiên (là yếu tố mới nổi từ thế kỷ 20 và ngày càng trở thành quan trọng). Tại các nền dân chủ như Hoa Kỳ, đảng cầm quyền và đảng bên ngoài đều phải biết đặt vấn đề. Từng năm. Để đáp ứng các đòi hỏi thiết thân của quần chúng (là đối tượng phục vụ của chính quyền) cả hai cùng phải lập sẵn plan A, plan B. Nếu không phải là chuẩn bị trước luôn plan C hay xa hơn.

Ông đặt vấn đề, rất rõ ở cuối truyện “Kinh Kha ...” trong cuốn Nhan Sắc – ông viết “Anh thấy chưa, bây giờ đâu là thời của Kinh Kha, còn Kinh Kha thì Kinh Kha cũng bó tay ...” và ở cuối trang 162 “Tôi từ chối lựa chọn cả hai con đường ấy. Ai buộc chúng ta phải chấp nhận con đường có sẵn?”.

Hiện nay, hẳn là giới trí thức miền bắc Vietnam đang đặt vấn đề – họ đã thấy trong những năm đầu của đất nước sau 1975, những người theo đuổi cách mạng đã bị cúp công, bị phản bội. Họ đã thấy, khi đảng CS phải thử nghiệm kinh tế thị trường, một phần của thể chế dân chủ tự do ngoài lãnh thổ hình chữ S, vì nhu cầu sống còn của chế độ toàn trị. Người dân Vietnam đáng được hưởng đầy đủ nhân quyền và dân quyền. Họ đã thấy mọi người không được chọn lựa, khi mà đảng CS xác quyết “Yêu chủ nghĩa xã hội là yêu nước” ngay từ khi đũa trẻ biết nói. Các tác phẩm của DNM vẫn là mới, bởi cho đến nay, họ bị điều kiện hoá, bị bịt mắt như con ngựa kéo xe. Họ trông đợi cách mạng Hoa Lài. Mong cách mạng, để vỗ tay! – bởi đa số không biết phải làm gì, và không dám làm (như Dương Thu Hương viết đâu đó đại ý rằng “những người anh hùng trong chiến tranh nay đã là những công dân đốn hèn”). Tựa sách TCĐD, như tôi hiểu, lập lại lời than oán của lê dân với Ông Xanh.

## Quảng Trị, đất đọi về



*Trần thị Ngh và Dương Nghiễm Mậu*

*(Trích đoạn Dương Nghiễm Mậu)*

Mỗi lần trước khi trở lại miền Trung, điều tôi thường hỏi: ngoài đó bây giờ mưa hay nắng. Lần này cũng thế, người em tôi vừa từ Huế trở về sau hai mươi ngày công tác nói: trời đang nắng và thành phố đầy hoa phượng, hoa sen. Bây giờ ngoài đó mùa hè và tôi nhớ tới không khí oi bức trong những chuyến đi cũ vào những thời gian đầu mùa hè: hoa phượng đỏ trên những ngọn cây, hoa sen nở đầy trong hồ Tĩnh Tâm, chung quanh trường thành, những trái nhãn nhỏ

sai trên ngọn cây trong Thành nội. Nhưng khi tôi đặt chân tới Đà Nẵng, buổi chiều mây thấp và mưa nhỏ hạt. Người bạn nói với tôi trời mới đổ mưa từ buổi sáng. Tôi nhìn thấy mây thấp trên phía đèo Hải Vân. Đà Nẵng mưa thì chắc Huế mưa. Tôi hỏi về con đường qua đèo, người bạn nói: đi được như thường, hôm qua hơi bị kẹt vì cầu Nam Ô bị gãy. Tôi hỏi cây cầu nào. Anh bạn nhắc lại: cầu Nam Ô. Tôi nói không phải, tôi biết ở đó có hai cây cầu, tôi muốn biết cầu nào vì trong chuyến đi trước, cây cầu mới xây cất, thứ cầu cho những xa lộ chưa dùng được, hôm trước đã có tin cho biết cầu Nam Ô bị sập, nhưng là cây cầu cũ, cầu xe lửa, người bạn nói, bây giờ thì cả hai nhưng đang được sửa chữa. Trời mây thấp, mưa nhỏ hạt, những di chuyển ướt át khiến cho thị trấn có một khung cảnh đìu hiu.

Tôi gửi hành lý lại nhà người bạn rồi chạy quanh, vẫn khung cảnh quen thuộc, thêm một vài ngôi cao ốc đang được xây cất nhưng chừng như công việc đã ngừng lại, những trường học trở thành trại tạm cư. Tại trường nữ, tôi thấy những nữ học sinh ngồi gác cổng ra vào trong khi đó có một gia đình thì chất hành lý lên hai chiếc xích lô, tôi hỏi và được biết: họ dời ra trại Hòa Khánh. Trại tạm cư Nguyễn Thượng Hiền cũng đã đóng cửa với tấm vải lớn kẻ những hàng chữ cho thấy những người tị nạn đã ra sống ở trại tạm cư Hòa Khánh. Đi bộ trên đường phố tôi thấy số xe ôm gia tăng với những chiếc xe ghé lại lề đường. Buổi chiều báo từ Sài Gòn ra trễ và những nhà sách đông người ghé lại đợi chờ những tờ báo phát hành từ chiều hôm trước tại Sài Gòn... Tôi ghé lại nhà những người quen, nơi nào cũng có những người thân từ Quảng Trị, từ Huế vào tạm trú, một vài người đã trở lại Huế, hoặc đi Sài Gòn, tôi được nghe nói về những người tị nạn đã vào Chu Lai, đã đi Long Khánh. Một gia đình trong khi chạy khỏi Quảng Trị đã bị thất tán, một nửa vào được Đà Nẵng, còn một nửa không biết đâu, những người thân đang đi tìm kiếm nhau. Đài phát thanh Đà Nẵng với mục nhấn tin đài của những người ở Quảng trị tìm tin cha, tìm mẹ, chồng con thất lạc. Có những đứa trẻ tám chín tuổi bị lạc gia đình trên đường chạy giặc. Theo dõi mục nhấn tin tôi thấy nỗi tan hoang đối với hơn ba trăm ngàn dân chúng vùng giới tuyến.

Trại tạm cư lớn nhất ở Đà Nẵng dành cho Quảng Trị nằm ở Hòa Khánh, một quận ở ngoài thị xã, nằm phía nam đèo Hải Vân, ngay ven quốc lộ Một. Tôi ngạc nhiên khi vừa từ thị xã tới đây lúc đứng trước một ngã ba đường có tấm bảng lớn sơn xanh, kẻ chữ trắng hàng chữ: QUẬN GIO LINH. Quận Gio Linh, tôi nói với người bạn: quận Gio Linh ở Đà Nẵng! Tôi nhớ tới nơi tôi đã từng ghé lại trong những năm trước trên đường công tác. Ngày ấy tôi theo quốc lộ Một vượt Đông Hà ra tới đồn A2 nằm ngoài cùng giáp với vùng phi quân sự sau khi quân đội ta đã bỏ chân cầu Hiền Lương trở vào trấn đóng phía trong gần với quận Gio Linh. Trên con đường đầy những bom đạn tôi chỉ thấy những cánh đồng hoang vu không bóng người, dân chúng đã phải rời làng mạc trở vào sống trong khu định cư Hà Thành, còn lại chẳng một số thôn ấp nhỏ bé nằm ở giữa quốc lộ với bờ biển, còn lại phía Tây quốc lộ thì coi như bình địa với vùng oanh kích tự do. Nay Gio Linh chỉ còn là tên gọi của một vùng đất. Hai tiếng Gio Linh đã đi theo dân chúng vào Đà Nẵng. Bỏ quốc lộ đi sâu vào gần bờ biển, nơi đây có hàng trăm lều vải mới được dựng lên cho dân chúng tạm trú. Người trưởng trại ngày nay là ông quận trưởng của vùng đất cũ. Vị thiếu tá này người nhỏ bé trong bộ đồ đen nói cho tôi biết qua tình hình dân chúng, ông không thể đoán chắc về số dân chúng tại Gio Linh đã ra đi, vì hiện dân chúng không những chỉ sống tại Đà Nẵng, họ còn vào Chu Lai và nhiều nơi khác nữa, con số phỏng chừng khoảng 28 ngàn người ra đi so với dân hơn ba chục ngàn người. Ông kể lại cho tôi nghe những ngày kinh hoàng ở Quảng Trị khi đoàn người rời khỏi nơi đây để vào Huế: cả đoàn xe bị mìn và pháo kích, nhiều người bị thương phải nằm lại với tiếng kêu la thảm thiết...

- Ông thấy dân chúng có muốn đi vào lập nghiệp ở trong Nam không?

-Phần lớn dân chúng không muốn đi, họ mong trở lại Gio Linh.

Khi tôi từ trong lều đi ra thì có một người đàn ông giữ tôi lại và hỏi tôi có phải nhà báo không? Tôi nói không phải. Ông ta nói điều muốn nhờ. Tôi nói cho tôi biết. Sau đó ông ta giới thiệu là một người thuộc làng Gia Hải, một làng phần lớn sống bằng nghề chài lưới tại Cửa Việt, tôi ngạc nhiên khi biết dân chúng tại làng này đã cùng nhau xuống thuyền đi về phía Nam bằng những chiếc thuyền đánh cá nhỏ bé của họ. Điều mà người này muốn nhờ tôi là: tranh đấu cho

họ được ở lại Đà Nẵng sinh sống, họ chỉ cần giúp đỡ lương thực một tháng đù rồi sẽ tự túc bằng nghề đánh cá của mình. Sau đó ông ta cho tôi thấy, dân chúng tại Gia Hải đưa được vào Đà Nẵng 150 chiếc thuyền, chuyển ra đi của họ hết sức gian khổ, trước hết khi ra khỏi cửa Việt họ đã bị cộng quân ngăn cản, súng đã nổ vào đoàn thuyền, một số dân chúng đã không ra đi được vì những làn đạn này, nhiều người đã bị thương và chết trong chuyến ra đi, trước hết họ tới được cửa Thuận An. Sau đó tới Thuận An vào trong bãi biển Đa Phước. Khi tôi nói tới chuyện đi vào miền Nam ông ta nói chính phủ có thể mang được người đi nhưng còn thuyền bè của chúng tôi thì sao, chúng tôi sống bằng nghề biển như vậy làm sao để thích ứng với nghề nông trong khu vực khai hoang? Chung quanh tôi mỗi lúc một đông người, mỗi người góp một câu chuyện, ai cũng trông được sống ở Đà Nẵng và chờ ngày trở lại quê hương của họ, tôi cũng đã được nghe câu chuyện thương tâm của một người mẹ kể lại cái chết của con mình trên chuyến đi Nam, đứa con của bà đã chết trên chiếc thuyền của gia đình trong khi vượt biển vào cửa Thuận. Tôi mừng tượng thấy cảnh tượng bi hùng của chuyến ra đi, cảnh tượng giống như những người dân miền Bắc trong vụ Trà Lý, những người đã chọn để được sống tự do hoặc là chết... Gần hai mươi năm sau, cảnh tượng đó lại tái diễn một lần nữa.

Câu hỏi mà tôi hỏi đi hỏi lại nhiều lần với những người đã gặp là: tại sao không nghĩ tới việc vào các vùng đất an ninh, phì nhiêu ở Nam lập nghiệp? Tất cả đều nói: chúng tôi chờ đợi trở về. Trở về, họ như gắn liền với đất đai khô khan cực nhọc, họ không muốn rời khỏi quê hương nơi có những mái tranh nghèo, những mồ mã tổ tiên, nơi họ đã sinh lớn lên trong nhọc nhằn. Trước đây, ngay từ thời Đế nhất Cộng hòa, công việc di dân lập ấp được đặt ra, dân chúng tỵ đây cũng đã từ khước ra đi, ngày nay họ vẫn không thay đổi ý muốn đó. Chừng như quê hương càng đau khổ, đời sống càng nhọc nhằn người dân càng gắn bó keo sơn với nó. Vùng Gia Định, Gia Hải... những vùng cát trắng khô khan kia vẫn còn lại những gì mà người dân thấy không thể bỏ nó mà ra đi được cho dù họ biết chắc rằng ra đi họ sẽ có một nơi sung sướng hơn, đầy đủ hơn.

Những gia đình với hành lý nghèo nàn người dân ở trong trại tạm cư chia nhau những diện tích nhỏ hẹp để sống, những trẻ con vẫn nô rôn trên bãi cát, những bà mẹ vẫn nhẫn nại nhóm những bếp lửa nhỏ lo bữa ăn đạm bạc hàng ngày. Tôi thấy chiếc áo màu của một sinh viên ra đây lo cứu trợ như lạc lõng với khung cảnh.

\*

Trại tạm cư Hòa Khánh lớn lao hơn nhiều trại tạm cư dành cho người thuộc quận Gio Linh. Nơi đây bao gồm dân chúng thuộc nhiều quận, phần lớn họ được sống trong những ngôi nhà tôn của một trại binh Mỹ. Những con đường trong trại tráng nhựa phẳng lì còn tốt nguyên vẹn, nhưng những ngôi nhà thì phần lớn đã hư vì thời gian, nhiều vách gỗ đã bị gõ, những bao cát phần lớn đã mục khiến cho khung cảnh có vẻ điêu tàn. Ngay trong những ngả tư đã có những hàng quán giải khát, dân chúng như đã thấy bắt tay ngay vào việc tìm sống. Nhiều người lo đi tìm kiếm những người quen, người ra kể vào tấp nập. Đại tá Hòa, người tôi gặp lúc ông cầm đầu một phái đoàn, là vị tỉnh trưởng Quảng Trị. Ông mới về làm tỉnh trưởng được ba tháng, nay ông đã ở Đà Nẵng với những người tị nạn. Trông ông thấy phẳng phát một vẻ buồn. Dân số Quảng Trị có hơn ba trăm ngàn, con số còn bị kẹt lại khoảng 50 ngàn, tôi thấy số dân chúng ra đi thật lớn lao và thực sự là đau đầu với chính người cộng sản khi tới chiếm Quảng Trị. Họ phải nói thế nào với quốc tế và điều họ vẫn nói: dân chúng ủng hộ họ và về chiêu bài giải phóng vẫn không ngớt được nói đến. Không, dân chúng đã ra đi khi bom đạn và người cộng sản đến. Không có dân, đất đai còn có nghĩa gì nữa?

\*

Người thanh niên ấy có nước da ngăm đen, vẻ ngờ ngác trên mắt nhìn, gò má cao, cằm vuông anh hơi chút mỉm cười ngậm ngùi khi tôi hỏi anh về chuyến hành trình đã trải qua. Anh lặng đi rất lâu, giọng anh trầm xuống, có lúc tôi chỉ thấy môi anh mấp máy và như tiếng nói biến mất: trước heat chúng tôi về Quảng Trị, thực chúng tôi không nghĩ có lúc sẽ ở đây, nếu biết vậy chúng tôi đã đi thẳng tới đây, chúng tôi không ai nghĩ thế cả, nhưng rồi chúng tôi phải đi khỏi Quảng Trị, ngày đó là ngày mấy nhỉ, không rõ là 28 hay 29 gì đó, mà chừng như..., phải rồi,

pháo kích, rồi mìn anh ạ, rồi cả một cuộc giao tranh nữa, những chiếc xe nổ tung, những thân người văng leon, tan tác những tiếng kêu khóc thảm thiết, mạnh ai nấy chạy, không còn ai nghĩ tới chuyện cứu ai nữa... Chúng tôi chạy, chỉ biết chạy thế thôi... với hai bàn chân chúng tôi tiếp tục đi, trước hết là Huế, sau tiếp tục đi nữa, không, anh không thể hiểu được nếu anh không cùng chúng tôi trong chuyến ra đi ấy, chúng tôi có cảm tưởng như ngay sau chân chúng tôi cộng sẵn bên gót. Chúng tôi như tranh nhau lấn bước về phía trước, người ta có phương tiện để đi, chúng tôi thì không, quốc lộ như thế mà bốn hàng xe chạy thì anh thử hỏi làm sao chúng tôi len chân, và trên dọc đường ấy người ta như đứng lại với nhau, không còn trật tự nữa, thỉnh thoảng súng lại nổ và người nháo nhác... Tôi đã thấy ngay trước mắt tôi chiếc xe lật xuống đèo và những người chết, tôi đã thấy những bà mẹ kêu gào tìm đứa con thất lạc... Tôi không hiểu tại sao sự việc lại xảy ra như thế, bây giờ nhìn lại tôi càng thấy vô lý, bọn nó chưa tới được vòng đai mà sao mình đã bỏ lại hết để chạy... Tôi lạc mất một người em gái, cho đến hôm nay tôi vẫn không hiểu nó còn sống hay đã chết phơi xác dọc theo quốc lộ...

Người thanh niên lặng đi, đôi mắt nhìn xuống trừng trừng tối. Tôi không còn biết có lời nào để nói với anh. Tôi nhớ lời anh Cường kể lại chuyến đi của chính anh, thực anh chưa muốn đi nhưng sau nhìn lại thấy mọi người đi hết thì anh sợ, người anh nghĩ chưa đi là anh Du thì anh đã thấy lên trực thăng đi rồi, cuối cùng anh phải đi chiếc xe cũ đưa anh lên đèo nhích từng chút, có lúc xe không đứng lại được mà tụt xuống, đi từ sáng cho mãi tới 9 giờ tối mới vào tới Đà Nẵng, trên đường anh đã thấy những người lính nổ súng bắt xe cho họ lên, anh đã thấy một bà cụ già ngồi trên một tấm gỗ có gắn bánh xe tay bám lấy chiếc dây thong buộc vào chiếc xe đạp của người con đạp phía trước... Mừng tượng tới cảnh ra đi, quãng đường Quảng Trị-Huế-Đà Nẵng trở thành một cuộc trường chinh cho người dân Trị Thiên, tôi nghĩ nếu con đường đèo bị cắt, hay một cuộc phục kích xảy ra thì họ sẽ ra sao?

\*

Trời mưa nhỏ hạt suốt đêm, sáng hôm sau trời vẫn thấp mây, tôi mang theo hành lý để tới Huế như dự định, trước khi đi tôi ghé lại thăm anh Lam, tôi nghĩ anh nắm được nhiều dữ kiện về những sự việc đã xảy ra. Tôi thấy anh hết sức bình tĩnh và nói với tôi về công việc anh đang làm, giúp vào công việc đưa dân chúng Quảng Trị vào miền Nam theo chương trình di dân khẩn hoang của chính phủ, anh cho thấy dân chúng không muốn đi riêng, họ muốn đi cả quận, cả làng. Anh cũng nói tới hoạt động của các đảng phái một cách lạc quan. Khi hỏi anh: ai ra lệnh rút khỏi Quảng Trị, anh nói không phải Tướng Lãm ra lệnh. Anh cười khi đặt với tôi một vài vấn đề sau khi rút khỏi phần đất này, việc oanh tạc Bắc Việt, việc thả thủy lôi xuống các cửa biển và sông ngòi miền Bắc...

Tôi ra bến xe, trời mưa nhỏ, tôi chờ cho những chuyến xe từ Huế vào tới nơi thì leo xe trở ra. Tôi thường theo cách đó để có thể yên tâm lên đường mỗi khi ra đây công tác. Chuyến xe quen thuộc màu đen với mười chỗ ngồi, số người trở ra Huế chờ đợi từng chuyến xe đến và trong chốc lát lên đường trở ra. Đường ra khỏi thị xã xe cộ đủ loại nối đuôi nhau, có hàng trăm xe vận tải đưa đạn vượt qua đèo. Trước khi tới cầu Nam Ô xe bị đọng lại với sự chờ đợi oi bức, xe nhích từng khoảng ngắn. Khi ngang qua tôi thấy dòng sông rộng. Cây cầu xi măng bị hư một nhịp đang được sửa chữa và hiện có một cầu tạm bắc lên cho xe cộ lưu thông. Cầu Nam Ô là cây cầu xe lộ độc nhất được hãng thầu Mỹ làm cho suốt dọc quốc lộ từ Đà Nẵng tới Huế, cầu Lăng Cô là cầu cù được sửa lại, còn hầu hết những cây cầu khác được làm bằng gỗ ở đây đã bị phá sập, những chiến sĩ công binh đang lo đắp một con đường vòng và sửa lại cây cầu.

Chiếc xe tôi đi chạy hơi ra ngoài bị chặn lại, như một hình phạt không được qua, người tài xế bứt đầu bứt tai nhìn những chiếc xe chạy sau vượt lên phía trước, tôi thấy nhiều xe chờ hàng không có mui chở đầy người, đó là những gia đình ở Huế trở lại nhà, họ mang những hành lý. Có những chiếc xe có mui thì người ngồi cả trên mui cao, trên quãng đường này tôi cũng thấy nhiều xe chạy đường xuyên Việt, từ Quảng Trị tới Sài Gòn, nhưng vì biến cố trong những ngày qua đã khiến cho những chuyến xe này không thể trở lại Sài Gòn được. Những chuyến xe sẽ thương nhớ đường dài... Mưa vẫn đổ mau hạt trong khi xe qua đèo, con đường rộng, nhựa phẳng trở thành nguy hiểm, tôi nghĩ tới những ngày tháng trước khi đoàn người tỵ nạn phải

ngang qua đây. Một trăm cây số của đường dài những lo âu chất ngất và nỗi kinh hoàng nhìn về ngày mai... Vùng biển Lăng Cô làm tôi nhớ lại mộng ước được về sống trong một xóm dân chài của Ninh Hòa, hai tiếng Hòn Khói vẫn còn ghi nhớ với những cồn cát trắng như tuyết và những ngọn dương cao cùng với biển xanh bao la phía trước... Quê hương ta những vùng đất hứa có thạt vẫn còn đó nhưng chừng như lúc nào cũng ở ngoài tầm tay với...

Cầu Phú Lưu bị sập nhưng vẫn di chuyển một chiều, khoảng đường từ phía chân đèo trở lại Huế tôi thấy nhiều binh sĩ thuộc Sư đoàn 3, họ có mặt nơi những chiếc cầu còn lại. Trên một thành cầu sắt của đường xe lửa tôi nhìn thấy hàng chữ: bảo vệ cây cầu tới giọt máu cuối cùng. Tôi buồn rầu nghĩ tới những cây cầu đã gãy. Tôi nghĩ tới những cây cầu gỗ trên quốc lộ 9 nối Đông Hà tới biên giới và trên quốc lộ 1 Gio Linh tới Đà Nẵng.

Năm 1968, khi tôi theo quốc lộ 9 lên Cam Lộ, nơi có trên 6 ngàn dân chúng quận Hướng Hóa từ trong núi về tị nạn, trong số này phần lớn là sắc tộc Bru. Bấy giờ trận chiến ác liệt ở Khê Sanh, trong khi xe ủi đất Mỹ làm việc không ngừng, họ mở rộng đường trải đá, trải nhựa và làm cầu. Tôi tự hỏi như vậy có phải con đường sẽ được dùng để sang Lào không? Năm 1970 trở lại, cả vùng đã hết lính Mỹ, chúng tôi dùng xe díp chạy từ Quảng Trị lên Cam Lộ uống cà phê và nói chuyện hòa bình, ngày lên xin đất mở đồn điền trên Khe Sanh... Tôi nghĩ tới những cây cầu và hỏi: những cây cầu bằng gỗ này chịu đựng được bao nhiêu năm? Tại sao không phải là cầu xi măng? Không ai trả lời. Và tôi cũng đã hỏi: sao Mỹ làm con đường này tốt vậy mà không dùng? Và câu trả lời mãi tới khi có cuộc hành quân sang hạ Lào tôi mới thấy, mỗi ngày hàng trăm xe đạn được theo đó mà tới Khê Sanh. Nói tiếp về những cây cầu tôi cũng thấy từ Gio Linh vào Huế chỉ mới có một cây cầu mới đúc, còn hầu hết là cầu gỗ. Và bây giờ tôi lập lại câu hỏi: những cây cầu chưa bị phá sẽ còn chịu đựng được bao nhiêu lâu?

\*

Phú Lộc, La Sơn, Phú Bài, Phú Lương, Dạ Lê, An Cựu... và cầu Trường Tiền. Huế vẫn còn đó, một sinh hoạt lặng lẽ, nhiều căn nhà cửa đóng nhưng có toán công nhân sửa đường vẫn làm việc, những người thợ nề vẫn tiếp tục chát vôi nơi bệnh viện trung ương đang xây cất... Hoa phượng đỏ như máu trên những con đường hai bên bờ sông, trong Thành nội, ghe thuyền đầy trong lòng sông nhà bè và vùng Bao Vinh không khí như thưở thanh bình, tôi nghe thấy một không khí chìm chìm nhưng đầy đe dọa. Tôi tìm gặp lại những người bạn cũ, gần hết đã ra đi. Anh Tấn bây giờ nuôi râu dài như một đạo sĩ, anh Du như già hơn mấy tuổi, anh nói lại một ngày từ sở làm ra đường tìm xe về nhà, phở vắng tanh, không một chuyến xe khiến anh ngao ngán thấy mình như con chó hoang, và mắt anh như rưng rưng khi kể lại chuyện bay đưa anh khỏi Thành nội trong không khí nháo nhác tan vỡ. Bây giờ thì anh đã trở về một mình sống như mình muốn sống. Thực nói: ở lại với ý nghĩ ngông cuồng làm kẻ tuần đạo... Liệu có mất Huế không?

Cộng sản có đánh Huế không? Tại sao Huế không bị pháo kích? Những câu hỏi đặt ra mà không ai dám trả lời khẳng định, ai cũng có ý kiến nhưng sao đó là cái mỉm cười ngụ ý... Thành phố đầy những lính, đủ màu áo, hình như không thiếu một binh chủng nào, ít hoặc nhiều họ đều có mặt. Tôi gặp lại những người bạn trong quân đội những ngày cũ. Những hàn huyên không hết về kẻ sống người chết, những người ở An Hậu, những ngày ở Phú Thứ, những ngày trong Dãy Phố Buồn Hiu, những ngày ở Khê Sanh, những ngày rong chơi yên bình trong những làng xóm ở Triệu Phong nói chuyện về những nàng cung phi sinh trưởng ở Sài, và về đẹp tây phương của những cô gái ở Mỹ Chánh, dòng sông mà người bạn tôi nói nửa đục nửa xanh, nơi những thuyền bè tay phương từ thế kỷ trước đã vào đó...

Trên máy bay nhìn xuống quốc lộ 1 chỉ thấy một dòng xuôi về Nam hỗn độn...

\*

Buổi chiều mưa thật lớn, người bạn nói với tôi cơn bão đang tiến tới. Một người bạn nói với tôi về Huế: đất gì lạ, một năm ở đây thì có ba tháng để tranh đấu, ba tháng để chịu tai ương, ba tháng để cứu trợ, còn ba tháng để làm thơ. Điều người bạn nói thực đúng với thời gian 10 năm trở lại đây, Huế đầy những tai ương và đau khổ, cơn ác mộng Mậu Thân với hàng ngàn người

bị chôn sống vẫn còn ám ảnh tôi những người sống sót, đó là một trong những điều giải thích vì sao họ đã lũ lượt kéo nhau ra khỏi Huế dù thực sự chiến tranh chưa đến.

Tôi theo xe người bạn ra khỏi Huế, hiện đang có những cuộc chuyển quân vào phía Tây và phía Bắc, những chiến sĩ Thủy Quân Lục Chiến đã đột kích ba lần vào vùng đất Quảng Trị, nhưng sông Mỹ Chánh vẫn là chiến tuyến. Quốc lộ 1 chạy về phía Bắc vắng hoe, chỉ có những xe nhà binh di chuyển với vận tốc nhanh hơn thường ngày, những cánh đồng ở Hương Điền vẫn có bóng người nông phu, thiên nhiên vẫn như một ngày thanh bình cũ. Trong phòng tuyến, tôi hỏi một anh bạn: bao giờ qua bên kia? Người bạn cười, định qua rồi nhưng mưa nên ngừng. Sao vậy? Hết mùi thối rồi... Tôi không hiểu. Người bạn nói: Mấy hôm trời nắng, gió Nam thổi hôi quá chịu không nổi tính hành quân để chôn xác chết của mấy trận, nhưng mưa rồi nên đỡ. Tôi rùng người và thấy như đầy mùi tử khí. Tôi mừng tượng tới khoảng đường còn lại để tới Quảng Trị, những làng mạc và đồng ruộng ngày nay còn ngổn ngang những xác người đã nằm xuống trong những ngày trước, nắng lửa làm cho những tử thi trương lên và bây giờ những cơn mưa làm cho tan rã... Đêm lại cơn mưa lớn. Tôi cùng người bạn ngồi trong quán cà phê, chút rượu khiến cho chúng tôi ngây ngất. Trên chiếc xe nhỏ chúng tôi đi trên những con đường vắng không có bóng người, chỉ có những tàn cây và bóng tối, thỉnh thoảng mới gặp những người lính ướt nước. Tường thành lấm lỉ, những bãi cỏ tranh cao với bông trắng, tất cả như thảm thì một tâm sự. Không khí lặng như một cõi chết nào. Thiên nhiên kia còn nghĩa gì khi không còn những mắt nhìn chan chứa, không còn nhịp tim rộn ràng? Tôi như nghe thấy tiếng thờ dài của những cánh sen hồng về nỗi tàn tạ. Mùa hè đã đến rồi đấy nhưng như đã mất vì không có tiếng guốc khuya trên cầu, hoa phượng đã nở đỏ nhưng không còn là màu của nắng lửa, nó trở thành những vũng máu đọng chờ khô của một cái chết. Người bạn nói: Tôi ở lại đây và tôi chờ ngày vào Quảng Trị.

Tôi nhìn người bạn.

## Dương Nghiễm Mậu, con người nội soi trong bạo lực chiến tranh và thân phận nhược tiểu Thụy Khuê

### Tiểu sử Dương Nghiễm Mậu:

Dương Nghiễm Mậu tên thật là Phí Ích Nghiễm, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1936 tại quê nội làng Mậu Hòa (quê ngoại làng Dương Liễu), huyện Đan Phượng, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông. Từ 12 đến 18 tuổi sống ở Hà Nội. Học tiểu học ở trường Hàng Than, trung học, Chu Văn An, viết đoản văn, tùy bút cho báo trường và các báo có phụ trang văn nghệ học sinh. 1954 di cư vào Nam với gia đình, năm đầu ở Huế, năm sau ra Nha Trang, hè 1957 vào sống hẳn Sài Gòn.

Từ 1957 trở đi viết nhiều: tạp văn, tùy bút, đoản văn, truyện ngắn, truyện dài. Tiểu thuyết đầu tay *Đầy tuổi tôi* đăng trên tạp chí Văn Nghệ từ số 2, tháng 3/1961 (sau in thành sách đổi tên là *Tuổi nước độc*, Văn, 1966), truyện ngắn *Cũng đành* in lần đầu trên báo Tân Phong của Trương Bảo Sơn; truyện ngắn *Rượu chưa đủ*, trên Sáng Tạo (bộ cũ, số 28-29 tháng 1-2/1959) đã xác định phong cách văn chương Dương Nghiễm Mậu. Từ 1962, làm tạp chí Văn Nghệ với Lý Hoàng Phong, đồng thời viết cho Sáng Tạo, Thế Kỷ 20, Tin Sáng, Văn, Văn Học, Bách Khoa, Giao Điểm, Chính Văn, Giữ Thơm Quê Mẹ, Sóng Thần... Tập truyện ngắn đầu tay *Cũng đành* do tạp chí Văn Nghệ xuất bản năm 1963. Truyện dài *Gia tài người mẹ* (Văn Nghệ, 1964), được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc (miền Nam), 1966.



1966 nhập ngũ. Từ 1967 làm phóng viên quân đội đến 30/4/1975. Lập gia đình năm 1971, với Hồ Thị Ngọc Trang, giảng viên Anh ngữ. Sau 30/4/1975 bị bắt giam. 1977 được tạm tha. Từ 1977, học nghề sơn mài và sống bằng nghề này tại Sài Gòn.

### **Tác phẩm đã in:**

Truyện ngắn: *Cũng đành* (Tạp chí Văn Nghệ, Sài Gòn, 1963), *Đêm* (Giao Điểm, 1965), *Đôi mắt trên trời* (Giao Điểm, 1966), *Sợi tóc tìm thấy* (Những tác phẩm hay, 1966), *Nhan sắc* (An Tiêm, 1966), *Kính cầu nguyện* (Văn Xã, 1967), *Ngã đạn* (Tân Văn, 1970), *Cái chết của...* (Văn Xã, Sài Gòn, 71; An Tiêm, tái bản, Paris, 2001)...

Truyện dài: *Gia tài người mẹ* (Tạp chí Văn Nghệ, 1964), *Đêm tóc rối* (Thời Mới, 1965), *Tuổi nước đục* (Văn, 1966), *Phấn đấu* (Văn, 1966), *Ngày lạ mặt* (Giao Điểm, 1967), *Gào thét* (Văn Uyển, 1969), *Con sâu* (Sống Mới, Hoa Kỳ, không đề năm)...

Những tác phẩm khác: *Địa ngục có thật* (bút ký, Văn Xã, 1969), *Quê người* (Văn Xã, 1970), *Trong hoang vu*, *Tên bất lực*, *Kẻ sống đã chết*, v.v...

### **Bối cảnh ra đời của *Mậu truyện***

Hơn bốn mươi năm sau khi xuất hiện, Dương Nghiễm Mậu vẫn còn là nhà văn *avant-garde* đối với văn học Việt Nam bởi những suy tưởng và cách đặt vấn đề của ông vẫn còn nguyên những máu chót bí mật, nhiều truyện ngắn với lối cấu trúc rất lạ, chưa ra khỏi vòng trăn trở tìm tòi của người viết hôm nay. Mỗi nhân vật của Dương Nghiễm Mậu là một trường hợp tự phân, tự hủy, *bị kết án chung thân phải sống*, họ thuộc thế giới những thân phận lầm lỗi đau, âm thầm chết, thui chột, khô khóc một mình, không kẻ đoái hoài, không phương điều trị.

Với Dương Nghiễm Mậu, những bi đát trong cuộc *hiện sinh* này không chỉ là những vết thương "nhìn thấy" như cảnh cường hào đàn áp nông dân trong *Tất đên Ngô Tất Tố*, như xã hội trộm cắp sa đọa trong *Bỉ vỏ* Nguyên Hồng... mà còn là những vết thương không nhìn thấy trong con người. Nhưng những "nội-tâm-thương" ở Dương đã khác nhiều với vết thương nội tâm trong văn học tiền chiến, nó "trẻ" hơn, dữ dội hơn, có những đòi hỏi phức tạp hơn, mang tính bản thể hơn là tâm lý, và khác biệt hẳn những ngòi bút phân tích Khải Hưng, Nhất Linh...

Mai Thảo tinh vi nhận xét: "... *Dương Nghiễm Mậu* bao giờ cũng đến với tôi bằng khuôn mặt đó. *Khuôn mặt một người nhắm cả hai mắt lại, cho cái nhìn trở thành cái nhìn bên trong, cái nhìn tâm hồn, và nụ cười tím tím hóm hỉnh là chân dung Mậu ở tấm hình chân dung ngộ nghĩnh của Trần Cao Lĩnh.*" (Mai Thảo, *Con đường Dương Nghiễm Mậu*, trong cuốn *Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam*, Văn Khoa 1985, trang 89). Mai Thảo đã nhận ra nét riêng tư nhất của Dương: *một con người nhìn vào mình, nội soi mình*, đó cũng là *tính chất chủ yếu của văn chương Dương Nghiễm Mậu*, và là điểm đầu tiên gần gũi với triết học hiện sinh.

Ở Dương Nghiễm Mậu, trong những tác phẩm hay, nhân vật không khởi đi từ một thứ bản chất có sẵn, mà tự xây dựng nên cá tính của mình qua phản ứng trước mọi tình huống. Tâm lý ít khi "bị" phân tích, hoặc tránh bị phân tích, cũng chẳng thể hiện qua hành động mà tâm lý là hành động, tâm lý *nằm trong* hành động. Con người có đó, *trơ ra, hiện hữu. Sự hiện hữu có trước bản chất* là điểm thứ nhì tương quan với triết học hiện sinh.

Với Dương, những khổ đau không còn thuần túy tinh thần nữa mà nó đã truyền sang thể xác, một sự giao thoa vật chất - tinh thần mà nhân vật *nhận thức* được. Sự *nhận thức* là nét đặc thù thứ ba đến từ ảnh hưởng triết học hiện sinh.

Điểm đặc biệt thứ tư trong Dương Nghiễm Mậu là truyện không còn "tác giả" và "nhân vật" theo nghĩa truyền thống: nhà văn chối bỏ quyền thượng đế tối cao tạo nặn ra nhân vật, bắt khoan bắt nhặt như trong hệ thống dựng truyện cổ điển. Ở đây nhà văn chỉ có phận sự "ghi chép" những gì đã và đang xảy ra; chữ *tôi* không thuộc quyền sở hữu duy nhất của nhân vật chính, mà *mỗi nhân vật trong truyện đều có quyền xưng tôi như thể họ là "tác giả" của chính mình, tự xác định cái tôi hiện hữu của mình qua hành động*. Nét đặc thù thứ tư này phát xuất từ ảnh hưởng giao thoa giữa triết học hiện sinh và tiểu thuyết mới, tạo ra cách viết "đa âm" với những cái tôi biệt lập như trong *Gia tài người mẹ*: không có "cốt truyện" về gia đình mà mỗi nhân vật trong truyện, mỗi người con, đều có quyền đưa ra một thoại khác về sự xâu xé trong gia đình. Trong *Đêm tóc rối*, kể xưng tôi, nhân vật chính, Lễ, một kẻ mất định hướng (desaxé), không tin bất cứ gì: tình yêu, nhân nghĩa, đạo đức, hy sinh... Trong *Con sâu*, cũng không có cốt truyện về chiến tranh, mà năm nhân vật chính đều xưng tôi, đều là lính hoặc bạn lính, đều độc thoại nội tâm và đưa ra những cái nhìn khác nhau về hạnh phúc, về con người, về chiến tranh, về cái chết.

Nét đặc biệt thứ năm trong tác phẩm của Dương Nghiễm Mậu: nhân vật của Dương thường không có tên, hoặc chỉ nêu tên một vài lần trong cả cuốn tiểu thuyết, và nơi chốn xảy ra mọi việc cũng không rõ ở đâu. Đó là một trong những nét đặc thù của tiểu thuyết thế kỷ hai mươi, mà phong trào tiểu thuyết mới, đặc biệt Alain Robbe-Grillet chấp nhận như một thực tại không thể chối cãi được: Sự xoá tên nhân vật, xoá sổ địa danh, nói lên tính cách *không tiêu biểu* của nhân vật, của nơi chốn xảy ra. Thời đại mà một cá nhân, một gia đình, một dòng họ, có thể *tiêu biểu* cho nếp sống toàn xã hội như thời đại Balzac đã qua rồi. Thời hiện đại, số phận nhân loại không còn đồng nhất với sự thăng trầm biến đổi của một vài cá nhân típ, gia đình típ, như lão Goriot, như họ Rougon-Macquart, như anh em nhà Karamazov... nữa. Nhân vật cũng không được khắc tạc như những mẫu người "tiền chế" của thời đại như một Tổ Tâm, một bà Ân, một Dũng, một Loan... Nhân vật, trong dòng mới của tiểu thuyết, *không có tính cách tiêu biểu* hoặc từ chối tính cách tiêu biểu cho một xã hội, một thời đại, từ chối những mẫu mực có sẵn, họ thường không có tên, hoặc nếu có cũng ít được nhắc đến, họ là những kẻ vô danh trong đời sống hàng ngày như kẻ bộ hành, người ăn mày, người bán vé xe đò... và là đối tượng của tiểu thuyết hôm nay, như K, nhân vật chính trong *Lâu đài* của Kafka, tên chỉ còn một chữ. Mấy ai còn nhớ Meursault, tên nhân vật chính trong truyện *L'Étranger-Người xa lạ* của Camus hay Roquentin, nhân vật chính trong *La naussée-Buồn nôn* của Sartre? Cũng chẳng thể nào kể được "cốt truyện" của những tiểu thuyết này, bởi chúng là cuộc đời mà cuộc đời chỉ là một chuỗi những rời rạc, chấp nối, bất ngờ, không thể có một cốt truyện liên tục, dựng theo trật tự diễn biến của thời gian.

Trong *Buồn nôn*, nhân vật chính, kể xưng tôi, Roquentin đến một bến cảng, đâu như tên là Bouville, tìm kiếm tư liệu để viết về hầu tước Rollebon, một nhân vật quý tộc nổi tiếng cuối thế kỷ XVIII. "Cốt truyện" ấy chẳng có gì để kể, và cũng không thể kể được, vì "cả truyện" có xảy ra "chuyện" gì đâu. *Buồn nôn*, viết năm 1938, về cái "không thể kể được" ấy, là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của J.P. Sartre, cũng là tác phẩm tiên phong "hướng nội", nhìn vào trong, tự ý thức về thân xác của mình: Roquentin có cảm giác bị cái gì ngăn cản, không thể lượm tờ giấy bần ở đường dù hắn rất muốn lượm. Rồi cảm giác "buồn nôn" toát ra từ bàn tay, khi hắn cầm viên sỏi. Quán cà phê làm hắn buồn nôn, mặc dù trước đó hắn rất thích không khí ồn ào của cà phê. Sự buồn nôn cứ từ từ dâng lên trong hắn cùng với ý thức về thân xác, về sự hiện hữu của mọi thứ xung quanh, từ tay thủ thư tự học đến cô bồ cũ, thậm chí đến cả cuộc đời hầu tước Rollebon, đề tài "nghiên cứu" của hắn, cũng trở thành vô nghĩa, cũng chẳng ra gì... Tất cả mọi tồn tại, kể cả tồn tại của hắn, đều nhạt, đều "thừa" (de trop). Rút cục, có lẽ chỉ còn âm nhạc -yếu tố duy nhất không hiện hữu như mọi vật mà là hiện diện của tưởng tượng- là có thể kéo hắn ra khỏi cảm

giác buồn nôn. Sự sáng tạo nghệ thuật, một cuốn tiểu thuyết chẳng hạn, may ra có thể giúp hắn chấp nhận sự tồn tại (l'existence).

Meursault trong *Người xa lạ* (1942) kể chuyện mình với một giọng thờ ơ, xa lạ, gần như lãnh đạm "sao cũng được" (ça m'est égal), từ lúc hắn được tin mẹ chết ở viện tế bần đến lúc phạm tội giết người. Trong suốt hành trình tiểu thuyết, luôn luôn Meursault lập đi lập lại "tôi không biết" (je ne sais pas) như một "bản ngã" thứ nhì. Đến nhà xác, người gác đề nghị mở quan tài cho xem mặt mẹ. Meursault từ chối, hỏi tại sao, trả lời không biết. Lang thang trên bờ biển, đánh lộn. Thành kẻ giết người. Ra toà, toà hỏi tại sao, trả lời không biết, (rồi chợt nhớ ra một chi tiết: trên bãi biển, vì nắng chói thẳng vào mắt, Meursault phải bước lên một bước để tránh ánh mặt trời, bởi cái bước "định mệnh" ấy mà gã Ả Rập tưởng hắn muốn tấn công, mới rút dao găm ra, ánh mặt trời lại dội vào dao găm làm lóa mắt, sẵn súng trong túi, hắn nhả đạn), Meursault buột miệng: Tại trời nắng! Cả tòa cười ầm. Không ai chấp nhận một lý do phi lý như vậy. Mà sự thực là thế: không có lý do nào khác ngoài cái ngẫu nhiên, phi lý của ánh mặt trời. Meursault là người phi lý. Người phi lý bị vây khốn bởi sự không hiểu, không thể giải thích được - bất khả tri và phi lý là thực chất của nhân sinh: Meursault chỉ nói lên sự thực nhưng không ai tin: hắn không biết tại sao hắn lại không muốn nhìn xác mẹ và cũng không biết tại sao mình lại rút súng bắn người. Nhưng người ta "biết cả", người ta buộc tội hắn đã chôn mẹ với "tâm địa hung thủ" (enterré sa mère avec le coeur de criminel) và người ta vẽ chân dung hắn: một kẻ giết người với những lý do rõ ràng, nhưng hoàn toàn xa lạ, không có gì dính dáng đến Meursault. Bị xử tử qua chân dung ấy, Meursault hoàn toàn xa lạ với thế giới "hợp lý" ấy. Đã không biết gì về mình, hắn lại càng không biết gì về người. Đã xa lạ với chính mình, hắn lại càng xa lạ với người. *Người xa lạ* là bi kịch của nhân sinh, một nhân sinh không biết gì về mình, lại càng không biết gì về người khác. Tất cả đều là những kẻ xa lạ. Với mình. Với người.

Tìm hiểu tác phẩm Dương Nghiễm Mậu, người ta thấy bàng bạc những yếu tố này hay yếu tố khác trong *quan niệm nội soi về mình*, *quan niệm người phi lý*, *người xa lạ*, rồi việc bỏ rơi cốt truyện, từ chối nhân vật tiêu biểu, bác bỏ danh xưng... chứng tỏ sự có mặt của hai dòng tư tưởng chủ yếu thế kỷ XX: triết học hiện sinh và tiểu thuyết mới. Tác phẩm của Dương, trong một chừng mực nào đó, đã thật sự gạt gỡ những yếu tố tư tưởng mới chi phối các sáng tác hiện đại, đánh dấu ngõ quặt của tiểu thuyết Việt Nam, *thời kỳ ly khai ảnh hưởng tiền chiến*.

Trong văn học miền Nam sau 54, chuyển hướng "ly khai" này hiện rõ trên những tác giả như Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thị Ngh., Nguyễn Sa, v.v... qua cách họ đặt vấn đề và những cấu trúc hình thức rất mới. Nói rằng chịu ảnh hưởng của tác giả này, tác phẩm kia, chưa chắc họ đã bằng lòng, Nguyễn Sa bảo: để chống lại tiểu thuyết mới (truyện không có chuyện), tôi viết *Những ngày làm việc ở chung sự vụ*, một truyện với rất nhiều chuyện. Nguyễn Sa làm mới hay chống mới, điều đó không quan trọng, điểm đáng kể là với *Những ngày làm việc ở chung sự vụ* ông đã viết được cuốn tiểu thuyết "đa âm" và là một trong những tác phẩm viết về chiến tranh và chống chiến tranh lạ lùng nhất trong khoảng hơn bốn mươi năm trở lại đây.

Vẫn trong dòng tiểu thuyết "ly khai tiền chiến" ấy người ta thấy rõ ảnh hưởng những tác giả Pháp như Sartre, Camus, Robbe-Grillet... Ảnh hưởng này, có thể đến từ nhiều mặt: trực hoặc gián tiếp qua học đường, qua sách vở, qua xã hội, hoặc phát sinh từ chính bản chất phi lý của chiến tranh. Ngoài ra, không thể chối cãi được sự đóng góp tích cực, ở đại học, của các giáo sư văn triết thời ấy, ngoài việc giảng dạy họ còn viết sách phổ biến những trào lưu tư tưởng triết học Đông Tây; và những tạp chí văn chương, những sách dịch có giá trị, tất cả đều đã ít nhiều đóng góp vào việc hội nhập người đọc và người viết với đời sống văn học thế giới và đã thúc đẩy cuộc "cách mạng văn hoá" sau năm 54 ở miền Nam. Nhờ đó, ngay từ những năm 60, chúng ta đã có một số tác phẩm mang tính chất đầy cạm bẫy và bất trắc dựa trên những suy

tường có căn bản triết học mà các tác giả avant-garde nhất hiện nay, cả trong lẫn ngoài nước, ít ai đạt được chiều sâu nội dung và sự đa dạng trong cấu trúc như lớp nhà văn ly khai tiền chiến sau 54 đã làm.

Hướng đi của Dương Nghiễm Mậu dựa trên hai ngả: *thay đổi bối cảnh và làm mới con người*. Trong thời kỳ đầu, tác phẩm của ông vẫn còn bắc cầu giữa mới và cũ, Dương tìm cách tạo một phong cách hiện thực rất gần với nghệ thuật làm phim của các điện ảnh gia tân hiện thực Ý những năm 50: vừa chính xác vừa tàn nhẫn. Ở những tác phẩm sau, Dương đã tìm ra lối đi riêng của mình: trình bày nhân vật dưới cái nhìn hiện tượng luận, tra khảo tính phi lý của con người, của thân phận nhược tiểu trong chiến tranh và hầu như mỗi truyện (ngắn) hay đều có cấu trúc, đề tài lạ, khác hẳn những gì đã viết trước và do đó tạo ra một phong cách tiểu thuyết mới rất độc đáo, rất Dương Nghiễm Mậu, xin gọi là *Mậu truyện*.

Cuộc kháng chiến chống Pháp, dưới ống kính "tân hiện thực" của Dương Nghiễm Mậu không còn những nét thơ mộng, hào hùng, chính khí như trong nhạc Phạm Duy, Văn Cao, Nguyễn Đình Thi, Đỗ Nhuận... mà đầy vết hoài nghi, loang máu, cạm bẫy và tội ác trong *Cũng đành*, *Gào thét*. Hà Nội của Dương Nghiễm Mậu cũng không còn bóng dáng tha thướt áo Lemur Cát Tường, tuyệt hẳn những lá lướt khăn chài màu Đoàn Chuẩn, mà cũng chẳng hiện thực phê phán Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng... đó là một Hà Nội đầy bất trắc, Hà Nội xuất huyết nội tâm, Hà Nội lựu đạn, Hà Nội ám sát giữa đường, Hà Nội của lê dương khủng, Hà Nội của những kẻ sống lẫn hồi bằng nghề bán máu...

Nhân vật trong *Mậu truyện* thường là người có ý thức, mang những trăn trở siêu hình với những ung nhọt, những cái bấu trong tâm, bị kết án chung thân phải sống, phải tồn tại với những ung nhọt ấy. Nếu cắt nó đi, cái bấu - với những chân rết ung thư - sẽ truyền nọc độc khắp cơ thể. Thời 60, khi phần đông các cây bút khác vẫn còn bận tâm khai thác, truy lùng những niềm đau ngoại thương do người khác gây ra, Dương Nghiễm Mậu đã nhìn cuộc hiện sinh từ bản thân con người, từ hành động, suy tư của chính mình, xuất phát những ung nhọt trong cuộc sống nội tâm và ngoại giới. Nhân vật của Mậu không có lựa chọn nào khác ngoài cái chết và cuộc sống phi lý, vô nghĩa.

### **Dương Nghiễm Mậu và thế hệ ngộ độc của lịch sử chia đôi Nam Bắc**

Tiểu thuyết *Gia tài người mẹ* trình bày cục diện một dân tộc trước những xấu xí đớn đau gây ra bởi chính những đứa con thoát thai trong lòng dân tộc ấy: Một người mẹ trước khi chết gọi tất cả các con ở xa về để trời trần và chia gia sản. Gia tài người mẹ, của Trinh, "*gia tài của mẹ để lại cho con, gia tài của mẹ là nước Việt buồn*". Gia tài người mẹ, của Mậu, không chỉ là nước Việt buồn, mà là một đất nước trống rỗng, anh em giằng xé, tranh quyền làm chủ. Trong cái gia đình thoái hóa tởm tợ ấy, mỗi người xướng lên một thoại. U già, bà mẹ, và bốn người con: Thạch, Nhược, Nhẫn, và Tuấn, mỗi nhân vật đều xưng tôi, đều kể chuyện nhà dưới cái nhìn chủ quan của mình. Người mẹ, rách nát thể xác và tâm hồn, trải hai đời chồng (cả hai đều tham gia cách mạng nhưng dưới những ngọn cờ khác nhau), với những đứa con riêng, con chung. Người chồng đầu chết trong nhà lao, người chồng thứ nhì trở về thân tàn ma dại, nghiện ngập, yếu đau, bị lính lê dương giết trước khi hãm hiếp vợ, sinh ra đứa con lai là Nhẫn. Đó là hình ảnh bầm tím, khốn cùng của mẹ Việt Nam mà người đọc có thể *mập mờ chấp vá* lại qua những mảng độc thoại nội tâm, đối thoại với người chết, trách móc, oán hờn, của mỗi nhân vật, gọi là *mập mờ chấp vá*, bởi không có một sự thật mà có nhiều sự thật khác nhau, tùy theo cách nhìn và cảm quan của mỗi người. Bên giường mẹ hấp hối, lũ con tiếp tục cãi vã, đánh lộn, thậm chí giết nhau, giành giật quyền có lý, phần thắng, quyền sở hữu ngôi nhà dột nát trống trơn không còn gì trừ hận thù và đói khổ. Cái gia tài tàn mạt ấy, còn bị cưỡng bách thông gia với những gia tài khốn khổ hơn của một loạt những dân tộc nhược tiểu khác, cũng bị đô hộ như mình, cũng phải đánh thuê, giết mướn, tạo ra những đứa con vô thừa nhận như Nhẫn: "*Tôi là*

giọt máu của một kẻ thù trong gia đình này. Kẻ thù đó là bố tôi, nhưng có thực bố tôi là kẻ thù đích danh không? Tôi nghĩ bố tôi không bao giờ lại thế. Bố tôi cũng chỉ là một nạn nhân, một kẻ đánh mướn mang bản án tù đầy chung thân không sao gỡ được với thân phận nhược tiểu ốm o gầy yếu trong thực tại nhân loại. Bố tôi còn sống hay đã chết rồi? Sống hay chết số phận những người đồng loại với bố tôi đều không thay đổi." (Gia tài người mẹ, Văn Nghệ 1964, trang 33). Nhẫn là đứa con "kết tinh từ tội ác", là giọt máu của "hận thù và tàn bạo". Người mẹ bị hãm hiếp mang nặng đẻ đau khối oan nghiệt của mình như một ung nhọt không thể chữa chạy, loại trừ. Và đứa con, càng lớn càng nhận thức được mặt trái của cái gọi là con người "tôi đi học lười thủ ngồi chỗ mình. Tụi bạn trong lớp bảo rằng tôi hôi hám lắm, một mùi hôi của mọi, mà nhiều đứa trông đẹp đẽ thật đó lại hôi hám bằng vạn tôi, chúng không muốn làm bạn với kẻ da đen (...). Tao chắc nó là dân nô lệ ở Phi Châu (...) nơi mà người ta mua bán người như súc vật" (sđd, trang 32). Nhược tiểu, đói khổ, kỳ thị, dốt nát... những căn bệnh gia truyền và cũng là những ung nhọt phé thải chạy khắp thân thể người mẹ, truyền sang thai nhi. Người mẹ vĩnh viễn sống với nỗi ung thư của mình, không có cách gì gột rửa được, nó là "một sự" chưa có tên nằm trong bụng mẹ và ngoài bụng mẹ nó trở thành thực tại nhờn tiền, là Nhẫn: "tôi là điều để các anh tôi nhớ rằng chính mẹ tôi đã bị nhục nhã, bố họ đã bị giết, kẻ giết đó chẳng phải ai xa lạ mà chính là bố tôi" (sđd, trang 34). Nhận thức được "phận mình", nhận thức được thực tại hãi hùng: sau khi mẹ chết, đối với các anh, mình chỉ trở lại là một sản phẩm kết tinh của tội ác. Nhẫn treo cổ tự tử nhưng không chết.

Như *Mẹ dũng* (*Mère courage* của Bertolt Brecht), mẹ Việt Nam gây chiến tranh và bị chiến tranh tàn phá, bị ngộ độc vi trùng hận thù do chính mẹ gây ra và các con của mẹ reo rắc, thứ vi trùng mà chúng đã tiếp nhận như một thứ "di sản dân tộc" từ trứng nước, từ bào thai, do cha mẹ chúng gieo mầm, những đứa con triền miên trong ác mộng hung thủ "Tôi đã cầm chắc một con dao nơi tay, tôi đứng lấp trong một góc tối nơi hồ hện của ma quỷ cùng tội ác, tôi chờ giết một người... Chỉ chờ khi hắn vừa bước tới là tôi túm lấy ngực, vật ngã nó xuống, cắt lấy đầu rồi tôi rạch một nhát từ cuống họng xuống dưới xương cụt, tôi phanh bụng ra, moi lấy tim... tôi chờ mãi cho tới khi có một cái bóng vừa xuất hiện ngơ ngác, tôi túm lấy, nó không cử động, kháng cự, kêu la, vùng vẫy gì hết. Tôi đâm một nhát thấu tim, khi nhìn vào mặt nó tôi mới nhận ra là tôi giết tôi..." (sđd, trang 76). Không chỉ có Dương Nghiễm Mậu nhìn thấy cơ nguyên tha hoá của dân tộc, mà Phùng Cung trong một bối cảnh khác, một chân trời khác cũng đã nhìn thấy cội nguồn tàn sát nằm trong vô thức dân tộc:

*Cờ máu rợp trời*

*Lọm gió!*

*Tiếng quốc thiều*

*Tặng âm cực đại thét gào*

*"Thề phanh thây uống máu!"*

*Ta lũng trong kho nhớ*

*Nhằm biên niên sử*

*Xin hỏi loài người*

*Có quốc thiều nào man rợ thế không*

(*Xuống đường*, tập thơ *Trắng ngực* in trong cuốn *Phùng Cung truyện và thơ*, nhà xuất bản Văn Nghệ 2003, trang 365).

Mà đã nói đến quốc thiều ngoài Bắc của Văn Cao thì cũng phải nói đến quốc thiều trong Nam của Lưu Hữu Phước:

*Thanh niên ơi! (sau đổi thành công dân ơi), mau hiến thân dưới cờ!*

Một dân tộc thì nhau gọi máu, gọi chết mà quên gọi sống. Và chết cho cái gì? Chết cho lá cờ!

Hai lá cờ khác nhau! Hai mảnh vải khác nhau! Hai hình vẽ khác nhau! Phi lý. Bên nọ hò hét đòi

phanh cây bên kia vì không hát chung một bài quốc thiều, vì không chào chung một lá cờ!  
Nhưng những người làm cờ, làm quốc thiều đôi khi lại phát xuất từ cùng một phía!

Phi lý, vô nghĩa và không lối thoát, mẹ Việt Nam bắt lực nhìn từng mảnh thân mình tự xé bưng như căn nhà mục nát mà các con bà đang cào cấu, cướp lấy mỗi người một mảnh để tranh thủ phần thắng về mình, phần có lý về mình. Người mẹ thiếp đi trong không gian tăm tối, mấy đứa con không nhìn thấy mặt nhau. Ngoài kia, một đoàn người lạ mặt đang chờ đợi để xông vào nhà...

Đặt các nhân vật trước bờ vực lựa chọn, rồi họ sẽ chọn gì, sẽ đi về đâu? Không thể biết, Dương không cho *Gia tài người mẹ* là một cuốn tiểu thuyết, ông bảo: "*tôi mượn một thứ hình thức để viết ra những điều cần phải viết*" (Thay lời bạt). Chúng ta có thể xem đây là một loại tiểu luận tiểu thuyết, thể văn khá thịnh trong nửa sau thế kỷ XX. Tác phẩm, dù đoạt giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc (của miền Nam) cũng chưa thật sự thành công vì nhiều chỗ có những gượng ép luận đề. Nhưng đặc điểm ở đây là Dương đã thử nhìn lại lịch sử với nhãn quan cực thực, không nhân nhượng. Dương đã viết về thực tại đất nước một cách tàn nhẫn, xoá những huyền thoại, những lý tưởng điều ngoa, những xưng tụng gian dối.

Nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn đã nói lên được niềm đau chiến tranh, kêu gọi người Việt "*ngồi lại với nhau, gần kề nhau hơn*", với ước mong hoà bình, thống nhất Nam Bắc, nối vòng tay lớn, nhưng họ Trịnh vẫn chỉ mới nghiêng xuống niềm đau riêng của người Việt da vàng. Tác phẩm của Dương đã thoát khỏi màu da, bởi niềm đau không có màu sắc, xác chết không phân biệt màu da. Tác phẩm của Dương bao trùm lên tất cả những niềm đau chiến tranh của mọi dân tộc. Những niềm đau ấy phát xuất tự chính bản thân con người, bản thân mỗi dân tộc. Dương không than vãn, kêu oan, đổ tội cho đế quốc xâm lăng mà nhận trách nhiệm của chính mình, của dân tộc mình. Và chỉ khi nào một dân tộc có khả năng nhận ra "tội trạng" của mình, không đổ lỗi cho người khác, dân tộc đó mới có khả năng trưởng thành, tự lập để xây dựng tương lai.

*Gia tài người mẹ* chỉ là những nét sơ phác, về sau, ông trình bày những tình huống, những trường hợp sống phức tạp, đa nghĩa và đớng đau hơn, tạo nên bức dư đồ rách của thực tại Việt Nam. Một Việt Nam không có gì đáng tự hào, một Việt Nam không có khả năng tự phán, một Việt Nam không có khả năng tự giải quyết vấn đề nội bộ của mình, luôn luôn đổ vạ, khi thì tại giặc Tây, khi thì tại giặc Tàu, khi thì tại giặc Mỹ, mà không biết là giặc, là "con rệp" nằm ngay trong máu mình, nằm ngay trong ý thức vọng ngoại, thích tha người ngoài về tổ, dễ bị mê hoặc bởi những ý thức hệ ngoại bang, tự tạo chiến tranh trên đất nước, rồi tìm tất cả những lý lẽ để biện minh cho tội ác của chính mình bằng mớ ngụy ngôn từ. Những sa đọa tàn mạt trong cuộc chiến gia đình với sự trợ lực của người ngoài ấy, đã được soi từ hồng tâm mỗi nhân vật.

### **Tuổi nước độc**

Nếu *Gia tài người mẹ* nhắm vào cục diện dân tộc thì *Tuổi nước độc* khảo sát trường hợp cá nhân. *Tuổi nước độc*, tác phẩm đầu tay của một nhà văn trẻ, văn viết có nhiều chữ thừa, vụng, các dữ kiện đưa ra có chỗ hơi thái quá, nhưng vẫn có thể xem là một trong những tác phẩm chủ yếu của Dương mà sau này những tiểu thuyết khác như *Gia tài người mẹ*, *Đêm tóc rối*, *Gào thét*, *Con sâu...* tiếp nối nối viết đã mở ra với *Tuổi nước độc*.

Truyện đăng lần đầu trên tạp chí Văn Nghệ tại Sài Gòn dưới tựa *Đầy tuổi tôi*, khi in thành sách năm 1966, đổi tên là *Tuổi nước độc*.

Nước độc là tuổi tôi mà cũng là tuổi anh, tuổi chúng ta, tuổi vị thành niên, tuổi đang thành niên, tuổi dễ bị ngộ độc và chính nó xác định số phận con người, đời người, mở đầu bằng bối cảnh: *"Trời trở rét làm cho nền trời co nhàu lại, mọi người đi đứng một cách nhẹ nhàng như con mèo khôn khéo lựa mình chui vào lằn chắn trong đêm mùa lạnh"* (Tuổi nước độc, Văn 1966, trang 5).

Ba tiếng *"Trời trở rét"* nhắc nhở không khí quen thuộc Hà Nội trong *Đôi bạn* của Nhất Linh, nhưng ngay sau đó, tuổi nước độc phản pháo đàn anh bằng một *"nền trời co nhàu lại"* kéo theo chuỗi hình ảnh dữ dội thoát ràng ngoài không khí lãng mạn, êm ả thường thấy trong các tác phẩm tiền chiến. Dứt cái thơ mộng bề mặt của Hà Nội tiền chiến bằng cách ngay sau *"trời trở rét"* là một *"nền trời co nhàu lại"* là một Hà Nội đang chiến, Hà Nội đánh nhau, Hà Nội thất nghiệp, Hà Nội hấp hối hướng về Nam Bộ *"Ở phố hàng gạch có một nhà căng bằng mộ phu đi Nam Bộ"* (trang 9). Rồi tiếp tới một lượt những nghi vấn *"những người thanh niên ra đi khi Nam Bộ vừa bắt đầu nổ súng chống Pháp bây giờ ra sao?"* (trang 9); rồi những vụ ám sát *"một người đàn ông nằm sóng sượt trên lề đường nơi cửa một tiệm thuốc bắc, chiếc mũ dạ nằm giữa cách xa xác chết khoảng một sải tay, không ai dám đi ngang qua chỗ ấy"* (trang 9), những chuyện xảy ra hàng ngày: lựu đạn nổ ở rạp Kim Phụng, lính tây đen Maroc phóng xe cuộc xuống cầu thang một lèo như muốn tự tử v.v... Bạo lực đường phố sửa soạn cho những xáo trộn bên trong con người. Nhân vật chính xưng tôi (tên Ngạc) đang đi dạo trên hè phố Hà Nội, gặp Hiền, người yêu. Rồi súng nổ họ lạc nhau. Ngạc về nhà thiếp đi trong ác mộng: *"Buổi trưa khô nóng dần, tôi thiếp đi chập chờn từng lúc một, đám đông náo động, khuôn mặt một người máu đầm đìa chạy cuồn lên gào rồi mất tăm. Trong đám đông ấy tôi gọi Hiền không ra tiếng. Chuyến xe lửa chạy ngang qua cầu lúc hơn mười giờ, tôi nằm im tĩnh táo nghe tiếng còi kéo dài."* (trang 11).

Hà Nội bất an, Hà Nội bạo động, Mậu gia tăng vận tốc, chỉ dăm trang đầu, đã mở toang một bối cảnh Hà Nội rất loạn, rất chì, rất lì lợm. Hà Nội lựu đạn. Hà Nội thủ tiêu. Hà Nội tự tử... Đát kẻ chợ trở thành một đoàn xiếc, mỗi kẻ tòng teng trên chiếc dây căng định mệnh mình, chỉ chệch nghiêng đi một ty là có thể chết ngay lập tức: Hà Nội của nô lệ da vàng kéo nhau đi mộ phu Nam bộ; Hà Nội của nô lệ da đen ba vạch đánh thuê, của lê dương giết mướn; Hà Nội của người hùng cứu nước sẵn sàng mở chốt lựu đạn giữa rạp hát ban ngày; Hà Nội của những cô gái nhà thổ... Tất cả thấy đám "kẻ chợ" ấy đều vướng mắc vào trò xiếc oái ăm chết người.

Ở trong vòng xiếc lớn, trùng điệp khoanh tròn những xiếc nhỏ bị kịch cá nhân, phát xuất từ môi trường gia đình, xã hội, hoặc từ chính bản thân những con người đầy thương tích chiến tranh, hằn sẹo cuộc sống. Với tiểu thuyết đầu tay này, Dương Nghiễm Mậu đã phác vạch mạng lưới toàn bộ nhân vật tiểu thuyết và truyện ngắn đến sau: một tập hợp những người bạn, người thân đã sống những kinh nghiệm khác nghiệt trên mảnh đất này, đã nhúng tay vào tội ác, đã có những lựa chọn phi lý hoặc không quyền lựa chọn. Họ là những số phận mang tính đặc thù: đây dựa với virus chiến tranh, dù muốn dù không cũng không thể nào gột rửa được. Không hội nhập được với an lạc, hạnh phúc, cũng không thể chọn một con đường thỏa đáng; cuối cùng mỗi người một hướng: kẻ ở lại trong thành, kẻ bị động viên, kẻ bỏ ra ngoài theo kháng chiến, người xung vào lính nhảy dù... Tất cả đều có lý do để hành động nhưng rồi không ai biết chắc mình đúng hay sai, có lý tưởng hay không lý tưởng. Hầu như tất cả đều bị xô đẩy theo một thứ định mệnh bất trắc, kéo dài đến chết. Họ thân nhau và xa lạ với nhau, xa lạ chính họ. Tường biết rõ về mình, nhưng không. Chẳng ai biết rõ về mình, về người yêu của mình, về bạn thân của mình cả. "Nền móng" gia đình mà Dương Nghiễm Mậu phác ra là tiền trạm dự báo cái "chuẩn gia đình" trong tiểu thuyết Nguyễn Huy Thiệp sau này, mặc dù hai tác giả không hề "biết" nhau, không có điều gì chung, nhưng họ cùng huyết thống Việt, họ cùng nhìn thấy sự bại hoại gia truyền.

Ngạc, trong *Tuổi nước độc* nở bùng như chất phóng xạ, châm ngòi cho thế hệ thanh niên vừa sinh ra đã bị nhiễm chất điên và chất độc. Bỏ điên bỏ đi biệt tích. Ông nội hăm hiếp đưa ở rồi thất cổ cho nó chết. Phát xuất từ một gia đình loạn như thế, Ngạc khinh bỉ ông nội, kẻ sát nhân, đã nuôi mình bằng nghề cầm đồ khốn nạn; bản thân ông nội, dưới con mắt Ngạc "bo bõm, keo kiệt, thủ đoạn, tàn nhẫn, làm nghề cho vay lãi, cầm cố, làm cái họ, với những người nghèo ở ngõ Gậm Cầu và chợ Bắc Qua" (trang 25). Những đặc chất này sống lại trong lão Kiên của Nguyễn Huy Thiệp ba mươi năm sau như một cái rộp. Ông nội chỉ biết có hai việc là đếm tiền và chửi bới những con nợ. Ngạc khinh ông nội, xưng tôi với ông nội như một thằng du đang thứ thiệt, nhưng nó vẫn sống ở nhà bằng những đồng tiền bản thủ mà ông nội kiếm ra, và nếu ai có hỏi về quê quán, gia đình, thì nó nói dối: "Tôi vẫn lừa dối khi ai hỏi tôi về quê quán, gia đình, họ hàng... Tôi bảo là gia đình tôi đã bị chết hết vì súng đạn và quê hương tôi thì chiến tranh vây phủ ở mãi tận Thạch Thất, Sơn Tây, ba bốn năm nay tôi không về. Tôi tự nhận là một thứ nạn nhân của chiến tranh. Nhưng sự thực tôi là người đứng ngắm chiến tranh, đam mê lý thuyết cùng nhiều tư tưởng sáo trộn trong thời kỳ chiến tranh. Phải chăng chiến tranh như một cuộc phiêu lưu khi người ta quá an nhàn."

*Trong cuộc ở giữa hai khối tranh giành tôi muốn là người tham gia vào cuộc, có lý do đánh đuổi một thứ quân xâm lăng. Đồng thời tôi chán ghét tụi ở thành thị làm giàu trên xương máu người đồng loại.*

*Tôi muốn là một tuổi trẻ phiêu lưu trên đường tìm kiếm những cảm giác. Tôi lên giường tắt đèn đi ngủ còn nghe thấy tiếng ru của thím tôi và những tiếng keng cậm canh ở trạm gác ngoài đầu cầu." (trang 29-30)*

Tâm thức và hành động của Ngạc na ná như tâm trạng số đông thanh niên bất cứ thời nào trong "tuổi nước độc": nhìn thẳng nói ngay, cũng không có khí phách gì hào hùng cho lắm, chỉ muốn sống, muốn tìm cảm giác, sợ chết và chẳng có lý tưởng cứu nước cứu đời gì cả. Ngạc nhìn những biến trạng thời thế như một người xa lạ, vừa muốn tham dự trực tiếp, vừa muốn đứng ngoài ngó vào với con mắt dừng dừng, y hệt như lời nó phê thẳng Trương: "Tham gia vào những chuyện bí mật ở thành chẳng qua là chúng mày có mặc cảm với kháng chiến. Thấy một công việc có nhiều người đang làm mà không thấy có mình ở trong thì cho là mình bị bỏ rơi, là cái thành phần chống lại. Nghĩa là muốn đứng vào một đám đông để những rung động lớn sẽ thấy mình được che chở." (trang 36-37). Ngạc đã nói toẹt ra cái mâu thuẫn âm ỉ trong lòng bọn thanh niên: vừa ích kỷ không thích dây dưa, muốn đứng độc lập và biệt lập một cõi; vừa muốn gia nhập cộng đồng để được tiếng "nhập cuộc": nếu có theo bên này hay bên kia, phần lớn là do sự về hòa vì mặc cảm. Chính cái mặc cảm đứng ngoài, không giống ai, chết nhất... đã xúi người ta phải làm cái này, cái khác và có thể đó mới là động cơ chính, xác định những lựa chọn giữa đi kháng chiến hoặc ở lại trong thành. Ngoài ra, mỗi hành động cá nhân còn do hoàn cảnh đưa đẩy: thấy Tây và bọn bồi Tây dã man, bạn ra ngoài theo kháng chiến, nhưng nếu cha, anh bị Việt Minh giết, bạn sẽ chống cộng sản, hoặc bạn sống chùm trăn, mặc kệ những biến cố xảy ra chung quanh. Tự trung, tất cả những vị trí ấy đều hàm hồ, vô nghĩa, bởi cái mà bạn tưởng là tự do lựa chọn kia, thật ra chín phần mười vì hoàn cảnh chi phối hoặc sự ỳ lỳ bản thân đẩy bạn vào. Ở ngã đường nào, rồi bạn cũng gặp những thói tha, nhục nhã, nhất là khi cái thói tha nhục nhã ấy lại phát xuất từ chính bạn: Ngạc kinh tởm hành động hăm hiếp giết người của ông nội, nhưng rồi một hôm Ngạc cũng suýt hăm hiếp một người. Suýt giết chết một người. Từ *khinh* đến *bị khinh* chỉ là gang tấc.

*Tuổi nước độc* là tuổi khám phá nọc độc trong con người, nọc độc phát sinh từ bản thân, từ gia đình, xã hội và nó quay trở lại ô nhiễm gia đình, xã hội, bản thân. *Tuổi nước độc* (sau này Nguyễn Huy Thiệp gọi là *Tuổi hai mươi yêu dấu*) khám phá ra sự bất lực của mình trước biên giới nhòe nhoẹt giữa thiện và ác, giữa cái khinh và cái đáng khinh: tất cả đều chên vênh như vị trí kẻ đi trên dây xiếc, sự chao đảo có thể đến trong bất cứ phút nào. Tuổi nước độc cũng là tuổi ý thức ra sự bạc nhược, sự vô trách nhiệm, như những yếu tính của con người: nếu cuộc



đòi anh không ra gì, anh sẽ đổ vạ cho chiến tranh; thực ra anh cũng chẳng muốn tham dự gì vào chiến tranh, anh theo bên này hay bên kia vì những lý do chẳng ra gì, chẳng có gì là cao cả ghê gớm. Muốn tìm đến một lý tưởng thì thấy không có lý tưởng. Muốn tìm đến đạo đức thì thấy không có đạo đức nào cả. Muốn suy tư như một trí thức thì thấy mình rỗng. Kinh những kẻ kiếm tiền một cách ti tiện như ông nội nhưng vẫn sống bám vào ông nội. Người yêu bị nạn, muốn cứu người yêu, nhưng bất lực, lờ lờ. Ngạc giống Tân, một nhân vật khác trong truyện: bố Tân bị Tây bắn chết, Tân bị Tây bắt làm phu rào đồn. Một hôm du kích ném lựu đạn vào đồn, bốn năm người chết. Tân may mắn được người ta cứu sống nhưng bị cụt chân, Tân đến hội nạn nhân chiến tranh xin trợ cấp, người ta phát cho "một cái chăn, một hộp xà phòng, một hộp bơ, hai hộp thuốc đánh răng, một cái bàn chải và năm chục bạc" rồi họ thả ra. Không biết làm gì để kiếm ăn phải bán máu để sống cho đến kiệt sức, Tân tự hỏi: "Không hiểu họ cứu sống tôi để làm gì?" (trang 89). Tân là trường hợp bức tử thể xác. Ngạc là trường hợp bức tử tinh thần. Cả hai đều chậm chạp đi vào cõi chết. Đường đi của Ngạc giống mà khác Tân. Ngạc cứ tiếp tục sống một cách phi lý, sống thừa, nhưng không dám tự tử. Ngạc tự hỏi: *Tôi hư vô phải không?* Rồi một ngày Ngạc phải trả giá cho những hành động của mình: Trong cơn xung đột dữ dội với người em khác mẹ mà Ngạc đã đối xử tàn nhẫn, đưa em đem bàn là nóng chà lên mặt Ngạc. Ngạc trở thành một kẻ tàn tật, đổi dạng và đổi hồn... Quyết liệt hơn trong hành động: Ngạc "giải quyết" cái chết cho người thím tàn tật, Ngạc chiếm hữu chị Huệ, người con gái mà Ngạc mang ơn và vẫn coi như một người chị. Nhưng tất cả những bạo lực này không giải tỏa được phần nội tâm cực kỳ mâu thuẫn của Ngạc, Ngạc tiếp tục sống thừa, sống ác trong những cơn mê sảng mà cuộc đời và hoang tưởng trà trộn lẫn nhau. Dần dà, những ác mộng chiếm hữu Ngạc như một thứ thần chết triền miên và kinh hoàng. Những câu hỏi tại sao, tại sao tôi làm như thế? Tôi có yêu chị Huệ thật không? Hiền, người yêu cũ đâu rồi? Tại sao tôi lại tàn bạo như thế? Tại sao tôi lại bất lực như thế?... toàn bộ những mảnh phim tan tác quay tròn những hành động quái gở của Ngạc cùng tung hô ra một lúc trong đầu, tiếng nói của bạn hữu, của người yêu, người thù, những lời hỏi tội, những lời cung khai, những lời thề thốt, những tiếng thét, những lời nguyện... như một thứ hỏa mù bạo lực nghiền vụn, tán nát thành đạn trái phá chạy trong đầu Ngạc.

*Tuổi nước độc* tiêu biểu cho hệ tư tưởng của Dương Nghiễm Mậu về con người, về tính chất hư vô trong cuộc sống, về bạo lực gia đình dẫn đến bạo lực chiến tranh. Ngạc và các bạn khởi đi từ *tuổi nước độc* để sau này, trưởng thành, gặp Lễ trong *Đêm tóc rối* (1965). Lễ đang đưa giữa "con đĩ già" và một người con gái trinh nguyên. Giữa xác thịt và tình yêu. Hoàn toàn mất niềm tin, mất định hướng. Lễ, *nhân vật hư vô*, bất lực trước cuộc sống, hoài nghi tất cả những gì "tích cực", kẻ luôn luôn tự hỏi "tại sao tôi không là một người khác?" Tất cả những hành động của Lễ không mang một ý nghĩa nào: "tại sao tôi không kiếm ra lý do và mục đích cho một hoạt động nào đó, như Khang đã đi, như Thục đi làm nuôi vợ con, như Khánh đang chiến đấu ngoài mặt trận, như Mạnh đang vui đùa trong thư viện, như Nghiêm ôm ấp mộng tưởng trở thành nhà văn. Họ có lý do và mục đích. Còn tôi, tôi không có gì cả. Và cũng từ đó tôi hoài nghi công việc của người khác. Biết đâu họ cũng như tôi, và họ tự lừa họ như thế." (Đêm tóc rối, Thời mới 1965, trang 15). Lễ không tìm thấy một lý lẽ nào chấp nhận được cho sự tồn tại của mình, bởi đằng sau những bức bình phong của lý lẽ, bao giờ cũng có khoảng trống của hoài nghi, của không thực. Thục đi làm nuôi vợ con ư? Có thực thế không? Thục hạnh phúc ư? Có thật thế không? Thế nào là hạnh phúc? Nếu Lễ tìm thấy một, chỉ một câu trả lời xác định thôi trong tất cả những câu hỏi đó có lẽ anh đã "sống đẹp" hơn. Nhưng không có gì xác định trong cõi đời này. Mọi xác định đều hồ đồ, kịch cỡm, thô thiển, giả tạo. Lễ dốc toàn lực để hỏi tra. Tra hỏi tình yêu. Tra hỏi hạnh phúc. Tra hỏi mục đích của cuộc đời. Tra hỏi sự hư hỏng của mình. Tra hỏi thành công, thất bại. Tra hỏi ý nghĩa cuộc sống... rất một trả lời: trống không, vô nghĩa. Về người yêu cũ "Quyên đã đánh cắp tình yêu của tôi làm vốn liếng trong một chuyến buôn hạnh phúc gian lận" (sđd, trang 28), về mình "bây giờ anh chung sống với một con đĩ già... anh không oán em, nhưng anh thâm thù hạnh phúc. Đôi cánh đã gãy, thiên thần và đòi bỏ giống

nhau" (sđd, trang 49), "tôi hoài nghi những thần tượng, sự trong sạch, tinh khiết, những điều chúng ta gọi là lý tưởng. Tôi ngờ ngay những nhận thức của tôi. Tôi biết rõ một điều về tôi, sự hoang mang, mâu thuẫn..." (sđd, trang 41). Dưới huyết của "tuyệt vọng và hư vô", Lễ tìm đến thân xác mẹ Liên như chiếc hầm trú nấp, chống những quần quai bùn xình trong óc "Những cử động nhận chìm cơ thể tôi vào một hồ đất bùn đen nhớp nháp, nhưng ở đó những đá sỏi sắc cạnh, hay gai góc của rừng làm tê buốt, nhức nhối, cùng đó trí óc mừng tấy rồi co rút mang cả người tôi chúi xuống một cơn bão giạt, lắc đi lắc lại, như những hạt thóc đang được lắc trong cối xay... Những cảm giác đen nhầy nhựa tan đi trong giây phút của nhiệt độ, rồi là dần xuống cảm giác bất hoại tê mõi những nhớp nháp trầy trụa như vết chân cọ dài trên mặt đất sét cứng mà cơn mưa vẫn còn rả rích. Nỗi cô đơn chót vót ngất ngư dâng lên trong tôi kéo dài... trong một lúc nào thức dậy của trí tuệ, tôi góm tôi, tôi lẩn tránh tôi những thói quen, nhưng những thói quen như một chiếc lưới đen (...) chụp xuống, quán tròn tôi lại và quăng ra xa..." (sđd, trang 43). Trong đêm đen, Lễ vẫn cố hướng sáng về cứ điểm cuối cùng "Em hãy mang anh trở về căn nhà xưa, nơi mẹ anh đã chết". Bờ trùm phủ lên tất cả vẫn là mẹ. Mẹ chiến tranh, mẹ gây chiến tranh và chết vì chiến tranh. Mẹ bỏ con một mình trong cuộc chiến hư vô tàn nhẫn "Chiến tranh đã kéo dài từ bao giờ. Bỏ tôi chết trong chiến tranh đó sau nhiều năm lặn lội và bỏ mẹ tôi một mình. Mẹ tôi chết trong đó và bỏ tôi lại không nhớ chút gì. Chiến tranh vẫn kéo dài tôi mất Quyên trong đời sống một người khác và tương lai một thời thái bình tôi chưa thấy làm tôi rỗng đi trong đầu, trong tim, mất đi trong mạch máu một sự sống cần thiết, và chiến tranh kéo dài đến bao giờ" (sđd, trang 80). Những nhân vật trong *Đêm tóc rối* cùng chung nhau một bóng đêm, một vùng tóc rối, họ mò mẫm từng bước trong khu rừng bấp bênh, đầy lờng gạt, ngộ nhận, trống rỗng và vô nghĩa. Lễ tỉnh táo ý thức tình trạng "hư vô" của mình "có phải mọi người đều có hạnh phúc và riêng tôi một mình hư vô trong cuộc sống. Có trời không. Trời làm gì, nghĩ gì, đi đâu. Tôi nằm đây là cái gì. Chiếc bàn, cái ghế, tờ giấy, chiếc ảnh, số phận nào, định đặt nào?" (sđd, trang 100).

Không có trời. Không có gì cả. Không có định đặt nào. Tất cả có đây. Trơ ra. Hiện hữu. Cuộc hiện sinh tàn khốc. Cuộc sống không có lẽ sống, phi lý và vô nghĩa.

1968-1969, ở thời điểm gay go nhất của chiến tranh, Dương Nghiễm Mậu quay lại thực tại cuộc chiến chống Pháp, ôn lại những dã man, tàn ác của đôi bên trong *Gào thét*, như muốn gào lên sự thật một lần nữa: chiến tranh không giải quyết được gì, chỉ đào thêm những vực chôn người, vực ngộ nhận tàn nhẫn. Cũng năm 68, trên báo Văn, xuất hiện truyện dài *Con sâu bói* cảnh chiến tranh đạt tới đỉnh cao tuyệt vọng dù không hề thấy bãi chiến trường. Năm thằng bạn cũ: Quảng, Thạch, Đức, Ngưỡng, Lực say mèm bên "năm cái ly cạn đứng im". Những chiếc ly im lặng nuốt trôi những khúc đời nhày nhựa, mất hướng của năm thằng còn sống đang nhậu hộ những thằng đã chết. Sống chết ở đây nằm trong kế hoạch đại quy mô trên toàn thể đất nước: đó là sự sống chết dưới cờ. Cả hai bên đều lợi dụng lá cờ để tổ chức sự giết người có hệ thống, có lãnh đạo, có quốc thiều phụ họa, có màu cờ tổ quốc ghi ơn.

Chiến tranh không lộ mặt tiền, nó sống âm ỷ trong những cơn mê sảng, những lời cật vấn lè nhè đầy hơi rượu... Thằng còn sống hỏi tội thằng đã chết: "Mày có biết thằng nào đã bắn mày không? Tao chắc nó chết rồi Tao không hiểu sao bọn mày lại để lọt dễ vậy. Nhảy xuống những chỗ như vậy thì mày phải biết chứ, mình ở chỗ trống, bọn nó trong bụi, sinh lầy như vậy... Đ. má bọn nó, tao còn ai để nhậu nữa... Tao về được gần huy chương, còn mày thì được bỏ hòm. (...) Con Tám-đen nó hỏi thăm mày, tao nói chết rồi. Có lẽ mày chết rồi nó mới thương mày." (Con sâu, *Sống Mới*, trang 16).

Con người trở thành "con sâu". Đất nước trở thành một sa trường sâu. Lò lính là nơi "vào đây đá cũng phải vỡ, sắt cũng phải cong". Với sự "đào tạo" người bằng cách tiêu hủy như thế, sự gãy trục tuột xích đã ngấm vào xương tủy. Hai bên thi nhau trồng người để xông vào cái chết.

Tập cho con người biết chết thay vì biết sống. Môi trường nhiễm đầy tử khí, dương khí đành phải thối lui. Sự sống của những thằng còn lại chỉ là cái gì tạm tạm, chỉ là án treo, chỉ là... đợi chết. Quảng sống để truy tìm "sự thật", để tìm hiểu tại sao lại đến nông nỗi này. Ở Quảng, những hình ảnh thời thơ ấu luôn luôn trở về với nét mặt người cha khắc nghiệt, đã có thời hoạt động bí mật với những "người bạn", đã có những lần mang hành lý đi biệt lâu ngày. Cũng người cha đó, đã có lần điểm vào mặt đứa con bảy tuổi "mày không phải con tao". Cũng người cha đó, đi chán, trở về, ốm đau, bất lực, thường trực nằm úp mặt vào tường cho đến lúc chết. Thằng nhỏ chờ một "thông điệp" của người cha. Không có thông điệp. Không có thông điệp nào cả từ con người suốt đời "ngoảnh mặt đi", trừ "*bây chuột. Con rệp. Vóc máu. Chiếc vỏ đạn nóng bỏng. Đôi mắt nhìn cuống quýt. Ngọn đèn dầu leo lét. Tiếng nói đay nghiến.*" (trang 127). Với một "di sản" như vậy, những đứa con bị hội chứng hóa sâu, tự cật vấn: "*Sao tôi lại được định đặt vào, ngồi, đứng, ăn, ngủ trong căn nhà này... tôi nhìn thấy tôi như một con sâu...*" (trang 126).

Tiếp tục việc phá sản *Gia tài người mẹ*, *Con sâu* đục đẽo tinh vi hơn, sắc bén hơn, triền miên suốt hai thế hệ, nó rạch vết mổ sâu hoắm trong ngũ tạng chiến tranh, nó nhìn thấy cục diện huynh đệ tương tàn chỉ là hậu quả sự thừa hưởng tinh thần vô trách nhiệm ròng rã cha truyền con nối, thừa hưởng sự mù mờ về lý tưởng, về chân lý, coi thường những hạt hạnh phúc nhỏ nhoi trong cuộc sống hàng ngày, cha con, chồng vợ, đề cao khẩu hiệu giết người "thề phanh thây uống máu"... Những người cha mãi làm đại sự, mãi chém giết quân thù, suốt đời "ngoảnh mặt" với vợ con, với gia đình, với cuộc sống, đặc kín thế hệ đi trước, trở thành những con sâu của sự sống, những *con sâu cha* reo rắc chiến tranh, đục khoét hạnh phúc, đẻ ra những con sâu con mà "*cái miệng chỉ là cái cối xay cứt*" (trang 133), là chúng ta, là Quảng, là thế hệ *sâu quảng*, tiếp tục đục đẽo, tàn phá cái gia tài một rỗng, bằng súng ống, bom đạn, bằng chia rẽ, căm thù. Quảng đã nhìn thấy *sự thật*. Anh ngộ độc sự thật mà chết.

### **Dương Nghiễm Mậu và con người hư vô**

Truyện ngắn của Dương Nghiễm Mậu - thoát khỏi vòng chiến để mắc vòng tâm chiến - thường có một không khí đặc biệt, một độ căng bất thường. Những truyện ngắn hay của ông dàn trải trên nhiều tập: *Cũng đành*, *Đêm*, *Đôi mắt trên trời*, *Sợi tóc tìm thấy*, *Kính cầu nguyện*, *Ngã đạn*,... Dương Nghiễm Mậu thành công rất sớm, ngay từ những năm 57-59, ở tuổi 21-23, đã viết những tác phẩm già dặn, có bề dày tư tưởng.

*Cũng đành* gồm sáu truyện ngắn, mỗi truyện đặt con người trước một tình thế. Những nhân vật thêm khát vươn lên, cố gắng tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống nhưng càng tìm hiểu càng mù mịt. *Niềm đau nhức của khoảng trống* truyện ngắn đầu tiên trong tập *Cũng đành* đưa người đọc vào thế giới nội tâm Dương Nghiễm Mậu, một thế giới nhức buốt, đau xót, khi con người khám phá ra những ung mủ, thui chột, những triệu chứng bất thường trong cơ thể và tâm hồn mình. Nhân vật chính có một mụn nhỏ trên cổ từ bao giờ anh không hề nhận biết, cái bướu lớn lên theo người, cho đến khi người yêu của anh phát lộ ra sự "lớn" bất thường của nó, từ chối không đến với anh, anh mới ý thức được sự hiện diện của nó: "*Tôi đứng soi mặt tình cờ vào tấm gương trang điểm của nàng, lúc đó tôi mới thấy, tôi mới biết, tôi mới hiểu cái bướu đang ngự trị trên cổ, cạnh mặt tôi đây. Tôi để tay lên đó để sờ thấy nó hiện hữu giữa đời sống. Điều mà khi tôi yêu nàng - khi mà tôi yêu tôi - tôi bỏ quên nó, tôi không quan tâm đến.*"

*Nàng ngồi ôm mặt khóc. Tôi lấy tay giữ lấy cái bướu bỏ chạy ra khỏi phòng, xuống nhà tôi quên cả chào hỏi, dừng lại. Tôi chạy mau, tay giữ bướu tự mở cửa ra đường. Tôi hốt hoảng lo lắng khi có người, tôi sợ họ nhìn thấy. Tôi nghĩ rằng người ta đang hò hét quanh tôi đòi bỏ tay ra cho họ nhìn, bao nhiêu bước chân đuổi bắt rộn lên, rồi điệp điệp trùng trùng những khuôn mặt xa lạ, ghé gớm, quỷ quái hiện đến như chỉ thấy cái bướu tôi mang trên thân thể. Tôi dùng tất cả sức*

*lực mình cố chạy cho nhanh, lẩn trốn vào bóng tối. Tôi muốn vươn tay phá lung tất cả ánh sáng đang chiếu rọi xung quanh" (Niềm đau nhức của khoảng trống trong tập Cũng đành, Văn nghệ, 1963, trang 13).*

Vấn đề nòng cốt ở đây là sự hiện hữu. Nhưng không phải bất cứ hiện hữu nào. Hiện hữu như cỏ cây, như động vật không ý thức được mình, hay hiện hữu như một con người có ý thức. Dương trình bày trường hợp thứ nhì, *hiện hữu có ý thức và có người khác. Kẻ khác. Chính kẻ khác đã xác định vị trí của ta, làm nên và tiêu diệt ta. Cái mà Sartre gọi là L'enfer c'est les autres*. Nếu không có "kẻ khác" ta chẳng cần nói, chẳng cần quần áo, chẳng cần một ngoại hình "dễ coi", bởi có ai nghe, ai nhìn? Vì kẻ khác mà phải có quần áo, tiếng nói. Kẻ khác "tạo ra" ngôn ngữ, trang phục, lớp lang, ngoại hình, giả tạo... Chính con mắt của kẻ khác đã vẽ nên ta, ngụy tạo ra ta, và đầu độc ta.

Con người hình thành từ kẻ khác và bị ngộ độc vì kẻ khác. Hắn sống với những ung nhọt nhưng không biết. Khi mụn độc phát thành bثور, trên cổ, trên mặt, làm thay đổi ngoại hình thì hắn bị kẻ khác vạch mặt chỉ tên như một quái thai, một sự quái gở, một kẻ không giống ai, không thể sống được trong thế giới của những người *lành*. Cái bثور đã giúp hắn nhận thức về thân phận mình: *"nó không phải là một sự tình cờ bỗng nhiên hiện diện. Nó là một sự thực"* (trang 29). Nhưng cái bثور hay sự thực là một hiện diện vô ích. Cái bثور cũng "vô ích" như sự thật: người ta không cần nó. Lúc nó nhỏ chẳng ai để ý, nhưng khi to dần, nhận diện được, thì chính anh, kẻ nhận diện ra sự thật (hay kẻ thấy mình có bثور), sẽ bị người khác khước từ, chối bỏ. Để được trở lại "môi trường lành mạnh", với người yêu, với loài người, anh phải cắt bثور đi, cho giống đồng loại. Nhưng khi đã cắt bỏ phần thui chột, thừa thãi, phần "sự thực" của mình, anh trở nên một cái gì không thực nữa và anh sẽ chết.

*"Thân thể anh còn đây, cái bثور đã mất. Anh khước từ sự hiện diện vô ích của nó nên anh đã trở thành một sự không thực. Anh chẳng còn gì ngoài cái thân thể đang dần dần nhiễm độc, ung thối ra cho những sinh vật khác sinh sống. Anh là một sự không thực nằm đây - Sự quái gở bắt đầu bay hơi âm mồm. Nhưng từ đó anh biết rằng anh là gì. Anh hơn đám đông vây quanh, bởi anh ý thức được sự có anh, mọi người coi họ có mặt - nhưng là một sự có mặt hư ảo, không thấy mình."* (Niềm đau nhức của khoảng trống, trong tập Cũng đành, Văn Nghệ 1963, trang 30)

Đó là bài học nhận thức đầu tiên của "anh" về thân xác, về sự hiện diện, sự có mình, có toàn quyền về thân mình. Phác họa chân dung một kẻ nhận thức được sự hiện hữu của chính mình như thế, Dương Nghiễm Mậu là một trong những tác giả tiên phong đem triết học hiện sinh vào tác phẩm, bởi đó chính là một cách nhận thức rất hiện sinh, rất Roquentin, rất Sartre. Trước Dương, trong văn học Việt Nam, chưa mấy ai viết về mình, về sự tồn tại, như thế. Khi nhận thức được như vậy, *"anh biết anh là anh. Anh có toàn quyền về thân anh. Người ta từ khước anh - điều đó không cần thiết khi anh đối với anh đã là sự có mặt hằng cửu". Và khi nhận ra "niềm đau nhức của khoảng trống" anh thấy mình chỉ là "một hải đảo cô đơn ngàn đời"* (trang 31). Tự cắt mụn đi anh bước dần về cõi chết, những chân rết của ung thư sẽ tự do tung nọc độc trên khắp cơ thể.

Lão Giăng trong truyện *Người ngời đời mũ* là một tay Tây thực dân chủ đồn điền trước khét tiếng giết người như ngóe, nay sống vất vưởng như con chó già trong ngõ hẻm với đứa con gái hờ làm dĩ. Nếu dĩ vãng cá nhân của lão mang những nét "vàng son" bàng hoàng và khủng khiếp, thì dĩ vãng dân tộc của chàng thanh niên định đến giết lão để trả thù quá khứ nô lệ cũng không vẻ vang hơn. Việc moi móc dĩ vãng của lão Giăng và chàng trai chỉ đem lại những trả lời không lấy gì làm hồ hởi cho cả đôi bên: chàng thanh niên nhận thấy cái di sản mà chàng muốn bảo tồn thực ra chỉ là một thứ di sản mọc lên *"từ một thứ gốc rễ ở tận bên Tây nào, với những nhân vật tam quốc cùng với hàng trăm những kẻ thống trị da trắng đến chốn này"* (trang 47).

Mọi cá nhân đều chịu sự thao túng triền miên của thứ ung nhọt nằm vùng chạy cùng khắp cơ thể. Mọi nhận diện thực tại đều đưa đến những đau đớn xót xa. Mọi nhận diện bản thân đều đưa đến những nhục nhã, ê chề. Mọi nhận diện người khác đều đưa đến bất lực, xa lạ, không thể hiểu được nhau.

*Bồn cát tuổi thơ* phân chia lãnh giới trẻ con và người lớn trong cuộc đối thoại giữa một người thanh niên từng trải và một đứa bé trong bồn cát công viên. Cuộc chơi của đứa bé đầy hình ảnh: nó trồng chuối, xây nhà, chơi dế, chơi ve, chơi đi tàu về quê ngoại... Con mộng của người thanh niên đầy bóng tối, những tiếng la hét, những cơn sự tử nhầy chồm... "Sống" là một khúc dồi thời gian dồn đầy kỷ niệm: *mẹ tôi bị bắn chết, cha tôi bị cầm tù, anh em họ hàng thất tán mỗi người một nơi tìm không thấy mặt, chị tôi túng quẫn trong vòng bệnh hoạn, em tôi được gửi vào nhà tế bần, người yêu tôi đã bỏ đi...* Đứa bé may mắn, nó chưa "sống", nên chưa bị nhúng chàm thời gian và kỷ niệm.

*Tiếng động trên da thú* chấp vá hai mảnh đời vìa hè, hai kẻ sống vô gia cư chết vô thừa nhận. Những nhân vật trong tập truyện ngắn này có chung một điểm: họ *cũng đành*, cũng đành sống, cũng đành hiện hữu.

Truyện ngắn *Cũng đành* xây dựng như một toà nhà xoáy tròn ốc về vấn đề bản thể. Tôi là ai? Tôi là ai trong chiến tranh? Tôi có quyền gì? Tôi có căn cước không? Có quyền lựa chọn không? Có quyền hiện hữu không? Hay chỉ có độc một quyền chết. *Cũng đành* viết về một kẻ đi kháng chiến, bị sốt rét hành, phải trốn đơn vị chạy vào thành tìm ký-ninh uống. Hắn không thể về được *nhà* mình trên bãi Phúc Xá, mặc dù đứng trên đê, hắn nhìn thấy nó. Ngôi nhà biến thành chiếc lâu đài u uất, ma trơi, hắn càng tìm cách về gần, nó càng trôi xa, càng biệt tăm biệt tích. Trên đường vòng vo tìm kiếm, hắn chịu mọi đòn, hắn triền miên sốt. Nghe nói giun trị sốt rét, hắn nuốt bao nhiêu giun nhưng sốt vẫn hoàn sốt. Hắn trốn nhui, trốn nhủi, đói khát triền miên, ăn cắp, cướp dật, bị sốt hành như cái bướu ung thư. Nhờ người làm cũ hắn kiếm được việc. Có tiền hắn uống ký-ninh thả cửa. Ký-ninh làm hắn điếc. Bị đuổi. Hắn bới rác để sống... Một ngày, bị lính bắt. Bị tra hỏi. Hắn khai tên thật. Bọn lính không tin. Đánh đập. Lại tra hỏi. Hắn khai láo. Đánh đập. Lại tra hỏi. Đánh đập. Trước khi chết, hắn lặp lại câu hỏi: Cha mẹ mày tên gì?

*Cũng đành* có không khí ngột thở, đầy tra tấn, nghi hoặc, tàn ác, rất giới tuyến, rất Kafka Việt. Việt Nam của hai cuộc chiến, từ *sống* đến *chết*, từ lý tưởng cứu nước đến vực thẳm sa đọa là những chuỗi dài ngộ nhận và phi lý. Rút cục, sống hay sống sót chỉ là hai chữ *cũng đành* mà bên trong là dòi bọ, rác rưởi, giun dế và trống rỗng. Con người xa lạ với cuộc sống, xa lạ với người khác, không hiểu tại sao thân phận lại run rủi đưa ta đến đây, đến "bên này" mà chẳng đến "bên kia". Bên ni, bên tê, bên nào cũng vạch sẵn những ranh hố đợi chờ, anh lạc đến là phải tụt đào. Vùng vẫy cách nào cũng không thể thoát được.

\*\*\*

*Nói một mình* (trong tập *Đém*) dường như là chuyện một xác chết kể lại chuyện mình. Nói là *dường như* bởi vì đọc xong bạn không chắc một cái gì cả. Sự "không chắc" ấy mới chính là "cốt truyện": tất cả dựa trên những yếu tố mập mờ, không có gì rõ ràng xác quyết, cũng không có gì phủ định bởi người ta *không biết* cái được gọi là đời sống nó như thế nào, không rõ bất cứ sự gì đã "xảy ra" trong cuộc đời, tất cả đều chấp vá đan cài, đoán già đoán non, mỗi người tưởng mình "nắm" một mảng, nhưng nếu chấp lại thì chúng không có gì ăn khớp với nhau. Cảm tưởng đầu tiên khi đọc một số truyện của Dương là rời rã, có khi bạn không hiểu gì cả, chẳng biết tác giả muốn "nói" gì, nhất là "nó" không dẫn đến đâu, đọc xong không rút ra được bài học nào, thậm chí nó "cứng" nó "nhạt", nó cứ "trơ trơ" ra đấy, ù lì như cuộc đời chúng ta đang sống, chẳng có "biến cố" gì đáng nói. Vô dụng. Nghệ thuật của Dương Nghiễm Mậu dựa trên

yếu tố đó. Vô dụng. Tác giả đưa ra những vấn đề không ngừng của nhân vật, về nguồn gốc, về bản chất đời sống. Ai tạo ra đời sống của ta? Chẳng có ai cả. Ta tự tạo ra nó như thế đấy. Trong truyện *Nói một mình*, nhân vật chính, xưng tôi, tên Thuấn, có người chị tên Liên. Hai chị em mồ côi. Mẹ chết sớm, cha lấy vợ khác. Cảnh di ghẻ con chồng. Sau người cha cũng mất tích. Người ta tìm thấy xác người cha trôi sông Đáy. Người chị làm điếm nuôi em. Thuấn kinh tởm nghề của chị, xỉ nhục chị, có thể đã bạo hành chị, rồi bỏ đi. Nếu cố tình chấp vạ lại cho "có truyện" thì đại để là như thế. Truyện mở màn trên xác chết vô danh, chắc là xác chết của Thuấn. Rồi sau đó là những lời kể lể về hành trình của một kẻ -chắc là Thuấn- từ lúc sinh đến lúc chết. Một thứ tâm sự của xác chết, bởi chết là yếu tố bao trùm lên tác phẩm như điều kiện cuối cùng của con người: Rồi ai cũng phải chết. Nhưng từ cái sinh đến cái chết là cái gì? Chẳng đường ấy ra sao? Tại sao sinh và tại sao chết? Chết khốn khổ như một con chó hoang trong cô đơn vô vọng. Tình thương của người chị, người bạn, người yêu có thể cứu vãn được không? Có thể đưa ta ra khỏi cõi cô đơn sau cùng không? Người sắp chết cố gắng gào lên những tiếng kêu cứu cuối cùng, nhưng âm thanh không lọt ra khỏi cổ, mà nếu có lọt ra ngoài thì cũng không có ai ở đấy để nghe. *"Đây là sa mạc? Giữa bể khơi? Hay là một khoảng trống không nào đó - một góc nhà xác cũng nên - ôi những hình ảnh... ai kia... ai kia... ai đấy... một người nào đấy lại đến với tôi trong lúc này?..."*. Dĩ nhiên là không có ai và người hấp hối đi vào cõi *Đêm*, một mình, nói một mình và chết một mình.

### Sự tha hoá của con người

Tập *Đôi mắt trên trời*, do Giao Điểm in năm 1966, khoá sâu thêm vào đêm tối, đưa ra những cảnh sống không còn là sống. Những kiếp được gọi là người ở đây còn tồi tệ hơn kiếp chuột, kiếp rệp... Sống hay tồn tại chỉ là sự đồng hoá giữa người và vật. Bộ ba Mậu truyện *Lấy máu, Những chuột, Và rệp* là những tác phẩm cực thực về bản chất xã hội loài người. Ngòi bút của Dương chiếu thẳng vào mỗi trường hợp cá nhân khảo sát như một mũi dùi độc sáng.

Trong truyện *Lấy máu*, Năm-Sàigòn "vót" một đứa nhỏ đang bốc trộm thùng cơm thiu cho lợn ăn, về "nuôi" và dạy cho nó nghề bán thuốc cao Giang Đông chuyên trị bá chứng. Năm-Sàigòn rạch tay thẳng bé cho máu chảy và rịt thuốc cao vào vết thương trước mắt mọi người để "chứng minh tính cách thần diệu" của cao Giang Đông. *"Qua một tuần lễ như thế tay trái tôi đã gần nát ra rồi, có những vết tay mưng mủ và thối, nó rỉ nước vàng. Mỗi bữa bụng bát cơm không nổi tôi phải dùng cùi dĩa mà súc ăn như một kẻ tàn tật. Thấy không thể tiếp tục cắt máu ở bàn tay đó nên Năm-Sàigòn bắt đầu cắt ở bàn tay phải. Người ta vẫn xúm đông xúm đờ lại coi, và mua thứ thuốc vớt đi đó"* (*Lấy máu*, trong tập *Đôi mắt trên trời*, Giao Điểm 1966, trang 28). Nhớ đến cái chết của người mẹ, thằng nhỏ tự hỏi *"Máu tôi rỏ ra vì miếng cơm. Nhưng còn những giọt máu của mẹ tôi do viên đạn bắn vào mạng mỡ đó - để đổi lấy cái gì?"*. Nhưng rồi hai thầy trò Năm-Sàigòn cũng không tiếp tục được cái nghề lừa bịp này lâu hơn, người ta khám phá ra sự bịp bợm, người ta nhìn thấy bàn tay trái của thằng nhỏ đầy vết cắt thịt mưng mủ thối tha, người ta thấy nó sắp chết vì hết máu, đến nỗi Năm-Sàigòn khĩa tay nó chỉ nhả ra vài giọt, người ta *"chắc trong người nó chỉ còn vài cùi dĩa máu mà thôi"*. Năm-Sàigòn mặc sức khoa môi, múa mép, không còn ai tin vào món thuốc thần của hắn nữa. Nói chán, hắn chia thuốc ra cũng chẳng ai hỏi lấy một câu. Hai thầy trò trở thành những con vật múa rối, bị bỏ quên, không ai thèm đoái hoài đến nữa. Đến bọn trẻ con cũng hết thú, chúng quay đi, trở về với những trò chơi bình thường. *Lấy máu* có một cách lạ lùng và kinh hoàng chiếu xuống sự tàn nhẫn và thờ ơ của con người, ít tác phẩm nào đạt được.

*Những chuột* xoáy vào trường hợp sống của Lão Chệt và lũ chuột. Chuột vừa là ân nhân vừa là lẽ sống của lão. Khi đói, lão chỉ cần thộp cổ một chú nường lên thơm phức là rồi. Lão bẫy chuột

bằng mùi cua nướng, đoạn nhốt chúng vào một chỗ, mỗi tuần thảng Lai, con lão từ Saigon đánh xe về lấy chuột đem bán cho những cửa hàng sủu mại, bánh bao.

*"Lão nhớ lại bữa chuột bao tử mấy hôm trước khi lão bắt được trọn ổ, tới mười bốn con chuột đồ hỏn chưa mở mắt lão đã mang về tẩm bột rán, lão nghĩ ăn cái ấy thì bỏ phải biết, cái gì bao tử chẳng bỏ, đến dòì mà lão nghe nói cũng là một vị thuốc ghê gớm lắm. Lão cầm lấy đầu chú chuột bóp mạnh một cái, một tiếng kêu chít chít rồi tắt, giữa hai ngón tay, đầu chú chuột bẹp dí toé máu và óc, lão vứt bỏ vào góc nhà, lão đưa ngón tay lên miệng mút mút lấy một chút lầy nhầy của máu và óc ra chiều khoan khoái rồi lão vào trong bàn kiểm rượu để tộp một hỏp. Lão lấy thuốc vắn một điều châm lửa hút.*

*Lão thổi ngọn đèn, vào giường, lão xát mạnh và đập hai bàn chân phủi cát rồi lăn ra ngủ (...).*

*Lão cứ nghĩ đến những món ăn đã được những đầu bếp khéo léo chế biến chuột ra mà bán thì thật phục. Lão đã ăn rồi, ngon lắm, bằn nhỏ ra ai biết đấy là đâu. Thịt gì chả thế, có lẽ thịt người cũng tương tự như vậy thôi, có chẳng là cách chế biến sào cho nó ra vị là được." (Những chuột, trong tậpĐôi mắt trên trời, trang 38- 40).*

Lão Chệt thiếp ngủ trong những giấc mơ... chuột. Lão mơ tới kỹ nghệ thịt chuột, thấy mình là kẻ tiên phong làm trại chuột, sản xuất sữa chuột, thịt chuột đóng hỏp, lão làm giàu trên xương máu chuột, lão có xe hơi, nhà lầu, bao nhiêu gái đẹp, lão cưới được con nhỏ Xiêm xinh đẹp trong ngõ mà lão hằng tơ tưởng... Cuộc đời lão cứ bình lặng trôi với ba chuồng chuột lớn vừa có của ăn của để như thế, nếu thảng Lai không cuỗm tay trên con Xiêm của lão. Nếu hai đứa không cuốn gói lên Saigon bỏ lão, không về lấy chuột nữa. Từ ngày thảng Lai không về, Lão cũng không bước ra khỏi nhà, mà cái nhà của lão trừ thảng Lai, cũng không ai lai vãng. Lão hoàn toàn một mình với giang sơn chuột, lão ăn dần chuột để sống, không ai trong xóm để ý đến sự vắng mặt của lão, trừ một vị khách quý thỉnh linh đến: *"Một hôm lão thấy hình như lũ chuột đã có con đỏi lá và gầy còm đi nhiều, có con phá ghê lở rụng hết cả lông. Lão quyết định lựa những con gầy yếu thả ra nhà, lão lấy những quần áo cũ, giẻ rách chất từng đống rồi thả chuột vào đó, lũ chuột gầy ốm cứ quanh quần chẳng đi xa, nó bò từ chỗ này sang chỗ khác làm tổ ở góc nhà, có con đào hang, con cắp giẻ làm tổ, lão Chệt hiền từ bao dung đàn thú vật vô hại đỏi với lão.*

*Bỗng một hôm lão Chệt thấy tiếng chuột kêu rầy chết, từng đàn chạy trốn, lão thấy một con chó xuất hiện. Con chó có màu lông đen nhưng lù xù như chó hoang, gầy teo, nó đi khập khiễng như kẻ nghèo đỏi, một mảng mông lở loét đỏ lỏm xem chừng khôn khổ lắm:*

*- Chào quý khách! Chào quý khách! (...).*

*Lão Chệt cầm một mảng thịt chuột nướng ở tay cho con chó ngửi ngửi, nó ngoạm một miếng nhai ngấu nghiến ra chiều khoái trá lắm, lão tiếp tục nhặt một ít bằn quý nướng vào lửa, con chó tiến đến gần, có lúc chưa kịp vứt ra nó đã vờ lấy, lão Chệt không lấy thế làm bực. Nghe chừng đã no bụng, chó ta khoan tròn trên ổ rom ngay bên lão Chệt ngủ.*

*Sự có mặt của con chó, lão Chệt thấy khoái hơn, nhưng ăn mãi thịt chuột lão bắt đầu thấy chán. Vả trong đám chuột đã bắt đầu có con sinh đẻ ra từng đàn chuột con. Lão nghĩ đến con chó. Tay phải lão Chệt có chỗ sưng lên và lở lói, con chó nhiều lần ngửi ngửi và liếm láp. Lão Chệt rùng người. Lão thấy lo sợ nghĩ đến chuyện một lúc nào đó con chó sẽ đè lão ra mà nhai, chỉ con chó là có thể thịt lão được, còn bằn chuột kia thì ăn thua gì. Chờ con chó ngủ, lão kiếm một cái chai để bên cạnh rồi cầm ở tay thu sức dáng một cái xuống đầu chó. Chó duỗi hai chân dầy dầy lè lưỡi và sủi bọt mép. Lão Chệt mệt nhọc lắm mới kiếm được con dao mổ bụng chó, lão chẳng còn hơi sức để làm thịt con chó, lão mổ bụng moi bộ gan nướng ăn. Lão thấy tiết chó nóng và đặc sánh, lão thấy cổ khát nên vốc xuống. Lão ưng ý về món ăn lạ kỳ. Lão vứt bỏ xác chó ra giữa nhà, lũ chuột kéo đến ngoạm.*

*Trong xóm người ta bỗng xôn xao về cái chết của hai cha con ông Hộ Nhâm, bệnh tình giống nhau và chết ngay, có người nghi ngờ nên kiếm bác sĩ về khám, người ta phát giác ra bệnh dịch." (sđd, trang 45-46).*

Tác giả trình bày chân dung một con người: lão Chệt và một xã hội người: hàng xóm láng giềng của lão bên cạnh chân dung một con chó và một xã hội Chuột. Người và vật, tên cùng vần c, tương xứng nhau trong cuộc tồn sinh. Tất cả những dử, ngửi, nhai, ngoạm... của lão Chệt không khác gì hành động của con chó, có điều lão thủ đoạn hơn con chó, lão mưu tính kỹ hơn con chó. "Những chuột" hiền lành hơn so với "những người" chung quanh lão Chệt, chúng ít kỳ thị hơn, bớt thờ ơ hơn, chúng tương trợ nhau hơn. Lão Chệt, đỉnh cao tha hóa của con người, khởi đi từ một nước Tàu ngàn năm văn vật và lịch sử, một trong những trung tâm văn hoá lâu đời nhất của nhân loại, lão di lạc sang "ta", đôi lúc lão tự hỏi không biết ông cha mình "ngu si đần độn như thế nào mà sang đây hàng mấy đời rồi chẳng làm nên cơm cháo gì", ngay cả lão có lúc đã làm chủ một cái tiệm chạp phô, chẳng may con vợ tài hoa son phấn của lão đem "đút lỗ cả cái sản nghiệp vào hơi khói". Lây nó, lão cũng nghiện ngập, sạt nghiệp tưởng chết, may mà lão cai được và về đây làm "nghề" bắt chuột bán. Nhưng sự "xuống dốc" của lão Chệt cũng chưa bằng sự xuống dốc của cái quần hợp con người chung quanh lão: họ đi từ "văn minh" xuống ăn lông ở lỗ mà không biết, không hay, họ gây ô nhiễm môi trường bằng sự tàn ác, bằng sự kỳ thị, thờ ơ, sống chết mặc bay, bằng bán buôn lừa dối. Lão Chệt là phản diện của bọn đồng loại xung quanh mà cuộc sống chỉ còn là sự "xé xác" lẫn nhau, xé xác "bạn hữu", xé xác "đồng hành" đem nướng cho đến ngày kiệt quệ, tận diệt. Cái dịch hạch chuột không nguy hiểm bằng cái dịch hạch người, dịch hạch ăn gan, uống máu (dù là chó hay quân thù cũng như nhau) nơi lão Chệt đã tràn lan khắp nơi, không thể nào cứu vãn nổi.

Trong truyện *Và Rệp*, Ông Tư có mỗi một lo lắng độc nhất là làm sao trừ tiểu được bọn rệp đồn trú lậu trong kê ván sàn nhà ông, hờ ra là chúng đánh du kích khắp nơi. "Kẻ thù" này nằm ngay trong tay áo, nằm trên đầu trên cổ, mà ông Tư không thể diệt nổi, dù ông đã dùng những hình thức xử tử cực kỳ dã man:

*"Ông Tư lấy cái đinh ghim xuống giữa lưng chú rệp, nó dấy dấy chân như những cái bơi chèo, ông nhấc nó lên khỏi mặt tờ giấy, một chút máu dây ra đỏ tươi, cái bụng phồng béo của rệp đã xẹp đi, ông soi con rệp lên ngọn đèn quan sát một cách thích thú -chú mày, chú mày chết với ông, ai cứ bảo cứ trêu vào ông mãi, đó, mày ngó thấy chưa, cả một giọt máu, máu tao chó máu ai vào đấy nữa. Sống chưa con ơi..."*

*Ông Tư đưa con rệp chạm vào thông phong đèn, con vật động mạnh, rồi ông lại bỏ ra, một mùi hôi nồng nặc thật khó chịu làm ông Tư nháy mũi ba cái liền, con rệp ở đầu kim bị rung mạnh đã rớt đầu mất, lúc dụi mắt xong, ông Tư không thấy, ông bực bội soi đèn tìm lại sau ông thấy nó dính ở ngay bàn tay. Lần này ông dùng cây kim chọc rồi hơ ngang vào ngọn đèn, bụng rệp bị nổ và kêu xèo xèo bốc ra mùi cháy khét.*

*Ông Tư tiếp tục bò xuống sàn, với một cái tăm nhỏ khều xuống khe ván, ông lùng kiếm những chú rệp đang ẩn ở đó, mỗi lần khều được ông lại gạt cho rệp bám vào cái tăm hơ vào ngọn đèn cho rệp rơi vào đó" (trích *Và Rệp*, sđd, trang 57-58).*

Phong cách trừ khử rệp của ông Tư không thua phong cách ăn gan uống máu chó của lão Chệt là mấy. Nhưng vấn đề của ông Tư "phức tạp" hơn, bởi kẻ thù của ông Tư, không chịu đầu hàng, vì hai lẽ: đánh sát lá cà từng con một như ông Tư vẫn làm thì không có cách nào cho chúng tuyệt chủng. Ông Tư thân cô thế cô trong trận giặc rệp này vì chẳng ai bận tâm đến chuyện nhỏ nhít như chuyện rệp. Ông Thức, một vị hàng xóm có học đang thảo luận với Bác Hai về những việc hệ trọng như tư bản, vô sản, mác-xít, Nga Mỹ đang thi nhau đưa người lên



mặt trắng... ông Tư xớ rớ lại chêm vào câu hỏi vớ vẩn "*Này thế mặt trắng có rệp không nhỉ?*", khiến cho con người học thức đó phải lằm bằm khinh bỉ: *Ám ảnh rệp một thứ ám ảnh của dân vô học.*

Rồi ông Tư vô học cũng được các vị bác học mách cho thứ thuốc tiên trừ rệp: DDT. Mua về rắc thì chúng chết tiệt hết, như thể ta nện bom nguyên tử. "*Trong thuốc bột trắng ông Tư đã thấy xác mấy chú rệp nằm im. Quân thù đã ngã trên chiến trường không một tiếng kêu*" (trang 67), nhưng DDT cũng chỉ được vài hôm, bọn rệp có cách hầm trú thần tình, khi thấy tình trạng tạm yên trở lại, chúng lại mò ra đánh du kích. Không thể trừ được rệp, ông Tư nổi khùng dùng biện pháp mạnh đốt nhà cho lũ rệp chết hết. Ám ảnh "rệp" của ông Tư cũng bi đát như ám ảnh "kẻ thù", một ung nhọt nằm vùng đột kích sự sống, dai hoai không thể "giải quyết" được: sống là gây vi trùng, là gây kẻ thù, "ở đâu có người ở đó có rệp". Càng sách động căm thù, kẻ thù càng bành trướng... sự sống càng trở nên cam go khốc liệt. Bộ ba Mậu truyện *Lấy máu, Những chuột, Và rệp* cùng chia mũi dùi vào sự độc ác của con người, dưới những góc cạnh khác nhau. Dương không cho nhân loại một ngõ thoát, cũng không tìm cách hoàn thiện con người bằng những giải pháp, mà chỉ bày ra những ví dụ sống, như Năm-Sàigòn, như lão Chệt, như ông Tư... và cũng là những ví dụ chết: con người không có lối thoát trong cái ác nghiệt tâm tởm của mình.

### **Dứt điểm của Mậu truyện**

Truyện ngắn *Đôi mắt trên trời* như một điệp khúc của truyện *Nói một mình* về cái chết. Điệp khúc bắt đầu từ cái chết của chiếc lá cuối cùng trên cành, có lẽ nó bị sâu ăn, rụng xuống đất. Con sâu cuối cùng của cây bàng. Nhưng rồi số phận con sâu cũng như chiếc lá, sẽ sống được bao lâu nữa? Con sâu rồi sẽ như chiếc lá cũng bị văng xuống đất vì một con chim hay ngọn gió vô tình, nó có bị đập không hay sẽ bị một đàn kiến làm thịt? Tại sao nó chết?

Nhân vật chính, vẫn không tên, cũng là một kẻ sắp chết, hấn đang nằm trên giường bệnh viện, nhìn ra ngoài, hấn đoái hoài đến số phận chiếc lá và con sâu bởi hấn cũng thế, hấn cũng đang hấp hối. Trong khi "chờ đợi", để "giết" thì giờ, hấn truy lùng cái chết như lùng một hung thủ. Gọi là chờ chết vậy thôi chứ thật ra hấn biết hấn đã chết từ lâu, ngay từ hồi nhỏ, hôm người chú vớt bố hấn lên từ con sông Cái: chân tay bị trói dật vào một miếng gỗ với cái đinh đóng vào đầu, miệng ngậm đầy rác. Hấn đã sống mà như chết trong bao lâu rồi, hấn không nhớ nữa. Hôm nay, đến lượt hấn, hấn cũng sẽ chết nhưng chết "lành" hơn, "dịu" hơn bởi hấn chết bệnh. Những giây phút cuối, êm đềm ở bệnh viện, tuy được bác sĩ và y tá chăm sóc tận tình, nhưng đầu óc hấn vẫn bị quấy rầy triền miên: cái thây của bố hấn với chiếc đinh mười phân và sợi thừng trâu và rác. Từng chi tiết cứ tức tưởi sống lại, chúng kèn cựa nhau chật ních trong óc hấn:

*"Hai cổ tay bắt chéo chùng như đã cứng vẫn nằm nguyên, chú kéo cánh tay trái ra, lật xác trở lại và kéo nốt cánh phải để lên bụng. Cánh tay như một que củi, chú cố vuốt và uốn cho cánh tay nằm trên bụng và ở trên nhau. Bây giờ tôi nhìn rõ hơn hai đường hằn bầm tím trên cổ tay đã đen, lõm vào trong thịt và làm mất cả một làn da. Một người bị treo trên cành cây đu đu lại với những chiếc roi quất ngang và thân hình oằn lên, hai chân dẫy đạp vào không khí, chiếc đầu ngoẹo đi ngoẹo lại và tiếng la hét trở thành rên rỉ rồi rử ra như một con sâu. (...)*

*"Chú kiểm chiếc gối mây cũ để lên đầu xác chết, vuốt mớ tóc ngược về phía sau một cách phẳng phiu, chú xoay trần lấy áo lau khuôn mặt nhọt nhọt, chú lau cả xuống cổ. Khuôn mặt tái xanh đôi mắt trợn ngược như một pho tượng đá. Chú đưa tay vuốt mắt lại khi chú buông tay ra thì máu tím ở trong mắt ứa ra giàn giụa, đôi mắt vẫn chưa chịu nhắm, chú vuốt lại và giữ tay lại đó một lúc, chùng như chút máu ứa ra đã đọng lại gắn đôi mi mắt lại với nhau và khuôn mặt trở*

thành hiện từ. Làn máu chảy xuống đọng thành hai hàng dài bên sống mũi như hai con giun đất đã bị kiến đốt chết không còn oằn oại.

Bà nội mang từ buồng bên ra một tờ giấy bản, chiếc đũa mộc, bà đổ vào tay cho chú Tâm mấy đồng tiền trinh. Chú Tâm đưa tay cạy hàm răng ra, nước trắng ứa tràn xuống cổ, chú nghiêng đầu cho nước chảy xuống mặt ghế, nước trắng ra hết, sau cùng là một vốc bùn đen với rãi nhớt, chú Tâm còn moi ra cả một mớ cỏ rác. Chú lau miệng rồi bỏ mấy đồng trinh vào đó, hai hàm răng cứng chú banh ra và ngáng chiếc đũa mộc vào. Chú quay bảo: "Cháu nhìn mặt bố đi." (...)

Tôi đứng lại gằn và đưa tay vào làn da lạnh, dưới hai lỗ tai một chút tôi sờ thấy rõ mũ một chiếc đinh mười phân còn trôi ra đó. Bố tôi không kêu thành tiếng, ngậm miệng với mớ cỏ rác trong họng, nhắm mắt với búng máu ứa, tay chắp với sợi thừng buộc trâu không cựa và chết với chiếc đinh mười phân đóng sâu vào đầu" (Đôi mắt trên trời, Giao Điểm 1966, trang 149-151-152). Những hình ảnh ấy đã đóng đinh lút mũ trong đầu hẳn, không có cách gì nhổ ra được. Chẳng biết hẳn sắp chết vì bệnh phổi hay hẳn chết vì những vết đinh làm mũ trong đầu, bởi hẳn vẫn đinh ninh "tôi cũng sẽ bị đóng một cây đinh vào đầu, nước lan trên mặt sập, mắt ứa máu, một mũi tên đen bay đến cắm vào ngực tôi rất sâu không sao rút ra được" (trang 157).

Hắn biết rõ rằng "Mỗi thế giới cách nhau một bờ sông đen", nếu bố hắn qua được dòng sông đen ấy thì có lẽ đã thoát được cả đinh lẫn thừng và rác. Cuối cùng, hắn nhìn thấy rõ nhất chiếc quan tài... ông thầy cúng ê a ba hồn chín vía... ở đâu thì về mà nhập hồn quan... Rồi hắn nhìn cả thấy phiên hắn: "Tôi trở mình nằm sấp xuống nền cỏ, mùi đất nhẹ nhàng và mùi cỏ tươi, tôi nhai trong miệng một cỏ tươi vị đắng nhẹ, hơi đất ẩm vây quanh, trong giây phút đầu tôi rỗng không" (sđd, trang 159). Âm ảnh cái đinh, dây thừng và rác đã theo hắn đến hơi thở cuối cùng và có lẽ "nó" vẫn sống với hắn ở bên kia thế giới, nếu có một thế giới bên kia.

Ngoài "nó" ra, sự rỗng không từ khước một ai: Người chết cũng cảm thấy mình rỗng. Cảm tưởng trống rỗng, hư vô, thấu suốt thân thể, đã có từ Ngạc, nhân vật đầu tiên của Mậu truyện trong *Tuổi nước đục*; rồi cảm tưởng này lại xuất hiện ở Lễ trong *Đêm tóc rối* và Quảng trong *Con sâu*: Sống cũng rỗng mà chết cũng rỗng, tất cả đều là những khối hư vô, trống rỗng, xa lạ với mình, với người, cô đơn từ lúc sinh đến lúc chết.

Truyện ngắn *Sợi tóc tìm thấy* đưa ra một nghiệm sinh khác: mỗi giây phút đang sống có thể là sự trùng hợp của nhiều khoảnh khắc đã sống cũng như mỗi tên gọi có thể ẩn nhiều nhân vật khác nhau. Ví dụ Phương có thể vừa là tên một người bạn trai, một người bạn gái và một đứa cháu gái lên tám, cả ba đều có chỗ đứng bất thường trong tim Thuấn, hay chính tình yêu khác thường này đã khiến Thuấn nhìn người này mà tưởng đến người kia: một sự nhầm lẫn, trùng hợp nên thơ, bí mật, khó hiểu, tạo ra khoảng không gian phi thời gian, phi nhân vật. Trong *Sợi tóc tìm thấy*, khái niệm *thời gian* hoàn toàn bị xóa bỏ: chủ nhật này đi ăn phở với Phương ư? Có thể là chủ nhật trước. Mà Phương nào? Cả ba Phương đều sống động, đều đã ngồi, đã nói cười với Thuấn. Không gian cũng chòng chẹo: cái ghế của cha Thuấn đặt ở chỗ kia, trong căn nhà mới này, nhưng có lúc hình như nó vẫn còn nằm ở căn nhà cũ khi cha anh chưa mất, bởi tiếng nói của ông cụ vẫn tiếp tục vang trong đầu anh. Khái niệm nhân vật cũng xóa: Phương có đó hay chỉ là ẩn thể của tất cả những gì thầm kín nhất đang chuyển động trong lòng Thuấn?

Triệt tiêu thời gian, không gian lẫn nhân vật, để không còn khoảng cách nào giữa hôm qua và hôm nay, giữa chỗ này và chỗ khác, giữa người này và người khác. Cái tên luôn luôn bất kỳ và vô nghĩa, nó không chờ được "nội dung" con người. Dường như Mậu muốn thể hiện ở đây sự phi lý của các khái niệm: không gian, thời gian, nhân vật, vẫn lại "dường như" vì đây chỉ là một "giả thiết" đọc Mậu truyện, chắc chắn còn có nhiều cách đọc khác với những giả thiết khác. Và

đó chính là một trong nét đặc thù của cách viết (mượn tạm chữ của Bùi Giáng) phơi mở, mở phơi này.

*Kinh cầu nguyện* (1967) tập hợp nhiều truyện ngắn hay về những nỗi đau trong mỗi trường hợp sống. Mỗi truyện là một vùng hoang tưởng khởi đi từ những nguồn khác nhau. Có thể từ sự chia cắt giữa hai mẹ con, khi người mẹ sắp đi lấy chồng, người con trai hụt hẫng tưởng mình bước vào cõi chết (truyện *Mẹ và con*).

*Bên sườn núi đá* phẳng phát hồn lão ngư ông và biển cả, viết về hai kẻ thuyền chài trên hải đảo, một già một trẻ, một người đã từng mài mê cuộc sống thủy thủ giang hồ, bỏ bê gia đình, một người đang đòi mình cho biển lấy về mẹ cá nuôi vợ con. Họ gặp nhau trong cô đơn trong nghiệt ngã của cuộc sống, trong những nghi vấn chưa thành lời về sự tồn sinh. Một kẻ đã gần đến cuối đường, một kẻ chưa đi hết nửa, những câu hỏi còn đang bỏ ngỏ họ đã bị gió bão cuốn đi và những trả lời đành chìm sâu đáy nước.

Truyện ngắn *Kinh cầu nguyện* viết năm 60, bây giờ đọc vẫn còn nguyên chất huyền bí, tương tự như *Sang sông* một truyện hay của Nguyễn Huy Thiệp viết những năm gần đây: Tuyệt đối mơ hồ về thiện ác, bối cảnh được trình bày như một thứ Từ Thức Kafka: khách, một kẻ đã chán thị thành, "ngao du" lên miền sơn cước, trọ trong một biệt thự mà chủ, dường như cũng đang "giữ bụi giang hồ" tìm vui trong kinh Phật. Sự gặp gỡ giữa hai (thế) giới chủ khách xảy ra trong bầu không khí vừa lạnh lùng, bí mật, lại vừa an nhiên, tĩnh độ như một khúc kinh cầu: kẻ nam mô nhưng chả biết trong bụng chứa gì? Mà rút cục rồi kinh là gì? Cầu là gì? Nguyện là gì? Sự nhật tụng có đi vào "bộ nhớ" của con người không? Hay tất cả chỉ là ảo tưởng, kể cả chuyện "nhớ"? Bạn có thể đọc nhiều lần truyện ngắn này, mỗi lần bạn sẽ tìm ra một ý nghĩa khác nhau và đó là cái duyên hạnh ngộ không ngừng mà một vài Mẩu truyện dành riêng cho bạn.

*Buồn vàng* (viết năm 1959) có âm hưởng nhức nhối đau thương như bài thơ *Đen* của Thanh Tâm Tuyền, khởi đi từ tiếng kèn xoáy buốt, âm thanh kim khí, man rợ "*vọng động tròn tròn đột như một viên sỏi ném xuống mặt nước yên tĩnh bắt đầu loăng xa những đợt sóng trùng điệp*". Không khí mê hoặc toát ra từ tiếng kèn. Tiếng kèn ma quái, từ phòng trà nào đó, do người da đen nào đó, thổi khúc nhạc Jazz nào đó, đã làm sống lại trong vô thức của một kẻ nghe nào đó, kẻ xưng tôi, kẻ... Tiếng kèn thoát tiên đuổi hấn xê ra, bắt hấn chạy thoát khỏi vùng tiếng động, rồi dần dần nó loăng đi, nhường chỗ cho trí tưởng tượng tung hoành (có thể là như thế, mà cũng có thể là không như thế). Sang màn hai, là sân khấu, là những tiếng cất lên, những lời vô duyên, vô nghĩa, không ăn nhập gì với nhau, có vẻ muốn quảng cáo cho một thiên đàng nào đó người ta không cần ăn uống, sinh đẻ, gì cũng sẵn, tất tần tật: đại tiện không phải lo hổ xí, chết không cần lỗ chôn, đã có đà điều cấp xác bay đi... tóm lại là một kiếp tiên, sướng nhưng vô duyên lãng xẹt, không phải kiếp người, hấn đang nghe, lắng nghe, hấn nghe thấy tiếng bánh xe quay đều, hấn bỗng "ngộ" khỏi thiên đường, à thì ra vậy, là bài bản, là máy quay sẵn, ghi sẵn; hấn bèn ôm chầm lấy "vật" gần nhất vây quanh hấn lúc bấy giờ, là... *bóng tối*. Sang màn ba, cái bóng tối mà hấn ôm riết ấy hoá ra là "*một lần da sần sùi không hơi nóng, không thoi thóp thờ, một thứ gì sượng sần, nhớp nháp, tim tôi đập mạnh, mồ hôi đổ nóng, má tôi chạm vào một làn đất sỏi khô. Một điệu kèn ré lên buốt nhức...*" Hấn đã tìm thấy "thiên đường" thật.

Tiếng kèn thấu vào lục phủ ngũ tạng hấn, như một nhịp điệu man rợ, như ngọn lửa nhiệt đới oằn oại, dấy lên những đam mê, dục lạc, những thèm khát đón đau của thân phận nhục thể. Hấn đã tìm thấy tri âm, hấn "*nhắm mắt và giữ chặt bóng tối*". *Buồn vàng* được viết như một bản Jazz hoà màu những tối tăm cực thực tạo nên những biến khúc lạ kỳ trong âm thanh màu sắc "*Người nhạc sĩ uốn cong thân hình, oằn oại như một con trăn ngũ sắc vừa nuốt vào bụng*

một loài vật đang vận mình tiêu hoá. Hấn cú gập, vươn cao và những âm thanh oản oại, tức tưởi, nghẹn ngào, uất ức, đấng và buốt trườn lên". Mậu đã tấu lên hợp âm vàng-đen trong da thịt, trong tiếng kèn của người nghệ sĩ đen như bóng tối với những nhịp yêu thương, những cơn ác mộng tù đầy, hiếp bức, nô lệ. Tiếng kèn thức tỉnh nỗi *buồn vàng* của những thế giới nhược tiểu, trầy trụa, không căn cước, không cả màu da.

Ví dụ (trong Ngã đạn) viết năm 1964, đưa ra một thử nghiệm táo bạo khác về truyện ngắn: truyện viết bằng những fragment, những mảnh vỡ tứ tán, không ăn nhập gì với nhau, trừ một ý nghĩa sâu sa nào đó mà tác giả giấu kỹ như một thách thức với độc giả. Chương một quay trong lò lợn sáng tinh mơ, với những "con heo trắng như bột nhoa nhếch máu tươi đã bị chặt mất đầu", với những "tay em" (hoạn lợn) chặt đầu heo nhanh như cắt, trên đời chẳng sợ gì ai chỉ lo chết xuống âm phủ bị ma lợn quấy. Sáng hôm ấy, trong đám xác lợn chất lên các xe hàng đem vào thành phố có lẫn một cái xác, cũng cụt chân tay cụt đầu nhưng không phải xác heo mà là xác người.

Chương hai và các chương nối tiếp quay hẳn sang những "bình diện" khác, về tình yêu, về sự ghen tuông, về những cái chết khác, những "tai nạn" khác, thừa nhận hay vô thừa nhận, tựu trung là không ai biết nguyên do, sự thật ra sao. Tất cả dường như chỉ là những mảng đời mà mỗi đoạn, mỗi chặng, mỗi cảnh, chỉ là một "ví dụ" như một hư cấu thoáng qua trong óc tác giả hay trong bản chất ngẫu nhiên, phi lý của cuộc sống. Mỗi "ví dụ" là một hồi, một thoại, một cách dàn cảnh của người sáng tác, một cách hư cấu. Cùng một câu chuyện yêu đương và đổ vỡ nhưng nhân vật nữ kể khác hẳn nhân vật nam. Dường như tác giả muốn gửi đến người đọc tính chất bất kỳ của cuộc đời: như thế này mà cũng có thể như thế khác, không có gì nhất định, tất cả có thể như cái búng tay xoay như chong chóng, cuộc đời chẳng qua chỉ là những ví dụ. Như cái tên của bạn, có thể là X, Y, có thể là chữ Q, chữ P, chữ T hay chữ H, để rồi cuối cùng mọi sự cũng đều đến đích như heo vào lò, nhưng có lẽ con người khá hơn con heo một chút, con người có thể có một địa chỉ cuối cùng, đọc được: nơi đây an nghỉ giấc ngàn thu X, Y, Z...

Cho tới nay, trong văn học Việt, chưa có nhà văn nào khai triển con người hư vô, một cách triệt để như Dương Nghiễm Mậu. Ở truyện dài, Dương Nghiễm Mậu khai mở những bối cảnh xã hội, phơi bày nội dung chiến tranh qua những thân phận nhược tiểu mà hận thù đã tàn phá cả cơ thể lẫn tâm hồn. Bạo lực gia đình dẫn đến bạo lực chiến tranh, cả hai cùng hợp tấu, đồng lõa nhào nặn nên những con người rỗng, không phản ứng, con người lệch trục, tê liệt trước yêu đương hạnh phúc. Chất hư vô trong Mậu truyện vừa có ý nghĩa triết học, là khoảng trống nhận thức được trong những suy tư siêu hình của con người, vừa là một thực tế nhìn thấy trên chiến trường khốc liệt Việt Nam. Trong truyện ngắn, Dương soi sáng hai khía cạnh hư vô ấy bằng mọi hình thức sáng tạo mà ông có thể mượn tượng được: ông tra khảo cái sống, quật mồ cái chết, để những tử thi được dịp nói về mình. Những nhân vật trong Mậu truyện thường lảm mồm, họ nói liên hồi, nhưng lời không thành tiếng, họ *nói một mình*, tiếng họ vọng từ hư vô và thảy vào hư vô. Những người yêu hay có tên Quyên, nhiều nhân vật chập trùng trong một tên, như Phương, tạo ra một thế giới có thể đồng tính, có thể lưỡng tính, đôi khi dẫn đến ảo giác loạn luân... nhưng tất cả chỉ là những "ví dụ", những trường hợp sáng tác.

Chập tính bất kỳ của sáng tác với tính ngẫu nhiên của đời sống để khai toả cái chết như một sự thật mà nhà văn vừa muốn điều tra vừa muốn xác nhận như mục đích cuối cùng của con người, một cứu cánh phi lý, không thể hiểu được. Trong những nhà văn Việt Nam thuộc thế hệ 60-70, Dương Nghiễm Mậu đứng riêng một cõi, cô đơn, dường như không bạn đồng hành và đã tạo được thế giới văn chương Dương Nghiễm Mậu, đầy khúc mắc, trần trở mà người đọc nhiều thập niên sau sẽ còn phải nhiều lần nghiêng xuống *Mậu truyện* để tìm biết những gì đã xảy ra trong lòng thế hệ này. Thế hệ tan nát như trái phá, bị dày xéo bởi nô lệ và nhược tiểu và cũng để nhận diện những khám phá, những tìm tòi của Dương Nghiễm Mậu về cấu trúc truyện

ngắn và tiểu thuyết cũng như cái nhìn vô vọng của ông về một cõi người không lối thoát bị bủa vây bởi hận thù và tàn ác, âm thầm cùng đi vào cõi chết với nhau trong rã rời, tan tác, không hiểu nhau và không hiểu cả chính mình./.

*Paris tháng 1- 6/2004, Xem lại 5/11/2010. Bản gửi từ tác giả.*

## Con đường Dương Nghiễm Mậu Mai Thảo



Khoảng cuối thập niên 50 và bắc cầu sang đầu thập niên 60 – cây cầu đến nay còn soi bóng tuyệt đẹp trên dòng sông đất nước – những tấm lòng đồng chí với những phá vỡ và những làm mới của văn học và cho văn học, đã được liên tiếp chứng kiến gần như trong cùng một thời điểm, hai cuộc lên đường đi về những chân trời phía trước của một thế hệ những người cầm bút ở miền Nam.

Lên đường thứ nhất khởi sự từ Lên Đường Lớn: từ hiệp định chia đôi đất nước, từ Bến Hải và vĩ tuyến 17, theo những bước chân trùng trùng của di cư một triệu. Đội ngũ tiên phong của nó là Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Tô Thùy Yên, Quách Thoại, Nguyễn Sĩ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Cung Trầm Tưởng, Hoàng Anh Tuấn và Nguyễn Sa, những người trước vào từ miền Bắc, bài thơ thứ nhất viết dưới những mái lều vải tạm trú của sinh viên, hai người sau "viễn phương" hơn, lên khỏi những hầm rượu tả mạn sông Seine, mới từ Pháp về. Những vì sao đầu này của một vòm trời văn chương vừa dựng thoát đầu là những lấp lánh lẻ tẻ. Trên tờ Dân Chủ của Vũ Ngọc Các, tờ Đời Mới của Nguyễn Đức Quỳnh, Trần Văn Ân, từ Lửa Việt, Người Việt của sinh viên Hà Nội di cư. Rồi sau cùng đến với nhau thành một hợp mặt chung trên tờ Sáng Tạo.

Lên đường thứ hai, đã thấp thoáng trong dấu chân lên đường thứ nhất, nên có thể coi như một đồng hành, làm một gờm thành đầy khí thế của những người viết trẻ, tất cả đều ở tuổi hai mươi, và diễn đàn chính của họ là tờ Văn Nghệ, chủ nhiệm Lý Hoàng Phong, anh ruột nhà thơ Quách Thoại. Họ là Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Du Tử Lê, Đỗ Quý Toàn, Trần Đức Uyển, là Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Nghiệp Nhượng. Và một người viết mới, tuy cùng một lên đường với bằng hữu nhưng độc lập, tách biệt, như đi một mình trên con đường riêng. Đó là Dương Nghiễm Mậu.

Những người của hai lên đường làm mới văn học nói trên, đến nay tuy đã mấy chục năm, nhưng với phần lớn tôi đều giữ được những kỷ niệm về lần đầu gặp mặt. Kỷ niệm với mỗi người mỗi khác. Thanh Tâm Tuyền, căn gác xếp ám khói ở toà soạn Dân Chủ, hẩn hỏi xin một

điều thuốc và tôi tưởng hẳn là thợ sắp chữ. Nguyên Sa cái mũ trắng thầy giáo, lần đầu tới Sáng Tạo, gọi tôi vào phòng trong dãy một điệu nhảy swing. Cái áo thun cũ, cái quần sà lòn của Doãn Quốc Sĩ, bữa ăn trưa đãi tôi ở Đại Học Xá. Cung Trầm Tưởng, cái cà-vạt đỏ chói, tóc đóm đáng từng sợi. Viên Linh mặt mày cau có giận dữ vì đến đưa thơ tôi còn ngủ vùi, cửa toà báo treo tấm biển đi vắng. Trần Thanh Hiệp không nhìn lên, vùi đầu vào cuốn tự điển to gấp hai người Hiệp. Quách Thoại, cái anh chàng khả ố ngất ngưỡng ở tiệm ăn Thanh Thế, lần gặp đầu đã tự nhận là vua thơ một thời. Nhưng kỷ niệm về lần thấy đầu, biết đầu với Dương Nghiễm Mậu là vô tình và lý thú nhất, sau này tôi kể chuyện lại, anh em còn cười lớn với nhau.

Nhớ đó là một buổi trưa rảnh rỗi, tôi ghé vào thăm một diễn đàn bạn. Người bạn đang cảm cúi làm việc. Tôi kéo ghế ngồi hút thuốc lá, thấy ở cạnh mình một cái sọt rác đựng đầy những bản thảo gởi đăng không đăng và liệng bỏ đi. Buồn tay tôi nhặt những tờ bản thảo bị xé bỏ ấy lên coi. Cuối cùng và ở tận đáy cái sọt rác ấy là một bản thảo truyện ngắn. Tôi đọc mấy dòng đầu, giật mình vì lồi vào truyện mạnh dạn, mới lạ, khác biệt hẳn với lối vào truyện vòng vo ngập ngừng thường thấy ở những người viết mới. Đọc tiếp mấy trang nữa; tôi hỏi người bạn: "Bỏ đi tất cả đây à?" Người bạn không ngừng đầu lên: "Ừ, đã đọc rồi bỏ không đăng" "Moi lấy đi được không?" "Để làm gì vậy?" người bạn ngạc nhiên hỏi. "Mặc moi" tôi nói, và cất cẩn thận cái truyện ngắn bị vất bỏ ở một diễn đàn bạn vào túi áo, trở về đăng ngay nó và nguyên văn không sửa một cái dấu phẩy trên tờ Sáng Tạo số đang làm. Người bạn tôi, chỉ biết thấy giá trị những tác giả đã thành danh, không thấy được những hạt ngọc lánh lánh lặn ra từ những cõi viết còn vô danh chưa tên tuổi đã liệng đi cái hạt ngọc vẫn xuôi ấy là truyện ngắn Rượu Chưa Đủ, truyện đầu tay của một người trẻ tuổi mới viết văn bấy giờ là Dương Nghiễm Mậu. Hạt ngọc bị vất bỏ ấy và tôi đã tình cờ lượm được, đúng là một hạt ngọc. Bao năm rồi không đọc lại tôi chẳng thể nhớ hết từng chi tiết của truyện chỉ nhớ cái chàng nào đó với bút hiệu Dương Nghiễm Mậu đã có ở Rượu Chưa Đủ một đoạn văn kết thúc tuyệt hay. Đoạn văn tả người anh đến đón em ở viện mồ côi. Hai anh em cùng mỗi cô cha mẹ từ sớm. Hai anh em đi lang thang một ngày trong thành phố, không có một đồng xu nhỏ. Buổi chiều, trước khi đưa em trở về viện, người anh dẫn em vào một công viên, yên lặng lấy đất đắp thành những mô hình sông núi quê hương, thăm nghĩ hai anh em tro tro giữa đời, thôi bày trò chơi đắp hình, sông núi với em, để có được cùng em, dù một cách rất tội nghiệp buồn rầu, một ý niệm về điểm tựa, về nguồn gốc. Thật là chững chạc và cũng thật là cảm động. Đó là truyện ngắn thứ nhất của Dương Nghiễm Mậu.

Sau này, ngắm nhìn một Dương Nghiễm Mậu đã nhanh chóng nổi tiếng, đã có hàng chục tác phẩm được in ra, có được thêm những nhận thức mới về cõi văn sáng rõ một tâm thức thời đại vô chừng nghiêm chỉnh hiem thấy ở một người viết trẻ, tôi vẫn mãi mãi nhớ đến hai đứa bé mồ côi đắp hình sông núi quê hương trong sáng tác Rượu Chưa Đủ tôi lượm được trong sọt rác một toà báo của Mậu. Một công viên vắng lặng. Công viên đó chính là hình ảnh con đường văn chương Mậu đã mở ra và đi trên đó, một mình. Những mô hình sông núi quê hương. Đứa nhỏ mồ côi nghiêm chỉnh, sớm hiểu biết, ý thức trong truyện cũng chính là Dương Nghiễm Mậu, đã đắp xong và rất hoàn chỉnh, những mô hình sông núi cho cõi văn, cõi viết của mình.

Tuần lễ trước đây, ở một lá thơ của một người bạn thân gởi sang từ Sài Gòn, có một đoạn bạn tôi vắn tắt cho hay về Dương Nghiễm Mậu sau 1975. Dương Nghiễm Mậu không đi năm 1976, phải trình diện học tập cải tạo, bị giam ở trại tập trung Phan Đăng Lưu Gia Định, hơn một năm sau được thả về cùng một đợt với Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Hiệu, Nhã Ca. Thư kể Mậu bây giờ làm việc ở một xưởng sơn mài thành phố, vẫn sống cùng vợ con trong ngôi nhà cũ vùng ngoại ô Trương Minh Ký, một đời sống từ lâu đã biết làm cho đơn giản đến tận cùng khiến nghèo túng đến mức nào cũng không còn là thảm kịch, và dẫu ở cảnh ngộ nào cũng thư thái ung dung. Thư kể Mậu đi bộ khoan thai trên hè phố, cái dù đen nơi tay, cái nhìn hóm hỉnh, nụ cười tươi tắn. Đúng là Dương Nghiễm Mậu, vẫn là Dương Nghiễm Mậu ấy, sau Rượu Chưa Đủ

đến tìm tôi và đưa thêm những truyện mới, những sáng tác mở đầu cho sự nghiệp văn chương tốt đẹp này của Mậu đều được trang trọng giới thiệu trên tờ Sáng Tạo Bộ Cũ và Bộ Mới. Nụ cười tươi tắn, cái nhìn hóm hỉnh. Đúng là Dương Nghiễm Mậu, độc lập một trời riêng, tách biệt một đường riêng, phản chiếu trong văn viết và trong một tấm hình nổi tiếng đục áo của Trần Cao Lĩnh, Mậu nhắm mắt mỉm cười dưới một mặt kim đồng hồ kim phút kim giờ cùng ngộ nghĩnh rớt xuống.

Sau biến cố 1975, trước khi bị truy nã và do đó đứt hết liên lạc bằng hữu, tôi còn gặp Dương Nghiễm Mậu nhiều lần. Một lần ở cổng xe lửa số 6. Trời râm mát mà tác giả Địa Ngục Có Thật vẫn chiếc dù đen trong tay, như một vật tùy thân. Mừng rỡ đứng lại trò chuyện giữa tan hoang Cộng Sản đã vào. Mậu cười nói với tôi: "Nhiều chuyện lạ lắm sắp xảy ra, đây chỉ là bắt đầu và anh em mình sắp nhìn thấy". Rồi kể là đã sắp đặt tức khắc xong xuôi đời sống. Đã đơn giản còn chỗ đơn giản hơn nữa. Đã thu hẹp còn cho thu hẹp hơn nữa. Để lúc nào phải đi thì đi.

Ít lâu sau, quả nhiên Dương Nghiễm Mậu đã "phải đi", cùng với anh em văn nghệ sĩ miền Nam. Đi thẳng vào trại tập trung Phan Đăng Lưu. Một lần khác, gặp trên hè đường Tự Do, xé cửa nhà sách Xuân Thu. Mậu, một cây dù Tú Xương, tay kia xách một túi giấy, nói ở trong là một cái chăn len, đồ dùng quý nhất còn lại trong nhà, và Mậu đang trên đường ra chợ trời Tôn Thất Đạm bán lấy ít tiền đem về cho vợ mua gạo. Kể chuyện khốn quẩn mà cười thật vui, nét mặt sinh hoạt, ánh mắt riêu cợt. Sau 1975, tôi đã nhìn thấy ở nghệ sĩ ta một số bản lĩnh chói loà. Những phong thái trầm tĩnh, những bản ngã dũng liệt, trong nghịch cảnh mới như một đường kiếm tuốt ra khỏi vỏ, mới lấp lánh hiện hình. Nhưng tươi tắn, vững vàng và trong sự trẻ trung đặc biệt, gần như không có tuổi, thì là Dương Nghiễm Mậu thôi. Chỗ này là chỗ nói đến võ công thâm hậu, đến tư duy đạt thành và kín thẳm nhưng đoán thấy, sự kiêu hãnh tuyệt của người nhà văn nơi Dương Nghiễm Mậu.

Lần sau cùng gặp, thời gian này Mậu vừa được trả tự do, là chiếc dù đen hiện triết tôi nhìn thấy ở trước rạp chiếu bóng Trương Minh Giảng. Lần đó, kẻ bên này đường, kẻ bên kia, tôi đang bị truy lùng ráo riết, nên chỉ nhìn nhau gật đầu, vẫy tay chào không ai đứng lại. Khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng tôi nhớ vừa đi vừa còn nhìn lại, nhìn cây dù đen văn chương xa dần, lòng đầy quý mến.

Bạn hữu còn kể ít nhiều chuyện về hơn một năm lao tù của Mậu ở Phan Đăng Lưu. Như về cái thái độ trầm tĩnh của Mậu đã có một ảnh hưởng rất tốt đẹp với anh em cùng tù, đặc biệt là với Nhã Ca, bao nhiêu năm vẫn trước sau kính trọng Dương Nghiễm Mậu như một người anh lớn. Biết Nhã Ca ngạo ngược nóng nảy, Mậu vẫn tất khuyên: "Cô còn phải trở về nuôi tụi nhỏ", và kèm sát Nhã Ca trong những buổi học tập kiểm thảo. Phải nên có thái độ nào cho đúng, kiểm thảo như thế nào mới là khôn ngoan, an toàn, nhất nhất Nhã Ca đều chịu nghe theo những chỉ dẫn của anh "Dương Nghiễm Mậu". Một chuyện ngộ nghĩnh về Phan Đăng Lưu: Buổi sáng hai anh em được trả tự do, Nhã Ca có người đến đón ở cửa trại, Mậu không có ai, Nhã Ca còn 5 đồng trong túi, Mậu không có một đồng nào. Nhã đưa cả 5 đồng cho bạn, để đi xe. Mậu cảm tiền cười lớn: "Anh là ông vua đi bộ ở Sài Gòn, cần gì xe cộ nữa" và dùng 5 đồng của Nhã Ca ung dung vào quán uống cà phê. Chi tiết này đủ cho thấy bản lĩnh Dương Nghiễm Mậu trong nghịch cảnh.

Một chuyện ngộ nghĩnh khác, vẫn về Phan Đăng Lưu. Chẳng hiểu vì lý do nào cùng với Lê Xuyên tác giả Chú Tư Cầu, Mậu là một trong hai tù nhân văn nghệ bị quản huấn bỏ quên lâu nhất. Mãi gần nửa năm sau, mới được gọi tên. Cuộc thẩm vấn tức cười không thể tả được:

- Dương Nghiễm Mậu. Tên thật Phí Ích Nghiễm.

- Sao lại những hai tên?

- Một tên cha mẹ đặt. Một tên vì nghề nghiệp.

Quản huấn lắc đầu, Mậu không có một hồ sơ tội phạm. Đành hỏi:

- Anh bị bắt vì tội gì?

- Tôi không biết.

- Vô lý. Phải có tội mới bị bắt. Anh làm nghề gì?

Mậu nửa đùa nửa thật:

- Nghề văn nghệ sĩ.

Tên quản huấn dốt nát chẳng hiểu nghề văn nghệ sĩ là cái nghề quý gì, nhưng nét mặt rạng rỡ:

- Có thể chứ. Vậy tôi ghi vào hồ sơ tội trạng anh, anh nhớ kỹ nhé, tội anh là tội văn nghệ sĩ.

Tội văn nghệ sĩ. Téo thật. Nhưng cũng là sự thật. Tác phẩm Dương Nghiễm Mậu, sau 1975, cũng bị đem ra trưng bày tại phòng Triển Lãm Tội Ác Mỹ Ngụy như sách của chúng tôi. Nội dung những tác phẩm Dương Nghiễm Mậu cũng bị đem ra mổ xẻ và đả kích thậm tệ ở các lớp học, các buổi họp và trên đài phát thanh Cộng Sản. Cái "tội văn nghệ sĩ" do tên quản huấn dốt nát định cho Mậu ở buổi thẩm vấn Phan Đăng Lưu, tôi biết. Mậu công nhận và còn thắm công nhận mãi. Như một ở cùng cảnh ngộ với bằng hữu. Như một tin tưởng vĩnh viễn ở chính mình, và qua bản thân, ở văn chương. Văn chương với Dương Nghiễm Mậu, mang ý nghĩa tốt đẹp nhất và toàn vẹn nhất của một tự thành. Con đường đi vậy là trước sau thông suốt. Những bước chân đi trên con đường ấy vậy là đã tới. Tôi vẫn nghĩ trở lại cái truyện ngắn đầu tay Rượu Chưa Đủ của Dương Nghiễm Mậu tôi nhặt được trong một cái sọt rác và đăng lên một số Sáng Tạo năm nào. Đứa trẻ mồ côi im lặng đào đất chơi trò đắp hình sông nước quê hương. Trò chơi tuyệt vời ấy đã hoàn tất. Nó cũng là cái trò chơi chúng ta cùng nhìn thấy là tuyệt vời và đã hoàn tất, bằng văn chương của người viết văn đi một mình trên con đường mình là Dương Nghiễm Mậu.

Tin nhà đưa sang cho biết hiện giờ nhà văn Dương Nghiễm Mậu đã trở thành công nhân một xưởng sơn mài thành phố. Bằng hữu văn nghệ ở Sài Gòn gần như trên hết thầy đã ngừng viết và đã phải đổi nghề. Để sống. Để có lao động, để được yên thân. Nghe nói Nguyễn Thụy Long đi đạp xích lô. Nghe nói Trần Lê Nguyễn bán sách cũ. Nghe nói Nguyễn Đình Toàn nuôi thỏ nuôi gà ở làng Báo Chí cũ. Tất cả đều dãi dầu, tất cả đều sương nắng. Nghe những tin nhà về bạn bè, thấy lòng xót xa buồn rầu, nhìn thấy những khổ cực đang chồng chất lên những thân thể chữ nghĩa thất thế và đang phải sống giữa chế độ hiện giờ của chúng ta. Riêng nghe tin Dương Nghiễm Mậu bây giờ làm công nhân một xưởng sơn mài thành phố, không hiểu sao tôi lại thấy vui vui và muốn cười. Có lẽ vì Dương Nghiễm Mậu bao giờ cũng đến với tôi bằng khuôn mặt đó. Khuôn mặt một người nhắm cả hai mắt lại, cho cái nhìn trở thành cái nhìn bên trong, cái nhìn tâm hồn, và nụ cười tùm tùm hóm hỉnh là chân dung Mậu ở tấm hình chân dung ngộ nghĩnh của Trần Cao Lĩnh. Cũng có lẽ vì tôi thấy Mậu vững chãi nhất, chẳng phải buồn phiền và xót xa cho hấn.

Công nhân một xưởng sơn mài thành phố. Cây dù đen Tú Xương. Đúng là cảnh "Sáng vác ô đi tối vác về" rồi nhé. Dương Nghiễm Mậu! Những tấm sơn mài. Cây dù bên cạnh. Tôi đang hình dung ra Dương Nghiễm Mậu ngồi một mình một góc trong một xưởng thợ Cộng Sản, trước những tấm sơn mài ấy. Muốn hỏi Mậu ở Việt Nam nghìn dặm : "Những tấm sơn mài ấy có vẽ hình sông núi quê hương?" Chắc là có. Chắc là có. Không trên tranh thì trong tim, trong hồn, trong thức, trong ý. Và cái nền của sơn thì vẫn là một con đường. Con đường đi qua đời sống.



Con đường đi qua văn chương. Con đường đẹp nhất, vì con đường thẳng tắp. Con đường đẹp nhất, vì là con đường một mình. Cuối cùng là đưa trẻ mồ côi trong truyện ngắn đầu tay Rượu Chưa Đủ của Dương Nghiễm Mậu sự thực không bao giờ mồ côi. Mồ côi là những kẻ khác kia.

## Dương Nghiễm Mậu: Thử xét ba lối viết trong ba thời kỳ Trần Văn Nam

Nhà văn Dương Nghiễm Mậu xuất hiện rất sớm trong Tạp chí Sáng Tạo ở Sài Gòn, thuộc thời Văn Học Miền Nam, có truyện đăng báo khoảng năm 1956. Từ 1963 đến 1975, ông đã có đến 20 tác phẩm được xuất bản. Vậy thử "xét giới hạn ba lối viết trong ba truyện ngắn và trong ba thời kỳ", kể như là quá ít đối với sự nghiệp văn chương của Dương Nghiễm Mậu. Điều này khẳng định đây không phải một bài nghiên cứu hay phê bình văn chương đòi hỏi phải đào sâu và xét toàn diện các tác phẩm của một nhà văn. Ước mong đây chỉ là một bài tiểu luận nhỏ, một bài nhận định nhỏ về văn học. Ba truyện ngắn này, người viết bài có dịp đọc từ rất lâu, đến nay vẫn còn hoài những điều tự hỏi. Có phải không ba truyện ngắn dưới đây đã viết theo ba lối: truyện "Cũng Đành" viết tự phát theo khuynh hướng vẽ lại bức tranh cùng khổ do chiến tranh, có thể quy định thuộc loại văn chương "Hiện Thực Xã Hội Thời Chiến Tranh"; truyện "Niềm Đau Nhức Cửa Khoảng Trống" viết tự phát theo hướng tự vấn nội tâm diễn giải thành "Tra Hỏi Hiện Sinh Phi Lý"; truyện "Bên Sườn Núi Đá" viết không tự phát mà có dự định theo hướng "Viết Theo Dòng Ý Thức" (đúng hơn là phải nói theo lối viết đồng-xuất quá-khư hiện-tại).

Nhà văn Dương Nghiễm Mậu (sinh năm 1936) ở lứa tuổi biết thế nào là loạn lạc vào thời Pháp trở lại Đông Dương, thời xảy ra cuộc kháng chiến chống Pháp, thời Pháp kiểm soát hầu như khắp lãnh thổ và tiến hành bình định. Dân chúng chạy tản cư, rời hồi cư; khôn khổ vì những nghi kỵ Việt Minh trà trộn vào thành phố. Ông viết truyện "Cũng Đành" trong bối cảnh ấy. Có thể ông đã chứng kiến đau khổ của nạn nhân giặc giã, hoặc có thể ông đã từng kinh qua sợ hãi dù khi ấy ông mới chỉ ở tuổi thơ không bị hạch hỏi tra xét nhiều như người trưởng thành. Rồi khi lớn lên lúc đã di cư vào Nam, ông viết truyện hồi ức mô tả những cảnh mắt thấy tai nghe thời kỳ Pháp chiếm đóng Hà Nội, ngôi bút mô tả hiện thực chiến tranh, hiện thực xã hội cùng khổ. Mô tả có tính chất tự phát, thấy sao thì viết vậy, nghĩa là chưa có ý thức với lý thuyết "viết theo khuynh hướng hiện thực xã hội thời chiến tranh". Cũng Đành: truyện một thanh niên thuộc một đơn vị kháng chiến (nhân vật xưng tôi, nhưng ta biết đây không phải tự truyện vì thuở ấy tác giả còn ở tuổi thiếu niên), vì bệnh sốt rét phải trở về làng chữa bệnh. Ăn uống thiếu thốn, cơm với bầy tám phần trộn sắn ngô, bệnh sốt rét không thuốc men phải liệu theo cách chỉ bảo nuốt sống những con giun (trùn đất). Dĩ nhiên bệnh không chữa khỏi, anh liều vào Hà Nội tìm thuốc uống mà không có giấy thông hành (giấy đi lại vào ra thành phố cấp cho những người đã được chính quyền Pháp công nhận có cư trú trong vùng kiểm soát). Làng anh ở cách Hà Nội 43 cây số. Trong mình không có giấy tờ nên chủ xe nào cũng từ chối cho anh lên xe, may có chiếc xe chở củ nâu bằng lòng nhét anh vào giữa những bao củ nâu. Đây là cảnh thường xảy ra thời quân Pháp kiểm soát những nút chặn đi vào thành phố: "Khi tỉnh dậy thì xe đang ngừng. Tôi lắng nghe tiếng giày đinh lộp cộp, những bao củ nâu bị lay động và có tiếng chọc của một chiếc gậy sắt. Tôi biết là xe đang bị khám, nên hai lần bị gậy sắt thọc vào lưng, tôi không dám nhúc nhích...". Gần tới Hà Nội thì chủ xe không dám cho đi tiếp, và anh bị bỏ lại bên đường giữa hiu quạnh hai bên ruộng lúa. Chủ xe cũng thương tình cho anh vài đồng bạc. Trời còn tối, anh mò vào một cái chòi bỏ trống giữa đồng, sáng ra phải đi ngay vì cái chòi ấy chính là cái quán bán bún riêu và bánh đúc cho nông dân đi ruộng. Anh cũng trượt lọt vào được thành phố, đói quá phải bới móc những thịt bánh sót lại trong những lon hộp vứt bỏ ở các đồng rác. Gặp người làm công cho bố mẹ ngày xưa, được ông cho tá túc trong lều rách nát, và kiếm cho việc làm trong lò nấu thủy tinh làm ve chai. Nhưng vì uống quá nhiều thuốc ký-ninh trị sốt rét, anh trở

thành nghềh ngãng, bị đuođi việc. Anh kiếmsống bằng cách đi mớcrác, thu gom ve chai và vụn sắt, bán cho các nơi tái-biến-chế. Có lần anh trúng mớitìm nhậtrất nhiềudo phế thải ấy, do quỹ kế gặtcác người đi tìm hàicốt nhữngthân nhân bị chôn vùi trong nhữnghầm trú bom bị máy bay đấnh sậpthời chiếnthanh Mỹ-Nhật: họ tưởng anh là người cư trú trong vùng nên biết đích xác nơi nào có hầm sụpchôn người, họ cứ theo lờichỉ điểmbịa đặt của anh mà đầobớivà anh trúng mánh tiếptục thu nhậtmảnh vụn phế thải đem đi bán. Tuy vậy, anh cảm thấy ngao ngán cuộc sống lầy lắt này, có ý nghĩ muốncó chết cho rồi.Kiếmsống đượckhám khá, một hôm anh đầng ấngà luộc thì có một đứacon gái cũnghèo đóinưng có vẻ thuộc giớigiang hồ,thần nhiên cùng dự bữa ấng. Anh theo về gian nhà tạm bợ của nó, và hai người sống chung, rồi chia tay, và điềukhông may tiếpliền theo là hậu quả không giáýtừ cư ngụ ở Hà Nội. Anh kể vụ cô gái giang hồ đem “bồ” mới về nhà và đuođi anh đi như sau: “Đừnng lấygã đó. Ở với anh... Mấy ngày sau chúng tóttổng cồđi với mấy chục bạc. Tôi ngày ngày đi mớcrác, chiều đếnmò vào Văn Miếunằm. Đem đem sờ soạng nhữnghiếng bia đá, nhữnghiếng gạch ngóinằm im mà thấy tũithân... Đếnmột khuyakia, tôi thức đậpvì ánh sáng đèn bin soi vào mặt. Tôi mở mắt nhìn bọnlính chĩa súng vào người.

Chúng hỏigiấy tờ, tôi không có gì nên điềuvề bớ...”. Anh bị nghi ngờ, bị tra khắodủ thứ cực hình, bị hạch hỏi và trả lờikhi thế này khi thế khác nên càng thêm tội, cầu viện đếncô gái giang hồ để mong cô nhận là vợ cho khỏi bị nghi ngờ anh là đích vào thành phố, nhưng cô ta nói không quen biết. Cuối cùng thì anh bị quân Pháp xử bắnc. “Cũnng đầnh một kiếp người”: Chắcdây là ý tưởng chủ đạocủa truyện ngắn này. Tác giả viết truyện tự phấtnhưng có thể quy địnhthào vào phạm trù thuộc khuynh hướng “hiện thực chiếnthanh, hiện thực xã hội”. Nhà văn chỉ kết án tình thế chiếnthanh làm con người đi đếnthảm kịch; trong đó có người tốt người xấu (ông chủ xe không xấubụng lắmm, người làm công cho bố mẹ cũ có tình người, cô gái giang hồ trở mặt, và chính anh cũnng là một gã mánh mụm). Hiện thực xã hội trong truyện của Dương Nghiểmm Mậukhông đặnmét máuthuần giai cấp; cũnng không đặnmét phán đốan đạodứcc; còn quân Pháp đầng chiếmdóngthành phố thì đường nhiên thuộc phe ác.Như vậy, nhà văn viết truyện nhiềuxã-hội-tính này chỉ tự-phấtvẽ lại bức tranh đén tối của các nạn nhân chiếnthanh, có lẽ tiền khởi không do hướng đẫnh bởi lý thuyếtvăn chương nào.

Rồi nhà văn vẫntiếp tục viết tự phấtvề sự trống vắng cô đơn: một chủ đề rất thường đượccập đếnthoại văn, nghĩa là không phải một chủ đề mới lạ. Nguyên nhân làm Hạnh, tên nhân vật, cảm thấy cô đơn cùnng cực vì có cái bứourơi cồ, cái bứour làm người con gái Hạnh yêu không muốncùng đi dự lễ; và Hạnh đầsẵn nớicô đơn từ thuở nhỏ vì là một đứatre mồ côi lang thang . Sự cô đơn ấy là một khoảng trống của cuộc đời, một bãi sa mạc trong cuộc sống, không người thân thích đầđánh số phận, mà đi tìm một người yêu cũnng bị lạnh nhạt. Nhà văn Dương Nghiểmm Mậukhông đầđào sâu thêm nớicô đơn của Hạnh. Bị sự lạnh nhạt của người mình yêu, Hạnh có ý nghĩ muốntự tử. Hạnh ra nằm ở đường xe lữa, đợi chuyếntàu qua cắtdứt cuộc đờitrong vắng lẽ loi. Nhưng Hạnh chặtnghĩ lại, tại sao mình không cắtcái bứour để may ra còn sống và lấp bỗ khoảng trống do nó gầyr. Ai giúp đở và tiền đầude vào bệnh viện, nên Hạnh can đắmvà liềulĩnh tự mình cắtlấy. Tuy Hạnh cũnng biết cẩn thậnvới băng vắicầm máu, dụng cụ tẩy trùng, thuốc men; nhưng vết cắtdầu quá làm anh ngắtdi. Người ta cấp cứu đầra anh vào bệnh viện, và bác sĩ cho biết cái bứour ấy là ung thư. Từ cái bứour làm đầunhức khoảng trống cô đơn đếncái bứour ung thư là một suy sụp qua một giai đạokhác, giai đạotuyệt vớng.Cốt truyện giản dị là như vậy. Nhà văn viết truyện đầosâu về nhữnghiếng suy tư nội tâm, nhữnghiếng suy nghĩ về xã hội xa lánh, về người mình yêu không đượcdáp ứng; tự khám phá sự hấthủi chính là để Hạnh nhận ra mình; nhận ra số kiếp mình phải chịu đựnng cô đơn, không thể trách ai: “Bao nhiềunămcô đơn của tuổi trẻ anh đầmang theo – tuổi trẻ của một đứabé mồ côi lang thang không biết la thét với ai, chỉ biết la thét với nhữnghiếng chuyếnxelữa chạy qua mỗi ngày, hú còi và phun khói... Khoảng trống bao la ấy đầubuồn, nhức nhối trích vào thân thể anh... Em đầchịu đựnng sự có mặt của anh, nhưng đếnbây

giờ em không còn đủ sức chịu đựng nữa – em lên tiếng, như đám đông lên tiếng cho anh nhận ra anh”. Rõ ràng nội dung, với thân phận mồ côi và cái bước quái ác, truyện viết có tính chất đi sâu vào những suy tư nội tâm, tự mình hiểu được nguyên nhân tại sao xã hội và người mình yêu đơn phương xa lánh. Nội dung truyện như vậy không phải mới lạ, ví dụ cuốn tiểu thuyết “Bước Trống” của Nhất Linh còn phong phú hơn nhiều với vài trăm trang dài vật nổi cô đơn của một người mang bệnh lao phổi, còn nhiều tình tiết hơn vì không phải chỉ là truyện tình đơn phương như trong “Niềm Đau Nhức Cửa Khoảnh Trống”. Dương Nghiễm Mậu viết tự phát nhưng có ý thức truyện sẽ đào sâu tâm lý về khoảng trống cô đơn vì cái bước cổ, cũng như Nhất Linh với ý thức viết truyện theo dõi những quanh co tâm lý, ứng phó có khi bất ngờ, của một bệnh nhân lao phổi đối diện với những suy sụp cuộc đời và cuộc tình. Nhưng truyện “Niềm Đau Nhức Cửa Khoảnh Trống” đã được Giáo sư Nguyễn Văn Trung diễn giải theo những chủ đề của Triết học Hiện Sinh, thành một giảng khóa cho sinh viên Đại Học Văn khoa Sài Gòn kể từ niên khóa 1961-1962, sau được in ra thành sách “Xây Dựng Tác Phẩm Tiểu thuyết”, do nhà xuất bản Tự Do ấn hành năm 1963 (?) (sách được kiểm duyệt tại Huế để cho phép ấn hành, năm 1962). Những chủ đề Triết lý Hiện Sinh du nhập từ Pháp và Đức, như: Hiện sinh Phi Lý (ta hiện diện trong đời này ngoài ý muốn của ta, có khi như một sự thừa thãi vô ích); Hiện sinh Phi lý nhưng ta có Tự Do (Tồn tại Hiện hữu không thể tránh, nhưng ta có quyền lựa chọn một cách ở đời vì đó là trách nhiệm của mỗi người); và Tiểu Thuyết Như Một Ý Thức (không cần nhiều tình tiết kết cấu thành truyện, chủ yếu dằng dặc độc thoại nội tâm). Cụ thể như cái bước là một thừa thãi vô ích, Hạnh đâu có muốn mà nó vẫn gắn liền với đời của anh. Rộng ra thì ta hiện diện trên đời này cũng là điều ngoài ý muốn của mình, cha mẹ gặp nhau rồi sinh ra ta. Số kiếp hạnh phúc hay cùng khổ đã an bài sẵn cho ta rồi; cũng như lẽ hiển nhiên phải chết của mỗi người là cái đã định (Être-à-la -Mort ; Being-unto-Death). Từ ngữ “Số phận” trong cảm nghĩ ngày xưa được diễn lại thành Hiện sinh Phi lý. Dương Nghiễm Mậu viết tự phát về một trường hợp số phận, biến thành truyện về sự Tồn Tại Thừa Thãi. Một ví dụ khác do diễn giải từ ý tưởng thông thường thành một chủ đề khác của Triết lý hiện Sinh: Hạnh nằm trên đường xe lửa để tự tử, sau đổi ý muốn tự mình cắt bỏ cái bước thay vì chết đi cho xong. Sự đổi ý ấy được diễn giải là Con Người Có Tự Do Lựa Chọn, có trách nhiệm với hành vi đời mình: một chủ đề của Triết lý Hiện Sinh về Tự Do và Trách Nhiệm, về Hữu-Tại-Thế (Être-au-Monde; Being-in-the-World). Và đây là một hệ-luận từ Triết Lý Hiện Sinh áp dụng vào truyện viết tự phát của Dương Nghiễm Mậu: truyện chủ định đào sâu tâm lý được diễn giải thành lối dàn trải cảm nghĩ, tất cả chỉ là độc thoại nội tâm, gồm thâu vào thuật ngữ “tiểu thuyết là ý-thức” thay vì “tiểu thuyết là kết cấu truyện”. Tóm lại, ta thấy có những tương đồng giữa xưa và nay, rốt cuộc chỉ là những thuật ngữ mới rọi sáng cho lối viết tự phát mà thôi. Xin lặp lại những diễn giải mới: - Cái bước bẩm sinh thành Tồn Tại Thừa Thãi -Đổi ý định tự tử sang ý định cắt cái bước thành chủ đề hiện sinh Tự Do và Trách nhiệm -Đang sống đời không muốn sống thành Hiện sinh Phi lý - Truyện đào sâu tâm lý thành Truyện Là Ý Thức - Từ mặc cảm bị đời xa lánh vì cái bước đến trạng thái tuyệt vọng kể cái chết vì ung thư, được diễn giải thành chủ đề “sự vong thân”, ta trở thành kẻ xa lạ với chính ta. Những dòng sau trình bày những diễn giải ấy, những rọi sáng bằng ngôn ngữ triết lý. Chắc nhà văn trước đây sáng tác cũng với những điểm tương tự như vậy. Nay họ có thể minh-bạch-hóa những tự phát mà từ lâu mình đã viết: “... Tiểu thuyết là trình bày kinh nghiệm nhận thức đó, là mô tả cuộc hành trình nhận định về cuộc đời của một nhân vật là chính tác giả. Tác giả suy nghĩ cuộc đời qua nhân vật là chính mình... cảnh vật sự vật không còn được mô tả như một khung cảnh... cảnh vật sự vật chỉ là công dụng, là dịp gây thức tỉnh... Không còn có tình tiết như sợi nút của câu chuyện... nhà văn chỉ là muốn trình bày sự đi tìm, thì làm gì còn tình tiết để kết thúc câu chuyện... dù tác giả dùng ngôi thứ nhất hay ngôi thứ hai thì cũng không thay đổi gì, vì nhân vật cũng vẫn là tác giả đối thoại với chính mình... nhân vật bây giờ là ý thức, ý thức phản tỉnh... thiết thực đời sống con người không trải ra theo một thứ tự nhất định. Trái lại thường là một sự hỗn độn, trà trộn với nhau giữa quá khứ và hiện tại, hay với tương lai... đập vỡ đồng hồ (một chi tiết trong truyện The Sound and The Fury của Faulkner) có ý nghĩa như một chống đối lại với thời gian khách quan tuần tự; bây giờ họ đã sa

cơ thất thế nhưng vẫn bám níu vào thời xưa, và sống bây giờ như thể mình vẫn giàu sang phú quý (đây là kỹ thuật viết đảo lộn niên lịch)... những sự kiện tương đối không liên tục và liên hệ được xếp gần nhau không theo thứ tự nào, nhưng theo thứ tự xuất hiện trước ý thức (đây là kỹ thuật viết đồng-xuất). Những đoạn trên trích trong cuốn sách “Xây Dựng Tác Phẩm Tiểu Thuyết”, từ trang 147 đến 152, do Xuân Thu tái bản năm 1990 tại California.

Qua đoạn viết trên đây, ta nhận ra có những điều trùng hợp giữa lối viết tự phát không theo hướng dẫn của lý thuyết văn chương nào; như nhân vật chính là hóa thân của tác giả (chẳng hạn nhân vật Thúy Kiều là hóa thân của Nguyễn Du; Nhất Linh chắc có để bóng dáng mình nơi các nhân vật trong “Đôi Bạn” và “Giòng Sông Thanh Thủy”); như tình tiết trong các truyện xưa có khi cũng giảm lược để chỉ là một dàn trải những suy tư nội tâm hay trực cảm huyền bí (chẳng hạn truyện “Chơi Giữa Mùa Trăng” của Hàn Mặc Tử nào có tình tiết gì ngoài những giao cảm với ảo-diệu dưới ánh trăng trên những cồn bãi cát trắng gần bờ biển. Và chẳng hạn như “Dòng Sông Định Mệnh” của Đoàn Quốc Sỹ đâu có tình tiết gì nhiều ngoài bóng dáng dòng sông có lúc trầm trở, có lúc thênh thang, có lúc hội nhập trùng dương, được lấy làm biểu tượng cho bốn ba đời người (bốn ba xuôi ngược vốn là kiếp sống nhiều người thường từng trải, đâu cần yếu tố phức tạp cho cấu trúc câu truyện). Tuy nhiên có những điều hoàn toàn mới như kỹ thuật viết đồng-xuất, như kỹ thuật viết đảo lộn niên lịch. Những điều này không hẳn thuộc Triết Lý Hiện Sinh mà tổng quát thuộc dòng văn học Hiện Đại của thế giới, được đề cập đến nhiều thời Văn Học Miền Nam trước 1975: gồm ảnh hưởng từ các tiểu thuyết của Marcel Proust (trong cuốn Đi Tìm Thời Gian Đã Mất); William Faulkner (trong cuốn Âm Thanh và Cuồng Nộ); Tân Tiểu Thuyết với các tác giả Michel Butor, Alain Robbe-Grillet, Nathalie Sarraute; kịch tân kỳ với Samuel Beckett... Lúc ấy sách báo ở Sài Gòn chưa nói nhiều đến các nhà văn còn ở mức độ hiện đại hơn nữa như James Joyce, Gabriel Garcia Marquez, Cao Hành Kiện... Từ những sách báo không ngớt đề cập đến Triết Lý Hiện Sinh và Tiểu thuyết Hiện Đại kể trên, chắc nhà văn Dương Nghiễm Mậu có ít nhiều chịu ảnh hưởng, và ta thấy ảnh hưởng đó ít nhất trong một truyện mà người viết bài này cảm thức được: truyện ngắn “Bên Sườn Núi Đá” đăng trong Tạp chí “thế Kỷ 20”, số 4, ấn hành tại Sài Gòn, tháng 10 năm 1960. Tuy là truyện ngắn chiếm 9 trang báo (khổ lớn hơn các Tạp chí văn chương cùng thời kỳ), nhưng truyện ngắn này có thể phân tích thành 5 truyện nhỏ nhỏ và xen kẽ nhau thành 8 tiểu đoạn. Các truyện nhỏ xen kẽ nhau như sau: truyện Trình và ông Hai làm nghề biển đang làm việc bên sườn núi đá; truyện ông Hai và đội lính kèn; truyện Trình và vợ con; truyện ông Hai và gia đình; truyện ông Hai và con trai lớn đôi co về nghề đi biển. Và 8 tiểu đoạn xen kẽ nhau như sau: Mở đầu truyện với bối cảnh Trình và ông Hai đang ngồi trong chòi lá tạm bợ bên sườn núi đá sát bờ biển, ngoài trời cả tuần đang mưa bão nên họ không đi biển được để đánh cá ướp muối phơi khô bán cho khách hện. Để bớt nôn nóng âu lo, ông Hai ngồi đọc bộ sách “Tam Quốc” bên đống lửa; còn Trình thì ngồi bất động kể bên, nhớ vợ nhớ con đang ở một nơi xa... Tiểu đoạn thứ nhì: Cảnh xưa kia ở sườn núi đá này có một trại lính trấn giữ coi sóc hải phận, nhờ đó có mở một con đường ven sườn núi mà mỗi tuần mới có xe lương thực và thư từ đến với đội lính trấn thủ. Ông Hai từng là lính kèn thuộc ban quân nhạc của trại binh trong một thành phố, lúc ấy ông cũng đã hơn sáu mươi tuổi. Về sau, ông yếu hơi, nên được phái ra trại lính trấn thủ ven biển này, chỉ để làm công việc thổi kèn đánh thức đám lính để ngủ quên ven bờ biển lạnh; ngoài ra còn thổi kèn như đồng hồ tập hợp lễ chào cờ, báo phiên gác, báo giờ ăn giờ ngủ. Tiếng kèn của ông yếu vì tuổi đã khá già. Rồi trại binh bị gỡ bỏ vì ở đây không còn cần thiết cho canh phòng. Nhưng ông Hai không muốn rời bờ biển núi đá, dường như nó gắn bó tâm hồn bí ẩn gì đó của ông. Ông già từ đời lính, đến chòi lá này của Trình để cùng làm nghề đánh bắt cá biển. Và ông cũng tiếp tục thổi kèn, nhưng bây giờ là “kèn miệng” chỉ để đánh thức Trình những khi còn thèm ngủ buổi sáng sớm: “Tiếng kèn sáng nào cũng như sáng nào vọng lên: tò tí te, tò tí te, te te tò tí te tò, te te tò tí te tò”... Tiểu đoạn thứ ba: Ông Hai vẫn ngồi bên đống lửa. Than lửa nóng làm ông nhớ đến trường đồn, nghĩ đến bấp rang ông trường đồn phân phát cho đám lính ở trại. Đoạn này có những câu đối thoại ngắn trao đổi giữa ông Hai và Trình, qua đó ta biết về gia cảnh của Trình;

biết vợ Trình rất ái ngại nghề đi biển của Trình. Tiểu đoạn thứ tư: Ông Hai lại lật tìm chỗ đọc bỏ dở trong cuốn “Tam Quốc”. Cuốn sách già bằng tuổi ông trưởng đồn, so sánh này khiến ông Hai một lần nữa nhớ đến trại lính và những công việc nhàn rỗi của ông trưởng đồn khi xưa: như ký giấy đi phép cho vài người; chơi cờ tướng; làm thơ rồi ngâm vịnh; đọc cuốn sách Tam Quốc này đây vì nó là cuốn sách gối đầu giường trước khi cho ông Hai làm kỷ niệm. Ông lại nhớ hồi trại gỡ bỏ, các bạn lính khác vui mừng vì được giã từ biển, còn ông có bí ẩn gì mà lại thích biển và tìm cách ở lại. Đến đây là lúc nói về gia cảnh của ông Hai: quê hương ông ở vùng núi non đất đỏ mạn ngược, nhiều người như mẹ ông chưa từng thấy biển bao giờ, chỉ biết biển qua những con cá mắm từ miền xuôi đưa lên. Nhưng có tiếng biển gọi trong tâm hồn của ông, mơ hồ như bụi sóng... Tiểu đoạn thứ năm: Sáng sớm, thay vì ông Hai, Trình bắt chước thổi kèn miệng để đánh thức ông già. Lần đầu tiên ông Hai thốt ra lời tự trách mình: “Vô dụng, thật vô dụng”. Biển vẫn còn động mạnh. Trình hé lộ ý nghĩ lo lắng, biết đâu có đêm ngủ quên bị sóng lớn tràn ngập đem tất cả ra biển. Chợt ông Hai thấy một xác thuyền tấp bờ, kẹt vào hốc đá trong đêm. Thuyền còn chắc, nhưng trống trơn. Nhìn kỹ thì thấy còn một cái mũ dạ ướt sũng. Ông Hai ngắm nghía, nói nó giống cái mũ dạ của thằng Khôi, con ông. Tiểu đoạn thứ sáu: Trình thắc mắc sao từ lâu ông Hai tỏ lộ ông không có đứa con nào. Đến đây là lúc nói rõ hơn về gia cảnh của ông Hai: khi xưa ông là thủy thủ, có vợ có con, nhưng ông yêu biển hơn gia đình; thường ra đi xa vợ con. Ông không ưa đời sống nơi đất liền vì thường thấy có những va chạm nhỏ nhặt giữa người với người. Ông vui đời thủy thủ, nghĩ rằng cứ lãnh lương gửi về cho vợ con là đủ bổn phận. Rồi một ngày kia, sau một thời gian đi quá lâu trở về, ông mới biết vợ đã mất, có lẽ vì bệnh nhưng sâu xa là do ông bỏ bê xa lánh gia đình. Con ông là thằng Khôi sống với bà ngoại. Ông quyết định giã từ nghề đi biển làm hại gia đình, và đem con lên sinh sống với nghề thư ký ở vùng thật xa biển, nơi mạn ngược. Tiểu đoạn thứ sáu: Con trai ông lớn lên, dần dần tỏ ra bướng bỉnh, không muốn cưới vợ sống yên vui gia đình. Nó thích đọc sách, ham hội họp với bạn bè, và thêm những chuyến đi xa. Nó mang dòng máu giang hồ giống như ông. Tiểu đoạn này có những đối thoại đôi co giữa hai cha con, một bên khuyên răn con đừng mộng tưởng phiêu lưu, một bên nói cha làm thui chột ý chí phải làm một điều gì khác thường hơn đời sống an phận. Và thằng Khôi quyết định vào ngành hải quân. Trước khi nó đi vào cuộc sống lên đèn hải hành, ông cho nó một cái mũ dạ để làm kỷ vật nhớ cha già. Nó đi biệt, bao lâu nay không biết tin. Tiểu đoạn thứ bảy: Lý do do ông Hai bỏ nghề thư ký ở mạn ngược, xin vào đội lính kèn, vì ông thấy cô độc, muốn sống đời sống có đồng đội thay thế cho gia đình mà vợ con không còn nữa. Ông trở lại niềm yêu thích biển tiềm ẩn trong máu huyết, nên khi trại lính gỡ bỏ, ông muốn ở lại bờ biển có chòi lá của Trình... Ở tiểu đoạn này, ông Hai để bộc lộ tâm hồn lúc nào cũng mãi hoài vọng một điều gì. Xưa là hoài vọng một kiếp sống giang hồ, coi thường cuộc đời yên vui. Mới đây, khi nhặt được cái mũ dạ trên con thuyền tấp vào hốc đá, ông cứ hoài vọng tin rằng con trai ông không chết đâu. Bây giờ, khi Trình nóng lòng không thể đợi bót cơn biển động và ra khơi đánh cá một mình, và ông Hai cũng lại hoài vọng tin rằng Trình sẽ đánh được cá thật kết quả. Ông đốt lửa nhiều ngày nữa trong mưa bão, hết củi nhen lửa, ông xé từng tờ trong bộ sách “Tam Quốc” để nuôi ngọn lửa, ngòi mà hoài vọng Trình sẽ thành công. Tiểu đoạn này, ta thấy có vẻ không thực lắm, chỉ như một biểu tượng, một bức họa tượng trưng nói lên ý chí muốn thắng nghịch cảnh của con người. Và tiểu đoạn thứ tám: Trái với ý chí nhất định thắng của con người, sự thật trong nhiều trường hợp thì ta không thể vượt nổi thiên nhiên, như trường hợp biển đã xóa bỏ dấu vết ông Hai cùng chòi lá trên bờ biển, còn Trình thì mãi không thấy trở về. Tác giả kết thúc ở cuối truyện như sau: “Sau mùa biển động ít lâu, có một chiếc xe theo con đường độc đạo ra ven sườn núi đá – người ta theo lời hẹn tới lấy cá, nhưng khi những người lái buôn tới nơi thì không thấy dấu vết gì tỏ ra rằng ở đó có bàn chân người đã đặt đến. Sườn núi đá vẫn khô cằn làm lỳ, biển vẫn màu nâu. Bọn lái buôn nguyên rủa quay xe, có kẻ nói lớn: - Tụi khốn kiếp thế mà dám giao hẹn”.

Từ lối viết tự-phát tương đồng với những chủ-đề Triết Lý Hiện Sinh, nhà văn Dương Nghiễm Mậu chắc đã có đôi chút chịu ảnh hưởng, sau khi có người phân tích những nét tương đương, rồi đọc thêm những tài liệu ngoài cuốn “Xây Dựng Tác Phẩm Tiểu Thuyết”. Qua đó, nhà văn tiếp cận thêm những lý thuyết văn chương hiện đại như Tân Tiểu Thuyết, Viết Theo Dòng Ý Thức Hỗn Tạp của William Faulkner, viết theo kiểu Đồng-Xuất Hiện-Tại Quá-Khứ của Marcel Proust hoặc của Ernest Hemingway, và có lẽ ông đã áp dụng. Vậy thiển nghĩ ở truyện ngắn “Bên Sườn Núi Đá”, ông không viết tự-phát mà theo lý thuyết văn chương. Truyện ngắn “Bên Sườn Núi Đá” theo thiển nghĩ gần với cách viết “Đồng Xuất Thời Gian” hơn là “Hỗn Tạp Theo Dòng Ý Thức”. Bởi vì truyện ngắn này theo phân tích gồm có 5 truyện nhỏ xen kẽ nhau trong 8 tiểu đoạn, khi thì từ hiện tại nhắc đến quá khứ, khi từ quá khứ sức trở về hiện tại, tuy vậy chúng không hỗn tạp mà có sự chuyển mạch để đổi thời điểm. Ta lần lượt thấy 4 lần chuyển mạch: Mở đầu truyện với bối cảnh ông Hai và Trình ngồi trong chòi lá ven sườn núi, đợi hết mưa bão đang làm biển động. Tiểu đoạn này được chuyển mạch với câu: “Vào những tháng trước chàng (Trình) chỉ có một mình”, chuyển mạch như vậy để bắt vào truyện tại sao có thêm ông Hai (bởi sau khi trại lính không còn, ông Hai ở lại với bờ biển này thay vì về với gia đình như các bạn cùng trại lính). Ở đoạn ông Hai và Trình đối thoại qua lại vài câu ngắn, qua đó Trình nói về gia cảnh của mình, dự định đặt tên cho con, cùng ý nghĩ chỉ ra làm một thời gian ngắn, mong có được một số tiền bán cá, rồi sớm về với vợ con. Thấy ở đoạn này, lúc Trình tự lự miên man, ông Hai lấy cuốn “Tam Quốc” ra đọc, và câu chuyển mạch viết như sau để bước qua tiểu đoạn nói về công việc của ông trưởng đồn: “Nó (cuốn sách) già như ông trưởng đồn khi xưa”. Và để chuyển mạch nói về gia cảnh làm thư ký thuê nào ở mạn ngược, nhà văn Dương Nghiễm Mậu cho xuất hiện cái mũ dạ trong con thuyền trống không tấp vào hốc đá sau đêm mưa bão. Sau cùng, để báo trước chủ đề con người như ông Hai (và con ông) có bản chất mãi hoài vọng và muốn chiến thắng một điều đã hằn nếp trong tâm tưởng, rồi rốt cuộc là thất bại, được chuyển mạch bằng câu chuẩn bị: “Ra ở với anh là tôi muốn vật lộn với biển”... Tóm lại, ta thấy nhà văn Dương Nghiễm Mậu viết truyện theo lối tự phát và cũng có nương theo lý thuyết văn chương. Xin nhắc lại: Nhà văn Dương Nghiễm Mậu viết truyện “Bên Sườn Núi Đá” theo lối “Đồng-xuất Quá khứ Hiện-tại” hơn là viết theo “Dòng Ý-Thức Hỗn-Tạp”.

*(City of Walnut, California, tháng 11 năm 2012)*